

VN
ĐC 1107
200

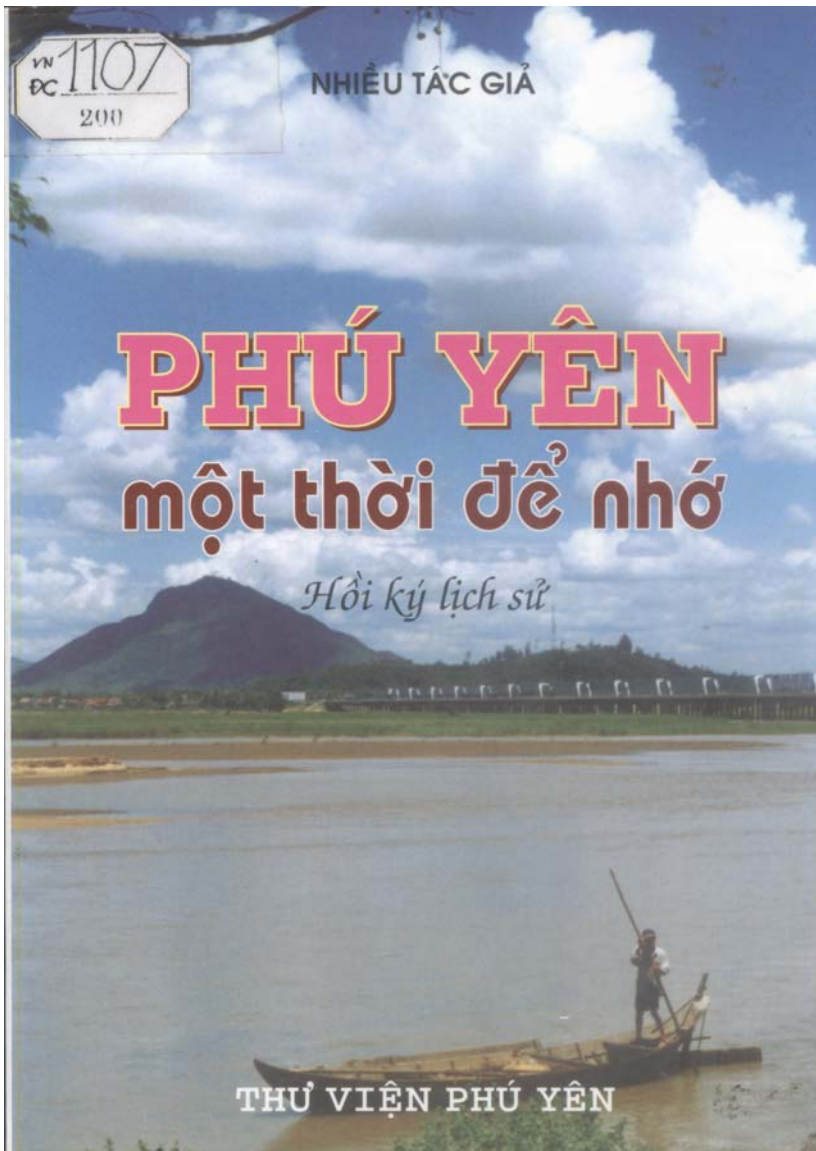
NHIỀU TÁC GIẢ

PHÚ YÊN

một thời để nhớ

Hồi ký lịch sử

THƯ VIỆN PHÚ YÊN



LỜI GIỚI THIỆU

Đảng bộ và nhân dân Phú Yên có truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng hết sức vẻ vang. Đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954) và kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), chúng ta đã vượt qua biết bao hy sinh, gian khổ, lập nên những kỳ tích anh hùng, những chiến công oanh liệt, góp phần xứng đáng vào thắng lợi to lớn của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Những sự kiện lịch sử, những chặng đường cách mạng hào hùng trong suốt cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trường kỳ, gian khổ và ác liệt cần phải được ghi chép lại một cách đầy đủ để cho các thế hệ tiếp nối hiểu rõ về công lao và sự hy sinh to lớn của các thế hệ đi trước, hiểu rõ giá trị vô cùng cao quý của Hòa bình - thống nhất - độc lập - tự do. Giá trị này chính là tài sản tinh thần vô giá, nhất thiết phải được phát huy trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện điều đó, ngoài nhiệm vụ của các cơ quan khoa học lịch sử thì rất cần phải có sự tham gia của nhiều người, đặc biệt là các đồng chí lão thành Cách mạng - những chứng nhân quan trọng của lịch sử, những nguồn sử liệu vô cùng phong phú và sinh động. Tư liệu hoá nguồn sử liệu sống ấy là một yêu cầu cấp thiết

Vì vậy tôi rất hoan nghênh Thư viện tỉnh đã tổ chức cuộc hội thảo với chủ đề Phú Yên một thời để nhớ. Qua đó chúng ta có được những hồi ký lịch sử vô cùng quý giá của các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo các cấp của tỉnh trong thời kỳ chiến tranh và một số tác giả khác. Phú Yên một thời để nhớ bản thân nó chưa phải là một tác phẩm văn chương. Do đó, nó có thể hạn chế về mặt giá trị văn học, nhưng về mặt giá trị lịch sử thì đây thật sự là những tư liệu hết sức quý giá đối với chúng ta. Trong các hồi ký này, có nhiều vấn đề, nhiều sự kiện lịch sử được trình bày một cách chân thực, rõ ràng, sinh động và sâu sắc.

Tập hồi ký lịch sử Phú Yên một thời để nhớ đã góp phần phản ánh rõ về cuộc kháng chiến giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước, về quá trình đấu tranh cách mạng vẻ vang của Đảng bộ cùng quân và dân tỉnh Phú Yên.

Tôi chân thành cảm ơn các đồng chí đã dành nhiều công sức và tâm huyết để viết nên tập Hồi ký lịch sử này. Việc làm của các đồng chí thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Xin trân trọng giới thiệu với các đồng chí và đồng bào tập Hồi ký lịch sử Phú Yên một thời để nhớ

Nguyễn Thành Quang
Bí thư tỉnh ủy Phú Yên

Nguyễn Duy Luân
Nguyên Bí thư Huyện ủy Tuy Hòa
giai đoạn 1963-1965

**ĐỒNG KHỞI HÒA THỊNH NGÀY 22-12-1960
ĐIỂM MỞ ĐẦU CHO PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG
CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG LIÊN KHU V**

Đầu năm 1959, Hội nghị Ban chấp hành TW Đảng lần thứ 15 đã xác định đường lối và phương hướng cách mạng cho miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới:

“Nhiệm vụ cơ bản của Cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam thoát khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện Độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng Dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Nghị quyết nhấn mạnh con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Trong những năm 1959 - 1960, con đường đó là “Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Về phương châm đấu tranh, Nghị quyết Khu ủy V nêu rõ: “Nắm vững hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu, đồng thời kết hợp với hình thức đấu tranh vũ trang để hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị”.

Vận dụng Nghị quyết 15, Tỉnh ủy Phú Yên chủ trương “Diệt một số tên ác ôn đầu sỏ, có nợ máu với nhân dân để trấn áp địch và xây dựng căn cứ miền núi, rút thanh niên tổ chức lực lượng vũ trang, phát triển phong trào đồng bằng, kiện toàn tổ chức, phát triển Đảng, lập thêm một số chi bộ xã.”

Thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phương châm đấu tranh của Khu ủy V và chủ trương của Tỉnh ủy Phú Yên có nghiên cứu kinh nghiệm “đồng khởi” tỉnh Bến Tre. Huyện ủy Tuy Hòa chủ trương bước đầu.

Đêm 23/10/1960, diệt tên ác ôn có nợ máu Nguyễn Y Chi - cảnh sát quận Hiếu Xương, kiêm cảnh sát xã trưởng xã Hòa Mỹ; đã từng đàn áp, khủng bố nhân dân, phá hoại phong trào cách mạng ở Hòa Mỹ.

Đêm 15/12/1960, diệt tên Nguyễn Ân - Thôn trưởng thôn Phước Giang ở Hòa Xuân, tuy chức vụ không lớn nhưng là một tên lợi hại nằm trên trục hành lang và cửa ngõ căn cứ miền Đông. Tên Ân thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc đi lại tiếp tế của nhân dân, cản trở phong trào cách mạng ở vùng ven biển.

Sau 2 lần diệt Tê - Ngụy đứng vào bọn gian ác, có nợ máu với nhân dân, nhân dân trong huyện rất vui mừng phấn khởi, ảnh hưởng chính trị trong toàn tỉnh lan rộng rất nhanh. Ta tiếp tục gửi thư, rải truyền đơn cảnh cáo một số tên tay sai khác trong toàn huyện... Qua đó, bọn Tê - Ngụy ở cơ sở phân hóa rõ rệt. Số ngoan cố bám chân bọn bên trên và quân đội đi vào quận, tỉnh ngủ. Số cầu an lung chùng ra sức thanh minh, không làm hại cho nhân dân. Số có quan hệ tốt với gia đình cách mạng làm đơn xin đầu thú và hứa đi học cải tạo, không làm tay sai cho địch.

Tranh thủ thời cơ và khí thế cách mạng của quần chúng trong huyện đang bùng bùng dâng lên, Tỉnh ủy giao nhiệm vụ cho huyện Tuy Hòa chọn một xã làm điểm phát động quần chúng nổi dậy đánh đổ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân (nay gọi đồng khởi).

Bước 2: Huyện ủy mở hội nghị toàn huyện ngày 17/12/1960, tại căn cứ “Sát cầu tử” để nghiên cứu chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy chọn xã nào làm “đồng khởi” đầu tiên.

Sau khi nghe báo cáo toàn bộ tình hình địch - ta trong toàn huyện (có quan tâm yêu cầu bảo vệ căn cứ an toàn trong bất kỳ tình huống nào), Huyện ủy quyết định chọn xã Hòa Thịnh làm điểm.

Vì Hòa Thịnh là xã giáp núi, có thể tiến công và phòng thủ tốt nên Huyện ủy đã chọn làm căn cứ của huyện. Khi phát động cuộc đấu tranh mạnh mẽ, địch sẽ khủng bố, sẽ đàn áp nhưng bất cứ tình

hướng nào Hòa Thịnh cũng phải giữ vững được phong trào cách mạng, duy trì được tổ chức cơ sở Đảng, giữ được cơ sở tiếp tế, liên lạc .v.v... Đây là sự tính toán cân nhắc nhiều thì giờ của Huyện ủy.

Địch lúc này ở Hòa Thịnh có một đại đội Bảo an có lúc đóng tại xã, có lúc đi lưu động đến xã khác, nhưng chủ yếu là Hòa Thịnh có đủ mâm TÊ, có trung đội dân vệ trang bị đầy đủ vũ khí do Đào Công Văn - Cảnh sát trưởng kiêm Trung đội trưởng dân vệ (Đào Công Văn là bộ đội Nam tiến năm 1946. Khi đi tập kết, Văn xin ở lại làm ăn với vợ).

Nhân dân Hòa Thịnh có 3000 người, sống tập trung vào các thôn Mỹ Xuân, Mỹ Phú, Mỹ Trung, Mỹ Hòa, Phú Hữu, Mỹ Điền, Cảnh Tịnh. Nhân dân có truyền thống đấu tranh cách mạng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nông dân đã nổi dậy đòi giảm tô, giảm tức mạnh mẽ; đã từng nuôi dưỡng cán bộ, bộ đội ở các chiến trường Bắc Khánh, Tây Nguyên; đã từng đấu tranh chống trung cầu dân ý, truất phế Bảo Đại ngày 23/10/ 1954 và chống cuộc bầu cử quốc hội của Mỹ - Diệm; đấu tranh tập thể đòi dân sinh, dân chủ, đòi đáp đập, đòi đi lại làm ăn, chống bắt ngủ tập trung.v.v... Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, địch đã từng bắn phá hủy diệt xóm làng. Sau hòa bình lập lại, Mỹ - Diệm đã bắt và thủ tiêu hầu hết số cán bộ chủ chốt của xã. Số còn lại - đày đi Côn Đảo bỏ tù. Chúng quản thúc tập trung tất cả Đảng viên và các gia đình có người tập kết ra Bắc. Địch càng khủng bố, đàn áp, nhân dân càng căm thù, không chịu khuất phục.

Tổ chức cơ sở Đảng ở đây vẫn tồn tại và phát triển. Cha bị bắt bỏ tù, con tiếp tục hoạt động. Chồng bị bắt, vợ ở nhà tiếp tục tiếp tế, nuôi giấu cán bộ hoạt động. Đảng viên bị quản thúc tập trung, thanh niên và gia đình tập kết tiếp tục hoạt động. Người này ngã xuống, người khác đứng lên. Chi bộ Đảng ở các thôn: Mỹ Xuân, Mỹ Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Điền vẫn tồn tại. Các thôn còn lại có Ban Cán sự hoạt động, có chi đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng; có tổ chức đoàn thể Phụ nữ, Nông dân; có cơ sở cốt cán nắm quần chúng trung kiên và gia đình binh lính tốt, đã từng tham gia đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

Lực lượng thanh niên tham gia trong các cuộc đấu tranh của quần chúng tích cực sẵn sàng thoát ly tham gia công tác Cách mạng nếu Đảng có chủ trương và tiếp nhận.

Đặc biệt, có cơ sở nội tuyến nằm trong lực lượng vũ trang của địch. Đó là Đào Công Văn - Cảnh sát trưởng kiêm trung đội trưởng dân vệ và Nguyễn Mã - Trung đội phó dân vệ. Họ sẵn sàng thực hiện theo yêu cầu của Cách mạng.

Về ta :

- Lực lượng vũ trang của huyện có 3 đội vũ trang mới thành lập ở: Miền Đông, Miền Trung, Miền Tây (21 người) đã từng vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá kềm, có tinh thần chiến đấu cao. Cán bộ cơ quan có 15 người đã qua rèn luyện thử thách chiến đấu, công tác rất hăng hái, một số được trang bị súng ngắn.

- Tỉnh hỗ trợ một tổ vũ trang chiến đấu, được huấn luyện và trang bị vũ khí để tham gia diệt ác, phá kềm (4 đồng chí).

Sau khi soát xét và cân nhắc các mặt, Huyện ủy hạ quyết tâm định ngày “đồng khởi” và gấp rút chuẩn bị nội dung yêu cầu của “đồng khởi” là phát động quần chúng nổi dậy đánh đổ Ngụy quyền,

giành chính quyền về tay nhân dân; cho nên chuẩn bị lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, có lực lượng vũ trang hỗ trợ, có thanh niên thoát ly để xây dựng lực lượng vũ trang, có động viên được tài vật lực để phục vụ cho việc phát triển lực lượng mới.

Để đảm bảo cuộc “đồng khởi” đầu tiên chắc chắn thắng lợi, Thường vụ Huyện ủy phân công đồng chí Nguyễn Duy Luân - Ủy viên Thường vụ cũng là người phụ trách địa bàn xuống kiểm tra toàn bộ tình hình và trực tiếp gặp cơ sở nội tuyến, bố trí kế hoạch chặt chẽ, chu đáo, bí mật, đánh giá khả năng quần chúng nổi dậy, lực lượng thanh niên thoát ly, lương thực, thực phẩm huy động được v.v... trong thời gian ngắn nhất để có quyết định cuối cùng.

Các bộ phận cơ quan tổ chức hợp đồng với các xã lân cận hoạt động cùng tham gia với trọng điểm để căng kéo địch.

-Hòa Mỹ làm một bè chuối có hình nộm Diệm và cờ ba que đỏ nhào; có cờ đỏ, sao vàng của ta; có pháo hẹn giờ đến sáng phải nổ; có truyền đơn, biểu ngữ; có danh sách bọn ác ôn từng xã và tội ác từng tên nêu trong bản cáo trạng để cảnh cáo chúng. Bè được thả trên sông Bến Trâu (Hòa Mỹ), vừa đến sáng phải tới Bến Củi (Hòa Thịnh - Hòa Mỹ) để nhân dân xem.

- Hòa Tân, Hòa Đông cũng làm một bè chuối tương tự như Hòa Mỹ. Bè được thả từ sông Bến Sách (Hòa Tân) trôi xuống cầu Bàn Thạch đúng sáng cho pháo nổ để nhân dân xem.

- Hòa Hiệp thì rải truyền đơn, dán áp-phích, phát loa tuyên truyền, kêu gọi nhân dân hưởng ứng phong trào Cách mạng của huyện.

- Chuẩn bị phục vụ tại chỗ. Hòa Thịnh phải mua: 2 đèn măng-sông để thắp sáng, có cờ đỏ, sao vàng, có truyền đơn, khẩu hiệu, biểu ngữ, có danh sách bọn ác ôn, có cáo trạng từng tên để cảnh cáo chúng. Lúc này, ta chỉ có vài cây súng ngắn và vài cây súng 86, 93 vừa diệt ác tước của dân vệ Hòa Mỹ cho nên phải mua thật nhiều pháo dây, pháo tống. Pháo dây nổ giống tiếng súng tiểu liên. Pháo tống nổ thay cho tiếng lựu đạn. Đèn pin bao giấy bóng màu đỏ để phân biệt đèn pin ta và đèn địch. Đồng thời cũng là tín hiệu để liên lạc với nhau. Làm loa cuốn giấy để tuyên truyền. Chuối cây bao nilon để giả súng cối 60-81. Xưng hô với nhau - lấy tên đơn vị 377 và 375 của đơn vị bộ đội địa phương cũ trong chống Pháp để nghi binh.

Ngày 22/12/1960, Văn phòng cơ quan Huyện ủy dời xuống gộp đá trên hóc “Cây Quăng” để vừa tổ chức quan sát vừa theo dõi động tĩnh trong ngày; tổ chức cuộc họp cuối cùng để hợp đồng chiến đấu, dự kiến tình huống chiến đấu, tín hiệu liên lạc với nhau.

Tổ chức 3 cánh và nhiệm vụ của mỗi cánh như sau;

- Cánh thứ nhất: Đột nhập vào trụ sở xã, đánh cho được trung đội dân vệ, thu toàn bộ vũ khí, tổ chức Metting tại sân trụ sở.

- Cánh thứ 2 đột nhập vào nhà tên Nguyễn Khái - đại diện xã ở thôn Mỹ Trung bắt cho được tên Nguyễn Khái.

- Cánh thứ 3 đột nhập vào nhà tên Nguyễn Tín phó đại diện xã ở thôn Phú Hữu, bắt cho được hán và thu toàn bộ giấy tờ, tiền bạc ngân quỹ của địch đưa về trụ sở xã.

Mỗi cánh có trang bị một búa tạ để phá cửa vào bất ác ôn tề nguy. Khi đi, gặp địch thì nổ súng, đốt pháo nổ giả súng; không gặp địch thì khi đột nhập vào nhà chỉ bắn chỉ thiên và đốt pháo giả súng. Không được bắn đạn thật để tiết kiệm đạn, phòng khi đối phó với địch đông. Các cánh khi làm xong nhiệm vụ, tắt cả đèn pin màu đỏ đều bật và quay vòng trời để báo hiệu chiến thắng, phát loa tuyên truyền, rải truyền đơn, đốt pháo và đi dọc đường lớn, dọn đường để nhân dân kéo về trụ sở xã mitting.

Đúng như kế hoạch đã định, ngày 22/12/1960, 3 cánh quân đều xuất phát từ học “Cây Quăng”, đến gò mả voi Mỹ Phú để liên lạc với hộp thư cơ sở địch tình, báo cáo tình hình trong ngày lần cuối và xuất phát từng cánh:

- Cánh thứ nhất do đồng chí Lê Xuân Mai - Bí thư Huyện ủy phụ trách, có đồng chí Huỳnh Lưu - phái viên của tỉnh cùng đi, phát triển đến trụ sở xã, nổ súng đánh vào trung đội dân vệ như kế hoạch. Tên Ngọc - Trung đội phó ngoan cố chống cự, bị bắn chết tại chỗ. Ta truy lùng, bắt số đầu hàng và thu vũ khí, tổ chức canh gác và chuẩn bị sân khấu, trang trí cho cuộc mitting.

- Cánh thứ 2 do đồng chí Nguyễn Duy Luân - Ủy viên Thường vụ Huyện ủy phụ trách, phát triển đến Mỹ Trung, đột nhập vào nhà tên Nguyễn Khái. Tên Khái đang bị ốm nặng nên tha tội chết và không bắt đến trụ sở. Gia đình Khái làm cam đoan hứa hẹn sáng ngày sẽ đưa Khái đi chữa bệnh và nhất quyết không làm tay sai cho Mỹ-Diệm nữa.

- Cánh thứ 3 do đồng chí Bùi Tân - Ủy viên Thường vụ phụ trách, phát triển đến thôn Phú Hữu, đột nhập vào nhà Nguyễn Tín - Phó đại diện, bắt hấn và thu toàn bộ con dấu, tài liệu, tiền quỹ của xã mang về trụ sở xã để mitting.

Tất cả 3 cánh đều hướng về trụ sở xã. Phía sau là hàng ngàn đồng bào các thôn: Mỹ Điền, Mỹ Hòa, Mỹ Xuân, Mỹ Phú, Phú Hữu, Mỹ Cảnh, Cảnh Tịnh và một số nhân dân ở xã Hòa Mỹ. Họ lần lượt xuống đường, tay cầm đèn gió, cây gậy, kéo về trụ sở để dự mitting.

Tại địa điểm Metting, hàng chục ngọn đèn măng xông thấp sáng một góc làng. Sân khấu được trang trí cờ đỏ, sao vàng - lá cờ mà mấy năm nay địch bắt nhân dân ta xé và không cho nhân dân treo, các khẩu hiệu phát động, kêu gọi nhân dân vùng lên đánh đổ Nguy quyền Mỹ - Diệm giành chính quyền về tay nhân dân. Sau một giờ, hàng ngàn quần chúng tập trung tại sân trụ sở, tay bắt mặt mừng. Vợ tìm chồng, cha mẹ tìm con, anh tìm em. Người người chen lấn nhau, xem ông Cách mạng, ông Cộng Sản mà lâu nay kẻ địch đã tuyên truyền láo khoét : “Mười tên Cộng Sản đeo một tàu đu đủ không gãy”, vì đỏi khác, rách rưới.v.v..

Đúng 1 giờ sáng, cuộc mitting bắt đầu. Đồng chí Lê Xuân Mai - Bí thư Huyện ủy đứng lên vạch tội ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai - âm mưu phá hoại hiệp định Giơnevơ, tàn sát khủng bố đồng bào ta, giết hại cán bộ Đảng viên, trả thù những người kháng chiến cũ, cướp giật quyền lợi, ruộng đất của nhân dân ta giành được trong kháng chiến v.v... Tức nước vỡ bờ ! Hôm nay nhân dân ta nổi dậy lật đổ chính quyền tay sai của Mỹ- Nguy, giành chính quyền về tay nhân dân; dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam, nhất định Cách mạng miền Nam sẽ thắng ! Nhân dân Hòa Tịnh, nhân dân huyện Tuy Hòa sẽ giành thắng lợi. Thanh niên hãy thoát ly, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng bào ta hãy đóng góp nhân tài vật lực để phục vụ cách mạng ngày càng lớn mạnh. Đưa tên Nguyễn Tín - Phó đại diện xã ra trước nhân dân để hỏi tội. Tuyên bố xóa bỏ Nguy quyền tay sai.

Tên Tín quỳ trước nhân dân thú tội và xin tha tội chết. Y hứa không bao giờ làm tay sai cho địch nữa, xin khoan hồng cho y một lần. Nhân dân hô vang các khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc Mỹ và bọn bù nhìn tay sai ! Cách mạng miền Nam Việt Nam nhất định thắng lợi ! Nhân dân xã Hòa Thịnh hãy đứng lên tự giải phóng cho mình”. Hàng chục cánh tay xung phong đưa lên. Hàng chục thanh niên ùa lên khán đài xin thoát ly, gia nhập quân Giải phóng. Có người đã chuẩn bị đầy đủ áo, quần, võng, nilon đi mưa, giày dép. Có người chưa kịp chuẩn bị nên cha mẹ, anh em, vợ con phải chạy về nhà chuẩn bị hành lý, đem đến cuộc mítting để cho người thân lên đường. Tuy có bất ngờ nhưng cha mẹ, anh em, người yêu họ vui vẻ tiễn nhau, hẹn hò, thề cùng với núi, sông Hòa Thịnh “Quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ ! Nhân dân Hòa Thịnh quyết giữ mảnh đất này - “Một tác không đi, một ly không rời”. Sau đó, số người thoát ly đến nhận lương thực, thực phẩm để lên đường.

Đúng 2 giờ sáng, cuộc mítting kết thúc nhưng nhân dân vẫn quần quít bên nhau với các anh chị em cách mạng và số thanh niên mới thoát ly, không chịu giải tán. Khi lực lượng cách mạng bắt đầu hành quân, nhân dân chia thành nhiều hướng, thôn nào về thôn nấy, kể nói người cười rộn rã. Tiếng pháo ở các bè chuối “Bến Củi”, “Bến Xương” Hòa Tân bắt đầu nổ. Bọn Tề - Ngụy ở các xã này tưởng bộ đội cách mạng tấn công về đây nên hoảng hốt, tán loạn. Nhân dân kéo nhau đi xem khen ngợi “Cách mạng thật tài tình”. Người đi dự mítting, người đi xem bè chuối kể chuyện cho nhau nghe đến sáng, không ngủ.

Trời đã sáng hẳn. Mọi người, mọi gia đình vẫn ra đường đi lao động bình thường...nhưng lòng nơm nớp e ngại, không hiểu địch sẽ làm gì ? Mỗi người tự suy nghĩ cách đối phó với chúng như thế nào để chủ động đấu tranh !

- Địch từ thị xã Tuy Hòa lệnh cho một đại đội Bảo an, lần mò từng bước kéo lên Phú Thứ rồi Phú Nhiêu để dò la nắm tin tức xem Bộ đội chủ lực khi đêm về Hòa Thịnh đông không ? Rút chưa ? Làm gì ở Hòa Thịnh ? Đến 9 giờ 30 chúng mới mò đến Hòa Thịnh. Lần này, không có đầy đủ mâm Tề ra đón tiếp chúng và cũng không còn trung đội dân vệ để phối hợp dẫn đường lũng sục với chúng, mà chỉ có đơn độc mình chúng. Chúng rêu rao sẽ trả thù, sẽ khủng bố nhân dân Hòa Thịnh và vội vã tổ chức mai táng tên Ngọc - Trung đội phó dân vệ bị Cách mạng diệt khi đêm. Đến 3 giờ chiều, chúng rút về quận như lâu nay. Các Chi bộ họp, tiếp tục chuẩn bị đối phó.

Về phía Cách mạng - sau khi kết thúc cuộc meeting, trở về căn cứ Hòa Thịnh, vừa chuẩn bị đối phó, vừa lo ổn định cho số thanh niên mới thoát ly, tổ chức học tập chính trị, huấn luyện và trang bị cho thanh niên mới thoát ly để bổ sung cho các đội công tác: Miền Đông, miền Trung, miền Tây đây đủ quân số, cho phân tán về vị trí cũ tiếp tục hoạt động theo kế hoạch để hỗ trợ cho trọng điểm Hòa Thịnh. Số còn lại - chuyển về căn cứ tỉnh để bổ sung cho các đơn vị vũ trang của tỉnh.

Tối ngày 24/12/1960, Đội Vũ trang tuyên truyền miền Trung đột nhập về trụ sở xã Hòa Đông, bắt tên đại diện xã Hòa Đông, mở mítting cho hắn thú tội trước nhân dân, rải truyền đơn, hô khẩu hiệu, đốt toàn bộ tài liệu của địch, phát động nhân dân...

Tối các ngày: 25, 26, 27/12/1960, tiếp tục diệt ác, phá kềm ở Hòa Tân, Hòa Mỹ, Hòa Hiệp; tuyên truyền, kêu gọi thanh niên gia nhập bộ đội Giải phóng ! Hàng ngàn thanh niên các xã : Hòa Đông, Hòa Tân, Hòa Xuân, Hòa Vinh đêm nào cũng từng tốp thoát ly ra căn cứ để gia nhập cách mạng. Lương

thực, thực phẩm được bổ sung liên tục, chẳng những phục vụ cho huyện Tuy Hòa mà còn chuyển giao cho tỉnh. Phong trào “đồng khởi” đã có tiếng vang và lan rộng ra các huyện chung quanh, phát triển ra toàn tỉnh Phú Yên, mở rộng vùng Giải phóng ! Bọn Tề - Ngụy gian ác ngoan cố thì bám theo chân bọn Ngụy quân, Ngụy quyền quận, tỉnh để vào thị xã ngủ. Số câu an, lung chùng tìm cách thanh minh với quần chúng. Số có quan hệ tốt với Cách mạng thì tìm cách bí mật đầu thú, xin đi ra núi học tập, cải tạo, hứa hẹn không làm tay sai cho Mỹ - Ngụy. Lực lượng Cách mạng được phát triển đều khắp. Một số Đảng viên trước câu an, nằm im, nay cũng bắt đầu tìm cách liên lạc lại với Cách mạng để hoạt động. Tổ chức bộ máy của Huyện ủy và các Đội Công tác được tăng cường đầy đủ. Lương thực, thực phẩm được bổ sung có dự trữ. Vùng căn cứ được mở rộng và ổn định. Một số cơ sở sản xuất tự túc được bổ sung và phát triển để làm hậu cứ lâu dài cho huyện, cho tỉnh.

* Qua thắng lợi “Đồng khởi” Hòa Thịnh, Huyện ủy Tuy Hòa đã kiểm điểm đánh giá:

- “Đồng khởi” Hòa Thịnh chứng minh rõ sự đoàn kết, thống nhất giữa ý Đảng lòng Dân, thể hiện lòng trung thành không gì lay chuyển nổi của Đảng bộ và nhân dân Hòa Thịnh với Cách mạng.

- Thắng lợi “Đồng khởi” Hòa Thịnh đã chứng minh đường lối, phương châm đấu tranh của Đảng hoàn toàn đúng đắn hợp lòng dân; đồng thời thể hiện sự vận dụng lãnh đạo của Huyện ủy Tuy Hòa là sáng tạo, sát đúng. Việc chọn Hòa Thịnh làm thí điểm “Đồng khởi” là thể hiện lòng tin của Đảng với nhân dân Hòa Thịnh, biết dựa vào lực lượng của dân, phát động nhân dân đứng lên phá xiềng xích, gông cùm của địch để tự giải phóng cho mình.

Qua “Đồng khởi” Hòa Thịnh, kẻ địch từ tỉnh, huyện đến xã bộc lộ rõ rệt bộ mặt phi nghĩa, hèn nhát, yếu kém về chính trị và sa sút cực độ về tinh thần. Điều đó biểu hiện nguy cơ sụp đổ không thể tránh khỏi của chúng.

* Qua “Đồng khởi” Hòa Thịnh, Tỉnh ủy đánh giá: “Cuộc nổi dậy của nhân dân Hòa Thịnh là do chính sách dã man, tàn bạo của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm độc tài phát xít làm cho nhân dân Phú Yên nói chung và nhân dân Hòa Thịnh nói riêng thấy không thể sống dưới chế độ độc tài, phát xít, tàn bạo của chúng được nữa. Khi Đảng cho phép và lãnh đạo nhân dân vùng lên - tựa hồ lò thuốc súng đã bị nén chặt nay châm ngòi, ngọn lửa đã bùng cháy mãnh liệt”.

* Thắng lợi “Đồng khởi” Hòa Thịnh, Khu ủy V đánh giá: “Cuộc Đồng khởi Hòa Thịnh là điểm mở đầu cho phong trào Giải phóng các tỉnh đồng bằng Liên Khu V”.

Nguyễn Duy Luân

Nguyên UVTW Đảng Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên

Trạng thái da beo và phương thức hoạt động từng vùng theo da beo

Báo hay Beo cũng là một loại thú rừng. Có người gọi là Báo, có người gọi là Beo. Da của Beo có từng chấm tròn, có 3 màu “đen, trắng, vàng” đậm nhạt khác nhau - đốm đen trên lưng thì đậm, đốm vàng 2 bên hông thì nhạt, đốm trắng dưới bụng thì nhạt.

Do đó, trong chiến tranh, người ta ví trạng thái trên chiến trường giống như hình thái da Beo. Nhưng da beo trạng thái chiến trường Phú Yên ngay từ đầu đã có nhiều đốm bằng 3 màu: “Đỏ, Vàng,

Xanh”. Đỏ tượng trưng cho vùng Cách mạng làm chủ hay quản lý. Xanh tượng trưng cho vùng địch chiếm hay quản lý. Vàng tượng trưng cho vùng tranh chấp - có lúc Cách mạng làm chủ, có lúc địch chiếm. Thường xuyên tranh chấp, giằng co nhau. Việc tổ chức lực lượng quản lý của Cách mạng cũng như bộ máy của ngụy quyền luôn luôn thay đổi.

Ba màu sắc “Đỏ, Xanh, Vàng” thường thể hiện đậm nhạt khác nhau trong từng giai đoạn, từng lúc hay từng chiến dịch dài ngắn, luôn luôn xen kẽ với nhau. Có lúc màu Đỏ nhiều, màu Vàng ít. Có lúc màu Xanh nhiều, màu Đỏ ít, màu Vàng nhiều nhưng luôn luôn thể hiện ba màu gắn bó với nhau. Do đó, người ta ví trạng thái “Da Beo” là hình trạng một vùng, hay một huyện một xã hay một thôn, hay một nhóm hộ gia đình; ở đồng bằng, ngoại ô hay trong thị trấn, thị xã. Người ta phân từng vùng để thể hiện diện tích đất đai làm chủ, thực lực cách mạng và nhân dân làm chủ, quần chúng đã phục vụ cho Cách mạng. Từ đó mà đánh giá ai mạnh? ai yếu? ai thắng ai? trong từng giai đoạn Cách mạng để tăng lòng tin cho cán bộ, nhân dân và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Từ đó, đề ra phương thức hoạt động Cách mạng từng vùng khác nhau. Một Cấp ủy, một Đội công tác luôn luôn trước mặt mình có một bản đồ thể hiện hình thái “Da Beo” hàng ngày để theo dõi sự phát triển hay sự co thủ để mà chỉ cho cán bộ có sự phấn đấu.

I. Da Beo Của Chiến Trường Phú Yên Trong Chống Mỹ

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (năm 1945 - 1956), Phú Yên là vùng chưa hẳn tự do hoàn toàn. Sau Cách mạng tháng Tám và quá trình cuộc kháng chiến, Phú Yên tiếp giáp với tỉnh Khánh Hòa và tỉnh ĐakLak là vùng địch tạm chiếm nên địch lấn chiếm và đã đóng một số đồn bót ở Phú Yên để bảo vệ an toàn cho vùng chúng tạm chiếm như phía Nam có bót Pơ tí ở Đèo Cả, đồn Núi Hiêm; phía Tây Nam có đồn Hai Riêng, đồn Cà Lúi; phía Tây Bắc có đồn Ma Phụ. Địch thường xuyên cho quân ngụy càn quét ở vùng ranh và dọc theo ven biển. Vùng địch đóng và vùng tự do đã hình thành 2 vùng: Vùng tự do - do chính quyền Cách mạng làm chủ và quản lý hoàn toàn, có đầy đủ yếu tố là vùng du kích chiến tranh - vùng mạnh. Vùng bị tạm chiếm -do quân đội và ngụy quyền quản lý, chốt giữ. Trạng thái “Da Beo” chưa rõ nên người ta chưa dùng từ trạng thái “Da Beo” mà gọi là 2 vùng: “Vùng tự do và vùng tạm chiếm.”

Trong chiến tranh chống Pháp: Phú Yên là vùng tự do, chính quyền Cách mạng quản lý. Trong 9 năm kháng chiến, nhân dân đã sống với chính quyền dân chủ nhân dân được hưởng các quyền: tự do, dân chủ, bình đẳng - những quyền cơ bản đã bị bọn đế quốc, phong kiến cướp đoạt hàng trăm năm. Có chính quyền Cách mạng vững mạnh quản lý, qua 9 năm kháng chiến, đời sống của nhân dân dần được cải thiện theo chế độ dân chủ nhân dân. Có Đảng lãnh đạo đúng đắn, bảo vệ được thành quả Cách mạng mà nhân dân đã giành được.

Ta xây dựng được Mặt trận dân tộc thống nhất, Có các đoàn thể cách mạng đông đảo, vững mạnh, tập hợp được các tầng lớp nhân dân - Không phân biệt trẻ, già, trai, gái, dân tộc, tôn giáo, tạo nên sức mạnh tổng hợp; Đoàn kết giúp đỡ nhau vượt qua nhiều cơn hiểm nghèo - tưởng chừng không vượt qua nổi vì thiên tai, địch họa ... Do đó mà nhân dân tin tưởng Đảng, Đảng tin dân, tạo sự đoàn kết keo sơn và sức mạnh kỳ diệu.

Ta có phong trào du kích chiến tranh mạnh mẽ, có quân đội nhân dân và lực lượng vũ trang bán vũ trang của tỉnh huyện, có lực lượng du kích đông đảo và hùng mạnh, có hậu phương vững chắc sẵn sàng phục vụ cho tiền tuyến, phục vụ cho chiến đấu ở bất cứ địa phương hay các chiến trường.

- Ta có làng chiến đấu vững chắc ở vùng giáp ranh hay vùng địch càn quét đánh phá để tiêu hao tiêu diệt địch, bảo vệ vùng tự do.

- Ta luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng đánh địch càn quét lấn chiếm. Cả chiến dịch át Lãng với quy mô lớn vẫn bị ta đánh bại.

- Ta có phong trào sản xuất tự túc, tiêu dùng tại chỗ - “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”, bài trừ hàng ngoại quốc, bao vây kinh tế địch.

- Ta có phong trào ăn sạch, uống sạch, chữa bệnh tại chỗ trong mạng lưới y tế tại chỗ. Thuốc men hiếm hoi nhưng giải pháp dùng dược liệu tại chỗ và thang thuốc cha truyền con nối vẫn đảm bảo chữa bệnh cho nhân dân.

- Ta có phong trào văn hóa, phong trào bình dân học vụ. Từ không biết chữ đến biết chữ - xóa nạn mù chữ và ngày càng nâng các cấp học lên. Từ cả tỉnh có một trường tiểu học, bây giờ từng huyện, xã có trường học và cả tỉnh đã có 3 trường trung học như trường Lương Văn Chánh ở An Định, trường trung học Hòa Định - Tuy Hòa, trường trung học Sông Cầu...

Theo Hiệp định đình chiến Giơnevơ giữa đế quốc Pháp và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì: Tạm chia 2 vùng kiểm soát, chờ 2 năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. (Lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời của 2 vùng tập kết và quản lý).

+ Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa quản lý từ sông Bến Hải trở ra toàn bộ phía Bắc.

+ Chính quyền Sài Gòn và thực dân Pháp tạm quản lý từ sông Bến Hải vào đến mũi Cà Mau.

Hai bên tiến hành tập kết quân và chuyển toàn bộ quyền quản lý của mình đến vùng được phân chia trong thời gian 2 năm chờ tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Theo Hiệp định Giơnevơ thì phân chia 2 vùng rõ rệt. Miền Bắc thuộc quyền quản lý của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Miền Nam tạm thời thuộc quyền quản lý của thực dân Pháp và bè lũ tay sai.

Theo Hiệp định Giơnevơ - đúng 90 ngày sau ký hiệp định thì quân đội Pháp và Ngụy quyền Sài Gòn tiến hành quản lý toàn tỉnh Phú Yên. Thế nhưng đế quốc Mỹ đã nhảy vào hát căng Pháp, nắm lấy miền Nam, cố biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, xây dựng miền Nam thành tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Châu á cho nên ngay khi bước chân đến Phú Yên thì chúng ra tay tàn sát đẫm máu tại Ngân Sơn - Chí Thạnh đối với nhân dân các xã Bắc Tuy An và lần lượt khủng bố, đàn áp, giết hại, thủ tiêu, phân biệt đối xử với những người kháng chiến cũ (mà theo Hiệp định Giơnevơ, điều 146 -không được trả thù). Chúng lại bày trò chống Cộng, tố Cộng phân biệt đối xử với người Đảng viên Cộng sản và người kháng chiến chống Pháp, đưa đối tượng Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật - bắn bỏ, giết hại bất cứ lúc nào, ở đâu, với khẩu hiệu lúc bấy giờ là “giết lầm hơn là để sót Cộng sản”. Chúng đặt ra nào là: Cộng sản chính cống, Cộng sản liên quan, gia đình tập kết, con em cán bộ và đều đưa vào diện tập trung quản lý.

Tức nước vỡ bờ và trách nhiệm, tình cảm của những người Đảng viên cán bộ được Đảng cử ở lại hoạt động lãnh đạo - Đảng viên sống trong dân phải thoát ra rừng, cùng với Bộ phận được Đảng phân công ở lại lãnh đạo nhân dân, xây dựng vùng căn cứ cách mạng, tạo nơi vững chắc, lãnh đạo nhân dân suốt cuộc kháng chiến chống lại đế quốc Mỹ xâm lược.

-Vùng Thổ Lô: Căn cứ của Tỉnh ủy Bí mật lâm thời từ năm 1954, tạo thành vùng đỏ ngay lúc đó.

-Vùng núi Phước Lãnh - Kỳ Lộ - căn cứ của Huyện ủy Đồng Xuân: vùng đỏ.

- Vùng Suối Bạc - Cà Lúi - Phước Tân - vùng đỏ của Sơn Hòa và là căn cứ Sơn Hòa.

-Vùng An Lĩnh, An Xuân, An Thọ - vùng căn cứ Tuy An.

-Vùng núi dọc từ Bãi Xếp đến Hảo Sơn - Hòa Tân - Hòa Thịnh -Hòa Mỹ - Sơn Thành - Suối Phần dọc Sông Hinh các xã EaBá, Etrôn... thuộc căn cứ huyện Tuy Hòa: vùng đỏ.

-Dọc ven biển Hòa An - Xuân Cảnh xã Xuân Thịnh thuộc căn cứ Huyện ủy Sông Cầu.

-Dọc vùng biển An Ninh, An Mỹ, Tuy An thuộc căn cứ Tuy An (vùng Đỏ lợt).

-Vùng núi từ Hòa Định Đông, Tây - Hòa Quang - Hòa Trị - Hòa Kiến - Tuy Hòa 2 (vùng Đỏ lợt của Tuy Hòa 2).

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 20/7/1954 đến năm 1955, trạng thái chiến trường Phú Yên đã hình thành rõ 2 vùng: Vùng địch quản lý và vùng cách mạng làm căn cứ hoạt động và cách mạng đã xây dựng nhân dân làm chủ, phục vụ Cách mạng.

Từ vùng đỏ - nơi đứng chân tương đối vững chắc và tạm ổn định đó, Cách mạng bắt đầu gieo hạt giống đỏ đến từng làng, từng xóm. Những cơ sở cách mạng - cơ sở trung kiên và quần chúng tốt đoàn kết lại, tạo ra các vùng nhạt, đậm khác nhau ở đồng bằng thị trấn, thị xã. Ngay từ năm 1955 đến năm 1959 :

- Huyện Tuy Hòa :

+ Phú Lạc - Đa Ngư -Vũng Tàu - Phú Hiệp - Đông Tác - Phước Long - Bàn Thạch - Nam Bình.

+ Thôn nhất, thôn tư, thôn năm.

+ Các thôn: Hậu Cư, Xuân Thạnh, Phú Quý, Phú Lạc, Hòa Tân (Hòa Thịnh và Hòa Mỹ), Vinh Ba, Phú Diên, Mỹ Phong (Hòa Đông), Phước Thịnh, Mỹ Lệ, Phú Thứ, Phước Mỹ (Hòa Bình), Xóm Phường, Phước Bình, Phước Lộc, (Hòa Thành), Đông Tác (thị trấn Phú Lâm) Suối Lợn - Lạc Đạo (Sơn Thành).

- Huyện Tuy Hòa 2.

+ Định Thắng - Định Thành (Hòa Định).

+ Phong Niên - Phú Lộc - My Hòa - Vĩnh Phú (Hòa Thắng).

+ Nho Lâm - Thạch Lâm - Mậu Lâm - Hạnh Lâm (Hòa Quang).

+ Long Tường - Phước Khánh (Hòa Trị).

+ Sơn Triều - Ninh Tịnh - Liên Trì - Phước Hậu - Phường 1 - 2.

- Huyện Tuy An.

An Chấn - An Mỹ - An Hải - An Dân - An Ninh - An Nghiệp.

- Huyện Đồng Xuân.

Xuân Quang - Xuân Phước - Xuân Long - Phước Lãnh, Xuân Sơn.

- Huyện Sông Cầu.

Xuân Lộc - Phong Cao - Trầm Tường - Hòa An - Xuân Thịnh - Xuân Thọ - Thị trấn.

* Những thôn xã này đã hình thành vùng vàng lợt.

Như vậy từ 20/7/1954 đến 20/7/1959, vùng xanh (địch quản lý) là rộng lớn từ thị xã - nông thôn, một phần miền núi.

Vùng Đỏ - vùng Cách mạng làm căn cứ để hoạt động còn nhỏ bé và Đỏ lợt - phần lớn qua bí mật nắm dân làm chủ là chủ yếu (Nắm nhân dân, lòng dân của cách mạng). Vùng Vàng lợt tuy rộng, đều nhưng vẫn bấp bênh vì dân do bị khủng bố, bắt bớ, quản thúc - chủ yếu hình thành xu hướng ủng hộ cách mạng, nuôi giấu, đóng góp cho cách mạng.

Đã hình thành hình thái “Da Beo” nhưng chưa rõ.

Từ năm 1959 đến năm 1965. Sau khi có “Nghị quyết 15 xác định con đường giải phóng miền Nam bằng bạo lực. Hoạt động cách mạng miền Nam bằng 2 chân 3 mũi giáp công: Phương thức hoạt động cách mạng bằng chính trị cộng quân sự vũ trang hỗ trợ để diệt ác phá tặc làm chủ cho nhân dân.”

Phong trào và khí thế cách mạng Phú Yên phát triển lên một bước. Mở đầu thực hiện Nghị quyết 15: Phú Yên diệt ác ôn thí điểm tên Thống Cường (Xã trưởng gian ác ở Xuân Phước). Lực lượng vũ trang hỗ trợ đánh giải phóng xã Phước Tân, diệt tên ác ôn Cảnh sát trưởng xã Hòa Mỹ: Nguyễn ý Chi, diệt tên ấp trưởng Nguyễn Ân (xã Hòa Xuân). Phong trào du kích chiến tranh được tổ chức phát động. Thanh niên huyện Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2 - thị xã Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân, Sông Cầu được điều động ra căn cứ để bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ mỗi cấp: Tỉnh - huyện - xã. ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng du kích buôn và trang bị vũ khí thô sơ - chủ yếu là tên nã, chông, thò để tự quản buôn làng, canh gác bảo vệ cán bộ.

Lực lượng miền Bắc chi viện vào để lập các khung Trung đội, Đại đội dần lên Tiểu đoàn.

Tiến hành bằng lực lượng chính trị quần chúng tại chỗ, bằng 3 mũi giáp công, có sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang nhỏ của huyện để quần chúng đứng lên khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân, diệt ác ôn, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, kêu gọi nhân dân đóng góp nhân tài vật lực cho cách mạng, kêu gọi thanh niên xung phong thoát ly, tham gia xây dựng quân đội cách mạng. Tại xã

Hòa Thịnh, đêm 22/12/1960, Đồng khởi Hòa Thịnh đã mở đầu cho khu vực đồng bằng khu V nổi dậy. Sau đó, các xã Hòa Đông, Hòa Mỹ, Hòa Tân, Hòa Hiệp, Hòa Xuân, Hòa Vinh... và tất cả các xã các huyện trong tỉnh đã nổi dậy, mức độ quy mô khác nhau tạo ra vùng Đỏ. Cách mạng làm chủ rộng hơn, chắc hơn, tạo thế đánh địch, giữ đất, giành dân, làm chủ rõ ràng hơn (Địch đến là đánh, không phải chỉ tránh như lúc trước).

Vùng Vàng - vùng tranh chấp giữa ta và địch rộng lớn hơn, rõ nét hơn. Địch-ta tranh giành nhau từng người dân, từng thôn, làng. Thời gian diễn ra ở vùng vàng: Đêm - cách mạng làm chủ, ngày - địch lùng càn quét cho có mặt, 15 giờ - địch co cụm về thị xã, thị trấn, đồn bót. Lực lượng cách mạng có mặt tại xóm làng, hội họp động viên nhân tài, vật lực - tổ chức quần chúng sinh hoạt, phá áp chiến lược của địch, xây làng chiến đấu của ta.

Vùng Xanh của địch quản lý ngày càng co hẹp. Từ xanh đậm, xanh lợt thành vùng Vàng, có nơi thành vùng Đỏ. Trên bản đồ trạng thái “Da Beo”, đổi thay rất rõ rệt. Vùng Xanh chỉ còn thị xã, thị trấn, dọc trục giao thông (8 cụm chông chên). Toàn bộ đồng bằng là vùng vàng đậm, vàng lợt và vùng đỏ (vùng cách mạng quản lý) - phần lớn các xã của huyện Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân, Sông Cầu - Thị xã Tuy Hòa, Sơn Hòa.

Phong trào du kích chiến tranh đã phát triển mạnh - Trong xây dựng và tổ chức lực lượng bán vũ trang, xây dựng làng chiến đấu, tự tạo vũ khí, đạn dược, làm hầm chông, cạm bẫy, địch đến là đánh. Bảo vệ vùng giải phóng: - “Cả vùng đỏ - vùng vàng”, bảo vệ thành quả cách mạng.

Xây dựng lực lượng địa phương : Huyện, tỉnh. Tỉnh có Tiểu đoàn tập trung và các binh chủng, Huyện có Đại đội tập trung và các binh chủng. Xã có Đại đội du kích tập trung và du kích nhân dân khắp thôn làng.

Vũ khí đánh - lấy của địch, vũ khí tự tạo cùng với vũ khí từ miền Bắc chuyển vào. Tuy rất khó khăn hạn chế nhưng vẫn có lai rai. Hành động thể hiện và mạo hiểm nhất là Trung ương cho chuyển vũ khí bằng đường biển. Tàu không số vào cảng Vũng Rô trên 3 chuyến. Phú Yên hiên ngang trước mũi của địch, tổ chức hàng đoàn dân công đi chuyển tải vũ khí về kho cho Tỉnh.

Từ đó mà trang trải cho các huyện trong tỉnh, chi viện cho các tỉnh Khánh Hòa - ĐakLak.

Lực lượng vũ trang, bán vũ trang được phát triển và trang bị tương đối. Cái thế của phong trào du kích chiến tranh ngày càng phát triển, chẳng những bảo vệ được vùng Đỏ mà còn mở rộng thêm vùng Vàng. Vùng Xanh ngày càng thu hẹp và bấp bênh.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng từ tỉnh xuống huyện xã đã thành lập. Các đoàn thể được hình thành.

Chính quyền tự quản của dân được thành lập từ huyện đến xã đã chăm lo đời sống cho dân và giải quyết mọi việc hành chính cho dân. Ngụy quyền bỏ xã - thôn ấp, trốn vào các Thị trấn, đồn bót

địch. Cấp huyện đang còn nhưng không còn hiệu lực - Ngụy quyền muốn quản lý dân chắc hơn phải đưa dân vào khu đồn để quản lý.

Bản đồ Trạng thái Đỏ, Vàng chiếm đại bộ phận miền núi và nông thôn. Vùng Xanh còn nhỏ hẹp trong thị xã, thị trấn và trục giao thông quốc lộ 1.

II. Giai đoạn nuôi 1965- 1966 đến năm 1968 trạng thái “Da Beo” Lại thay đổi.

Đế quốc Mỹ và Ngụy quyền Sài Gòn bị thất bại trong “Chiến tranh Đặc biệt”. Chúng tiến hành chiến lược “Chiến tranh Cục bộ ” - Đưa hàng nửa triệu quân Mỹ - quân chư hầu cùng phương tiện chiến tranh hiện đại với hàng triệu quân Ngụy để tiến hành chiến lược “Chiến tranh Cục bộ ” ở miền Nam hòng đánh bại thế cách mạng, tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta, tiêu diệt Cộng sản, xây dựng Ngụy quyền ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài nước ta.

Thực hiện âm mưu đó, cuối năm 1965 đầu năm 1966, chúng đưa vào Phú Yên quân Mỹ với sư đoàn lính đánh thuê Nam Triều Tiên cùng quân Ngụy tiến hành đánh phá vùng Vàng, vùng Đỏ với các âm mưu thủ đoạn tàn ác, dã man nhất : “Đốt sạch, giết sạch”, dồn dân vào vùng sâu, vào thị xã, biến vùng Vàng của ta thành vùng trắng, kềm dân, không cho dân về làng xóm sản xuất. Vùng đỏ của ta - máy bay B52 thả bom tọa độ, rải chất độc hoá học làm cho núi rừng, cây cỏ xơ xác, tiêu diệt sự sống ở vùng núi rừng và trung du. Vùng Xanh của địch -quân Mỹ tạm thời nống ra theo các trục giao thông, đóng thêm các bót, xây dựng cứ điểm để dồn dân vào khu vực đóng quân, mở rộng vùng xanh.

Cuộc chiến đấu diễn ra 3 năm ác liệt, gian khổ, hy sinh. Địch gây cho nhân dân và cách mạng nhiều tổn thất nặng nề. Hàng ngàn dân thường, trẻ em, phụ nữ, ông già, kể cả trẻ em người thiểu số bị hãm hiếp, giết hại. Nhà cửa, trâu bò không còn. Xóm làng thành đồng tro tàn. Người dân phải kéo vào thị xã, thị trấn để sống cảnh màn trời, chiếu đất, chết đói, chết khát.

Lực lượng Cách mạng có tổn thất nặng nề, gian khổ, đói cơm lạt muối, đau ốm - nhiều cuộc đọ sức chưa từng có.

Vùng Đỏ bị thu hẹp, cảnh xơ xác. Vùng Vàng trở thành vùng Trắng, dần mất cơ sở - sản xuất. Vùng Xanh tuy có mở rộng, nhưng vẫn lâm vào cảnh u buồn, lo lắng, đói khổ, đầy khắp bom đạn. Dân căm thù đế quốc, tay sai. Hằng ngày, tiếng động cơ máy bay và bom đạn gầm rú suốt ngày đêm. Ba năm đó, thế và lực tạo dân, rút kinh nghiệm, - chính bài học thực tiễn từ chiến tranh đánh Mỹ - chống Mỹ với tinh thần “Vì độc lập tự do”, quyết tâm không làm nô lệ cho đế quốc, những cuộc chống càn đánh Mỹ, đánh chư hầu. Đánh tiêu diệt trung đội tiến đến diệt đại đội Mỹ. Đánh từ trong càn quét lấn chiếm đến đánh mục tiêu dã ngoại đến đánh sân bay - hậu cứ và đánh giải tán các khu dôn dân của Mỹ ngụy. Rút ra những bài học từ các cuộc đấu tranh chính trị: Dân sinh - Dân chủ đến các cuộc vận động binh sĩ Ngụy, binh sĩ Triều Tiên - sĩ quan Triều Tiên và binh lính Mỹ có kết quả, dần dần lôi kéo cho chúng đồng tình, cho dân về làng cũ làm ăn sản xuất, sinh sống nhằm xoá tuyến trắng để tạo cho vùng vàng có dân và có sản xuất - có lương thực cho dân và phục vụ cách mạng. Đồng thời dân vùng đỏ, vùng căn cứ cách mạng cũng đấu tranh với địch, phá dôn, trở về làng cũ. Điển hình như xã Xuân Quang 1 (Kỳ Lộ, Đồng Xe); xã Hòa Thịnh; Xã Sơn Long; Sơn Định; Sơn Xuân, Xã Sông Hinh; Sơn Hòa. Hòa An, Hòa Lợi, Tuy Phong, Bình Nông, Trung Trinh (Sông Cầu)...

Vùng Đỏ ở vùng căn cứ có rừng núi, dân phá dôn trở về được củng cố vững chắc. Địch đến là đánh, buộc địch phải sa vào thế trận để ta tiêu diệt. Địch càng đi càn quét, lấn chiếm càng chết nhiều. Trên cơ sở đó, củng cố vùng căn cứ.

Vùng Vàng đã có dân và có sản xuất, có làng mạc. Lực lượng vũ trang cơ sở đã có chỗ dựa để thọc vào đánh tiêu diệt địch, cùng với lực lượng du kích mật (Du kích B) đánh bên trong, tạo phong trào đấu

tranh tại chỗ, làm cho địch thấy vùng Xanh chúng quản lý cũng không ổn định và tự do. Khi địch càn quét vào vùng Vàng, vùng Đỏ thì ta đánh vào vùng Xanh để mở rộng vùng Đỏ (nghĩa là ta đánh vào Thị xã, Thị trấn, phá các khu đồn. Nhân đó dân đấu tranh đòi địch cho về làng cũ)

Đến cuối năm 1967. Ta tiến hành đưa lực lượng vũ trang tập trung đứng thẳng đồng bằng: Hòa Thắng - Hòa An - Hòa Định - Hòa Quang - Hòa Trị để tiêu diệt địch, làm chủ đồng bằng. Tuy có tổn thất nhưng chúng tỏ địch không thể tiêu diệt lực lượng cách mạng. Về phần Mỹ đã qua 2 mùa khô phản công chiến lược và nhiều cuộc càn quét vẫn không đánh gãy được “xương sống Việt Cộng”. Ngược lại, quân Việt Cộng lại lớn mạnh hơn, hoạt động táo bạo hơn cả Du kích B. Du kích A, Bộ đội địa phương và chủ lực. Vậy nên Mỹ muốn chụm lại để củng cố. Thấy địch dừng tấn công thì ta tiến tới.

Đến Mậu thân 1968. Ta đã đưa phần lớn lực lượng vũ trang - cả chủ lực, địa phương, các binh chủng đồng loạt tấn công vào thị xã, thị trấn, căn cứ, hậu cứ của Mỹ - Ngụy, làm cho địch hoang mang không phải một lần mà 3 lần liên tiếp, làm cho đế quốc phải đánh giá lại âm mưu thủ đoạn của mình. Chẳng những chỉ những tên hiếu chiến tại chỗ mà còn cả những tên trùm hiếu chiến tại Mỹ cũng phải tính toán lại nước cờ.

Sau các chiến dịch trên, Mỹ-Ngụy phải đánh giá lại nước cờ, đánh giá lại khả năng tiêu diệt lực lượng chủ lực, tiêu diệt Cộng sản. Chúng đã co lại củng cố căn cứ đồn bót với chiến lược “quét và giữ” - thực chất chúng đã thất bại.

Trạng thái “Da Beo” màu Đỏ - màu Vàng ở các vùng sâu - thị trấn - thị xã, núi Chóp Chài (Bình Kiến), núi Hùng (An Mỹ), núi Chai (Hòa Tân) trở thành căn cứ lõm của cách mạng. Không phải trú chân ban đêm mà còn cả đứng chân ban ngày để tối xuất hiện vào thị trấn - thị xã đánh địch.

Vùng Vàng đã đậm nét, thường xuyên diễn ra chiến đấu ác liệt; ở đây phải giữ đất giành dân với địch.

Vùng Đỏ an toàn hơn, mở rộng thêm, mọi mặt được khôi phục, đủ khả năng làm hậu phương cho lực lượng chiến đấu.

Mỹ phải thay đổi chiến lược, chịu ngồi vào bàn đàm phán tại Paris nhưng rất ngoan cố kéo dài để tranh thủ lợi thế cho chúng. Càng kéo dài ta càng đánh mạnh. Quân Mỹ và quân chư hầu tiếp tục chết nhiều nên buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris.

Bản chất đế quốc Mỹ là ngoan cố, xâm lược, chưa từ bỏ âm mưu thôn tính miền Nam. Tuy thất bại, phải ký Hiệp định nhưng chúng vẫn duy trì quân đội Ngụy được trang bị phương tiện hiện đại của Mỹ và cố vấn Mỹ, hồng đổi màu da trên xác chết (trước đây xác Mỹ bây giờ là xác Ngụy).

Khi tiến hành thực thi Hiệp định Paris, hai bên đều cố gắng tạo vùng quản lý của mình nhiều hơn.

Ta đã dùng lực lượng nhân dân cấm cờ của ta trên cả vùng Đỏ và Vàng - đều vùng quản lý của ta. Đồng thời, cơ sở nội tuyến bên trong vùng xanh cũng được tổ chức cấm cờ của ta. Địch hạ cờ, cơ sở lại cấm cờ - diễn ra cuộc đấu tranh cấm cờ ở vùng vàng và xanh rất ác liệt cả tuần lễ. Ta tổn thất và mất một số vùng đất.

Lúc bấy giờ có bộ phận xuất hiện tư tưởng hòa bình, hưởng thụ nên có trường hợp co thủ để mất đất mất dân. Vùng Vàng thu hẹp là do các đồng chí lãnh đạo cấp trên phổ biến rằng: “Mưa nhè nhẹ gió hiu hiu. Đừng nên mưa to gió bắc”.

Được học tập và chỉnh đốn lại: Học tập thơ Hồ Chủ Tịch “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” Hôm nay Mỹ đã rút, ắt Ngụy phải nhào. Ta đánh cả Mỹ cả Ngụy. Bây giờ ta đánh Ngụy, chắc Ngụy phải bị tiêu diệt. Một phần sau đó - từ năm 1973 đến năm 1975 ta tiếp tục xây dựng và phát triển. Càng đánh, ta ngày càng mạnh - chẳng những đánh vùng căn cứ, đồng bằng mà trụ luôn ở đồng bằng để giữ đất, giữ dân.

Vùng Đỏ ngày càng phát triển. Căn cứ được xây dựng vững chắc hơn. Địch càn quét đánh phá thì bị tiêu diệt nặng. Căn cứ chuyển tiếp ở các đồi núi ở đồng bằng như núi Chóp Chài, núi Hùng, núi Chai. Căn cứ lổm ở Vĩnh Phú, Phong Niên, Định Thắng, Hòa Bình, Vinh Ba, An Mỹ, An Ninh Tây, An Thạch, xã Xuân Quang, các thôn Thị trấn La Hai, các vùng xung quanh thị trấn Sông Cầu.

Vùng Đỏ đã phát triển sát quận lỵ, chi khu, thị xã thị trấn.

Vùng Vàng đã chiếm gần hết đồng bằng, nông thôn. Quân Ngụy càng hoang mang dao động. Thế tấn công bằng 2 chân 3 mũi giáp công ngày càng hiệu quả và gắn bó.

Nghị quyết Tỉnh ủy lần thứ 12 - Năm 1975 đề ra nhiệm vụ tập trung lực lượng để giải phóng toàn bộ nông thôn Phú Yên và tạo thế bao vây thị xã Tuy Hòa; Sẵn sàng khi có điều kiện, giải phóng thị xã Tuy Hòa.

Quyết tâm của Tỉnh ủy Phú Yên là: tập trung mọi lực lượng để đưa toàn bộ Phú Yên lên vùng Đỏ. Chuẩn bị sẵn sàng, khi có điều kiện, biến toàn tỉnh Phú Yên là màu Đỏ, xóa hẳn trạng thái “Da Beo”. Trên 20 năm đấu tranh gian khổ, đã thành hiện thực ngày 01/4/1975.

III. Tổ chức, xây dựng lực lượng trên 3 vùng đỏ - vàng - xanh đều khác nhau

1. Vùng xanh

Tổ chức Đảng đơn tuyến, trực tiếp với cán bộ từng cấp quản lý và giao nhiệm vụ hoạt động. Thông qua 1 tổ chức hay cá nhân đoàn viên thanh niên hay cơ sở trung kiên của quần chúng mà lãnh đạo.

Đảng viên sống hoàn toàn hợp pháp, hoạt động hợp pháp, thông qua cơ sở cốt cán của quần chúng mà lãnh đạo - khẩu hiệu “khéo công tác-khéo che giấu”, không xuất đầu lộ diện trong lãnh đạo, trong đấu tranh.

Khi đủ điều kiện thì lập Chi bộ - không quá 3 Đảng viên. Khi cần lãnh đạo mà chưa đủ Đảng viên thì lập Ban Cán sự - không quá 3 người, cả Đảng viên và quần chúng tích cực.

Đảng lãnh đạo thông qua Đoàn Thanh niên. Kết nạp đơn tuyến. Tổ chức gọn nhẹ 3 người, sống hợp pháp, hoạt động hợp pháp, nhằm làm nòng cốt trong các cuộc đấu tranh: Dân sinh - Dân chủ của quần chúng. Võ bực của Đoàn viên Thanh niên là: Thanh niên - Sinh viên - Học sinh hăng hái tham gia đấu tranh từng lĩnh vực, từng sự việc, từng yêu cầu cụ thể. Sau cuộc đấu tranh đó là kết thúc. Khi có yêu cầu, thông qua nòng cốt tập hợp lại. Lực lượng thanh niên rộng rãi, không phân biệt trai, gái, đối tượng nào; miễn hăng hái tham gia đấu tranh là tập hợp.

Ngoài thanh niên, có tổ chức các đoàn thể khác như: tổ chức Công đoàn Lao động theo ngành nghề để tập hợp quần chúng. Thông qua lãnh đạo đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động để đưa vào các khẩu hiệu khác từng lúc mà lãnh đạo. Thông qua các cuộc đấu tranh Dân sinh - Dân chủ mà phát triển đoàn viên Công đoàn, chọn cán bộ cốt cán để giao nhiệm vụ lãnh đạo và phát triển đoàn viên.

Tổ chức Công đoàn cũng như tổ chức Đoàn thanh niên gọn nhẹ, bí mật. Lãnh đạo - nhất thiết phải thông qua quần chúng lao động, không được xuất đầu, lộ diện.

Phụ nữ phát triển theo gia đình, tập hợp theo nghề nghiệp như: phụ nữ buôn bán ở chợ, buôn gánh bán bưng, phụ nữ làm thuê. Xây dựng và phát triển Đơn tuyến. Mỗi Đảng viên nữ, đoàn viên nữ, Đoàn viên công đoàn nữ phát triển xuống chị em hội viên phụ nữ. Khi có yêu cầu, thông qua tổ chức đó mà tập hợp, lãnh đạo, có khi tập hợp rộng rãi hơn.

Tổ chức Mặt trận chủ yếu là xây dựng những tri thức yêu nước, những cá nhân Tôn giáo có uy tín với Đạo và đời, những nhân sĩ tiến bộ - kể cả những người có tham gia một phần công việc của chế độ Ngụy. Có loại xây dựng thành cơ sở. Có loại thông qua cơ sở chỉ tranh thủ từng việc để tập hợp quần chúng. Có người ở tại chỗ. Có người sống ở vùng Vàng, vùng Đỏ chạy vào vùng Xanh ở sinh hoạt (giáo viên). Tùy tình hình phát triển mà Mặt trận Giải phóng dân tộc cũng được mở rộng và phát triển theo. Ngay từ 1954 đến 1975, công tác và tổ chức Mặt trận vẫn tồn tại; lúc mạnh, lúc yếu nhưng con người đó vẫn tồn tại.

Ngoài các tổ chức nói trên, có những cơ sở đơn tuyến do cấp trên tỉnh, khu, huyện tổ chức quản lý và lãnh đạo; cấp dưới, hay cơ sở tại chỗ không liên hệ, không biết. Những cơ sở này phục vụ lâu dài và đột xuất từng yêu cầu. Có khi suốt cuộc kháng chiến chỉ phục vụ một yêu cầu của cách mạng. Đường lối tổ chức là tranh thủ bất cứ ai có thể tranh thủ được, lôi kéo bất cứ ai có thể lôi kéo được nhằm tập hợp lực lượng rộng rãi, cô lập cao độ kẻ thù để đánh đổ chúng.

Lực lượng chiến đấu có du kích B (Du kích bí mật) và công an biệt động - Sống hoàn toàn hợp pháp, hoạt động bán hợp pháp và bất hợp pháp, phải che giấu giỏi, được quần chúng che giấu, bảo vệ khi hành động; dũng cảm, ngoan cường, sáng tạo, bám đánh địch bằng cách đánh cấp vũ khí địch đánh địch, tự tạo vũ khí diệt địch.

Yêu cầu là đánh được địch nhưng phải bảo vệ được ta. Hoạt động theo yêu cầu chính trị - quân sự; Không bạ đâu làm đấy - dễ tổn thất lực lượng. Biệt động hoạt động theo từng mục tiêu, nhằm vào các đối tượng gian ác nhất; Hoạt động có tiếng vang để kéo địch.

Vũ khí hoạt động của các lực lượng này chủ yếu lấy tại chỗ trang bị (lấy vũ khí địch đánh địch) chỉ được bên ngoài trang bị khi cần thiết.

2. Vùng Vàng (Vùng Đỏ bị địch lấn chiếm lại hay vùng Xanh ta mới mở ra nhưng còn yếu).

Vùng này, các tổ chức cơ sở cách mạng đều có đủ số lượng. Chất lượng có khác nhau. Hoạt động bán hợp pháp và bất hợp pháp là chính - hợp pháp khi có địch càn quét hay chiếm đóng hoặc dồn dân vào ấp.

Tổ chức Đảng có Chi bộ gọn nhẹ hay tổ Đảng, Đảng viên đơn tuyến. Lãnh đạo thông qua Ban Cán sự 3 đến 5 người. Đảng lãnh đạo thông qua Ban Cán sự hợp pháp, tổ chức quần chúng cách mạng. Thông qua Mặt trận Giải phóng hay cá nhân tiêu biểu mà tập hợp quần chúng. Thông qua lực lượng vũ trang, du kích xã, du kích thôn, du kích mật hay công an bí mật.

Hoạt động của Đảng chủ yếu là bán hợp pháp. Khi có địch, Đảng viên tránh mặt, cải trang hay rút bí mật; khi không có địch thì xuất hiện lãnh đạo trực tiếp hay gián tiếp. Nói chung, quần chúng biết Đảng viên đó là cán bộ tích cực, có trách nhiệm lãnh đạo quần chúng hoặc động viên nhân tài vật lực phục vụ cho nhân dân.

Tổ chức Mặt trận đã hình thành; Nhắm vào những cán bộ có uy tín, lớn tuổi được quần chúng tín nhiệm; Hoạt động hợp pháp - bán hợp pháp; lựa lời hay tiếng đẹp để hiệu triệu quần chúng và tập hợp được rộng rãi quần chúng đồng tình với những chủ trương của cách mạng và đấu tranh với những việc làm sai trái hay sự đàn áp, áp bức của địch.

Các đoàn thể quần chúng: Thanh niên, Nông dân, Phụ nữ đều hình thành từng nhóm, tổ ở thôn, ở xã có Ban Chấp hành xã. Có cán bộ thoát ly. Có cán bộ hợp pháp trực tiếp lãnh đạo các đoàn thể tham gia các cuộc đấu tranh: Dân sinh - Dân chủ - Đấu tranh chính trị - Bình vận, chống càn quét lấn chiếm, chống khủng bố, xóa tuyến trắng, đòi về làng cũ, để làm ăn, vận động con em không đi lính, không tham gia vào Ngụy quân - ngụy quyền, vận động anh em binh sĩ về nhà hay không tham gia đàn áp.

Các đoàn thể động viên nhân tài phục vụ cách mạng hay trực tiếp huy động Hội viên, Đoàn viên tham gia phục vụ cho cách mạng như vận chuyển, thu mua lương thực - thực phẩm, phá áp chiến lược của địch, rào làng chiến đấu của ta, nuôi dưỡng thương bệnh binh, giúp đỡ gia đình bị nạn.

Có nơi trước là vùng Đỏ của ta nên có bộ máy chính quyền tự quản của nhân dân, vẫn tiếp tục chăm lo đời sống cho nhân dân khi Ngụy quyền bỏ trốn hay bỏ mặc: Đôn đốc, giúp đỡ việc cày, cấy, tương trợ giúp đỡ nhau lúc ốm đau hay ma chay; Hòa giải những việc xích mích nhau giữa nhân dân xóm làng, nhằm xây dựng tình làng nghĩa xóm; Đoàn kết nhau để đấu tranh với địch bảo vệ cuộc sống của mình và phục vụ Cách mạng.

Những thôn xóm vững hơn - tổ chức lực lượng vũ trang (Du kích, Công an), có làng chiến đấu, có tổ chức cảnh giới, báo tin địch cho ta, báo tin hiệu có địch trong làng để cán bộ về hoạt động; canh gác bảo vệ, dẫn đường cán bộ, bộ đội vào làng đánh địch, động viên nhân tài vật lực.

Khi địch càn quét, lấn chiếm, cải trang lẫn tránh tạo thế bán hợp pháp, khi cần - bất hợp pháp để tự bảo vệ mình.

Nói tóm lại: Vùng Vàng là vùng tổ chức cách mạng và tổ chức Ngụy quyền đang quản lý, cùng tranh chấp với nhau; xóa bỏ và làm mất hiệu lực nắm dân của nhau; lúc mạnh lúc yếu khác nhau.

Tranh chấp về quản lý đất đai, quản lý dân cư, quản lý nhân tài vật lực. Tranh chấp sự tồn tại và có hiệu lực cho bộ máy. Ta và địch - “Ai thắng ai” đang diễn ra hàng ngày. Ta dựa vào nhân tâm đông đảo của quần chúng. Địch dựa vào bộ máy Ngụy quân - Ngụy quyền đàn áp để quản lý. Ta nặng về vận động tự nguyện, giác ngộ. Địch nặng về bắt buộc, khủng bố nên có khi dân đông, đất rộng nhưng thực lực là của cách mạng, lòng dân thuộc về cách mạng. Những cuộc đấu tranh trực diện vào quận,

tính, đồn bót của hàng ngàn quân chúng đã chứng minh điều đó. Hay việc đóng góp nhân tài, vật lực cho cách mạng là dân tự nguyện. Địch thì dùng bộ máy đàn áp dồn dân, dồn lương thực, thực phẩm vào ấp, vào thị trấn, thị xã để quản lý.

3. Tổ chức Cách mạng vùng Đỏ (vùng ta làm chủ, quản lý)

Vùng Đỏ - ta giải phóng hoàn toàn. Vùng căn cứ cách mạng - thuộc quyền quản lý của cách mạng. Phải có tổ chức chính quyền tự quản và sau đó chính quyền cách mạng - ủy ban nhân dân cách mạng.

- Có phong trào du kích chiến tranh, có làng chiến đấu, có dân quân du kích xã, buôn được huấn luyện và trang bị vũ khí.

- Có bộ đội địa phương, Bộ đội chủ lực đứng chân.

- Có Mặt trận Dân tộc Giải phóng cùng các đoàn thể cách mạng, quần chúng từ xã đến thôn buôn, thường xuyên sinh hoạt.

- Có cơ sở sản xuất lương thực, thực phẩm, sửa chữa vũ khí, làm mìn, chông.

- Có trường học, bệnh xá, chăm sóc sức khỏe đời sống nhân dân. Mỗi khi địch càn quét, lấn chiếm phải tổ chức chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ cán bộ, nhân dân, hoàn toàn bất hợp pháp tránh lánh và tổ chức đánh địch, phục vụ cách mạng.

Địch rút lui thì khôi phục lại nhà cửa, làng chiến đấu, củng cố chiến hào, sẵn sàng địch đến là đánh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG VÙNG “ĐỎ” KHÁC NHAU PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG VÙNG “ĐỎ” KHÁC NHAU

Phương thức hoạt động và đấu tranh cách mạng vùng này là hoàn toàn hợp pháp, bán hợp pháp, công khai, đấu tranh chính trị bằng lực lượng chính trị quân chúng tại chỗ là chủ yếu, khi cần thiết có sự tham gia hỗ trợ của quân chúng tham gia với nội dung là: Đấu tranh đòi dân sinh - dân chủ, đòi tự do đi lại làm ăn; chống khủng bố, đàn áp, bắt bớ, dồn dân, rào làng; đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống bắt lính; có gia đình binh lính - gia đình nhân viên Ngụy quyền tham gia.

- Đòi tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng - do lực lượng tôn giáo tổ chức, cách mạng lãnh đạo, quần chúng ủng hộ, tham gia.

Do yêu cầu nội dung của từng cuộc đấu tranh, của giai đoạn Cách mạng mà có lực lượng vũ trang tại chỗ hỗ trợ bằng lực lượng du kích mật - hay công an biệt động tham gia: gây tiếng nổ, diệt ác ôn bằng mọi biện pháp cả ban đêm và ban ngày.

- Tổ chức tập hợp quân chúng tại chỗ bằng các khẩu hiệu phù hợp cần thiết để huy động quân chúng xuống đường đấu tranh, phục vụ và hỗ trợ cho quân chúng bên ngoài. Căng kéo địch phải co về bảo vệ thị xã, hậu cứ để làm thất bại các cuộc càn quét vào vùng giải phóng dài ngày.

- Thường xuyên diệt ác ôn, phá kềm kẹp để làm bộ máy Ngụy quyền địch không ổn định, lỏng lẻo.

Đảm bảo sự hoạt động đó, ngay bên trong phải có hầm bí mật hoặc căn cứ lẩn để bộ phận bất hợp pháp trực tiếp nằm bên trong. Có bộ phận chỉ đạo hợp pháp nằm tại chỗ như: Chi ủy hợp pháp, Cán bộ đấu tranh chính trị - Binh vận hợp pháp.

Sự hoạt động giữa bên trong - bên ngoài, giữa đấu tranh chính trị - binh vận luôn luôn kết hợp chặt chẽ, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng là rất quan trọng.

2. Phương thức hoạt động vùng Vàng (Vùng tranh chấp)

Vùng Vàng là vùng ta và địch đang tranh chấp nhau, lúc ta mở rộng, lúc bị thu hẹp. Bộ máy của địch cũng như tổ chức cách mạng không ổn định: “Ai thắng Ai?” hơn nhau 2 yếu tố: “Dân và Đất”. Năm 1960 - 1965, cách mạng không có đất và không có dân mà chỉ có cơ sở cách mạng và khu căn cứ trên núi. Từ năm 1965 đến 1968, Cách mạng phát triển và mở rộng vùng giải phóng hầu hết các xã nông thôn, đồng bằng. Vùng Xanh của địch bị thu hẹp, chỉ còn có thị xã, thị trấn và một số trục giao thông (8 cụm chông chênh). Nhưng đến năm 1966, Mỹ - Ngụy tiến hành chiến tranh Cục bộ, đưa quân đội Mỹ và chư hầu cùng phương tiện chiến tranh ồ ạt vào miền Nam, vào Phú Yên; Tiến hành càn quét, đánh phá, giành lại các vùng đã mất; dồn dân, lập ấp làm cho vùng tranh chấp (vùng Vàng) trở thành vùng trắng dân. Đất đai ven vùng giải phóng, vùng căn cứ rộng mênh mông nhưng không có dân nên không sản xuất - chăn nuôi hoặc không còn một sinh hoạt gì của quần chúng. Nhân dân vùng địch quản lý bị đói khổ, thiếu lương thực, đau ốm... Nhân dân, cán bộ lực lượng vũ trang vùng Đỏ (vùng giải phóng) cũng bị đói cơm, lạt muối, đau ốm, thiếu thuốc men; cuộc sống dựa vào trái rừng, củ rừng là chủ yếu (đi đánh giặc bằng củ mì, trái cây).

Do đó, giành đất, giữ dân là 2 vấn đề có liên quan chặt chẽ. Có đất mà không có dân cũng không thể mạnh. Có dân mà không có đất để sản xuất làm ăn thì dân vẫn chết đói.

Bởi thế cho nên nhiệm vụ của Cách mạng đặt ra từ năm 1968 đến năm 1973 là : “Giành đất và giành dân”. Đó là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu. Giành đất là nhiệm vụ khó khăn nhưng giữ cho được dân là việc khó khăn hơn. Giữ được dân là cơ sở dân tự nguyện, tự giác, tự hành động. Nhưng Cách mạng phải có ý thức tạo điều kiện để cho dân có cơ sở đấu tranh thực hiện khẩu hiệu “một tác không đi, một ly không rời...”

Trong thời gian này, anh Trần Suyên (nguyên khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên) có sáng kiến vừa sáng tạo vừa kiên trì để thực hiện nhiệm vụ bám dân - bám đất, giữ dân ở vùng Vàng, mở vùng Đỏ ngày càng rộng, càng sâu ngay trong vùng xanh.

Để có cơ sở đánh giá cái mạnh cái yếu, “Ai thắng Ai”, trước hết là phải soát xét thực tế “đất và dân” ngay trong vùng Vàng. Từ đó, để có một phương án phù hợp và mang tính tấn công vào vùng địch.

Trước hết, mỗi Cấp ủy. Mỗi Đội Công tác xã phụ trách xã nào phải có bản đồ của mỗi thôn. Nếu xã có 5 thôn - có 5 bản đồ; 7 thôn - có 7 bản đồ. Mỗi bản đồ thôn phải nêu rõ mấy yêu cầu:

- Đường sá trong thôn (đường lớn đến đường hẻm)

- Những đồi núi, đám tranh, luỹ tre, kênh mương, bãi tha ma rậm rạp.

- Trong thôn đó có bao nhiêu dân, bao nhiêu hộ dân. Mỗi hộ có bao nhiêu người. Trong bao nhiêu người, có ai theo cách mạng, ai theo quốc gia. Ai bị quốc gia lôi kéo, ai bị bắt buộc, ai có cảm tình hay có quan hệ bà con với cách mạng.

Qua bản điều tra cơ bản để mà đánh dấu theo mẫu “Da Beo” (Đỏ - Vàng - Xanh):

- Đỏ tượng trưng cho cơ sở, cán bộ Đảng viên do cách mạng tổ chức nắm. Nếu gia đình nào còn yếu thì đỏ lọt, gia đình nào chắc thì đỏ đậm.

- Vàng tượng trưng gia đình quần chúng tốt do cơ sở cách mạng tuyên truyền, giác ngộ, có thể huy động phục vụ được ngay. Gia đình có người làm việc cho địch thì đánh dấu nửa xanh nửa vàng. Quần chúng thuần, tốt thì đánh vàng đậm. Tốt mà chưa vững thì đánh vàng lọt.

- Tô màu xanh: Tượng trưng cho hộ gia đình địch tổ chức xây dựng như Ngụy quyền - Ngụy quân gian ác, ta không tranh thủ được, nắm được. Nếu có người trong gia đình tham gia giúp đỡ ta để tranh thủ thì nắm qua cơ sở hay trung gian thì vẫn tô nửa xanh đậm và vàng lọt.

Nhưng bản đồ thôn sau khi đã điều tra cơ bản và tô màu theo trạng thái “Da Beo”, sẽ thể hiện trước mắt ta xóm nào, đường nào của cách mạng nắm. Các điểm chốt của cách mạng chủ yếu như “Núi Chóp Chài” Hòa Kiến - Núi một, Hậu Cư Hòa Tân, núi Một, núi Hùng An Mỹ - Núi Bà An Thạch, núi Chai Hòa Tân. Lũy tre bờ sông Hòa Bình Đông - Hòa Bình Tây, Long Phước, Dân Phước Sông Cầu, gò Vĩnh Phú Hòa Thắng, gò cát Quy Hậu, Quy Khánh (Hòa Trị) Long Hà, Long Thăng, Thị trấn La Hai... là những điểm xung quanh đều có cơ sở cách mạng và quần chúng tốt nhiều.

Do đó, những điểm đó được xác định là căn cứ lõm của Đội Công tác, có thể dung trú đội cả ban ngày và ban đêm không phải về núi, đào hầm bí mật, bố phòng chốt.

Những tám bản đồ thôn đã được ghép lại từng xã và Đảng ủy xã, Đội công tác xã nghiên cứu để làm phương án xây dựng và tiến công, trực tiếp cùng Bí thư Huyện ủy thông qua với Bí thư hay Thường trực Tỉnh ủy. Vấn đề quan trọng là nhìn toàn hình thái bản đồ “Da Beo” đó, mọi người đều thấy chỗ yếu, chỗ mạnh, cơ sở thực tế để tin vào khả năng cách mạng của thôn đó, xã đó.

Qua thực tế trên bản đồ “Da Beo” của từng xã, từng thôn đó mà lãnh đạo góp ý nên chọn chỗ nào làm căn cứ lõm, chỗ nào nên thanh khiết quần chúng để cách mạng làm chủ; xóm nào còn yếu phải tăng cường công tác vận động, giáo dục, tranh thủ, gia đình có khả năng lôi kéo, những gia đình nào có tên xấu phải xử lý bằng nhiều hình thức phù hợp để tạo thêm xóm đó được thuần, thôn xóm nào tổ chức cách mạng còn yếu, cần tiếp tục củng cố nâng lên để làm chủ.

Xác định những nơi có địa hình tốt, dân xung quanh ta nắm được, xây dựng khu vực đó thành căn cứ lõm bao gồm : “Có hầm bí mật, được bố phòng chốt bằng chất nổ, bằng hầm chông, có du kích mật để phục vụ việc bảo tìn và đánh địch, có đường rút lui liên hoàn đến thôn khác...”

Trên cơ sở đó mà đánh địch, phá thế kềm kẹp, giữ đất giành dân tại chỗ ở nông thôn, đồng bằng và ngay vùng ngoại ô, thị trấn, thị xã.

Qua bản đồ “Da Beo” đó, ta có thể tính đến khả năng giải phóng và dân ta làm chủ tăng lên rõ rệt, khả năng huy động nhân tài vật lực tốt hơn; Khả năng bám trụ cán bộ xã - thôn - Đội Công tác tốt hơn, giành quyền làm chủ thiết thực hơn. Vấn đề quan trọng ở chỗ “Dân ai nắm, lòng dân ngã về ai, phục vụ đóng góp cho ai”.

Năm 1973 - khi Hiệp định Paris có hiệu lực thì “vùng Vàng” nhân dân ta cấm cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng hầu hết - “đất và dân thuộc vùng giải phóng cách mạng”. Địch phải dùng quân đội để nhỏ cờ, khủng bố, đàn áp những “ăn cơm quốc gia, thờ ma Cộng sản”.

Thế “Da Báo” Vùng ta vẫn giữ đến chiến dịch lịch sử năm 1975. Ta xác định có khả năng, giải phóng toàn bộ nông thôn, đồng bằng, bao vây thị trấn, thị xã, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng khi có thời cơ, tiến vào giải phóng thị xã, giải phóng Phú Yên là trên cơ sở đó.

3. Phương thức hoạt động vùng “Đỏ” (Vùng giải phóng, vùng của Cách mạng)

Vùng này là vùng căn cứ cách mạng từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, dựa vào rừng núi hiểm trở ở giáp ranh đồng bằng hay vùng căn cứ do đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Từ thời kỳ chống thực dân Pháp, họ đã là vùng căn cứ cách mạng. Có buôn làng ngay từ thời kỳ Pháp cai trị trước cách mạng, thực dân Pháp vẫn không cai trị được. Nhân dân có truyền thống yêu nước, truyền thống đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. Họ căm thù giặc sâu sắc, yêu mến cách mạng, yêu mến Bác Hồ. Ngay khi chính quyền - quân dân tập kết ra miền Bắc, Đảng đã bố trí một bộ phận cán bộ Đảng viên ở lại sống với đồng bào dân tộc thiểu số để lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch nhằm đòi đổi phương phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, phải tổng tuyển cử trong 2 năm. Từ chỗ dựa vùng căn cứ miền núi “Sơn Hòa - Đồng Xuân - Sông Hinh” phát triển ra miền núi, miền biển các huyện Sông Cầu - Tuy An - Tuy Hòa - Thị xã Tuy Hòa thành căn cứ liên hoàn nối liền toàn tỉnh. Các huyện Sơn Hòa - Sông Hinh - Đồng Xuân thành căn cứ của tỉnh. Miền Tây và ven biển các huyện Sông Cầu - Tuy An - Tuy Hòa thành căn cứ của các huyện. Ngay từ năm 1955 cho đến năm 1965, tuy từng lúc địch có đánh phá ác liệt nhằm để xóa bỏ căn cứ cách mạng. Xóa bỏ tổ chức cách mạng và lực lượng cán bộ bất hợp pháp nhưng chúng chẳng xóa được. Có lúc chúng càn quét, bao vây đánh phá liên miên, dài ngày nhưng cán bộ ta nay bám tạm nơi này, nay bám trụ nơi khác, vẫn quần lộn với địch liên tục, dài ngày trong tỉnh - trong huyện mình. Chưa có ngày giờ nào, ta bật ra khỏi địa phương mình.

Từ năm 1959 đến năm 1965, có Nghị quyết 15, ta xây dựng lực lượng vũ trang xây dựng căn cứ địa. Phát động chiến tranh du kích, tổ chức diệt địch, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ vùng căn cứ, bảo vệ buôn làng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất.

Để thực hiện phương châm đó, lực lượng vũ trang (Bộ đội địa phương, dân quân du kích) xã buôn phải xây dựng vững mạnh; được huấn luyện, trang bị vũ khí hiện đại kết hợp với vũ khí thô sơ truyền thống của đồng bào dân tộc: tên nỏ, mang cung... Các lực lượng đó phải gắn bó với nhau, cùng với cán bộ tỉnh huyện được phát động trang bị đánh địch. Mỗi người dân, người cán bộ là người lính. Địch đến là đánh.

Những năm 1966 - 1968, chiến tranh Cục bộ diễn ra. Địch tập trung mọi lực lượng, phương tiện chiến tranh hiện đại như máy bay B52, chất độc hóa học kết hợp với càn quét bằng bộ binh dài ngày;

có quân chư hầu quân Mỹ, quân Ngụy. Nhưng quân đội du kích, cán bộ cơ quan tỉnh huyện vẫn bám trụ tại địa phương mình, đánh địch liên tục, hết chiến dịch này đến chiến dịch khác. Tuy có lúc có nơi có tổn thất nặng nề nhưng lực lượng vũ trang, cán bộ và nhân dân vùng căn cứ tỉnh ta vẫn bám trụ tại chỗ, chưa có một giờ nào bặt khỏi địa phương mình, cho đến ngày giải phóng hoàn toàn.

Có chính quyền xã - buôn làng tự quản năm 1959 - 1960 và có Chính quyền Cách mạng từ tỉnh xuống huyện xã, buôn làng từ năm 1965 để lãnh đạo quản lý và phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống, sức khỏe và học hành của nhân dân vùng căn cứ, hạn chế sự đói cơm lạt muối, rách rưới, đau ốm cho nhân dân. Xã có trường học và cả các trường bổ túc văn hóa, trường trung học bình dân.

Phát động phong trào sản xuất tự túc, dựa vào sức mình để sống. Sản xuất ngày không được, sản xuất đêm. Bò trâu không có, người kéo thay. Phát rẫy, chọc lỗ trồng tria. Đêm sản xuất, ngày ngụy trang. Địch rải chất độc, phải chặt ngay cây để giữ củ. Trồng lúa không được thì trồng mì. Mì của gia đình, của tập thể, của cách mạng. ở đâu, đi đâu cũng phải có rẫy mì. Mì 6 tháng - 1 năm, 2 đến 3 năm. Mì phủ núi để chống đói. Ngoài củ rừng, có cây mít, cây sung, cây chuối cũng là cây chống đói, chống càn - bao vây của địch. Ngoài các loại cây ăn quả, còn có củ bả (Tuy Hòa 1), cây khoai mài (Sơn Hòa, Đồng Xuân), cây môn dóc, cây môn nước, cây cải tàu bay, các giống con - con ếch cụp, con cua núi và các con thuộc thú rừng.

Nạn giải nhất là muối ăn. Ăn không có muối thì ăn không được và người không đi nổi. Do đó, muối đóng bằng lon, bằng nắp cù là, bằng tính hột để bán đổi hay cấp phát cho cơ quan, bộ đội. Một lon muối có thể đổi 1 con heo - 5 con gà hay một bộ quần áo bộ đội, một chiếc radiô. Để khắc phục đói cơm lạt muối, năm 1966 - 1967, nhân dân đồng bằng đã đấu tranh với địch, khơi luồng mậu dịch từ vùng Xanh lên vùng Vàng và vùng Vàng lên vùng Đỏ. Chợ: Bến Đá, suối Phấn, chợ An Lĩnh, chợ An Nghiệp, An Định, Kỳ Lộ bán hàng cho cách mạng - chủ yếu là nhu yếu phẩm, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm. Việc buôn bán này lợi cuốn cả gia đình binh lính ngụy quân, ngụy quyền; không phải chỉ bán cho quân dân Phú Yên mà còn bán cả cho cán bộ Khánh Hòa, ĐakLak, phân khu Nam.

Khi Phú Yên khó khăn, không sản xuất được 1 kg thóc thì đi mua, đi đổi ở Gia Lai. 1 tháng đi, đem về được 10 kg - 20 kg ngô. Người già yếu không mang được nhiều thì của ăn, của đổi, chủ yếu là gửi cái bụng dọc đường có ăn - ở nhà không có ăn. Mang đi 5 kg, đem về 5 kg. Cứ như thế quần bám và đánh địch, mở ra; được nhân dân đồng bằng giúp đỡ đóng góp thì mới giải quyết khó khăn và đi vào sản xuất tự túc.

Gian khổ nhất là bệnh viện - bệnh xá tỉnh, huyện trạm xá xã. Chiến đấu quyết liệt với địch để bảo vệ căn cứ thì thương vong nhiều, phải đưa vào bệnh xá, bệnh viện để điều trị. Bình thường đã gian khổ về cái ăn, cái mặc, cái chữa bệnh. Khó khăn nhất là khi địch càn quét, đổ bộ bằng máy bay trực thăng, ném bom B52. Bình thường chạy trốn tránh cũng không kịp, còn bị bắt, bị giết. Hướng hô 5 - 7 chục bệnh nhân thương tật cụt tay, cụt chân, băng bó cố định không ngồi, không đứng được... Nhân viên bệnh xá, bệnh viện toàn là nữ 19 - 20 tuổi, làm sao di chuyển nổi tài sản, dụng cụ, con người đi đâu? Chủ yếu là leo núi, đồi này gộp nọ để tránh địch. Thế làm sao suốt cuộc kháng chiến 20 năm, họ không bị đánh úp và bắt sống thương bệnh binh nào?

Mỗi lần di chuyển là mỗi lần địch đốt phá, phải xây dựng lại bệnh xá. Xây dựng lại nhà cửa cho bệnh nhân ở trong mùa nắng ráo đã khó; mùa mưa bão vẫn đảm bảo cho thương bệnh binh nằm ấm, ăn đủ no lại càng khó hơn.

Phú Yên với địa hình chia cắt nên khi có thương binh ở địa bàn nào thì nằm ở địa bàn đó (huyện ở huyện, tỉnh ở tỉnh), chứ không chuyển được lên tuyến trên. Như vậy, thực tế khách quan đã đặt ra cho ngành y tế vấn đề là phải xử lý thế nào cho khỏi tử vong. Đó là vấn đề đặt ra hàng ngày hàng giờ cho các bác sĩ, y sĩ, y tá ở các bệnh viện, bệnh xá Phú Yên và họ đã giải quyết được trong suốt 20 năm chiến tranh. Thành tích đó đáng được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang.

Văn Công

Nguyên PBT Tỉnh ủy Phú Yên

Nguyên Trưởng ban Tài mậu tỉnh Phú Yên giai đoạn 4/1961 - 2/1970

HOẠT ĐỘNG HẬU CẦN NHÂN DÂN TRONG CHIẾN TRANH CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC Ở PHÚ YÊN

Sự hy sinh gian khổ trong cuộc kháng chiến kể mấy cho vừa. Nó đã đi vào sử sách, đã trở thành huyền thoại của nhân dân ta. Nếu như thuở xa xưa, Phù Đổng Thiên Vương nhổ gốc tre ngà đuổi giặc Ân thì thời đại Bác Hồ, người Cộng sản và anh Giải phóng quân ăn rau rừng, bắp rang đuổi giặc Mỹ. Chuyện kể hôm nay, các thế hệ mai sau có tin là sự thật ? Hay lại cho là do mấy “lão già khịa ra” để rồi trở thành huyền thoại.

Nghị quyết 15 Trung ương Đảng ra đời. Cuối tháng 12-1959 đến đầu năm 1960, cán bộ, bộ đội Phú Yên tập kết miền Bắc trở về ngày càng đông. Anh ái và anh Châu là cán bộ dân chính, tiếp theo đó là anh Thanh, anh Sáu lùn - cán bộ của lực lượng vũ trang có mặt đầu tiên trên miền đất quê nhà. ở đồng bằng, cán bộ Đảng viên thời kháng chiến chống Pháp bị Mỹ - Diệm khống chế và lực lượng nam nữ thanh niên chạy ra căn cứ tìm cán bộ để tham gia cách mạng. Các đồng chí ở miền Bắc trở về cũng như anh chị em ở đồng bằng lên cứ tưởng vùng căn cứ Giải phóng tuy gian khổ nhưng có thể dễ thở... Nào ngờ sắn, bắp cũng không có ăn; phải ăn cả rau rừng, củ chuối, ổi xanh, sung chát cũng khen ngon; lạt muối, đốt rễ tranh lấy tro ăn cũng khen “đã miệng”!

Tôi và anh Nguyễn Hữu ái được Tỉnh ủy phân công phụ trách công tác khối tài mậu tỉnh gồm: “Tài chính, ngân hàng, mậu dịch, lương thực, sản xuất”. Ban Tài mậu có trách nhiệm phối hợp với hậu cần và các đoàn thể quần chúng nuôi quân, phục vụ kháng chiến.

Nhiệm vụ được giao quan trọng và nặng nề, nhưng trong két của Tỉnh đến hạt muối cũng không có chứ đừng nói đến tiền vàng! Trong lúc lực lượng cách mạng ngày càng phát triển, Tỉnh chẳng những phải đảm đương nhu cầu cho địa phương mà còn phải lo cung cấp cho lực lượng của quân khu nữa. Trước tình hình như thế, chỉ có một cách là đẩy mạnh sản xuất tự túc. Đồng thời, đánh địch mở rộng vùng giải phóng để tạo nguồn thu, tự lực nuôi sống mình. Ngoài ra, không có phương pháp nào khác.

Ta tiến hành cuộc kháng chiến chống tên đế quốc có tiềm lực kinh tế, quân sự giàu mạnh nhất thế giới ! Thế mà chúng vẫn thua Việt Nam. Điều đó dễ gì ai cũng hiểu nổi ? Bí quyết gỡ khó là “vai trò hậu cần nhân dân”. Có dân là có tất cả !

Đồng khởi thắng lợi. Vùng giáp ranh đồng bằng hoàn toàn giải phóng. Đời sống cán bộ, bộ đội cũng đỡ được đôi phần. Trong hoàn cảnh bom rơi, đạn nổ, càng cảm thấy quý, yêu thương từng chút thành tích chăm lo đời sống của nhân dân. Có thể nào tưởng tượng nổi cái đói, cái lạt ở căn cứ Miền tây từ 1960-1961. Từ các đồng chí cán bộ chỉ đạo tỉnh, sĩ quan quân đội đến đồng chí bác sĩ đều biết làm rẫy tự túc, biết gùi sắn, bẻ bắp hái rau. Lâu nay cứ tưởng giải phóng được nông thôn là sướng. Ngờ đâu, đời sống quần chúng ở đây cũng chẳng giàu có gì hơn miền Tây. Đất rộng, nhưng đất pha sỏi đá, đất gò. Mỗi năm chỉ trồng tría một vụ lúa, dựa vào nước trời. Năm nào mưa thuận gió hòa thì có thu hoạch. Năm mất mùa, lương thực chủ yếu vẫn là khoai, bắp, sắn. Rất ít gia đình có số lúa từ hai tấn trở lên. Đồng bào đâu có lòng hảo tâm mấy cũng không đủ sức cung cấp nổi cho lực lượng của tỉnh trên 4000 người đứng trên những vùng này.

Hồi kháng chiến chống Pháp, bà con sinh ra và lớn lên cũng từ mảnh đất này, đời sống chưa hết khó khăn, còn phải thức khuya dậy sớm tận tảo một nắng hai sương. Nhưng đâu hết nỗi khổ như những năm dưới chế độ Mỹ - Diệm. Người dân bị tước đoạt mọi quyền lợi, bị kiểm kẹp, ngăn cấm, ngóc đầu lên không nổi, kiếm được bữa sớm mất bữa tối. Đó là chưa tính đến những tai họa bất ngờ ập tới lúc nào chưa biết.

Bà con ôm ấp hoài giấc mơ cách mạng sẽ về cứu dân cứu nước, anh chị em tập kết miền Bắc sẽ về. Giấc mơ ấy đã trở thành sự thật. Nhiều bà mẹ khi nhìn thấy anh cán bộ cụ Hồ, thấy đơn vị Giải phóng quân trong đó thấy con mình. Mẹ yêu quê hương, yêu con và cả nước yêu quý các con. Tình yêu đó làm cho các anh càng tăng thêm sức mạnh lớn. Các mẹ, các chị và quê hương giang tay đón các anh về nhà. Không ai mong con mình lớn lên bằng mẹ. Không ai mong anh Giải phóng quân lớn lên bằng cô bác xóm làng. Bà má chiến sĩ của các anh Giải phóng quân sinh ra trong đau khổ, má có biết bao nhiêu đồng chí hôm nay không còn nữa. Má thương các anh chiến sĩ bao nhiêu, má càng căm thù giặc bấy nhiêu. Chúng nó buộc tuổi già lợm khòm như các má cũng phải nằm gai nếm mật mà lòng vẫn vui! Vui vì các con đã về, trời đã sáng, đói no sướng khổ có nhau.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển thực lực cách mạng, phục vụ chiến trường trước mắt cũng như lâu dài, cần đẩy mạnh phong trào sản xuất tự túc lương thực có ăn và có dự trữ. TẠO NGUỒN THU TỪ SẢN XUẤT là nguồn thu quan trọng và cấp bách nhất. Tiếp theo là nguồn thu tài vật lực của dân. Nguồn thu của trung ương chỉ viện và nguồn thu chiến lợi phẩm còn rất hạn chế.

Trong sản xuất, vận dụng phương châm “Lấy ngắn nuôi dài”, khẩn trương trồng các loại hoa màu mau ăn để kịp thời chống đói. Cây sắn là cây chủ lực. Có sắn là có lương thực. Sắn chế biến ra bột làm ra nhiều loại thức ăn: Sắn luộc, sắn lùi, sắn hầm, sắn tráng ra bánh đa cuốn rau muống chấm với mắm nêm hoặc tương cũng ngon miệng.

Lá sắn là loại rau xanh luộc hoặc giã nhỏ nấu canh cá, canh cua nêm mì chính rất hấp dẫn. Nếu bọn địch rải chất độc hóa học ta cầm dao chặt sát gốc, thuốc độc không ngấm xuống đất được. Miền Tây và vùng giáp ranh đồng bằng thành rừng sắn. Sắn là loại lương thực chiến lược, nằm dưới đất như một kho ngầm dự trữ. Cần lúc nào, ta đào lên lúc ấy.

Từ căn cứ miền Tây xuống vùng Giải phóng giáp ranh đồng bằng, ở đâu có đất có dân là ở đó có sắn. Cơ quan ở đâu phải trồng sắn ở đó. Quy định chỉ tiêu cụ thể cho từng cơ quan đơn vị và cá nhân. Dân mỗi người trồng 3000 bụi. Cán bộ công nhân viên ở miền núi trồng 1500 bụi, ở vùng giáp ranh

trồng 1000 bụi. Bộ đội trồng 300 bụi. Khách nằm chờ công tác trong các trạm giao liên - tùy theo khả năng. Anh chị em công tác phía sau sản xuất thế cho những người đi công tác phía trước. Anh chị em công tác phía trước (vùng sâu) khi trở về căn cứ phải gửi muối, gạo, chi viện cho anh em phía sau. Mỗi năm, mỗi cán bộ chiến sĩ tự túc lương thực ba tháng. Có sản xuất mới có nguồn thu. Ngoài sản xuất tự túc, tranh thủ động viên nhân tài vật lực vùng sâu. Thu tập trung từng đợt kết hợp thu rỉ rả góp gió thành bão. Thời kháng chiến chống Pháp, Phú Yên là tỉnh tự do. Việc huy động nhân vật lực bằng nghĩa vụ, bằng chính sách, chế độ, đóng góp theo chỉ tiêu được phân bổ, định mức. Nhân dân phải vận chuyển đến tận kho, cân đong hẳn hoi, có sổ sách ghi chép rõ ràng. Người nào khá giả mà tránh né, kéo dài dây dưa thì có pháp luật. Còn bây giờ tình hình khác trước. Ta chưa có chính quyền. Đại bộ phận dân chúng còn trong thế kìm kẹp của địch. Những vùng giải phóng cũ (vùng giáp ranh) địch thường càn đi quét lại, sản xuất đình đốn, ruộng đồng bỏ hoang hóa vì thiếu lao động và sức kéo. Vùng mới giải phóng như: An Lĩnh, An nghiệp, An Định, An Ninh, Hòa Quang, Hòa Kiến, Hòa Định, Xuân Quang, Xuân Sơn và một số xã ở Tuy Hòa 1 như: Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Hòa Đồng, Hòa Phong... là những vùng nhiều thóc gạo, nhiều nhân lực, nhưng ở thế cài răng lược; Xen kẽ giữa vùng địch với vùng ta giống như tấm da báo. Ta địch giành giật nhau từng tấc đất, từng người dân. Hôm nay, thuộc về ta quản lý. Ngày mai có thể lọt vào tay địch. Hoặc ngược lại. Cứ thế diễn đi diễn lại hết năm này đến năm khác. Người dân không ổn định làm ăn. Số quần chúng ở vùng sâu, gần thị trấn thị xã, gần các cứ điểm đóng quân của địch thì ta chưa với tới.

Do đó, việc huy động tài vật lực cần có một hệ thống cơ sở là kinh tế hợp pháp trong từng thôn xóm, nắm chắc từng đối tượng giàu nghèo, động viên tinh thần tự nguyện tự giác, không bắt buộc, cưỡng ép dân. Có nhiều hình thức tạo nguồn thu: Thu động viên đóng góp lúa gạo, tiền vàng. Thu mua tiền mặt. Mua chịu hoặc vay mượn viết phiếu biên nhận nợ trả sau. Ngoài hình thức huy động bằng hiện vật, cần động viên giáo dục quần chúng. Khi bộ đội về làng hoạt động có kế hoạch phân bổ từng gia đình góp gạo hoặc nấu cơm tiếp tế cho bộ đội, cán bộ ăn - cũng tính vào chỉ tiêu huy động, được ghi vào sổ vàng của địa phương.

Tạo ra nguồn thu đã khó, nhưng khó nhất là khâu vận chuyển, bảo quản. Thời kỳ đồng khởi tỉnh dựa vào miền tây và huyện Đông Xuân. Cuối quý 1-1962 - khi “chiến tranh đặc biệt” xảy ra, nguồn lương thực của Đông Xuân và Sông Cầu giao cho tự thu, trang trải cho lực lượng địa phương mình. Lương thực huyện Tuy Hòa 1 dành một phần bảo đảm nhu cầu cho địa phương; một phần cung cấp cho tiểu đoàn chủ lực số 14, Bộ tư lệnh phân khu, Liên tỉnh 3; lương thực còn lại giao trách nhiệm Ban kinh tài huyện làm kho dự trữ. Cần thiết lắm, tỉnh mới sử dụng vì phải qua sông Ba, qua đường số 7 khó khăn vận chuyển.

Lực lượng quân, dân, chính Đảng tỉnh đứng chân tại Sơn Long (Sơn Hòa) vừa cơ động, vừa dựa vào nguồn lương thực, thực phẩm của Tuy An và huyện Tuy Hòa 2. Đầu năm 1966, “chiến tranh cục bộ” xảy ra. Tuy An bị địch càn quét đánh phá. Tỉnh chỉ dựa một phần ở Tuy An để thu mua các nhu yếu phẩm. Lúa gạo - phải đưa vào huyện Tuy Hòa 1 để huy động và thu mua.

Huy động, thu mua đi đôi với cấp phát, vận chuyển. Cấp phát tính theo tiêu chuẩn đầu người của từng cơ quan đơn vị. Mỗi tháng, mỗi người được cấp 7 cân gạo, 9 cân màu. Nếu lương thực nhiều thì cấp một lần 6 tháng hoặc 4 tháng. Lương thực thiếu thì cấp 1 đến 3 tháng. Khi bí quá không đủ cung

cấp bằng thực chất, có thể tạm ứng tiền cho bộ phận quản trị của từng cơ quan và hậu cần tinh đội tự đi mua về cấp phát cho đơn vị mình. Phương châm là có nhiều cấp nhiều, có ít cấp ít, không có không cấp. Cán bộ dân chính Đảng huyện, tỉnh cũng như bộ đội công tác, hoạt động vùng giải phóng hoặc vùng sâu được dân nuôi, quản trị cơ quan và hậu cần quân đội theo dõi thống kê, sau khấu trừ tiêu chuẩn cấp phát, coi như một nguồn thu của ngân sách.

Thu đến đâu thì giao nhận, vận chuyển, cất giấu, bảo quản đến đó. Lực lượng vận chuyển cơ quan nào cơ quan ấy tự lo. Riêng phần lương thực dự trữ phục vụ chiến dịch và những trường hợp đột xuất thì ban kinh tài tự giải quyết.

Trong một cuộc chiến tranh không phân vùng phân tuyến, việc huy động dân công làm kho dự trữ lương thực là tối kỵ. Cán bộ nhân viên từng cơ quan phải trực tiếp làm để bảo đảm bí mật. Tự chọn hướng, chọn địa điểm, chọn kỹ thuật xây dựng các loại kho nổi, kho ngầm, kho cấp phát hàng ngày. Kho dự trữ không để thú phá, bom đạn cày xới và địch đốt phá.

Nhu cầu đời sống của lực lượng cách mạng và nhân dân vùng căn cứ, vùng giải phóng đâu phải chỉ là lúa gạo mà thôi. Cần rất nhiều thứ: vải mặc, muối, nông cụ, thuốc chữa bệnh, dầu thắp sáng, giấy, đồ dùng kim khí... Muốn tạo được nguồn hàng, trước hết ngành thương nghiệp, mậu dịch phải đẩy mạnh phong trào đấu tranh kinh tế với địch; xây dựng và phát triển mối quan hệ giao lưu giữa vùng địch với vùng ta, giữa đồng bằng với miền núi, giữa nông thôn với thị xã, thị trấn.

Ta xây dựng nhiều cơ sở hợp pháp và nửa hợp pháp - kể cả cơ sở thuộc các thành phần tư sản, vợ con binh sĩ ngụy có tinh thần yêu nước, tiến bộ.

Ta sử dụng chị em các thành phần này. Họ có điều kiện trực diện đấu tranh với địch, địch ít nghi ngờ. Ta xoi nhiều nguồn hàng, mở nhiều cửa khẩu bằng mọi cách, ở mọi nơi và mọi hướng, dút chỗ này có chỗ khác. Trên thực tế, có những cửa khẩu và luồng hàng tồn tại suốt 15 năm (1961-1975). Đó là những cửa khẩu như: ấp rượu, An Chấn, An Mỹ, chợ Đèo (Tuy An); Lệ Uyên, Trung trinh, Tuyết Diêm, Triều Sơn (Sông Cầu); Dưới Thê (Hòa Quang), Hòa Định, Hòa Thắng (Tuy Hòa 2); Đồng Dài, Phước Nhuận, Phước Huệ (Đồng Xuân); Bến Đá, Đồng lớn, Lạc Đạo, Hòa Mỹ, Hòa Thịnh, Hòa Phong, Hòa Bình (Tuy Hòa 1)... Địch dùng mọi thủ đoạn đánh phá bao vây vẫn không ngăn cản nổi làn sóng đấu tranh của nhân dân các cửa khẩu. Ta còn xây dựng được mạng lưới thương nghiệp, phát triển được luồng hàng, nắm được lực lượng tư thương, bám được địa bàn, khai thác được nguồn hàng, giải quyết được mối quan hệ trao đổi hàng hóa giữa vùng địch với vùng ta. Mỗi luồng hàng, mỗi cửa khẩu tuy mua được không nhiều, nhưng hàng trăm điểm thu mua dồn lại thành khối lượng lớn.

Đi đôi với phát động phong trào sản xuất tự túc, khai thác nhân tài vật lực phục vụ chiến trường, tỉnh kịp thời đề ra một số chính sách để thử nghiệm trong vùng giải phóng. Đó là: Chia ruộng đất công điền, công thổ cho dân nghèo. Tịch thu ruộng đất của bọn ác ôn, bọn ngụy quyền cướp của dân nghèo trả lại cho chủ cũ. Ruộng bỏ hoang hóa của dân bị địch dồn vào ấp chiến lược, hoặc trốn quân địch bỏ quê đi xa kiếm sống được giao cho nông dân mượn sản xuất. Trong những năm bị thiên tai, hoặc dân phá ấp trở về quê cũ, tỉnh trích một phần ngân sách cứu trợ - mua sắm nông cụ, hỗ trợ sức kéo, ổn định nơi ăn chốn ở tạo điều kiện cho dân sinh sống, phát triển sản xuất.

Nguồn sống chính của đồng bào hai huyện Tuy Hòa đều dựa vào cánh đồng lúa và nguồn nước tưới của đập Đồng Cam. Nếu đập Đồng Cam bị vỡ không chỉ Tuy Hòa bị đói mà còn ảnh hưởng đến

nhân dân toàn tỉnh. Bảo vệ đập Đồng Cam không chỉ là việc của đồng bào vùng giải phóng. Đồng bào vùng địch cũng trực diện đấu tranh với bọn ngụy quyền cấp tỉnh, cấp huyện, yêu cầu chúng phải có trách nhiệm tu bổ, bảo vệ. Nếu vỡ đập, mùa màng thất bát, đồng bào vùng địch sẽ bị đói khổ hơn là đồng bào vùng giải phóng. Chính vì vậy mà buộc địch không dám phá hoại đập Đồng Cam.

Cuối năm 1964 đến cuối năm 1965, vùng giải phóng mở rộng. Ta quản lý 2/3 số dân trong tỉnh, tiếp tục đẩy mạnh phong trào trồng sắn, mở nhiều đợt huy động nhân tài vật lực tận vùng sâu, vùng ven thị trấn - thị xã. Ta rút hàng ngàn thanh niên tham gia lực lượng vũ trang. Ta huy động hàng ngàn tấn lương thực, hàng chục triệu đồng. Nguồn huy động đó đủ cung cấp cho lực lượng quân - dân, chính Đảng tám ngàn người trong tỉnh và gần 2000 người của quân khu đứng chân ở Phú Yên chi viện cho chiến dịch lớn ở Đắk Lắk, Khánh Hòa theo lệnh của quân khu. Ta đủ khả năng cung cấp lương thực, thực phẩm và các yêu cầu phục vụ chiến trường để mở những trận đánh lớn ở Tuy Hòa 1 tháng 10-1965 và trận đánh ở Đèo Quán Cau tháng 11-1965, tiêu diệt trung đoàn chủ lực 47 ngụy, góp phần đánh bại “chiến tranh đặc biệt” trên phần đất Phú Yên.

Bên cạnh thắng lợi về quân sự, chính trị, công tác kinh tế cũng có bước phát triển khá, bước chân ra khỏi nhà máy là thấy sắn. Sắn mọc trước mặt, sắn sau lưng. Sắn trên đồi, dưới gò. ở đâu cũng thấy sắn. Đi đâu cũng gặp sắn. Những cán bộ làm kinh tế chúng tôi lúc bấy giờ cảm thấy mình đang ngồi trên hệ thống kho ngầm, chứa đầy lương thực, phấn khởi biết bao !

Giai đoạn này ta, có đất, có dân, có quân đội hùng mạnh. Địch thì co cụm nằm bẹp trong các chi khu. Nhiều người cứ tưởng “hết cơn bão cực đến ngày thái lai” rồi. Do đó dẫn đến chủ quan mất cảnh giác, thấy thuận lợi mà không thấy hết khó khăn. Một bộ phận cơ quan, đơn vị bỏ sản xuất ở căn cứ, để chim, thú phá dòi điếm sản xuất xuống đồng bằng. Có hiện tượng sử dụng gạo lãng phí, thiếu tính toán, không chịu ăn màu. Hàng hóa Trung ương chi viện không muốn đi nhận và ngại đường xa.

+ Đầu tháng 1-1966, địch phát động “Chiến tranh cục bộ”, đánh vào huyện Tuy Hòa 1. Sau đó, chúng đánh ra Tuy An và khắp toàn tỉnh. Hàng chục ngàn lính Mỹ, Nam Triều Tiên, lính ngụy với đủ loại vũ khí hiện đại kể - cả máy bay B52, chất độc hóa học - càn quét, đánh phá có tính chất hủy diệt. Nhà bị đốt. Ruộng vườn bỏ hoang hóa. Đồng bào lớp bị bắn giết, lớp bị dồn vào ấp chiến lược. Các cửa khẩu mua bán, trao đổi hàng hóa bị phong tỏa.

Các con đường từ căn cứ xuống đồng bằng, các bìa núi thường xuyên bị địch phục kích. Không một khu rừng, không một góc núi nào vắng tiếng bom rơi đạn nổ. Đời sống cán bộ, bộ đội và nhân dân vùng giải phóng cực kỳ khó khăn. Hoa màu bị chất độc hủy diệt. Nhờ có những rẫy sắn lâu năm còn lại ít bị nhiễm chất độc mà khỏi tắt bữa.

Trước tình hình cực kỳ khó khăn ấy, tỉnh chủ trương phân tán lực lượng, bám sát các địa bàn, thực hiện ba cùng với nhân dân. Chủ trương này vừa giải quyết được cái ăn, vừa tận dụng được nhân lực tại chỗ phục vụ chiến đấu, vừa bảo đảm nhân dân sản xuất. Những trường hợp mở chiến dịch hoặc tổ chức những trận đánh lớn mới tập trung lực lượng.

Vận dụng phương châm đấu tranh chính trị, quân sự kết hợp kinh tế, ta phát động quần chúng nông thôn phối hợp với quần chúng đô thị đấu tranh với bọn ngụy quân, ngụy quyền; đòi chúng không

được ngăn cản quan hệ giao lưu, ngăn sông cấm chợ, buộc chúng bồi thường thiệt hại về tính mệnh tài sản cho đồng bào do chúng gây ra.

Về phương pháp huy động tài vật, ta cũng chuyển hướng theo tính chất ác liệt của cuộc chiến tranh. Ta vận động đồng bào vùng sâu, vùng đang tranh chấp, huy động đóng góp một cách rỉ rả, tránh huy động ồ ạt, dứt chỗ này còn chỗ khác. Dù địch có gian ngoan xảo quyệt mấy cũng không bao vây phong tỏa hết. Bao vây phong tỏa nơi này còn nơi khác. Không được xem nhẹ công tác sản xuất. Sản xuất đến đâu, bố phòng chống địch, chống thú rừng phá hoại đến đó. Một nguồn thu thiết yếu nữa là hàng Trung ương chi viện “Giai đoạn chiến tranh đặc biệt”, ta có thể tự túc được, nhờ vùng giải phóng còn đông dân, kinh tế còn nhiều khả năng khai thác nên ít nhận hàng chi viện của Trung ương. Đến giai đoạn “chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”, nguồn thu chi viện của trung ương hết sức cần thiết. Hàng hóa trung ương chi viện không phải bằng tiền, bằng gạo mà bằng vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế... khối lượng ngày càng nhiều. Trước kia, phải đi gùi hai ba tháng mới được một chuyến. Cuối năm 1972, Trung ương mở thêm đường ngang, mỗi chuyến cả đi lẫn về chỉ có 7 ngày, khó khăn dần dần được vượt qua tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng phát triển không ngừng, góp phần cùng cả nước làm nên chiến thắng.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ. Đế quốc Mỹ đã mở một cuộc chiến tranh quy mô ác liệt chưa từng có. Miền Nam nói chung, Phú Yên nói riêng coi như: “phòng thí nghiệm dã ngoại” của chiến tranh điện tử, chiến tranh hóa học, chiến tranh khí tượng. Đế quốc Mỹ đem thí nghiệm các loại vũ khí giết người hàng loạt. Khi gần ký hiệp định Pari, Mỹ càng mở rộng chiến tranh. Nhân dân tỉnh ta cùng với nhân dân miền Nam siết chặt tay hỗ trợ nhau hợp đồng đánh bại chúng.

Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược, nhân dân Phú Yên đã thắt lưng buộc bụng, ăn bữa sắn, bữa khoai, dành gạo để nuôi quân, chi viện cho các chiến trường. Chín năm kháng chiến chống Pháp, 21 năm đánh Mỹ cứu nước, nhân dân Phú Yên đã đảm bảo cho lực lượng của Trung ương và của địa phương khoảng 35.000 tấn lương thực, chưa kể các khoản chi phí cung cấp khác như muối, vải, các loại thực phẩm.... Ngoài việc lo cái ăn cái mặc, đồng bào còn đóng góp hàng chục vạn ngày công phục vụ chiến đấu...

Nhân dân Phú Yên rất đỗi tự hào là đã luôn luôn sát cánh với đồng bào cả nước ở tất cả các giai đoạn của cuộc đấu tranh, từ thời kỳ đen tối nhất cho đến thời kỳ của những trận chiến thắng oai hùng khi kết thúc, thực hiện xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ lịch sử giao phó. Vai trò của nhân dân thật là vĩ đại. Đúng như lời Bác Hồ đã dạy “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”

Tháng 6-2000

Văn Công

(Nguyên bí thư Chi bộ Thổ Lô giai đoạn 1951-1960)

BÀI HỌC KINH NGHIỆM VẬN ĐỘNG QUÂN CHÚNG VÙNG THỔ LÔ

(80 năm Pháp đô hộ, chúng không tổ chức được
chính quyền tay sai ở nơi này)

Thồ Lô - miền đất xa xăm, heo hút. Một miền đất mà ngay cái tên gọi cũng dường như chưa có trên một bản đồ nào.

Thồ Lô - một thổ âm của các bộ lạc người Bana ở vùng tây bắc Phú Yên. Xưa kia họ ở đầu thượng nguồn sông Ca-Liệt (phía đông nam huyện Đắc Bớt tỉnh Gia Lai). Sau đó, chuyển dần xuống phía đông nam huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định (giáp giới xã Phú Mỹ tỉnh Phú Yên).

Một miền đất màu mỡ chen vào những vách núi đá cheo leo, những tầng cây lâu năm trầm mặc như khêu gợi, nhắc nhở con cháu muôn đời sau bao kỳ tích thuở hoang sơ mà cha ông đã từng khai phá, đã từng đắng cay và hy vọng...

Đầu năm 1950, đoàn cán bộ xây dựng phong trào miền núi đầu tiên của tỉnh đặt chân lên vùng đất này gồm có anh Cao Xuân Thiêm, anh Ma Noa, Mo Cử. Chúng tôi được nghe các (chủ làng) kể chuyện.

Theo lời chủ làng thì từ trước khi Gia Long lên ngôi hoàng đế, nhìn chung các buôn làng ở đây đều sống và làm ăn khá, mặc dầu có năm thiên tai hạn hán lũ lụt, có năm động rừng thú dữ ủa về tàn phá nương rẫy, có năm hạt lúa cũng lép xẹp như bụng người... Dù thế nào thì buôn làng cũng vẫn sống trong đùm bọc, yêu thương.

Bọn chúa phong kiến nhà Nguyễn đã gây ra bao đau khổ cho dân tộc. Ruộng đất màu mỡ của người dân có được sau bao năm khai phá lần lượt rơi vào tay bọn thổ hào. Những kẻ khốn cùng, các bộ lạc bị áp bức đã nổi dậy chống bọn vua quan nhà Nguyễn.

Đã có thời kỳ dân Thồ Lô bắt gặp nghĩa binh Tây Sơn. Họ vui lòng để cho những hiệp sĩ “áo vải cờ đào” ẩn nấu trong nương, trong rẫy. Bọn vua chúa nhà Nguyễn cũng biết lòng dạ nhân dân Bana nên chúng không nguôi mối thâm thù. Chúng coi họ như loại người man rợ, chưa biết gì phong hóa. Chúng đặt ra chế độ “trấn quan” để dễ bề theo dõi, kiểm soát...

Mỗi lần vua quan nhà Nguyễn đi kinh lý là mỗi lần chúng gieo khủng khiếp cho dân. Bọn cường hào có dịp thông đồng với lũ tùy tùng mặc sức vợ vét, cướp bóc thóc gạo, trâu bò, ngựa voi, lợn nhung, mật ong... tha hồ hãm hiếp phụ nữ, bắt đàn bà con gái về làm nàng hầu...

Các bộ lạc ngày càng ngao ngán, bất bình. Họ nung nấu ý chí căm thù, quyết đấu tranh tìm con đường sống, cho dù có phải rời quê hương xứ sở để đi tìm tự do.

Những người chung dòng máu, những người anh em kết nghĩa, những người cùng bộ tộc - họ thì thâm với nhau trong đêm tối. Họ thề cùng sống chết với nhau trọn đời, trọn kiếp, chuẩn bị lên đường đi tìm
đất
sống !

Họ khiêng gánh đồ đạc, gùi công em thơ, bỗng bẻ dắt nhau ra đi. Không biết bao ngày, bao đêm, họ vượt qua mấy ngọn núi, mấy con suối. Thú dữ tấn công họ. Rễ cây, gai góc ngáng đường họ... Họ cứ đi. Những người yếu sức đã gục chết trên tay người thân yêu. Chôn cất người chết xong, người sống lại bẻ cây rừng làm gậy chống đi tiếp. Họ cứ đi, đi mãi...

Họ đã đến một nơi chưa có dấu chân người qua lại. Nơi ấy miền đất mới - miền đất của tự do ! Đó là nơi có con sông Kờ-ron (Sông Bà Đài hoặc sông Kỳ Lộ) êm đềm, nơi có những dòng nước trong xanh của hàng chục con suối lớn từ lòng đất mẹ chảy tới tạo nên dòng sông tràn đầy vẻ đẹp thơ mộng, huyền ảo. Suối Xoa, suối Hà Đang, suối Và Tông, suối Aga, suối Mum, suối Cát, suối Pốp, suối Kờ Hồ... như những dòng sữa ngọt ngào tươi mát. Họ quyết định ở lại nơi này, không thể tìm đâu ra miền đất nào lý tưởng hơn. Đây chính là đất sống, đất tự do.

Họ ngẩng đầu nhìn bốn phía. Những ngọn núi cao như núi Bơ-cơ-lông tiếp ngọn núi cao Chăm-Băng từ từ nhô lên chạm tới đỉnh trời. Rừng tiếp rừng. Những thân cây cổ thụ xum xuê lá cành xoã rộng như đôi cánh chim phượng hoàng vẫy chào đoàn khách lạ. Tiếng chim kêu và tiếng đàn vượn tiếng hú. Những đàn voi, hươu nai, chó sói... nghe tiếng động lũ lượt từ rừng sâu cũng kéo nhau xâm nhập vào vương quốc thánh bình của chúng. ánh nắng chiều dần tắt. Trăng lên. Cỏ non mượt mà, hớn hờ nhảy múa theo điệu vũ, có tiếng kèn đệm của vô số côn trùng không tên. Bức tranh thiên nhiên lộng lẫy, kỳ vĩ làm say đắm lòng người.

Cuộc sống dần dần ổn định. Nỗi nhớ quê hương đất tổ xưa được an ủi xoa dịu bởi những sản vật phong phú của vùng đất mới. Những tên thổ hào, bọn gian thương người kinh, bọn cường hào nhà Nguyễn từ nay khuất mắt ! Tự do ! Tự do ! Từ nay trở đi, tha hồ hít thở không khí trong lành tươi mát! Từ nay trở đi họ sống để yêu thương nhau, để trở thành bất tử !

Đến vùng đất mới, họ sống bằng nghề phát rẫy, làm nương, săn bắn. Họ tìm nhặt những mẫu kim loại, những mảnh sắt vụn, lắp ghép, mài dũa thành những công cụ mới. Họ vót cây nhọn, đào lỗ để gieo hạt. Họ tự trồng bông, kéo sợi, dệt vải. Họ vất đất nặn nồi, nặn chén bát, cắt lá dứa đan chiếu. Thiếu muối, họ đốt rế tranh ăn. Họ bứt thêm các loại lá chua trong rừng nấu canh. Thỉnh thoảng, họ gùi lâm sản, trao đổi với đồng bào các vùng xung quanh để mua sắm những đồ dùng cần thiết. Mọi thứ họ đều tự túc.

Họ toại nguyện với cuộc sống bộ lạc, gắn bó máu thịt với quê hương mới. Họ thấy chẳng cần đi đâu xa, chẳng cần biết đến ai và cũng chẳng cần ai biết đến họ để làm gì !

Một vài buôn làng khác xa xa, tình cờ gặp gỡ cũng dần dỗi tới làm quen để trao đổi buôn bán. Thấy cảnh sống có vẻ dễ chịu trên đất Thổ Lô, một số gia đình đồng bào Chăm ở xã Đá Mài, Phú Mỡ, Văn Canh cũng tìm đến họ, xin được cùng chung sống.

Dân Thổ Lô ngày càng đông. Họ phân tán ở rải rác từng chòm. Mỗi chòm, dăm bảy hộ. Họ phải phá rừng, phải khai thác đất hoang, lập thêm buôn làng mới. Từ sau 1945, ngoài tiếng Bana, họ còn dùng thêm tiếng Chăm và học nói tiếng kinh bập bõm để giao dịch.

Dưới chế độ phong kiến, bọn có thế lực tự xưng là “tù trưởng”,.Quyền lợi của cả khu vực hoặc trong một buôn đều thuộc “tù trưởng” định đoạt. Tú trưởng này không khuất phục tù trưởng kia, bởi vì người nào cũng có thế lực riêng của mình. Dân buôn nào theo “tù trưởng” buôn ấy. Bên cạnh “tù trưởng” có đám “thầy cúng” vẽ ra nhiều tục lễ mê tín dị đoan. Họ cho “thầy cúng” là những người được thần linh ủng hộ Ta đến Thổ Lô, gặp vô số những tập tục. Không tục lễ nào giống tục lễ nào. Tục lễ nào cũng khát khe, cũng phải cúng gà, cúng heo, cúng bò, thậm chí gây hậu quả không lường như chém giết, đốt phá buôn làng khác... Chính những tập tục lạc hậu và hành động quá khích của một số

“tù trưởng” và bọn “thầy cúng” đã gây mất đoàn kết với một số buôn làng xung quanh. Từ đó, bọn xấu thù dệt thêm làm cho huyện thoại về Thổ Lô trở thành hoang đường.

Trong lúc đó, bọn thực dân Pháp ở đồn Văn Canh (Bình Định) tìm cách chinh phục, mua chuộc, săn đuổi bằng mọi phương kế hòng đặt ách bóc lột, áp bức nặng nề hơn, man rợ hơn. Chúng vạch kế hoạch nắm cho được chủ làng, tổ chức bộ máy chính quyền cơ sở để nắm dân “chia để trị”, chúng gây mất đoàn kết nội bộ các dân tộc, đề phòng các phong trào yêu nước nổi dậy nhất là từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Bọn chúng thừa hiểu đồng bào Chăm vùng Đá Mài, Phú Mỹ, đồng bào Bana, Thổ Lô vốn là căn cứ, là hậu phương trực tiếp của phong trào yêu nước do các thủ lĩnh Bá Sự và Võ Trứ phát động, xây dựng trước kia đã làm cho chúng điên đảo. Đã nhiều lần bọn đồn Tây ở Văn Canh (Bình Định) và bọn đồn Tây ở La Hai (Phú Yên) kéo cả trung đội lính lên đàn áp, vẫn bị đồng bào chống lại. Suốt 80 năm đô hộ bọn thực dân Pháp vẫn không tổ chức được chính quyền tay sai ở vùng này.

Cách mạng tháng 8-1945 thành công đã mấy năm mà vùng Thổ Lô vẫn chưa tổ chức được chính quyền và các đoàn thể cách mạng do thiếu cán bộ - Họ chưa biết cách mạng là gì ? Chính phủ là gì ? Cụ Hồ là ai ? Một số già làng vẫn rủ nhau đi “làm nợ” hết làng này qua vùng khác.

Thật ra từ đầu năm 1947, Tỉnh đã cử một đoàn cán bộ lên “tuyên truyền giáo dục”. Thế nhưng chuyến công tác này vẫn mang tính chất kinh lý, cỡi ngựa xem hoa. Họ chọn một số chủ làng, giao việc cho mấy ông này rồi lạng lẽ rút lui. Rốt cuộc chỉ còn lại trên giấy tờ mấy cột danh sách, mấy tên người, ông “buôn trưởng” này, cụ “chủ tịch” nọ. Thổ Lô vẫn cứ Thổ Lô. Rừng xanh, núi cao vẫn bùng bít tầm mắt họ. Bọn hương lý cũ, bọn gian thương từ dưới xuôi lên vốn chẳng ưa gì cách mạng lại mon men tuyên truyền xuyên tạc, bóp méo sự thật làm cho đồng bào Thổ Lô vốn đã không biết gì lại càng hoang mang. Nguy hiểm hơn, bọn này còn khoét sâu thêm mối nghi ngờ giữa người dân tộc với người dân tộc, giữa người dân tộc với cán bộ cách mạng. Bên cạnh đó thì phía sau lưng vùng Thổ Lô (tiếp giáp với huyện Đắc Bớt tỉnh Gia Lai), bọn Pháp đóng đồn Tú Thủy, An Khê thả bọn gián điệp lũng sâu vào dân, bắt mối xây dựng điệp ngầm, tung tin đồn nhảm, gây rối nội bộ nhân dân, kích thích nghề đi “làm nợ”. Có vụ Thổ Lô rủ nhau trên hai trăm người tham gia, xuống làng Thanh cướp phá, năm 1951, Tỉnh phải phái một tỉnh ủy viên và một số cán bộ thông thạo, am hiểu tình hình và tập quán của đồng bào lên mới giải quyết được.

Giữa năm 1951, bọn Pháp ở Ma-đơ-rắc, Cheo reo (Đắc Lắc, Gia Lai) đóng chốt một hệ thống đồn bót giữa giáp ranh hai tỉnh Đắc Lắc và Phú Yên, trải dài từ buôn Thu, buôn Hai Riêng, Cà Lúi, Ma Phu, Chánh Đông, lên tận Ai Nu. Các xã Ha Roi thuộc huyện (Sông Hinh) xã Suối Trai, Kơ-rônpa, xã Cà Lúi thuộc huyện (Sơn Hòa), xã Bầu Bèng thuộc (khu B) bị địch thường xuyên hành quân uy hiếp. Chúng tiếp tục lấn chiếm, mở rộng “vết dầu loang” hòng uy hiếp đồng bằng.

Trước tình hình nghiêm trọng này, Tỉnh thành lập ban cán sự khu A gồm các xã miền núi Sơn Hòa, ban cán sự khu B gồm các xã miền núi Đồng Xuân để thống nhất chỉ đạo. Ta ra sức xây dựng vùng căn cứ miền núi vững chắc, làm chỗ dựa cho đồng bằng. Đồng thời, Tỉnh thành lập Đội vũ trang công tác tên gọi là đội Công tác 250 do tỉnh đội trực tiếp quản lý để xây dựng miền tây, sau đó chuyển hướng lên trực tiếp xây dựng vùng Thổ Lô, Phú Mỹ. Tỉnh nhận định - nếu chiến tranh lan rộng, thì

vùng Phú Mỹ, Thổ Lô sẽ là hậu cứ an toàn nhất, vững chắc nhất, nơi giáp ranh giữa ba tỉnh Phú Yên, Bình Định, Gia Lai, nơi có thể xoi nhiều con đường giao liên chiến lược xuyên suốt từ Nam ra Bắc.

Đội vũ trang công tác được biên chế gọn nhẹ. Tỉnh chọn một số sĩ quan bên tỉnh đội có trình độ chính trị, năng lực công tác, có tư cách đạo đức, chịu đựng được gian khổ, biết vận động quần chúng như các anh Khôi, anh Bút, anh Phát, anh Nhơn... Tỉnh ủy biệt phái một số cán bộ dân chính qua như anh Ma Noa, Ma Khỏe, Ma Nhót. Đội do anh Cao Xuân Thiêm phụ trách kiêm Bí thư chi bộ.

Trước khi xuống bảm địa bàn, anh Lê Thứ - Bí thư tỉnh ủy và anh Đức - Tỉnh đội trưởng căn dặn anh em : “Các đồng chí là những cán bộ xây dựng phong trào quần chúng cách mạng miền núi. Bất cứ một chủ trương, chính sách gì của Đảng cũng có nội dung mục đích cụ thể. Ta phải đạt cho kỳ được nội dung mục đích đó. Trách nhiệm cao nhất của người cán bộ Đảng viên là lợi ích của Đảng, của nhân dân là trên hết. Đội Công tác 250 bằng bất cứ giá nào cũng phải xây dựng vững chắc vùng Phú Mỹ, Thổ Lô, biến vùng này trở thành vùng căn cứ bất khả xâm phạm”. Lời căn dặn của các đồng chí lãnh đạo tỉnh vừa chân thành vừa đượm tình thủ trưởng cấp trên đối với cấp dưới làm cho anh em chúng tôi hết sức xúc động. Anh em chúng tôi hứa với các đồng chí lãnh đạo sẽ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Chia tay các thủ trưởng, đơn vị 250 bắt đầu hành quân từ Phú Tân (Tuy An) ra đến ga Phước Lãnh. Phước Lãnh là một thị tứ nhỏ nằm trên trục đường số 6, song song với đường xe lửa nối liền La Hai với Văn Canh (Bình Định). Tuy là thị tứ nhỏ nhưng cũng vui vẻ nhộn nhịp. Ngủ đêm tại Phước Lãnh, ăn cơm sáng xong, đội 250 men theo lối mòn đường rừng lên làng Xí (xã Phú Mỹ), vừa đi vừa ghi chép những địa danh và vẽ bản đồ những nơi mình đi qua. Tới buôn làng nào, cũng vào làm quen để nắm tình hình. Qua khỏi phần đất xã Phú Mỹ, đến buôn Cà Te là sang phần đất của huyện Văn Canh (tỉnh Bình Định) giáp giới với buôn suối Cát xã Thổ Lô. Nghỉ lại buôn Cà Te một ngày, sáng hôm sau từ già bà con buôn làng Cà Te. Bước chân vào vùng đất mới Thổ Lô, vừa đúng 5 giờ chiều ngày 15/12/1952. Đó là giây phút lịch sử đáng ghi nhớ đối với đội vũ trang Công tác 250.

Chiều dần buông xuống. Mặt trời khuất sau núi. Anh em chúng tôi chân bước đi mà lòng bồn chồn thấp thỏm. Vừa sợ, vừa lo! Đường lên Thổ Lô có dễ đâu! Đã vậy lòng người Thổ Lô chắc gì êm xuôi !

Buôn suối Cát nằm sát chân núi Châm Băng (là căn cứ của thủ lĩnh Võ Trứ chống Pháp năm 1898) vắng lặng. Dân làng săn thú chưa về. Trong buôn còn lại mấy bà già và phần đông là các cháu nhỏ đang xúm xít đùa với nhau dưới chân nhà sàn. Thấy có người lạ vào buôn, một vài người già và trẻ em đưa cặp mắt lơ lơ, chòng chọc nhìn đây về khó chịu. May có anh Ma Noa, anh Ma Cử - hai cán bộ người Bana đi trong đoàn. Nếu không, chúng tôi cảm thấy đơn độc, bối rối biết chừng nào.

Màn đêm dần dần bao trùm. Bếp đã bắt đầu đổ lửa. Dân làng đi săn thú mới về. Một con nai bị chó sói đuổi, cắn chết nằm trong rừng, được dân làng tìm ra, khiêng về. Đám người đi săn coi đó “điềm may”, của “trời cho”.

Bà con trong buôn tíu tít leo lên nhà rông, hớn hởi reo vui với đám thanh niên đi săn thú. Số đông dân làng đi làm rẫy cũng lục đục kéo nhau về trông như những pho tượng đồng đen biết đi. Đàn bà bận một lớp “ên”. Đàn ông quần một lớp khố, đầu búi tóc gài lược, cà răng cặng tai. Người nào cũng cầm

rựa, vai khoác ná, hông dắt con dao nhọn. Dường như họ chẳng nhìn ra, chẳng quan tâm gì đến anh em chúng tôi đang im lặng ngồi quanh đó như những hòn đá.

Họ nhìn anh em chúng tôi bằng con mắt hằn học, lạnh nhạt, những con mắt đen nháy mà chúng tôi ghi nhớ suốt đời. ở trong nhà rông họ đóng một cái cùm chân lù lù giữa nhà. Hai bên vách treo đầy những mũi tên tẩm thuốc độc đen ngòm, giăng hàng những chiếc ná, những lưỡi dao nhọn dài sáng loáng. Những cây lao nhiều cạnh treo, gác hỗn độn khắp nơi. Hình như chưa đủ làm cho người ta khiếp sợ, họ còn treo lủng lẳng những đầu vượn, gạc nai, hàm lợn rừng, ngà voi, hàm răng beo, răng cọp và nhiều bộ nanh vuốt các loài thú khác!

Khi ông Ma Ôn chủ làng vừa bước chân vào nhà rông mọi người đứng dậy. Ông cầm chiếc tẩu dài ba tấc, miệng bập phà rít, phun khói trùm cả mặt mình, phủ xuống cả mặt anh em chúng tôi. Có thể đoán ông đã hơn sáu mươi tuổi, nhìn ông như một chóp núi quỳện trong mây mù. Ông xếp bằng ngồi bên bếp lửa hồng hực. Ông trừng mắt nhìn anh em chúng tôi, không chào hỏi gì cả. Anh Ma Noa xáp tới gần ông khẽ vỗ vai mời ông hút thuốc. Đột nhiên, ông quay lại chúng tôi. Ông hất hàm hỏi kháy :

- Bọn bay ở dưới đồng bằng lên phải không ?

- Dạ phải - Chúng tôi nhất loạt trả lời

- Lên đây có chuyện gì ? Bọn bay tự giới thiệu là “cán bộ Cụ Hồ”. Thế là còn hai thằng người thượng (Trong vụ giải quyết vụ Thổ Lô đi “làm nợ” làng Thanh đầu năm 1952 có mặt của anh Ma Noa, Ma Cử bây giờ ông ta nghi ngờ...) kia cũng có mặt trong “vụ làm nợ” ở làng Thanh tháng trước ? Sao vậy ? Hử !

Không đợi trả lời, ông chủ làng hỏi nhiều câu dồn dập làm anh em chúng tôi không biết xoay xử cách nào để có thể tranh thủ, thuyết phục được ông ta.

Thấy tình hình căng quá, Đội trưởng 250 đứng dậy, đến trước mặt chủ làng, nói tiếng kinh. Anh Ma Noa, Ma Cử dịch ra tiếng Bana :

- Thưa chủ làng ! Chúng tôi là cán bộ cụ Hồ lên đây thăm sức khỏe và đời sống đồng bào. Khi nào công việc nương rẫy xong, có thời gian rảnh rỗi xin mời chủ làng và bà con ta xuống Phước Lãnh, La Hai chơi để biết thêm tình hình đất nước ta. Đất nước ta, quê hương ta độc lập tự do rồi. Mời dân làng xuống thăm tỉnh để mua sắm thêm nông cụ, muối về dùng.

Chủ làng rút tẩu thuốc khỏi miệng, sừng sốt giọng hằn đi :

- Cụ Hồ là ai ? ở đâu ? Con kinh hay con thượng.

- Thưa chủ làng, cụ Hồ là người cha chung của dân tộc Việt Nam ta - Cụ Hồ hướng dẫn người kinh, dìu dắt người thượng vùng lên đánh thằng Tây, đuổi thằng Nhật ra khỏi đất nước, đem lại tự do độc lập, cơm áo cho đồng bào. Cụ Hồ thương đồng bào lắm. Vì thương dân, cụ mới phái anh em chúng tôi lên đây nói cho bà con biết đất nước ta độc lập tự do lâu rồi. Thằng Tây, thằng Nhật chạy, nhưng bây giờ thằng Tây lại quay trở lại... Vậy nên bà con kinh, bà con thượng mình phải đoàn kết lại, cùng nhau đánh đuổi thằng Tây đi. Bà con phải chăm lo sản xuất, làm ra thật nhiều lúa bắp sắn để cái bụng khỏi đói, học thêm cái chữ để biết đọc, biết viết, biết giữ gìn sức khỏe khỏi đau ốm, đỡ phải cúng kính tốn gà heo, khỏi phải nợ nần...

Đội trưởng 250 bảo anh Ma Noa lấy trong ba lô ra một tấm ảnh Bác Hồ và lá cờ đỏ sao vàng, treo lên chính giữa góc nhà rộng. Chủ làng và mọi người có mặt trong nhà rộng không ai bảo ai, chen nhau bước tới, im lặng đứng nhìn cờ và ảnh Bác. ánh cờ đỏ bùng lên trên khuôn mặt như để chứng minh tất cả chúng ta cùng chung một dòng máu đỏ, cùng chung một tổ quốc, đều là con cháu Lạc Hồng, con cháu Bác Hồ - vị cha chung dân tộc Việt Nam đang mỉm cười nhìn đàn con.

Đó là giờ phút thiêng liêng, hạnh phúc nhất trong đời những người cán bộ làm công tác vận động quần chúng các dân tộc ít người ở các vùng sâu, vùng xa và hẻo lánh nhất. Tấm màn nghi kỵ đã được vén lên. Niềm vui trào dâng trong lòng anh em chúng tôi như ánh sáng. Chủ làng Suối Cát cũng không giấu nổi niềm vui, nổi xúc động. Ông đi đi lại lại trước cửa nhà rộng cùng với mấy cụ già khác làm lễ “cúng giàng”.

Theo tập quán người dân tộc Bana - dù lạ, dù quen, hễ ai đã là khách tới buôn làng đều được mời ăn uống tử tế. Nếu khách không chịu ăn, đồng bào sẽ cho là khách sáo, không thành thực, không tin họ hoặc thậm chí có ý nghĩ xấu trong bụng đối với họ. Bữa cơm cúng “giàng” mừng sản tìm được con nai vừa giã đơn vừa ấm cúng đã được dọn ra giữa nhà rộng. Bếp lửa lúc tắt lúc đỏ vì củi ẩm. Mỗi mâm chín mười người ăn mà chỉ có một cái rá đựng cơm, vài cái tô đất mới nung đựng thức ăn, không chén, không đĩa, không muống... Từ chủ làng, bà con lớn nhỏ trong buôn cho đến khách ngồi xung quanh mâm cơm đều phải thò tay vào rá, vào tô để bốc cơm, bốc canh ăn.

Anh em trong đội công tác 250 cũng được mời. Bảy - tám cậu giả vờ mệt, bỏ ra tuổi tằm để “tránh” bữa cơm. Chỉ còn lại đồng chí đội trưởng và hai anh Ma Noa, Ma Cử phải ở lại “đứng mũi chịu sào”. Thò tay bốc ăn thử một miếng - Thật khó nuốt vì không hợp khẩu vị. Tự nhiên một ý định căng thẳng đến trong đầu. Ăn hay không ăn ? Đó là tất cả vấn đề... Ăn là được tất cả - được tình người, được lòng dân, được công việc. Không ăn là mất tất cả - mất lòng tin thì không cách gì lấy lại được. Thôi, cứ ăn, phải ăn! Ăn là nhiệm vụ của Đảng của dân giao cho lúc này. Từ một hành động đơn giản đó, đồng bào miền tây, đồng bào miền Thổ Lô đã ngày càng thương yêu anh em đội 250 như con đẻ. Sau này, anh em đội công tác được khổ luyện trưởng thành. Quần chúng hóa chính là chìa khóa mở đường để thâm nhập vào lòng dân.

Bữa cơm kết thúc, dân làng về ngủ. Nhà sàn bề bộn. Suốt đêm, anh em chúng tôi trần trọc không ngủ được. Phần vì đi đường mệt mỏi. Phần vì thao thức suy nghĩ công việc. Nằm trên sàn nứa không chiếu, không màn, muỗi rệp thi nhau hút máu, chỉ âm thầm mong sao trời mau sáng. Tuy nhiên, suy đi nghĩ lại cũng có cái vui. Vui vì bước đầu đã thuyết phục được chủ làng, nhận được sự hợp tác, cảm tình của bà con, dần dần ắt sẽ có kinh nghiệm, nhất định sẽ hoàn thành nhiệm vụ, sẽ không phụ lòng trông đợi của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy...

Mười lăm ngày ở lại buôn Suối Cát, anh em chúng tôi cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân, bất cứ công việc gì: giã gạo, chẻ củi, dọn rẫy. Mới đầu các mí, các o còn lạ lẫm e ngại không chịu cho làm, nhưng dần dần họ vui lòng. Mỗi ngày, cơm sáng xong anh em chúng tôi đi theo bà con làm rẫy, cuốc nương, dọn cỏ, săn bắn, hái củi, đánh cá. Chiều về - tắm rửa, dạy tiếng kinh, cắt tóc cho các cháu bé, đốt lửa tập hát cùng nam nữ thanh niên trong buôn. Tình cảm của đồng bào đối với chúng tôi càng thấm thiết.

Phải tranh thủ thời gian gieo vào đất những hạt giống cách mạng! Những mầm non sẽ lớn lên thành cây cao bóng cả, đương đầu cùng bão táp. Những thanh niên tốt sẽ là nòng cốt của phong trào cách mạng địa phương, Họ sẽ thay thế lớp chủ làng già nua để quản lý, điều hành công việc chung của buôn, làng.

Một thời gian ngắn, chính quyền cách mạng buôn Suối Cát ra đời. Dân làng tổ chức liên hoan. Trai gái đánh trống, múa chiêng. Các cháu thiếu nhi ca hát. Các già làng rủ nhau ngồi xung quanh chén rượu khê khà cho đến khuya.

Công việc buôn Suối Cát có thể tạm coi là “ngon lành”. Đoàn chúng tôi rút kinh nghiệm, chuyển sang xây dựng buôn làng khác, tiến đến thành lập chính quyền và các đoàn thể cấp xã.

Còn có người quen biết hướng dẫn đội 250 lên các buôn làng khác, đang băn khoăn chưa biết ai dẫn đường thì tự nhiên có hai người Thồ Lô ở buôn Ma Quảng xuống. Hai anh này gửi đầu rái xuống buôn Suối Cát đổi muối và nông cụ. Chúng tôi lập tức làm quen với hai anh. Một anh tên là Ma Ngoc, một anh tên là Ma Khó.

Anh Ma Ngoc biết nói tiếng kinh lỏm bỏm. Anh Ma Khó không biết nói tiếng kinh nhưng biết nói tiếng Chăm. Cả hai anh - mình tròn trĩnh trục, phối một màu nâu nắng gió. Cả hai không mặc quần, chỉ quấn một lớp khố. Chúng tôi tặng hai anh hai bộ quần áo vải xi ta. Cả hai đều lắc đầu từ chối, lấy cớ mặc “không quen”. Nản nì mãi, các anh chỉ nhận mỗi người một cái áo. Để giữ lòng tin với nhau, theo phong tục, chúng tôi làm lễ kết nghĩa, anh em, trao “cong” cho nhau, hứa với nhau mọi điều tốt lành.

Tạm biệt buôn Suối Cát, đi theo Ma Ngoc, Ma Khó lên buôn Ma Quảng thì mặt trời cũng vừa xuống núi. Một lũ người! Nào ngờ, một số chị em phụ nữ và các cháu nhỏ chợt thấy anh em chúng tôi đã xô nhau chạy biến vào rừng. Ma Khó, Ma Ngoc vội vàng chạy theo họ, tay bắc loa. Mồm gọi với.

- Ôi lũ làng ơi ! Ôi bà con ơi ! Cán bộ cụ Hồ về làng chứ không phải thành Tây, cũng không phải bọn “làm nợ” đâu mà bà con phải sợ ! Về đi ! Về đi !

Quay mặt lại, tận mắt nhìn ra Ma Ngoc, Ma Khó, “lũ làng” mới thật yên tâm đứng lại thở hỏn hển. Anh em chúng tôi bước lên nhà rông. Nhà rông buôn Ma Quảng to hơn, bề thế hơn nhà rông bên Suối Cát. Cách trang trí, chạm trổ cũng như màu sắc hoa văn khắc cũ trên cột kèo cũng như của buôn suối cát. Bỗng thấy ông già làng trên bảy mươi tuổi, vẻ mặt oai nghiêm quắc thước, tóc bạc phơ, đầu bịt khăn nhiễu đen, cổ đeo cườm hạt đen hạt trắng, tay cầm ống điếu, khoan thai đỉnh đạc bước lên nhà rông, đưa cặp mắt kiêu hãnh nhìn anh em chúng tôi. Ma Ngoc cho biết đó là chủ làng Ma Quảng - người có thế lực nhất vùng này, người cầm đầu vụ “làm nợ” ở làng thanh đầu năm 1952 ! Ai cũng nể

và sợ ông ta.

Ông chủ làng Ma Quảng hát hàm hỏi chúng tôi :

- Bọn bay từ đâu tới ? Tới để làm gì ? Anh Ma Noa, Ma Cử - cả hai cùng tiến lại phía chủ làng với phong độ bình tĩnh. Không ngờ cách nói chuyện với chủ làng Ma Quang cũng y như cách nói chuyện với chủ làng Suối Cát.

Tiếp lời Ma Noa, đội trưởng 250 cùng lại ngồi gần chủ làng Ma Quang.

- Thưa chủ làng... Nhìn đội trưởng bập bẹ mấy tiếng Bana vừa học lóm được, ông cười phá lên, đầu gật ông nói :

- Lũ này nghèo khổ ! Lũ này xa cái chợ. Bọn dưới đồng bằng có đũa nào mò lên đây đâu! Chắc bọn nó khinh lũ này thì lũ này khinh lại bọn nó chứ sợ gì! Anh em chúng tôi sừng sốt, ngạc nhiên. Nguy quá ! Tình trạng này bọn địch sẽ có thể “bám rễ” lấy mảnh đất thượng, còn lôi kéo đồng bào, xuyên tạc đường lối chủ trương chính sách của Đảng, của chính phủ. Nếu không có hai anh Ma Nghoe, Ma Khó, chắc gì làng Ma Quang đã chịu ngồi nói chuyện với chúng ta.

Chủ làng và khách ngồi im lặng bên bếp lửa. Chợt chủ làng hắng giọng ho, nói với những lời đầy thận trọng.

- A, Lũ tao nghe nói cụ Hồ đuổi thằng giặc, đánh Tây, lại cũng nghe thằng Tây nó trở lại... Nhưng chưa rõ lắm ! vì có gặp được ai thật cái bụng mà tin được ? Hôm nay, nghe hai thằng Ma Ngoe, Ma Khó và bọn bay nói rõ đầu đuôi tình hình thì cũng có thể tin được. Nếu cái bụng tụi bay làm khác cái miệng thì lũ tao lập tức chống lại đó ! Nói cho mà biết.

Trời về khuya, chủ làng Ma Quang lặng lẽ đứng dậy cáo từ, lững thững trở về nhà.

Sáng hôm sau Ma Ngoe mời cả đội 250 sang nhà chơi. Được một lúc Ma Khó bung sang một rá com, một chén muối ớt đậm nhỏ thơm phức mời anh em ăn. Để vui lòng hai gia đình, mỗi người khách bốc một nắm.

Thăm hai gia đình xong, anh em chúng tôi đến thăm chúc sức khỏe gia đình chủ làng Ma Quang. Sau đó, tuần tự đi thăm khắp lượt các gia đình ở buôn làng để gây ấn tượng tốt đẹp ban đầu.

Rút kinh nghiệm xây dựng buôn Suối cát, buôn Ma Quang, rồi đội lan dần ra xây dựng các buôn khác. Một thời gian hai tháng - chính quyền, đoàn thể và tổ chức lực lượng dân quân tự vệ thôn xã được hình thành và từng bước được củng cố. Chủ làng Ma Quang làm Chủ tịch. Ma Ngoe làm Phó Chủ tịch, Ma Khó phụ trách dân quân tự vệ xã.

Nhiệm vụ Tỉnh giao đã hoàn thành, đội 250 tạm biệt bà con trở về báo cáo kết quả cho Tỉnh biết và xin chủ trương mới.

Buổi tiễn đưa thật xúc động. Không chỉ hai anh Ma Ngoe, Ma Khó - người đã gắn bó với chúng tôi ngay từ đầu mà cả dân làng và ông Ma Quang (chúa núi) - người chuyên gây sự “làm nợ” khó tính nhất cũng nhắc rượu ân cần đón mời anh em chúng tôi và căn dặn những lời chân thành.

- Có ghé làng Thanh, nhờ lũ bay nói giúp bọn tao và cả dân Thổ lồ gửi lời chúc sức khỏe nhé ! Bọn bay về ít hôm rồi lên lại nhé. Dân làng trông nhớ bọn bay lắm đó...

Ma Quang còn nói tiếp :

- Nếu bọn bay lên đây sớm, bọn bay tuyên truyền giải thích sớm, lũ tao nghe lọt lỗ tai thì đâu đến nỗi thế này ! Đâu đến nỗi kéo nhau đi “làm nợ” mất đoàn kết để kẻ xấu gieo rắc những chuyện xằng bậy.

Lời nói của các già làng giản dị, chất phác, xuất phát từ đáy lòng. Anh em chúng tôi xúc động và vinh dự thấy mình là cán bộ đi làm cách mạng ở miền núi. Chính lòng tin yêu Đảng và Bác Hồ không gì đo lường nổi của đồng bào dân tộc đã đem lại cho anh em chúng tôi tình thương yêu và vinh dự ấy.

Đường đi lên vất vả, đầu gối chấm mũi. Đường trở về xuôi đâu có dễ! Cả đoàn men theo hai bên bờ sông Cờ-ron (sông cái) xuống Phú giang, Kỳ Lộ (địa phận xã Xuân Quang); Bám lấy từng vách đá tai mèo lỏm chỏm, băng qua gành thác, leo hết gộp đá này qua gộp đá kia... Có những đoạn trơn như mỡ - vừa bò, vừa lết. Có những đoạn phải nắm thật chặt lấy một sợi dây rừng, đu từ mỏm đá này qua mỏm đá kia. Nếu hổng tay, nếu chẳng may sợi dây không chắc, rất dễ bị đập đầu vào đá, rớt tòm xuống vực sâu thì khó mà lấy xác!

Về xuôi được một tuần lễ, nhận được chủ trương mới anh em đội 250 lại tiếp tục đi lên công tác cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Lần này, đội 250 đặt chân lên vùng Thổ Lô đã thân quen, không còn e ngại, ngỡ ngàng như trước. Đồng bào vui mừng ra đón. Từ chủ làng đến dân làng, người nào cũng hồ hởi thân mật. Người dân Thổ Lô đã chuyển mình. Họ hiểu rõ thế nào là địch, ta, thù, bạn...

Phong trào yêu nước từ đồng bằng đã chuyển dần lên miền núi. Tin tức thời sự nóng hổi khắp nơi dội lên Thổ Lô. Bà con Thổ Lô được tổ chức từng buôn, lần lượt buôn này đến buôn khác gửi lâm sản xuống Văn Canh, Phước Lãnh trao đổi hàng hoá, thu mua các thứ cần thiết như vải, muối, nông cụ về phục vụ sản xuất. Một số thương lái tốt được tổ chức thành từng nhóm ở Văn Canh, Phước Lãnh, La Hai thỉnh thoảng lên thu mua trao đổi. Dần dần, mối quan hệ giữa đồng bằng với miền núi, giữa vùng cao với vùng thấp không còn ngăn cách nữa.

Ngày 15-1-1954, được chỉ thị của Ban chỉ huy tỉnh đội cho biết : “Địch sắp mở cuộc càn quét lớn vào Phú Yên. Một số kho tàng, bệnh viện... sẽ dời lên Thổ Lô. Cả khu B và vùng Thổ Lô phải chuẩn bị dân công, lán trại, đào hầm, xoi đường dây liên lạc từ Thổ Lô xuống tỉnh, từ Thổ Lô ra đường dây khu. Ra sức bố phòng canh gác, bảo vệ an toàn các cơ quan và các cơ sở của tỉnh dời lên đó. Động viên đồng bào góp công góp sức ủng hộ bộ đội, giúp đỡ thương bệnh binh...”

Ngày 20-1-1954, địch đổ bộ lên đất liền. Một số cơ quan, bệnh xá, kho tàng đã chuyển kịp lên ở buôn Suối Cát (Thổ Lô). Rừng núi Chấm-Băng cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu ngay. Nơi đây, năm 1898, thủ lĩnh yêu nước Võ Trứ dấy binh chống Pháp. Cũng ở nơi này, ta lại tiếp tục sự nghiệp chống Pháp, hoàn thành mơ ước độc lập tự do, chưa trọn vẹn của ông cha. Từ đó đến nay đã hơn nửa thế kỷ, con cháu Bác Hồ cũng lấy vùng đất này xây thành hậu cứ để tiếp tục chống thực dân Pháp.

Đồng bào miền Tây nói chung, đồng bào Thổ Lô nói riêng, từ xưa có bao giờ họ muốn xa nương rẫy, xa bếp lửa, xa suối, xa sông nơi chôn nhau cắt rốn của họ đến một hai ngày ! Còn bây giờ, họ đi dân công phục vụ chiến trường cả tháng không ngán. Thanh niên xung phong đi bộ đội cầm súng mặt xấp mặt với quân thù đã trở thành thói quen, đã trở thành phong trào.

Cảm động biết bao, từ ngày bệnh xá dời lên suối Cát, các bà mẹ, các chị em phụ nữ và cả các cháu thiếu nhi buôn Suối Cát vừa chân bò vừa canh gác, vừa làm rẫy vừa hái rau, gùi củi để tiếp tế cho bệnh xá không mấy may tính toán so đo.

Phong trào chống giặc càn quét đang sôi nổi khắp cả tỉnh. Một số già làng đang giữ chức trong ủy ban xã, trong thôn tìm đến gặp anh em đội 250 tâm sự : “Cán bộ ơi ! lũ này tuổi cao sức yếu, việc đánh giặc giữ làng lũ làng này không đáng nổi nữa ! Thôi thì cán bộ cứ dành cho bọn thanh niên làm, cho phép bọn tao nghỉ kéo tội thân lũ tao. Lũ tao không giữ chức gì cả, lũ tao ở nhà động viên tích cực phục vụ kháng chiến có đồng ý không ?”

Nhìn mái tóc các cụ đã bạc hết rồi, ánh mắt mờ đục như có ngấn lệ, chúng tôi thấy lòng mình rung rung. Quả thật đó là lời thốt ra từ đáy lòng.

Anh em chúng tôi an ủi, khích lệ chủ làng : Các Bác-lờ-rá còn có lòng, còn có sức xin cứ đóng góp hết mình cho công việc chung. Anh em chúng tôi kính yêu các chú, các bác lắm.

Các chủ làng đã nói ra điều phải nói. Tuy nhiên, chẳng phải chuyện ngẫu nhiên mà họ tự rút khỏi vũ đài chính trị một cách dễ dàng như vậy. Nếu không có sự giác ngộ của quần chúng và sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nếu lực lượng cán bộ nòng cốt của địa phương vẫn còn non yếu chưa đủ sức gánh vác công việc, nếu không có sự tuyên truyền giáo dục của cách mạng góp phần tạo nên một sức chuyển lớn thì để gì mấy ông chủ làng nhận ra được sự bất lực của họ trong giai đoạn lịch sử mới mẻ này.

Chẳng cứ gì ở miền núi mà ở miền xuôi cũng vậy. Có những nguyên tắc, những quy luật không ai tránh được. Trong đội ngũ cán bộ chúng ta, những người thấy sức không kham nổi thì tốt nhất là xin “rút” khỏi vũ đài. Chọn một chỗ đứng thích hợp với khả năng còn lại của mình có lợi cho cá nhân mình và tập thể, nhường chỗ cho lớp trẻ, hơn là cứ bám lấy khăng khăng cái ghế chức quyền để đến nỗi công việc bê trễ hỏng nát. Dân đã không được lòng rồi mình lại chuốc thêm cái nhục ! Ăn năn thì sự đã rồi.

Lúc bấy giờ, dầu có xách gói ra đi, tiếng thơm đã chẳng còn, lòng người thêm oán giận. Tốt hơn cả là nên ra đi lúc lòng dân, tình bạn vẫn còn thương mến. Nhường bước, tạo điều kiện cho lớp trẻ. Đó chính là trách nhiệm và tình cảm cách mạng trong sáng cao đẹp nhất. Lời tâm sự của già làng là một bài học cho lớp trẻ chúng tôi nghiên cứu rút kinh nghiệm sau này.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc. Hiệp định Geneve được ký kết. Hòa bình được lập lại. Đội công tác 250 rút đi tập kết ra Bắc. Chỉ còn lại đồng chí đội trưởng Công tác 250 bám trụ lại, lãnh đạo phong trào. Anh Ma Noa, Ma Cử trở xuống phụ trách xã Phú Mỹ, Đá Mài... Thật đau lòng đứt ruột khi thấy vùng tự do của ta “tạm thời trở thành vùng địch kiểm soát”. Đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị. Cán bộ cách mạng phải rút vào hoạt động bí mật. Nhân dân miền Nam chưa được hưởng lấy một ngày hoà bình, lại phải chịu cảnh Bắc - Nam chia cắt. Bát cơm chưa kịp đầy đã lưng. Nhân dân miền Nam bước vào cuộc đấu tranh mới.

Ở đồng bằng, địch ra sức tổ Cọng, đàn áp, truy lùng, bắt bớ, tù đày, chém giết những người dân yêu nước, những người tham gia kháng chiến. Ở miền Tây chúng ra sức càn quét, đánh phá, dồn dân, lập ấp chiến lược. Địch mua chuộc đi đôi với khủng bố dồn dập năm này qua năm khác. Chúng thừa

biết ở miền tây - nơi có cơ quan đầu não của Tỉnh ủy, có đường dây liên lạc của tỉnh xuống huyện xã, từ tỉnh ra khu. Vùng Ma-dú, Thổ Lô là nơi giáp ranh giữa ba tỉnh Phú Yên, Bình Định, Gia Lai, vùng căn cứ hiểm trở và cơ động nhất nên chúng dùng đủ mọi thủ đoạn để thực hiện mưu đồ “diệt Cộng” của chúng.

Tức nước phải vỡ bờ. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, dân Thổ Lô không chịu nổi sự đàn áp của Mỹ - Diệm, cả xã trên mười buôn đã đứng lên diệt hai tên mật vụ người kinh của bọn quận Văn Canh (Bình Định) lên định lừa dân xuống ấp. Đồng bào tuyên bố “bất hợp tác” với địch. Tất cả trên dưới một ngàn dân chạy vào rừng. Ngày 1-1-1957, thành lập chính quyền tự quản xã do ông chủ làng Ma Quang làm Chủ tịch, anh Ma Ngoc Phó bí thư Chi bộ làm Phó Chủ tịch, anh Ma Tôi phụ trách gia thông liên lạc, anh Ma Chút phụ trách sản xuất đời sống. Chi bộ và chính quyền tự quản xã động viên toàn dân vũ trang chống giặc bảo vệ buôn làng, bảo vệ an toàn đường dây bí mật của Tỉnh ra Khu cho đến ngày toàn tỉnh giải phóng.

Suốt 20 năm chống Mỹ cứu nước, vùng Thổ Lô là một trong những vùng bị địch đánh phá ác liệt nhất, thế nhưng Thổ Lô vẫn ngẩng cao đầu, vẫn dương cao ngọn cờ làm chủ đầu tiên. Thổ Lô là cửa ngõ liên lạc từ tỉnh ra liên khu và cũng là địa phương đầu tiên được tiếp đón con em tập kết trở về, đón tiếp các đoàn quân Nam tiến vào chi viện cho miền Nam, cho Phú Yên đánh Mỹ.

Qua quá trình xây dựng phong trào thì công tác vận động quần chúng là cực kỳ quan trọng. Trong lúc tình hình gặp khó khăn, trong lúc cán bộ cơ sở còn non kém, quần chúng chưa thật tin cậy cán bộ cơ sở thì vai trò các già làng còn chiếm một vị trí trong xã hội, trong các buôn làng. Điều này không thể coi thường. Nếu coi thường chủ làng, già làng thì nắm không được dân, dân sẽ ngã về chủ làng hết. Do đó, cần thiết “tạm thời” phải dựa vào chủ làng để tranh thủ “cái uy” của các ông, qua các ông để nắm dân, để phát động quần chúng thực hiện nhiệm vụ của Đảng và nhà nước. Một lời nói của già làng lúc đó bằng trăm lời nói của cán bộ cơ sở.

Để chủ làng và dân tin, dân nghe, cán bộ miền núi phải nghiên cứu đặc điểm từng khu vực, từng dân tộc, tính chất từng người và phong tục tập quán từng vùng. Không được đơn giản xô bồ. Không được sơ suất làm cho họ tự ái, định kiến dẫn đến mất niềm tin đối với họ phải thực sự hoà mình.

Người dân tộc đói cơm, đói chữ, không đói văn hoá. Đạo đức lối sống và tính cộng đồng rất cao. Họ kính già, yêu trẻ, tôn trọng phụ nữ. Những điều đó thể hiện trên lời nói, lúc giao tiếp và hành động cụ thể hằng ngày. Họ rất thật nhưng cũng rất nhạy cảm đối với những kẻ có thủ đoạn xấu. Họ không thích ban ơn, lời nói hoa mỹ, khoe khoang. Họ thích nói đi đôi với làm, không hứa hão để được lòng nhau. Cái tâm trong sáng, chân thật, hành động cụ thể của người cán bộ vận động đồng bào dân tộc chính là chìa khoá mở tìm ra cái bí ẩn của quần chúng để đưa phong trào tiến lên. Mất tiền, mất chức có thể dễ kiếm lại. Mất lòng tin, mất chữ tín thì khó lấy lại được. Cán bộ hoạt động miền núi hay đồng bằng cũng vậy.

Sở dĩ chúng ta thành công trong công tác vận động quần chúng các vùng đồng bào dân tộc nói chung, xây dựng căn cứ địa miền núi nói riêng là do công tác quần chúng của Đảng ta cực kỳ đúng đắn, cán bộ mẫu mực, kiên trì, chịu khó. Đó là bài học mà cũng là kinh nghiệm đã đúc kết từ thực tiễn cách mạng, trải qua ba mươi năm kháng chiến kháng chiến gian khổ.

Điểm xuất phát và mọi sự thành bại của hoạt động chính trị - xã hội trong các thời đại là dân, là vận động dân - Đảng ta gọi là công tác dân vận

I- Mở Đầu

Có dân, có nước. Dân là gốc của nước nên Mạnh Tử (Trung Quốc), trong sách “Mạnh Tử” đã nêu “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, Quân vi khinh” (Tạm dịch : Dân là quý, rồi đến xã tắc. Vua là nhẹ). Một ví dụ khác về vai trò của dân. Đó là mấy câu thơ của Nhà thơ Tố Hữu :

“Nhân dân là bể, văn nghệ là thuyền

Thuyền xô sóng dậy. Sóng đẩy thuyền lên”

Trong tư tưởng Nguyễn Trãi (người anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thời Lê) - Sức dân như sức nước - Có thể nâng đỡ thuyền chính trị mà cũng có thể lật đổ con thuyền này. “Lật đổ thuyền mới biết sức dân như nước” (Nguyễn Trãi). Lối ví này của Ức Trai là sự đúc kết để khuyên dạy người làm chính trị, người cầm quyền nước. Nước là vật hữu hình do sự cấu thành của tự nhiên, là một trong ngũ hành của tự nhiên. Thuyền là vật cụ thể do nước mà có. Nước nhỏ, thuyền to - thuyền không vận hành được. Nước to thì sóng lớn - thuyền nhỏ sẽ bị lật chìm. Thuyền và nước phải hợp nhau thì mới được.

Chính trị mà xa dân là chính trị chết. Cái dân ghét thì người vận động dân phải biết ghét, cái mà dân quý thì người làm chính trị vận động dân phải biết quý.

“Dân chi sở ố, ố chi

Dân chi sở hiếu, hiếu chi ”

Thế thì mới đạt “ Đạo đồng nhất lý”.

Dân là cái gốc của nước. Gốc có tốt vững thì mới nảy cành xanh lá biếc. Thế nhưng dân là con người cụ thể. Đã là con người cụ thể thì hàng núi nhu cầu cụ thể, hàng núi suy nghĩ khác nhau. Cho nên vận động dân, phát động dân là cốt để chuyển hướng suy nghĩ lẽ trái phải, cũng như tự nhiên cho trăm con suối hòa vào một dòng sông. Dòng sông ấy lớn lên và dòng sông lớn thì có lợi cho con người. Người vận động dân làm chính trị cũng vậy. Lý luận về dân, về vận động dân - từ ngàn xưa đến nay đã qua nhiều sách vở. Xưa, nhà du thuyết nổi tiếng Tô Tần, du thuyết chẳng phải đi để chơi mà có mục đích. Chuyện Tam Quốc, khi cả nước Đông Ngô từ Vua tôi đại bộ phận sắp hàng Tào Tháo thì một cuộc du thuyết của Gia Cát Lượng đã làm cho cả Triều Đông Ngô bừng tỉnh. Từ khuyh hướng đầu hàng Tào diệt Thục đến khuyh hướng đánh Tào đoàn kết Thục. Đó gọi là đem lẽ phải trái mà phân tích, khuyến khích con người - gọi là “ứng với lòng người”. Không vậy thì người không theo.

Mỗi cuộc hưng cơ dựng nghiệp nào cũng thế cả, đều phải sử dụng nhiều cách mà những nhà Triết học thời cách mạng vô sản đúc kết rằng “Muốn vận động dân có kết quả phải đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng”. Cho nên người ta đã phải sử dụng các công cụ trực quan bằng khẩu hiệu, ca dao hò vè, bằng dư luận, bằng phát động kêu gọi, chiếu thư (của nhà vua), bằng lịch, bằng thơ, nhạc, bằng sân khấu, kịch, hát, bằng hội họa.v.v.

Nhớ lại lịch sử đất nước ta thời Trần có “Hội nghị Diên Hồng” là một cuộc vận động phát động lớn để đánh quân Mông của nhà Vua giải quyết vấn đề, “thế giặc quá mạnh, nên hòa hay nên chiến”. Giặc Mông lúc ấy đã chiếm cả từ Trung Hoa sang tận Ai Cập và vó ngựa quân Mông đã tràn sang cả Châu Âu. Thế giới đang khiếp đảm. Vậy nhưng ở Hội nghị Diên Hồng, các Bô lão đã thề quyết chiến. Từ đó loan ra từ già chí trẻ đều quyết chiến. Chính nhờ đó mà chiến thắng quân Mông. Lê Lợi, Nguyễn Trãi đánh quân Minh - theo truyền thuyết, Nguyễn Trãi đã làm cuộc vận động bằng dùng mật viết trên lá thả trôi sông “Lê Lợi vi quân Nguyễn Trãi vi thần”. Lá đã được viết trôi trên sông, kiến gặm nhấm thành chữ của trời bay đi khắp nơi. Đó là cổ động trực quan, là thuật gây dư luận, một đồn mười, mười đồn trăm, nhanh chóng loan ra toàn dân.

Từ khi đế quốc Pháp xâm lược Việt Nam, qua mấy chục năm đã bao cuộc vận động nổi dậy chống Pháp xâm lược. Nhưng dưới thời của một triều đại phong kiến đã tàn yếu bạc nhược nên không thuận lẽ trời, không ứng hợp lòng người. Các cuộc nổi dậy chỉ từng vùng, rồi bị kẻ xâm lược dập tắt. Nói về mật truyền thống thì rõ ràng là sự kế thừa liên tục của truyền thống đánh giặc cứu nước của ông cha. Nhưng lẽ trời, lòng người không hoàn toàn nhất tâm nên đã không có quy mô rộng mạnh. Xu thế thời đại là cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kết hợp lòng yêu nước truyền thống của dân tộc với cách mạng vô sản, là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, con đường “thuận hô thiên nhi ứng hồ nhân” mà Bác Hồ đã chọn. Không phải chỉ có giới sĩ phu mà phải có một Đảng đại diện cho một giai cấp. Đảng đó vừa nắm hai ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội (cách mạng vô sản). Bác lúc này là Nguyễn ái Quốc, Người chú trọng ngay vào cuộc vận động quần chúng bằng các phương pháp trực quan bằng tờ báo “Người cùng khổ”, truyền đơn kêu gọi, Người vẽ cảnh cùng khổ của nhân dân phải kéo xe cho Tây. Từ trực quan đến tư duy trừu tượng, Người tuyên truyền giác ngộ cho từng người và tổ chức lại, Người đã dạy cho những cán bộ do Người tuyên truyền tổ chức về công tác dân vận được biết và nắm chắc công tác dân vận, như Bác đã viết, đã từng vẽ, và cả kịch bản “Con rồng tre” để tuyên truyền cổ động trực quan.

Gần gũi, tiếp cận, gọi chuyện, hướng câu chuyện vào trọng tâm của một dư luận hiện thời, của một khẩu hiệu họ đã biết, của một chuyện mà trong dân đang căm ghét. Gọi chuyện nhiều hơn nói chuyện, làm cho người mà ta tiếp cận nói được cho ta nghe. Thái độ nghe cũng phải có thái độ đúng, hết sức chú ý, và khi đã rõ ý của họ tức là ta đã có bước đưa từ trực quan sang tư duy. Từ tuyên truyền giác ngộ đi đến tổ chức - quan trọng của tổ chức là hành động, Lê Nin nói : “Cho tôi một tổ chức tôi sẽ đập tan chế độ Sa Hoàng”. Đồng chí Lê Duẩn nói: Tổ chức là do con người xây dựng nên. Khi nó trở thành một đại lượng tồn tại hợp pháp hợp quy luật thì nó có sức mạnh cải tạo lại con người và xã hội một cách đặc lực. Có tổ chức có vận động quần chúng đi về một hướng được. Nhưng nó còn phải “thuận hô thiên ứng hồ nhân” là thời điểm thời cơ mà người xưa nói là cơ trời. Có vận động giác ngộ quần chúng nhân dân và biết chớp thời cơ. Thời cơ đến thì lòng người cũng sẽ ứng. Cách mạng tháng Tám là chứng minh hùng hồn việc chớp thời cơ vận động quần chúng nhân dân nổi dậy cướp chính quyền một cách tài tình của Bác Hồ và của Đảng cộng sản ta. Khi đã có nhà nước thì cuộc vận động quần chúng càng rộng mạnh. Các tầng lớp đều được tuyên truyền đưa vào tổ chức; Phụ lão, Phụ nữ, thanh niên, nông dân, thiếu niên nhi đồng. Vẫn chưa hết - còn tổ chức các hội mẹ chiến sĩ, hội khuyến học, hội cứu tế, tương tế; cốt nhằm giáo dục giác ngộ nhân dân từ nghìn đời sống trong xã hội phong kiến và trăm năm

nô lệ bước lên làm chủ xã hội, làm chủ lấy mình và xây dựng một chế độ dân chủ, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ, giàu nghèo, trí thức và nông dân.v.v...

Nhân dân không chỉ giác ngộ thực hành cách mạng, ủng hộ nhà nước mới, mà còn đòi hỏi nhà nước của họ tham gia phải đem lại lợi ích gì ? Nếu tự do dân chủ mà đói khổ nghèo hèn thì Độc lập Tự do ấy chỉ là cái bánh vẽ trên giấy. Cho nên khẩu hiệu được đề ra là “Kháng chiến, kiến quốc”. Kháng chiến : phải toàn dân, toàn diện, phải tất cả cho tiền tuyến, cho chiến thắng. Kiến quốc: điều trước tiên - phát động nhân dân tiến hành diệt giặc đói. Đồng thời với mở trường dạy chữ cho dân, diệt giặc dốt. Cùng một lúc, 3 nhiệm vụ: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc xâm lăng. Tiến hành chia cấp công, hương, điền, thổ cho người cày mà không có ruộng đất. Giảm tô, xóa bỏ cho vay nặng lãi, xóa bỏ tước. Như vậy người dân thấy rõ nhiệm vụ kháng chiến để giành Độc lập. Đồng thời, phải sản xuất để xoá đói và có nuôi quân đánh giặc; phải học để hiểu biết giác ngộ. Đồng thời với nghĩa vụ là quyền lợi của họ. Giác ngộ để biết nghĩa vụ và kèm theo với quyền lợi cho họ. Bác Hồ dạy người làm công tác dân vận phải hòa mình với quần chúng, hiểu biết đời sống tâm tư nguyện vọng và cảm thông với họ. Có lúc Bác và Đảng ta đã đề ra 3 cùng với quần chúng “cùng ăn, cùng ở, cùng lao động” để tuyên truyền giác ngộ họ. Không phải chỉ tuyên truyền lấy sự hy sinh của họ mà còn tuyên truyền hướng dẫn họ sản xuất, học tập nữa.

Trong phong trào Tây Sơn, nông dân ào ạt kéo theo, một là đánh đổ bọn cường quyền hà hiếp dân, hai là lấy ruộng công hương điền chia cho dân nghèo, ba là tịch thu của nhà giàu về ruộng đất chia cho dân. Chỉ 3 quyền lợi ấy đã lôi cuốn thành một phong trào Tây Sơn rộng mạnh. Cho nên nhà nước ta luôn chăm lo cho quyền lợi của dân: quyền lợi trước mắt, quyền lợi lâu dài. Con đường cách mạng cũng là con đường để dân đạt từ quyền lợi này đến quyền lợi khác cho đến đích cuối cùng là chủ nghĩa Xã hội, chủ nghĩa Cộng sản.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thắng lợi là đỉnh cao của công tác dân vận. Trong cuộc kháng chiến 9 năm, những thắng lợi trên các mặt trận quân sự đã làm nức lòng nhân dân. Kèm với đầy mạnh cuộc kháng chiến là tiến hành phát động quần chúng giảm tô giảm tước, đem lại lợi ích cho dân. Nhân dân từ người làm thuê đã thành người có ruộng đất, làm chủ tư liệu sản xuất của mình. Mọi người dân đều thanh toán nạn mù chữ Các trường đào tạo cán bộ chính trị, cán bộ quân sự liên tiếp mở ra. Trong không khí chiến thắng giặc Pháp tung bùng hồ hởi, Hiệp định Giơnevơ ký kết. 1/2 đất nước được giải phóng, xây dựng chủ nghĩa xã hội, 1/2 đất nước ở Miền Nam nằm trong vùng kiểm soát tạm thời của quân đội Liên hiệp Pháp. Chỉ trong vòng một năm thì Mỹ hất cẳng Pháp, chiếm lấy Miền Nam Việt Nam, thành lập căn cứ quân sự, Chúng đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống tay sai và thành lập một chính quyền bù nhìn. Mỹ ra tay đàn áp, khủng bố, trả thù, phủ nhận Hiệp định, âm mưu chia cắt lâu dài Miền Nam Việt Nam. Nhân dân ta do Hiệp định này ràng buộc, đã phải đấu tranh chính trị đơn thuần, đòi Mỹ - Diệm phải thi hành hiệp định Giơnevơ.

1. Công tác Vận động quần chúng tiến hành đấu tranh chính trị đơn thuần là cực kỳ khó khăn

Trước tiên là toàn bộ cơ sở của ta bị Mỹ-Diệm ra tay tàn phá hết. Chúng bắt bớ, thủ tiêu, tra tấn, đánh đập, giết hại hàng loạt, làm cho dân dao động. Những người yêu nước kháng chiến cũ còn lại bị quản thúc, bị tù đày - Với chính sách “tát cạn nước bắt cá”, “giết lầm còn hơn thả sảy”. Thời xưa, nhà Vua nào đó có thể cho phép một vài vị quan được quyền “tiền trạm hậu tấu”. Mỹ - Diệm thì cho phép

trăm mà không tấu. Bởi khẩu hiệu của Mỹ - Diệm “Diệt Cộng, giết lầm hơn thả sảy”. Có thể nói ở vùng tự do cũ Liên khu 5, từng làng, xã có bao nhiêu gia đình thì có bấy nhiêu người bị chúng gọi là Cộng sản. Họ đều bị tù đầy hoặc nhẹ hơn là bị quản thúc ở trại giam xã. Chúng thiết lập hệ thống nhà tù liên xã, quận. Mỗi tỉnh - 2, 3 nhà tù. Tra tấn - có đến 18 hình thức gọi là “Thập bát ban vũ khí tra tấn”. Giết người - cũng nhiều kiểu khác nhau: đâm, chém, chôn sống, đánh chết, thả sông, đánh cho về đến nhà chết... Tất cả đều nhằm vào diệt Cộng, gây khiếp sợ trong nhân dân để dễ bề cai trị. Lúc này ta gọi là chiến tranh một phía - phía Mỹ - Diệm làm chiến tranh với nhân dân 2 tay trắng.

2. Những cơ sở để phát động quần chúng và tổ chức quần chúng đấu tranh

Lúc này có một câu nói nổi tiếng của kẻ bán nước Ngô Đình Diệm là “Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17”. Mỹ - Diệm còn đưa ra khẩu hiệu: Công giáo hóa toàn dân.

Để tiến hành cuộc đấu tranh chính trị, ta nhờ vào tiền đề của 9 năm kháng chiến, ảnh hưởng của chế độ dân chủ - xã hội mới. Tuy chưa giải quyết được nhiều yêu cầu của quần chúng cách mạng nhưng ta đã có sự lớn mạnh nhiều mặt của kháng chiến, quân đội đang chiến thắng. Gia đình nào cũng có bà con, anh em tham gia kháng chiến. Lớp trẻ được học hành nhiều gấp trăm lần thời phong kiến, Pháp thuộc.

Một nửa đất nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là nơi con em miền Nam đang tập kết và cùng xây dựng ở miền Bắc, chờ ngày về. Tại thủ đô, có chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có Bác Hồ, có Đảng Cộng sản.

ở Miền Nam, sự đàn áp khủng bố làm cho mọi người căm thù. Lời nói của Diệm lộ rõ chân tướng kẻ bán nước cho Mỹ, Diệm là đại diện cho lớp quan lại phong kiến cũ, Bộ máy tổ chức càng chỉ rõ phong kiến không có dân chủ. Yếu tố ta tạo ra qua cuộc kháng chiến tốt đẹp. Yếu tố của địch tạo ta lòng căm thù trong dân. Sự xấu xa của chúng ngày càng lộ rõ.

3. Về phân cán bộ ta, qua các thời kỳ cách mạng cũng đã un đúc được kinh nghiệm vận động quần chúng, bám địa bàn, bám quần chúng, chịu hy sinh gian khổ, giữ đạo đức phẩm chất cách mạng. Trước tình hình như vậy, phải đi từng bước từ nhỏ đến lớn; giành thắng lợi từng cơ sở, từng phần việc, tiến đến giành thắng lợi hoàn toàn. Chính trị kết hợp với binh vận. Dân vận kết hợp với vận động gia đình binh sĩ Ngụy, gia đình làm tê ngụy. Từng thắng lợi nhỏ đến từng thắng lợi lớn. Từng mũi công việc tích tụ, tích lũy, phát động thành những cuộc đấu tranh với địch. Đấu tranh bằng dư luận. Phân hoá từng tên ở làng xóm để đánh đổ rồi lôi kéo chúng, với phương châm tranh thủ bất cứ ai có thể tranh thủ được, trung lập bất cứ ai có thể trung lập được, cô lập cao độ kẻ thù từ làng xóm, quận, tỉnh và trong các sắc lính.

4. Trong mỗi làng xóm, để quản chế nhân dân; Mỹ-Diệm tổ chức mạng lưới tình báo, gián điệp, do thám. Ngoài ra thì Liên gia trưởng. “Trên có Tổng thống dưới có Liên gia trưởng”. Chúng tổ chức nhiều Đảng phái: Đảng Cần Lao, Mặt trận quốc gia, Phụ nữ liên đới,... Chúng cho phép các Đảng : Đảng Đại Việt, Việt Quốc, Phục Quốc thành lập tận thôn xóm. Tất cả đều chung một hướng chống Cộng, diệt Cộng. Chúng theo dõi đến mức mỗi người đi chợ mua gì ăn, ăn gì từng ngày. Trong mỗi xóm - ai quan hệ với ai, người nào thường ra khỏi xóm 1 ngày 2 ngày, ai thường đi chơi đêm... Chúng tung tin làm cho mỗi người dân đều nghi nhau, không ai dám liên lạc chơi thân với ai. Hễ muốn bắt

người, giết người thì chỉ cần có một người nào đó báo cáo hoặc cho dân vệ bỏ truyền đơn vào nhà. Chúng bắt, tra tấn nhằm để người ta chịu không nổi, phải nhận có giữ tiền vàng của Cộng sản để chúng cướp đoạt. Chúng phân loại Đảng viên thành A, B, C, Chúng phân loại dân thành Gia đình có liên can cộng sản, gia đình có ý thức chống lại quốc gia, gia đình câu an, gia đình dao động sợ hãi. Đối tượng chúng xây dựng, tổ chức mạng lưới tình báo dựa trong số người chúng phân A, B, C, có cả Đảng viên và người làm dân công kháng chiến, học sinh thời kháng chiến.

Chúng tổ chức ở mỗi xóm có tổ thanh niên chiến đấu, mỗi thôn có tiểu đội dân vệ, phòng vệ dân sự. Mỗi xã có một trung đội dân vệ được trang bị đầy đủ, có lương hăn hoi, có trang phục như một người lính thực thụ. Tỉnh có bảo an, công an, cảnh sát tâm lý chiến, từ tiểu đoàn, trung đoàn. Với trung ương của chúng thì nhiều sắc lính: quân chủ lực cộng hòa, quân biệt động, biệt kích, biệt cách, quân dù. Dưới sông và bờ biển có các Hải thuyền, hải đội. Hệ thống quản lý dân dày đặc và mỗi loại tổ chức đều có quyền bắt người, đánh người, đề nghị đi tù, cho nên nhà tù nhiều đến mức không tính xuể. Người ta cứ tưởng nhà tù sẽ cho người tù ăn, nhưng thực ra gia đình lo nuôi người tù nhà mình, nhất là tù quận, tù xã. Tù tỉnh thì chúng cho ăn, nhưng càng nhiều tù thì chúng càng có lợi do tước đoạt phần ăn của tù nhân ấy.

Đến đây thì nạn tham ô trong Ngụy quân ngụy quyền đã lên rất cao. Mỗi tên cầm đầu quân từ cấp thấp đến cấp cao đều có cách ăn như: cho lính ở nhà để phân lương chúng lấy, ghi tên lính nhưng không có mặt để ăn phần lương. ở thôn xóm thì bọn Trưởng làng, Trưởng xóm, Xã trưởng cũng tìm mọi cách đục khoét của dân. “Chiến tranh, nhưng thực ra không ai đánh ai. Vậy cần gì lính”. Đó là thời kỳ Mỹ - Diệm tung lưới dày đặc chiến tranh một bên. Nạn tham ô ngày càng lớn và nạn hủ hóa, gái đĩ làm đội ngũ của chúng đông mà mục ruỗng, lương cao mà không làm được việc theo ý chúng. Một tên trung sĩ nhất tháng lương 7.000đ, tính ra mua được 2 lạng 3 vàng.”

II- Tình hình chính trị và đấu tranh chính trị từ 1954 đến 1959 khi thực hiện NQ 15

Trước CMT8 1945, nhân dân ta sống dưới chế độ thực dân và phong kiến. Giờ đây, nhân dân ta đang sống dưới chế độ thực dân mới và chế độ phong kiến độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm.

Mặt bằng kinh tế-xã hội không có gì thay đổi mấy. Ngược lại, Mỹ- Diệm đã làm thay đổi sâu sắc thêm. Khủng bố, đàn áp là chính sách của chúng đối với vùng tự do liên khu V cũ. Chúng dùng tổ Cộng, chống Cộng để hà hiếp, cướp bóc các tầng lớp nhân dân; dùng dinh điền, khu trừ mật, dồn dân vào một khu vực có rào kẽm gai kiểm soát, để bóc lột và bắt lính. Chúng lợi dụng khẩu hiệu cải cách điền địa để cướp ruộng đất của nông dân, giao lại cho địa chủ phú nông đi theo chúng; dùng khẩu hiệu Tự do để tổ chức nhiều đảng phái nhằm huy động nhiều lực lượng chống Cộng, chống những người yêu nước.

Về kinh tế: Cho hàng ngoại nhập tràn vào thị trường để tiêu diệt sản xuất trong nước, nô dịch hóa về mặt kinh tế theo chủ trương của chủ nghĩa thực dân đế quốc Mỹ. Tình hình mặt bằng của tỉnh ta - Mỹ Diệm đã đưa trở lại thời kỳ thực dân phong kiến cũ.

Về mặt văn hóa giáo dục: Qua đấu tranh của các giới để con em tiếp tục đi học, chúng phải mở một số trường công lập như cấp 3 Nguyễn Huệ, Sông Cầu, Quận Hiếu Xương. Sự thực, Diệm kế thừa kiểu tổ chức xã hội của Cách mạng tháng 8 tổ chức của 9 năm kháng chiến của chúng ta. Như thời kỳ ta tổ chức thập gia liên việt, chúng tổ chức liên gia. Ta tổ chức phụ nữ, thanh niên công đoàn, nông

hội, hoặc các ty sở. Chúng cũng rập theo, chỉ có khác là hoạt động phản động. Ta có Đảng lãnh đạo nhà nước, chúng có Đảng Cần Lao. Ta có mặt trận Việt Minh, Liên Việt, chúng rập theo là mặt trận quốc gia.. Ta tổ chức trường học có các chức danh hiệu trưởng, hiệu phó, chúng cũng rập theo. Lúc đó, ta vì chiến tranh nên chỉ có trường cấp 2. Giờ đây, số con em đã học cấp 2 nhiều, không có trường học, chúng phải xây dựng các trường cấp 3.

Khi bắt đầu có NQ 15, phong trào đấu tranh có phát khởi trong lòng địch. Các tôn giáo, các đảng phái đều muốn mình có cơ sở vững chắc với chế độ Diệm nên có một số xin mở thêm trường cấp 2 - Thiên chúa giáo, mở trường Đặng Đức Tuấn, trường Đông Mỹ, Phật giáo mở trường Bồ Đề, Tin lành mở trường Thiên Ân, Khổng học mở trường Minh Tân. ở mỗi huyện, chúng cũng phải mở trường công lập cấp 2. Tuy nhiên số học sinh đi học cũng chỉ ở tầng lớp có ăn, còn đa số con em nông dân, nông thôn không được đi học.

- Hoạt động VHNT: Phú Yên vốn là 1 tỉnh từ xưa thời Cần Vương, các sĩ phu như Hộ Tịnh trong phong trào Lê Thành Phương đã tổ chức hàng chục gánh hát. Hầu hết để qua đó mà truyền bá lòng yêu nước, nghĩa khí trí dũng cho nhân dân. Đó là các gánh hát như gánh Chánh ca Sông Cầu, Gánh Bầu Leo, Bầu Dông ở La Hai, gánh Bầu Nùng, bầu Nụi, bầu Xã ở Tuy Hòa. Các đoàn gánh bài chòi Xanh Sứ, Bốn Hương... Trong kháng chiến chống Pháp, ta vẫn cho phép họ hoạt động để tập hợp dân. Đến thời Mỹ -Diệm, chúng đã bắt và giải tán đoàn tuồng Nhung Hai ở Tuy Hòa vì hát vở Lan Châu cù.

- Khoa học kỹ thuật về mặt nông nghiệp đã được phổ biến - nhất là kỹ thuật trồng lúa nước. Do giống mới nên sản xuất tăng lên từ 1959. Giống mới cùng với phân Urê làm cho năng suất lúa tăng vọt. Chính vì thế mà đời sống nông dân được phát triển. Bộ máy tuyên truyền của Mỹ - Diệm đã đắc thắng tuyên bố cụ Ngô đem lại quyền lợi... Thế nhưng kèm theo sau là sự bóc lột và thuế khóa, cướp đoạt qua chống - tố Cộng. Sự căm thù của nhân dân tăng cao. Đời sống nói chung vẫn ở mặt bằng rất thấp. ăn đói và đói giáp hạt vẫn liên tiếp xảy ra.

- Các khẩu hiệu đấu tranh dân sinh dân chủ, dân trí của CM đề ra đã đạt được một bước tiến. Số trí thức mới, số học sinh và sinh viên hiểu biết chính trị xã hội nhiều hơn.

Số trí thức cũ như Phạm Tiệm, Trần Bính, Ngô Chấn ở Sông Cầu và một số trí thức từ các trường học Cách mạng - 9 năm giáo dục cơ bản. Giờ là những học sinh tốt nghiệp tú tài, hoặc còn đang tại lớp như Lữ Sinh, Kim Thoa, Ngư Giang, Lư Sơn, Tử Minh ở Tuy Hòa, Đỗ Vĩnh Tân, Nguyễn Tài ở Đồng Xuân; Tô Mười, Lê Văn Hữu, Nguyễn Thị Lê ở Sơn Hòa, số sinh viên như Nguyễn Thế Khang... là nòng cốt ở các trường Trung học. Hoạt động của họ cũng đánh động được các tầng lớp nhân dân tỉnh ngộ.

Có một số học sinh như Nguyễn ảnh, Nguyễn Anh cũng lôi kéo được cả con em bọn cầm quyền Mỹ Ngụy ở tỉnh đứng vào hàng ngũ. Việc đoàn kết các tầng lớp, trí thức, địa chủ, các tôn giáo học sinh sinh viên đã có khả năng mới

Về miền núi: Có thể nói từ năm 1954 - 1959 hầu như đại đa số buôn làng tuy địch có tổ chức được buôn trưởng, làng trưởng nhưng là người của ta đưa ra cho chúng. Ta vẫn làm chủ vùng núi dân tộc.

Ngô Đình Diệm có chủ trương gặp mặt thân mật các già làng trưởng bản nhưng vẫn không thể chuyển biến được họ theo Diệm. Cho nên cụ thể địch cho công an lên đến buôn Ma Giá để thăm dò ta: Đầu năm 1958, ta đã thủ tiêu tên công an (Cao) tại buôn Ma Giá.

Trước đây vì sợ vi phạm Hiệp định nên có súng mà không dám bắn để tự vệ mình. Trường hợp đồng chí Lê Đài bị bắt ở xã Xuân lãnh, trường hợp đồng chí Nguyễn Như, Lê Đạt bị bắt ở An Dân- hai đồng chí đều cầm trong tay khẩu Proning Canada, mỗi băng 12 viên đạn mà không dám bắn địch để thoát thân.

Giờ đây đã xác định “Ta tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đấu tranh chính trị có bạo lực” - rõ ràng là nguồn phấn khởi khắp nơi.

Cuộc đấu tranh để giữ gìn miền núi hậu cứ qua các năm ta giữ được là nhờ có bạo lực hợp pháp. Ta phát động nhân dân vót chông cắm khắp rừng núi, gài băng cung, đơm chà rong. Địch cho lính đi lùng càn, dân tập hợp lại chỉ cho chúng, vì con heo, con nai, con voi phá rẫy sản xuất cho nên đồng bào phải cắm chông, gài bắn cung. Anh em- ai đi vào sẽ bị chết. Ta khi càn đi sẽ có dân chúng tới dẫn đi. Khi cần thiết ta cũng diệt một đôi tên chỉ điểm. Như thế, địch sợ mà co lại. ở Thồ Lô, Ma Dú, cuối năm 1957, ta đã diệt 2 tên chỉ điểm ở đồng bằng lên. Như vậy, miền núi có phần ổn định. Địch chỉ tổ chức dân vệ và quản lý được các làng xã người Kinh giáp ranh.

III. Những cuộc đấu tranh chính trị ở đồng bằng và thành thị trong những năm qua đã đúc rút được kinh nghiệm cho cuộc đấu tranh mới.

Như cuộc đấu tranh chính trị tháng 8/1954. Lúc này, địch cho quân ra đóng ở Ninh Tịnh. Thanh niên đã viết truyền đơn kêu gọi ngụy quân ngụy quyền đóng ở Hồ Sơn - Ninh Tịnh thi hành Hiệp định, không cướp phá, bắt bớ ngăn cản đồng bào, đòi Tự do như Hiệp định đã quy định. Địch lùng bắt thanh niên chớ đi. Đảng viên ta kêu gọi quân chúng ra chặn địch đòi trả số người bị bắt. Có một tên chĩa súng vào, đòi bắn đoàn đấu tranh. Ông Bùi Chõ là Đảng viên nòng cốt, xáp vào giật súng cứu đồng bào. Bọn địch ném lựu đạn rồi rút chạy. Anh chị em đã khiêng người bị thương đến đồn Hồ Sơn đấu tranh (Anh Tỹ đứng lên dùng lý lẽ của Hiệp định để giải thích. Địch uy hiếp anh, nhưng anh vẫn dùng lời lẽ để giải thích thuyết phục chúng và kêu gọi đồng bào hãy chờ đợi sự bồi thường của đồng binh cho người bị hại rồi mới về. Bọn địch đuối lý phải hứa bồi thường, không bắt bớ người, không cướp phá v.v... Thế là thắng lợi. Ta loan tin này ra cả tỉnh.

Tháng 9/1954 nổ ra cuộc đấu tranh ở Ngân Sơn, Chí Thạnh cũng với mục đích đòi chúng thi hành Hiệp định, không bắt bớ trả thù, không cướp của dân, để nhân dân Tự do, kể cả treo ảnh Bác Hồ.

Ngày 7/9/1954, chúng ra Ngân Sơn, thấy nhà ông Bành Liếng treo ảnh Bác Hồ, chúng giật ảnh xuống xé. Chị Liếng giành lại. Cuộc giành giật mỗi lúc một đông người. Dân một xã rồi nhiều xã đến vây nơi chúng đóng quân ở Ngân Sơn, đòi thi hành các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ. Tên chỉ huy Võ Duy đã ra lệnh bắn, làm anh Phùng Ngạn, Nguyễn Sa chết ngay tại chỗ và 10 đồng bào khác bị thương. Cuộc đấu tranh đã trở thành cuộc biểu tình, đá đảo bọn sát nhân, đã đảo bọn chó săn bán nước và hô khẩu hiệu Hồ Chí Minh muôn năm. Kẻ địch càng hung hăng. Chúng xả súng vào đoàn biểu tình làm chết 64 người, bị thương 76 người. Do khủng bố trắng, đội ngũ đấu tranh đã tan rã.

Ngày 9/9/1954, bọn lính tiểu đoàn 10 của Võ Duy Đệ lùng sục tiếp, bắt bớ nhân dân, bắn chết thêm mấy người nữa ở Ngân Sơn.

Một số cán bộ ta đã làm đơn đưa ra Liên hiệp đình chiến ở Quy Nhơn và ủy Ban Quốc tế giám sát Hiệp định Geneve Việt Nam. Cuộc đấu tranh trong nước giờ đây quốc tế đều biết đến. Đơn từ được phát lên đài ủy Ban Quốc tế nhận đơn hứa sẽ đến Chí Thạnh để điều tra vào ngày 25/9/1954.

Địch đã ra sức khủng bố khắp nơi. Chúng dùng búa đánh đập người công khai giữa thị trấn, giữa làng xã, gọi là khai thác Việt Cộng. Tại xã Xuân Phước, chúng cùng những tên phản động trong Thiên chúa giáo đi giết người và chôn sống.

Đêm 23/9/1954, chúng bắt anh Nguyễn Nên ở xóm Đồng Bò, xã Xuân Phước. Anh này vốn là bộ đội Trung đoàn 84 giải ngũ. Chúng chôn sống ở hầm Tròn. Khi chúng rút đi, anh ráng đập đất lên, bò vào rừng. Ngày 25/9/1954, anh đã đến Chí Thạnh để tố cáo cùng với đồng bào gia đình có người bị giết chết ở Ngân Sơn - Chí Thạnh. Cuộc đấu tranh với ủy Ban Quốc tế có sự lãnh đạo chặt chẽ. Từ các xã ở Tuy An, từ Đồng Xuân, Huyện ủy Đồng Xuân và Tuy An chuẩn bị cơ sở. Những người đi hề thấy kim ghim bị, ghim dọc - biết là người của cách mạng đã chuẩn bị. Số có chồng, con, em chết thì bịt khăn tang. Một số mang giấy theo, viết đơn tại chỗ. Cuộc đấu tranh có lý có tình, biểu dương lực lượng làm cho những người bị khủng bố trắng gượng tinh thần dậy. ủy Ban Quốc tế lúc này là: Gia nã đại, Balan, ấn Độ. ủy Ban liên hiệp có Việt Nam và Pháp (phía Việt Nam có đ/c Lê Trọng Thuận, Lê Duy Tường cùng về với đoàn). ủy Ban Quốc tế đã phải kết luận: “Chính quyền miền Nam đã vi phạm điều 14C của Hiệp định Giơnevơ”. Sau cuộc đấu tranh Ngân Sơn Chí Thạnh, lãnh đạo của tỉnh đã rút được kinh nghiệm: Đấu tranh chính trị: có tình, có lý, biết kết thúc đúng lúc, vượt qua giới hạn thì sẽ bị địch đập tắt và chìm vào bể máu. Đúng lúc là như cuộc đấu tranh ở Năng Tĩnh, đưa cuộc đấu tranh mang nội dung hình thức đòi dân sinh dân chủ chống khủng bố bắt người, bắt công giáo hóa.

Địch chủ trương công giáo hóa toàn dân. Chúng tổ chức ra ban Công dân vụ của tỉnh huyện xã.

Tại một xã như xã Xuân Phước, chúng lừa dân cả Kinh và Thượng về Trung tâm rồi tuyên bố ai vào Thiên chúa giáo thì được mọi quyền lợi. Chúng bảo giờ tay, không ai giờ tay. Một người đứng dậy-cơ sở ta (anh Nguyễn Biện) nói: “Chúng tôi là người Việt Nam, không thể bỏ tổ tiên ông bà chúng tôi được”. Đồng bào cùng nói đúng. Chúng bảo người dân tộc nào muốn vào Thiên chúa thì được cho gạo. Đồng bào nói ừ, chính phủ cho gạo thì chúng tôi lấy ăn, nhưng vào thì chúng tôi không biết chữ, không biết kinh. Chúng tôi đến thì hút thuốc, nói chuyện, thì nhỏ nước miếng - dân tộc mà. Nhà thờ chịu thì chúng tôi vào. Chúng bắt riêng một số để dụ dỗ. Cuối cùng, không ai vào, chúng đành chịu. Nhưng chúng cứ ghi danh sách để nhận phần tài trợ cho cá nhân chúng.

Chống tố Cộng: Ta cho cơ sở điều tra các cái xấu xa của bọn áp trưởng, bọn làng xã và cả vụ cáo luận.

Tại Thạnh Đức, chúng tập hợp vào đấu trường. Tất cả thực hiện khẩu hiệu ngồi lì im lặng. Chúng hỏi mãi và lời một người ra đánh. Người đó xin thưa để tôi nói: Cộng sản nào tôi không biết, nhưng tôi biết ông A đến nhà tôi, dọa tôi, buộc tôi lo tiền và lấy 2 bộ quần áo. Trong đấu trường, cô phụ nữ nói: ừ, ông đó đến nhà tôi đòi tôi làm vợ bé. Tình hình thấy không ổn, chúng buộc phải thôi. Cuộc đấu tố bị thất bại. Bọn chúng phải kết luận rằng dân đã không tố Cộng mà nhè vào cán bộ quốc gia tố cáo ve gái, ăn cắp, hối lộ v.v... Chúng tố rằng chủ trương tố Cộng của Mỹ Diệm đã bị phá sản, bị cách mạng

lợi dụng làm cho những người ra cộng tác đặc lực của chúng hoang mang. Có nhiều người lại căm thù chúng, đi thanh minh những hành động của mình với quần chúng, nhân dân.

1958, Mỹ Diệm ổn định. Chúng vừa làm chiến tranh một phía vừa phát triển kinh tế. Các thành quả khoa học của nông nghiệp thế giới được phổ biến ở Tuy Hòa - nhất là giống, phân hóa học làm cho năng suất cây trồng tăng vượt bậc. Hàng ngoại nhập, vải, đồ nhựa, nhôm, đồ điện tử v.v... ồ ạt tràn vào. Vàng rẻ. Đời sống người dân nông thôn cải thiện.

Cuộc đấu tranh xây dựng trường học ở tỉnh và các huyện buộc địch phải xây dựng. Học sinh đi hoạt động. Phong trào nông thôn hướng về cách mạng. Các trường cấp 2, cấp 3 đông đảo học sinh. Do chúng rêu rao Tự do mà có những thầy giáo tuyên truyền cách mạng, chống kẻ phá hoại Hiệp định, nói tốt về cụ Hồ, về chế độ XHCN miền Bắc (như thầy giáo Ngô ở Trường Nguyễn Huệ, Tuy Hòa).

Nhiều học sinh con nhà tập kết, con cơ sở đã học vào cấp 3 làm thân quen với con của bọn tề nguỵ cấp tỉnh, tranh thủ chúng nó đứng vào hàng ngũ sinh viên học sinh đấu tranh.

Ngày 23/10/1955, Đế quốc Mỹ hất cẳng Pháp, đưa Ngô Đình Diệm lên thay Bảo Đại bằng cuộc trưng cầu dân ý.

Ta đã vận động tổ chức cuộc đấu tranh quy mô lớn toàn tỉnh, với lời kêu gọi : Xé phiếu đỏ - viết phiếu xanh.

Phiếu đỏ là Diệm. Phiếu xanh là Bảo Đại. Cả 2 phiếu - ta vận động nhân dân xé vút cả 2. Tổ chức rất rộng lực lượng cơ sở. Ta có ám tín hiệu liên lạc là người đội nón quai đỏ, găm kim bị ở túi áo phía trái. Cơ sở nòng cốt đều đội nón quai đỏ, găm kim bị túi áo trái mà ghim theo chiều dọc.

Ngày 4/3/1957 là cuộc đấu tranh chống trò hề bầu cử quốc hội Ngụy do tập đoàn Mỹ Ngụy chủ xướng.

Ta vận động quần chúng tẩy chay hoặc xé, vút, bôi lọ, hoặc gạch cả, tố giác bọn mật thám rình rập ở các thùng phiếu. Tuy sau 23/10/55, địch tổ chức tổ Cộng gây cho ta tổn thất nhưng đội ngũ đấu tranh đã được tổ chức chặt chẽ.

IV. Công tác dân vận, binh vận, tề nguỵ vận

Công tác dân vận, binh vận, tề nguỵ vận trong thời kỳ này là một cuộc vận động có quy mô nhất, có khoa học, có tổng kết, sơ kết về các kiểu cách đấu tranh như: tạo ra lý để tổ chức đấu tranh bao gồm đấu lý, đấu lẽ, đấu lực. Đấu tranh ở nông thôn, đấu tranh ở thành thị, đấu tranh với mỗi sắc lính, đấu tranh trên mặt trận văn hóa v.v... Lý, lẽ từng cuộc đấu tranh phù hợp đối với từng đối tượng xã, quận, binh lính địa phương, binh lính chủ lực v.v...

1/ Như trên đã phân tích, điểm lớn nhất: Mỹ là kẻ cướp nước, nguỵ quyền Ngô Đình Diệm là kẻ bán nước bán dân. Chính sách dã man tàn bạo tuy có gây cho nhân dân sự khiếp sợ nhất định, nhưng nhân dân rất căm thù chúng.

Đội ngũ của chúng tuy có tổ chức hoạt động nhưng không tinh. Mâu thuẫn giữa các sắc lính, giữa binh lính với sĩ quan, giữa cấp dưới với cấp trên luôn xảy ra. Lớn nuốt bé, lớn hiếp bé là thực trạng của chúng. Dân đã biết cách mạng, đã biết thế nào là Dân chủ Tự do, thế nào là Độc lập Cách mạng đã

giáo dục qua lớp thiếu niên nhi đồng, qua nhà trường của cách mạng. Một bộ phận lớn có quan hệ với người tập kết ở miền Bắc. Một bộ phận có quan hệ với người bị tù, bị quản thúc. Cách mạng qua 9 năm đã để lại trong dân nhiều quyền lợi. Hào khí chiến thắng của Điện Biên và tại tỉnh là chiến dịch Atlanc vẫn còn lắng đọng !. Những Trung đoàn, Liên Trung đoàn 80 - 83, những tiểu đoàn 365, cùng tên của những trận đánh oai hùng không cách nào mà dân quên được.

Ta tổ chức tốt, gặp dịp là có sự bùng dậy của nhân dân. Sự tan rã của ngụy quyền địch là không tránh khỏi.

2/ Đối tượng gây dựng cơ sở: Đảng viên cũ và những gia đình có người tập kết là tốt, nhưng dễ bị địch khủng bố theo dõi, dễ bị địch bắt bớ. Đối tượng chú ý vận động là học sinh thanh niên nam nữ. Đó là số được giáo dục nhiều trong thời còn thiếu niên và cả thời gian đến trường. Họ không dính vào Đảng viên hoặc dân công (Ta gọi là lực lượng còn trong trắng, địch không nghi kỵ mấy).

Thứ hai, số gia đình tầng lớp trên - địch có vẻ tin rằng họ thích chế độ phong kiến tư hữu của Diệm, Nhưng địch không thể hiểu quá trình yêu nước của họ được. Cuộc cách mạng của ta là tiếp tục giải phóng dân tộc. Tuy địch ưu ái với họ nhưng lòng họ biết rõ kẻ bán nước và cướp nước. Số này tổ chức được sẽ nắm được số đông người lao động xung quanh họ.

Những gia đình tuy có người tập kết nhưng người tập kết là bộ đội chủ lực không có tại địa phương nên địch cũng ít nghi ngờ. Những gia đình có con đang làm việc ở các nơi, những gia đình có quá trình tốt và đã tham gia kháng chiến tích cực trước đây nay nằm im - Họ có thể còn lòng tin ở cách mạng và kháng chiến. Nếu ta tiếp cận được thì có lợi. Họ sẽ nắm được con em họ đang làm việc cho địch mà cung cấp tình hình cho ta và ta lại cài được cơ sở bên trong để vận động người trong hàng ngũ địch.

3/ Trong các năm 1954 - 1955, thuận lợi lớn là số Đảng viên người tốt trong kháng chiến còn lại nhiều. Địch phải sử dụng nhiều người, nhiều tổ chức nên ta đã đưa một số làm dân vệ, cài vào chính quyền ngụy, đưa người ra làm việc ở tỉnh. Tuy nhiên tổ chức không khéo, người cơ sở đi hoạt động lộ liễu. Địch bắt đầu ổn định. Chúng truy tróc, thanh khiết tổ chức của chúng. Có người quay ra phản bội, chỉ điểm. Trong bộ phận tổ chức cũng có những Đảng viên cũ, những cán bộ sợ ác liệt đầu hàng, chỉ điểm, khai báo cho địch nên từ sau bầu cử Quốc hội Ngụy không còn lực lượng cốt cán. Từ 1955 đến 1958 là thời kỳ vô cùng khó khăn mà cách mạng Miền Nam gọi là thời kỳ thoái trào. Phải tìm ra một con đường là phương pháp vận động tổ chức quần chúng thật chặt chẽ thì mới tồn tại được.

4/ Bắt đầu thời kỳ vận động quần chúng với phương pháp tổ chức chặt chẽ, hoạt động khéo léo, bảo tồn cơ sở tổ chức. Phương châm là. Đi sâu, ít mà tinh gọn, nhưng các tổ chức công khai thì phải rộng để đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh dân chủ như các tổ chức thể dục thể thao. Cơ sở bí mật của ta núp trong lòng các tổ chức công khai như Hội bóng chuyền, hội bóng đá, hội văn công đổi công ở nông thôn, tổ chức lễ chùa, cúng đình, hát lãng. Từ đó, nòng cốt ta gợi ý những vấn đề về quyền dân chủ tự do, về sự sách nhiễu dân, nạn tham ô, hối lộ trong những cán bộ làng xã để nhân dân và những hội viên đó bàn tán. Lợi dụng những chủ trương mị dân của chính Ngô Đình Diệm như: cải cách điền địa, ta đưa vào hội tương tế cứu tế để đòi lại ruộng mà trước đây cách mạng đã phân cấp về công hương điền thổ và ruộng của những địa chủ phản động cho nông dân.

Chúng nêu khẩu hiệu “tự do” thì ta đòi phải được tự do hội họp của các tổ chức công khai và tự do lễ hội. Từ đó, cơ sở ta hướng dẫn cho nhân dân làm đơn tố cáo bọn tham nhũng, tung dư luận từng tên trong ngục quyền - nhất là nạn tham ô, nhĩ là trai gái. Hai việc ấy sự thật mà nói đều là việc kín. Đồng thời cán bộ của chúng có thể nói không tên nào là liêm khiết. Cho nên trước hết chọn một tên trong xã hoặc Xã phó hoặc Xã trưởng. Hễ là tham ô thì nghi kỵ nhau, không thể đoàn kết. Xét bên nào yếu thế, ta tung dư luận trước. Lôi kéo tên còn lại cùng đánh. Sau đó, lôi kéo tên đã đánh gục để tung dư luận hạ bệ tên kia. Đó gọi là phân hóa cao độ, gây dư luận chia rẽ giữa chúng với chúng, cùng với dân lôi kéo chúng đánh nhau.

Đối với binh lính: Đặc điểm của lính là thanh niên, có 3 yếu điểm - một là thiếu ăn, hai là thiếu tình cảm, ba là bị chỉ huy hiếp đáp. Cho nên dùng gia đình, các bà mẹ, các cô gái gặp gỡ mời về nhà gây cảm tình. Từ tình cảm mà gợi chuyện về việc làng xã ức hiếp dân và qua đó biết tư tưởng của họ mà xây dựng thành cơ sở cách mạng trong lòng địch. Đồng thời với sắc lệnh quân dịch, ta cũng nhân đó mà tổ chức một số cơ sở của ta đưa vào các sắc lính, chuẩn bị thời kỳ vũ trang khởi nghĩa giải phóng Miền Nam.

Từ 1958, cơ sở khôi phục. Các cuộc đấu tranh dân sinh dân chủ được tổ chức thắng lợi. Kinh tế nông thôn phát triển tương đối. Lúa IR8 được phổ biến, sản lượng lúa tăng. Nhà nông phấn khởi. Có đời sống khá khá ở nông thôn, nông dân càng hướng về cách mạng. Có đời sống khá thì bọn tề ngục trong xã càng hủ hóa nặng. Tình hình lại đòi hỏi phải có một phương pháp cách mạng mới để giải phóng được Miền Nam.

5/ Nghị quyết 15 ra đời: Nội dung của Nghị quyết 15 không phụ vào Hiệp định Giơnevơ mà là tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Miền Nam Việt Nam. Bởi Ngô Đình Diệm và Mỹ đã công khai xé bỏ Hiệp định Giơnevơ từ 7/1956 rồi. Nội dung Hiệp định chỉ còn là đấu tranh ngoại giao. Nghị quyết 15/1959 đưa phương pháp cách mạng lên 2 chân bằng chính trị và vũ trang. Đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ. Từ đó có phương châm cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Miền Nam Việt Nam trên 3 mặt trận:

- Mặt trận chính trị.
- Mặt trận quân sự.
- Mặt trận ngoại giao.

ở các mặt trận này, ta tiến hành 2 chân (Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang); 3 mũi giáp công (Mũi Chính trị + Mũi Binh tề vận + Mũi Quân sự).

Khẩu hiệu, phương châm Chính trị là: “Vận động tổ chức các lực lượng chính trị vũ trang, binh tề vận đấu tranh phân hóa kẻ thù”. Khẩu hiệu cụ thể là: “Lôi kéo bất cứ ai có thể lôi kéo được về hàng ngũ của mình. Tranh thủ bất cứ ai có thể tranh thủ được, trung lập những kẻ trước đây gian ác”, cô lập cao độ kẻ thù, đánh đổ từng tên. Giành thắng lợi từng bước, phát triển lực lượng để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn”. Kẻ thù chính được xác định là Đế quốc Mỹ và bọn tay sai bán nước ngoan cố Ngô Đình Diệm.

Từ 1954 đến 1958, lực lượng cách mạng và cuộc vận động nhân dân làm cách mạng đơn thuần là chính trị, đa số cán bộ bị tiêu hao. Tháng 11/1958, tại xã Xuân Phước, ta tổ chức diệt tên ác ôn Nguyễn Cường - đại diện xã, khét tiếng giết người. Tiếng súng nổ diệt tên Cường đã loan ra toàn tỉnh. Nhân dân nói chung và bọn làm tề ngụy cho địch nói riêng có sự đánh động mới. Nhân dân thì nghĩ rằng bộ đội trở lại rồi vui mừng. Bọn tề ngụy thì hoang mang lo sợ. Những cơ sở ta chuẩn bị lâu nay giờ đã có điều kiện mở rộng hoạt động, chuẩn bị cho các mặt đấu tranh.

V. Bước phát triển của cách mạng - tạo điều kiện cho công tác vận động tổ chức quần chúng

Bước phát triển của cách mạng - tạo điều kiện cho công tác vận động tổ chức quần chúng, đưa quần chúng ra trực diện đấu tranh chống địch giành quyền lợi.

1/ Ta cần có lực lượng quần chúng rộng rãi để: Một là vận động thanh niên ra gia nhập bộ đội. Hai là lực lượng cơ sở hoạt động tranh thủ ngụy quân ngụy quyền trong mỗi địa phương và vào các vùng binh lính ngụy đóng quân. Ba là tổ chức các lực lượng đoàn thể bí mật như phụ nữ, thanh niên, thiếu niên. Như vậy là từ những cơ sở rất ít để nhân dân hưởng ứng đông đảo tham gia vào môi trường đấu tranh, cần phải phát động thành phong trào rộng lớn. Về hoạt động tung dư luận việc lực lượng vũ trang của ta diệt tên Cường - đại diện xã Xuân Phước, ta cho cơ sở gặp ai cũng hỏi như là: “Nghe nói bộ đội mình về bắn chết ông đại diện quốc gia xã Xuân Phước phải không?”, “Anh chị có nghe đồn bộ đội cụ Hồ về đông lắm không?”. Gặp bọn làng xã, bọn dân vệ thì hỏi thăm, tỏ ra thắc mắc rằng: “Tại sao trong vùng mình mà Cộng sản về bắn ông đại diện xã.v.v... rồi “Đảng mình có giết được bọn Miền Bắc xâm nhập không?...”. Đối với thanh niên nam, nữ thì tung tin: “Bộ đội cụ Hồ ở Miền Bắc nghe nói về ở đây đông lắm trên núi phải không? Anh em có nghe, nói lại tôi nghe với v.v...”

Mặt khác, ta lại làm truyền đơn rải để kêu gọi. Như ở Tuy Hòa ta diệt tên Y - Chi ở xã Hòa Mỹ - là công an quận. Đồng thời rải truyền đơn, treo cờ, làm bè chuối, treo biểu ngữ thả trôi sông. Dân đi xem bàn tán nhau. Đó gọi là phóng tin dư luận, là tuyên truyền trực quan. Từ trực quan, làm cho mỗi người có sự suy nghĩ.

Từ đó, ta chọn người tích cực rút đi. Ta lại gây dư luận là số thanh niên trong làng xã ta đã lên theo cách mạng lên núi cả rồi như thằng A, thằng B... Cho cơ sở đến gặp tổng đoàn dân vệ và gặp Hội đồng xã hỏi thăm thằng A, thằng B... các ông bắt nó đem giết ở đâu. Buộc chúng phải nói là đã theo Cộng sản còn hỏi gì? Từ miệng chúng nói thì người của ta hỏi lại nếu nó có theo thật thì đường đi nước bước của làng, xã nó biết hết, các ông tính sao? Để an dân, các ông biết nó ở đâu, dẫn quân đi bắt nó về, kéo nó dẫn Cộng sản về thì chết hết... Mặt khác, vận động tiếp cho thanh niên lên núi gia nhập lực lượng vũ trang. Tìm hiểu trong dân vệ, trong ngụy quyền xã - tên nào dao động sợ hãi, xấp vào để tuyên truyền mà nắm, bảo họ thôi đừng làm nữa thì mắc mớ gì phải sợ. Họ có thể nói vì trước đã lỡ làm điều ác. Nhân đó mà giải thích nhớ hồi 9 năm, những cán bộ thường khuyên rằng: “Đánh người chạy đi ai đánh người chạy lại...”

2/ Có thể nói dân vận đấu tranh chính trị - một hình thức đấu tranh cách mạng có quy mô từ nhỏ 1 người đến 1 tổ chức và cuối cùng thành từng trung đoàn tiểu đoàn, nhưng vẫn lấy vận động từng người là chính. Đó là cuộc đấu tranh Chính trị chỉ có trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Kẻ địch tàn bạo và có sức mạnh vũ khí quân sự ghê gớm. Cách mạng Việt Nam đã nâng tầm sức mạnh tiềm tàng của quảng đại nhân dân, đối địch với kẻ mạnh nhất thế giới ấy.

Giới đấu tranh chính trị dám sử dụng mọi lý luận văn học, tổ chức khoa học, kinh nghiệm từ ông cha, từ cách mạng tháng Tám và 9 năm kháng chiến, Kinh nghiệm từ trong cuộc đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm 1954 -1959 mà thành. Đấu tranh vũ trang hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị. Đấu tranh chính trị khắc phục chỗ yếu của đấu tranh vũ trang. Đấu tranh chính trị là sự tổng hợp các hình thức “từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng” và đưa quần chúng vào tổ chức hành động có tình, có lý, có lực. Tình, lý, lực ngày càng tổng kết nâng cao.

Một thanh niên trong một làng, xóm đang đêm lén nhà đi tham gia cách mạng. Việc đó về luật pháp của Mỹ - Diệm gọi là gia đình Cộng sản, theo Cộng sản chống lại quốc gia. Đó là tội chết, là tịch biên tài sản hoặc bắt toàn gia bỏ tù.

Nhưng vì dưới chính quyền của chúng thông thường chúng bắt người rồi thủ tiêu. Ta lấy cơ sở đó mà khuyên gia đình đến xã đòi con, chất vấn các ông bắt giết con tôi bỏ ở đâu, khóc lóc làm động xóm làng. Trong khi đó, ta chuẩn bị cơ sở, vận động quần chúng kéo đến hỗ trợ và đòi rằng: “Các ông đã từng giết người. Giờ bà ấy mất con các ông phải trả lời”. Mọi người đồng thanh như thế, làm cho bọn chúng trở nên bị động. Khẩu hiệu đấu tranh nâng cao từ đòi bồi thường đến chỗ đòi chúng thay người khác làm đại diện để giữ an ninh được cho dân... nhưng ta cũng phải biết dừng đúng lúc. Đó là nghệ thuật. Bởi vì trong khi đòi như thế, cũng có người thấy chúng bí sợ trước sức mạnh, sức đông của dân mà đánh đập chúng thì sẽ bị chúng có cơ đàn áp. Cho nên khi chúng sợ, chúng rút trốn đi thì cuộc đấu tranh dừng lại đúng lúc. Ta thắng một bước tức là con ta đi theo Cộng sản mà buộc chúng phải im mồm.

3/ Quân sự hỗ trợ đấu tranh, chiến tranh! Điều này thật rõ. Như vụ diệt tên Ân ở Hòa Xuân, tên Cường đại diện xã Xuân Phước, tên Y - Chi ở Hòa Mỹ... đã làm cho ngụy quyền các xã Hòa Đồng, Hòa Tân, Hòa Hiệp trốn chui trốn nhủi. Ta nắm trung đội trưởng “Nguyễn” ở Hòa Hiệp, nắm Trung đội trưởng “Mã” ở Hòa Thịnh. Ta nắm Trưởng Công an xã ở Hòa Thịnh. Ta nắm trung lập cả trung đội dân vệ xã Hòa Thịnh, Hòa Hiệp, Sơn Hội, Xuân Quang, Sông Cầu để rồi cả trung đội kéo ra làm lính cách mạng. Nhiều đơn vị như thế ở Tuy Hòa, ở Đồng Xuân, Tuy An, Sơn Hòa... Địch ở địa phương tan rã, nhưng bên trên là Mỹ - Diệm có lực lượng vô cùng to lớn. Chúng đâu chịu bỏ đất bỏ sự cai trị của chúng. Làng xã tan rã thì chúng tổ chức đưa quân đội quận, tỉnh, quân chủ lực về làm quân quản, đóng từng đồn để giữ làng đồn dân lại. Khẩu hiệu của ta là: “Một tác không đi, một ly không rời” nhưng chúng cứ cho trực thăng hốt dân chở đi thì khẩu hiệu ta là đấu tranh đòi về làng cũ sản xuất và vì bảo vệ sản xuất mà ở luôn lại dựng nhà cửa. Mỹ - Diệm đã đốt hết, phá hết xóm làng, nhổ hết vườn cây ăn quả, lấp giếng nước. Lý luận của chúng: bóc tận gốc rễ cây cối không còn gì để nông dân luyện tiếc mà đòi trở về làng cũ nữa.

Đấu tranh chính trị để khắc phục chỗ nhược của lực lượng vũ trang là thế nào, khi mà địch bao vây kinh tế, dùng lực lượng chủ lực quản lý dân. Lực lượng cách mạng phải dựa vào dân, giải quyết ăn, mặc, xăng dầu, mọi nhu cầu cho cuộc sống chiến đấu. Thế nhưng bị chúng tát hết nước. Cho nên nhân dân phải đấu tranh trở về sản xuất tại địa phương của mình - có lúa, bắp để tại chỗ cho lực lượng của ta đến lấy ăn. Có lúc khó đến mức mỗi người ra khỏi ấp thì bị lục soát nên họ giấu mỗi người 1 nắm gạo. Có em bé ở An Nghiệp cứ nhiều lần đem 1 nắm gạo, tính lên đến 1 tấn gạo cho cách mạng. Để giải quyết các nhu cầu khác về thức ăn, thuốc men, về vật dụng cần có những chợ ở giáp ranh. Cuộc đấu

tranh đòi được đi buôn bán cũng quyết liệt. Cuối cùng đạt được - ấy là chợ “Nhồi ” - chợ giữa 2 bên. Người tốt khuyên người buôn bán đến đó bán hàng đắt hơn. Cả gia đình binh tề ngụy thấy bán đắt lợi lớn, tham gia đấu tranh để đến chợ. Khi lợi họ lớn thì khuyên họ dùng tiền mua chuộc Ngụy quyền ngụy quân ở đó.v.v...

4/ Bọn địch dùng phương tiện chiến tranh mới : thiết xa M113, trực thăng vận, mở những chiến dịch quy mô để tiêu diệt cách mạng. Chúng gọi là “Phượng hoàng vô môi ”, “Kỹ thuật bánh da lợn”, dùng quân đông vây nhiều vòng cho thiết xa cày dẫm. Khi thiết xa M113 đi đến đâu, thường kêu dân ra xem, rồi dùng súng các loại bắn vào không thủng. Dân hoang mang. Lực lượng ta lúc này, một đại đội chỉ có một cây súng trung liên, còn lại toàn là súng trường. Mỗi cuộc càn quét, chúng dẫm chết cả chục chiến sĩ như điều nạp gà con, cho nên Bộ đội ta cũng ngao ngán.

Trong cái nguy đó, xuất hiện một cách đấu tranh mới. Đó là phong trào càn xe tăng, không cho dẫm lên lúa, bắp, không cho chạy làm nát nương máng bờ ruộng với lý lẽ bảo vệ mùa màng. Bà mẹ ở Hòa Đồng thấy địch cho xe tăng dẫm chết một số chiến sĩ ở Tuy Hòa 2 ngày qua, nay lại chuyển sang Tuy Hòa 1. Chúng phải chạy băng băng qua đồng ruộng. Bà cùng một số chị em ra nằm chặn lại. “Lạ gì thanh khí lễ thường” - lính xe tăng cũng là thanh niên trước một bà mẹ, trước những cô gái thì lòng nào dẫm lên họ được. Đoàn xe tăng phải dừng lại. Đương nhiên bộ đội ta thoát. Mãi đến cuối năm 1964, chúng ta mới tiếp tế B40 chống tăng và mới có mìn chống tăng. Chiến tranh là sự cố gắng tột cùng sức lực của mỗi phía. Bên xâm lược nhất định còn sức là còn cố gắng để đạt mục đích của chúng. Phía cách mạng của nhân dân ta tất nhiên không dừng lại. Ta có vũ khí thì chúng hơn hàng trăm lần. Khi ta chống được tăng và có lực lượng chủ lực thì cả Mỹ - Diệm đưa cuộc chiến lên tầm cao mới “Chiến tranh cục bộ”. Mỹ lôi kéo các chư hầu của chúng và ngụy quyền Sài Gòn được Mỹ đưa phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, Mỹ quyết đánh bại cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của chúng ta.

5/ Ba mặt trận đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao với quân sự kết hợp hết sức chặt chẽ. Mặt chính trị của lực lượng cách mạng đã nâng lên tầm cao hơn. Đội quân chính trị có tổ chức, từ nông thôn nhập vào thành thị, đưa yêu sách chống bắn pháo, ném bom, đốt phá xóm làng. Phụ nữ, gia đình binh sĩ ngụy (những chị em có chồng con đi lính ngụy) cùng với các cô gái xấp vào chỉ cho lính ngụy thấy rõ nào là lính Mỹ, lính Nam Hàn ức hiếp dân chúng, nào là chúng đốt phá nhà cửa, đánh đập cả cha mẹ, ức hiếp chị em của binh lính ngụy tại địa phương. Họ còn lôi kéo an ninh đến Quận trưởng, Tỉnh trưởng, đòi bồi thường và đòi Mỹ rút. Họ phải trang bị kỹ để nói cho có lý mà bọn binh lính ngụy nghe cảm động.

Có những cuộc càn quét, lính ngụy bị chết, chúng bỏ xác lại. Ta cho người khiêng về quận, tỉnh, trả cho gia đình chúng cùng kéo đi đấu tranh chính trị. Với khẩu hiệu “Trung lập hóa những lực lượng khác trong lòng địch, chĩa mũi nhọn vào Mỹ. Tổ chức phong trào sinh viên học sinh chống Mỹ, phong trào đấu tranh đòi hoà bình của Phật giáo, chống cường quyền áp bức, chống độc tài gia đình trị, chống tham nhũng”..., những cuộc biểu tình, mít - tinh của sinh viên học sinh, biểu tình ngôi của Phật giáo kéo theo cả gia đình binh sĩ, sĩ quan và nhân viên ngụy quyền các cấp.

Trên mặt trận ngoại giao thì ta kêu gọi thế giới ủng hộ. Ta tố cáo tội ác của Mỹ để cho thế giới, nhân dân thế giới cũng lên án Mỹ. ở ngay nước Mỹ cũng có những phong trào ủng hộ nhân dân Việt Nam. Nhân dân Mỹ kéo về thủ đô, đọc danh sách những lính Mỹ chết ở Việt Nam, đòi chính phủ Mỹ

chấm dứt chiến tranh Việt Nam, đòi trả chồng con họ về. Anh Mờixom tự thiêu ở Lầu 5 góc để phản đối chiến tranh của Mỹ xâm lược Việt Nam ! Khắp thế giới đều có phong trào giúp đỡ nhân dân Việt Nam chống Mỹ.

Trên mặt trận vũ trang cũng giống như mặt trận chính trị, “ta đưa chiến tranh vào hang ổ của Mỹ - Diệm. Vì như du kích B sống hợp pháp, dùng mìn, bộc phá, lựu đạn, chất nổ hẹn giờ, nguy trang khéo léo như bỏ chất nổ vào lon sữa bò như người mua về ăn lon sữa, hoặc lon bơ, hoặc bình dầu của đèn Mẫnsông hoặc trong xách tay. Ngày đêm, ta quyết gây cho được tiếng nổ, làm cho chúng luôn luôn thấy không ổn định v.v...

6/ Chiến tranh chống Mỹ còn gọi là cuộc chiến tranh giành dân, chiến tranh phá hoại. Địch lừa dân đi, ta vận động cho dân về lại làng xóm. Địch lập ấp, nhốt dân trong 3 lớp rào, có lính canh gác thì khi dân đi làm, ta vận động dân. Ngày chúng bắt rào ấp, chống rào, đến đêm ta lại phá. Du kích B ở trong ấp tìm cách diệt địch và gây tiếng nổ. Cuối cùng, ta phá được ấp. Đó là giành thắng lợi từng bước, từng phần để đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc chiến tranh đến cao điểm. Ta nêu khẩu hiệu : “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, lấy vũ khí địch để diệt địch”. Phát động trong thiếu niên đánh cắp vũ khí địch, đặt chất nổ hẹn giờ nơi địch tụ tập ở các căn cứ, lựu đạn pháo, bom lép để lấy thuốc nổ đánh địch. Một em bé tên là Căn đã một lúc phá hủy 13 xe làm đường của địch. Cuộc chiến tranh ấy còn là cuộc chiến tranh phá hoại. Chúng phá hết nhà cửa của nhân dân ở nông thôn, giết hết trâu bò, rải chất độc, phá hết sản xuất của nhân dân. Ta cũng đưa chiến tranh phá hoại vào tận lòng địch - phá hoại cầu cống, đường sá, phá hoại kho tàng và các phương tiện chiến tranh của chúng. Bọn lính Mỹ càn quét xong, bỏ lại nơi đóng quân của chúng bao nhiêu thức ăn, cả đạn pháo, súng M72, Mìn Claymo là những loại rất dễ sử dụng cho du kích B và cả thuốc tây nữa. Một em bé lượm được mìn Claymo, có thể dùng dây điện kéo dài, ngồi nơi kín đáo, chờ chúng đi ngang, đập cần bấm chập điện nổ ngay và em bé có thể ung dung lẩn tránh nơi khác. Lấy vũ khí địch diệt địch là cả phong trào quần chúng do ta phát động, bày vẽ cách sử dụng, cách cải tạo vũ khí địch. Chúng nó ỷ quân đông, vũ khí nhiều, đi đến đâu bỏ ở đó. Một trận địa pháo, khi chúng rút đi còn bỏ lại hàng trăm quả đạn. Lính mang vũ khí nặng - bỏ bớt mìn mo, súng M72, đạn và cả thức ăn, thuốc men, vật dụng của chúng nữa. Máy bay ném bom thả nguyên thùng bom bi chưa rút chốt. Chính nhờ thế mà đâu đâu cũng có vũ khí. Chúng đem mìn Ríp rải khắp bờ rừng. Nhân dân ta lượm, giao cho du kích, đem đem rải ở các đường từ đồn bót của chúng. Sáng chúng đi ra, dẫm phải mìn. Đúng là “gậy ông đập lưng ông”. Một ông cụ Bông đã dùng các loại mìn gài, tạo nhiều trận địa đánh địch. Một ông cụ Rịa ở An Chấn hay ông Năm An, cụ Năm Tuấn và hàng loạt anh em du kích A, du kích B đã dùng vũ khí địch đánh lại địch, tạo thành thế mà bọn chúng phải gọi là: “thiên la địa võng”.

VI. Ba mũi giáp công

1/ Ba mũi giáp công: Giáp công 3 mũi trong một cuộc đấu tranh chính trị. Giáp công trong việc vận động một người lính, một đồn lính. Đây là một nghệ thuật chỉ có trong chiến tranh nhân dân và chỉ có cách mạng Miền Nam đấu tranh chống Mỹ cứu nước mới có. Một trung đội dân vệ đi càn ở làng xóm, gặp phải du kích và vấp phải mìn chông bị thương, 3 tên chúng khiêng cút đi, còn lại 1 tên chết. Đội quân chính trị liền tập hợp lại mặc quần áo cho tên lính chết, rửa sạch sẽ rồi khiêng đi. Bọn chúng đang khiêng thương, dân sấp vào khiêng hộ. Đoàn rống rần của đội quân tóc dài này qua các làng,

ngang qua các chỗ đóng quân của địch để về quận. Họ dừng lại nghỉ. Binh lính đến xem, họ tuyên truyền : ở dưới đó du kích gài chông mìn nhiều lắm anh em không nên đi như thế này mà chết bỏ vợ con. Khiêng đến quận - Đó là cuộc nhập thị, gặp bà con cô bác kể chuyện cách mạng; gặp gia đình binh sĩ thì chỉ cái đức độ của cách mạng, lòng khoan dung, thương yêu đồng bào mình, và đến quận thì đưa yêu sách chống càn quét, chống lính về làng sẽ bị chết như thế này. Như vậy là quân sự đánh địch chết, chính trị lại kéo đi. Khiêng thương cho bọn địch, cốt để đạt yêu cầu nhập thị tuyên truyền đưa yêu sách và gặp binh lính địch để nói cho chúng chỉ cái chết oan uổng cho chúng thấy.

2/ Đường lối trong đấu tranh hay trong 1 trận đánh của ta là tập trung toàn diện, khai thông nhất điểm, tập trung toàn lực tấn công vào 1 điểm. Địch biết ta rất rõ là quân ít, vũ khí thô sơ và chúng cũng biết rõ là chúng quân đông, vũ khí hiện đại. Đông nhưng chúng phải đóng quân từng cụm để quản lý dân, ngăn chặn cách mạng. Một cán bộ du kích đã tạo điều kiện đấu tranh cho dân. Anh ta viết bức thư và tập hợp đội quân chính trị lại bảo đem thư này cho trung đội lính đóng quân trong xã.

Lý lẽ là Cộng sản buộc chúng tôi phải đem cái thư này cho ông Đồn trưởng nếu không đem chúng tôi bị trừng trị. Vì các ông có nhiệm vụ giữ an ninh nhưng các ông đem cứ trong đồn ở thì ai giữ cho chúng tôi nên vì sợ mà phải đem thư đến đây mong ông trả lời. Ông không trả lời để có thư chúng tôi cầm về thì xin ở hết ở đây. Đây là 1 cuộc tấn công chính trị. Khi nhập vào nơi trung đội đóng quân nhiều chị em đi thăm em, thăm cháu, thăm bạn, kéo lính ra tranh thủ nói chuyện.

Nội dung thư là cách mạng ít quân hơn các ông, súng đạn ít hơn nhưng quân đội cách mạng là tập trung toàn diện, tấn công nhất điểm. Đó là phương pháp tác chiến của chúng tôi. Vì là người Việt Nam với nhau, tôi không muốn các ông bị tiêu diệt mà muốn các ông nên tránh”. Bà con hỏi, đồng thời còn hù dọa rằng: “Thấy có quân chủ lực cách mạng về”. Trong khi đó, một du kích mật cho nổ 1 trái lựu đạn ở đâu đó, làm cho đội ngũ địch rối lên. Bà con cũng làm rối loạn lên, đòi tên chỉ huy phải trả lời. Tất nhiên, không bao giờ chúng trả lời. Cuộc đấu tranh đến đó chấm dứt, song hiệu quả không vừa. Ngay trong đêm chúng rút về Quận ngũ.

Mặt trận đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, hay 3 mũi giáp công không thể tách rời mặt trận văn hóa tư tưởng. Mặt trận văn hóa tư tưởng là nòng cốt cho mỗi cá nhân, mỗi 1 tập thể lớn hay nhỏ, dân hay quân, thiếu niên hay người già.

- Sức mạnh của văn hóa tư tưởng còn lớn hơn vũ khí hiện đại nhiều lần. Khi chúng rêu rao:

“Mỹ thắng Mỹ ở tới già

Mỹ thua Mỹ gởi mỗi nhà 1 trái bom”

thì ta lại có câu: “Một lời nói sắc hơn dao - Thề cùng giặc Mỹ có tao không mày ”.

Văn minh của dân tộc ta là văn minh nông nghiệp. Cái gốc nông nghiệp là nông thôn và mỗi tế bào của nông thôn là người nông dân. Tuy sống trong chế độ phong kiến trước kia nhưng nông thôn vẫn có nền dân chủ - dân chủ nông thôn. Cái bản sắc văn hóa của 95% nông dân là xóm, họ tộc, gốc ruộng bờ tre, cây đa bến nước, đình làng. Hiện tại và quá khứ đan xen nhau trên mỗi gia đình “Tổ tiên gia tộc trên bàn thờ, mô mã tổ tiên ông bà ngoài xóm đó”. Kẻ thù muốn bung tất cả đi, dồn vào 1 khu đất, mỗi bước đi phải trình phải báo, mỗi bữa ăn có người theo dõi. Dân chủ - họ mất cả rồi. Bản sắc văn hóa cũng mất luôn, và xa hơn là đất nước - “Biên giới Hoa Kỳ chạy đến vĩ tuyến 17”... Cho nên

công tác văn hoá tư tưởng là xoáy sâu vào chỗ này. Con người chưa giác ngộ gì mấy về Tổ quốc. Nhưng giác ngộ cụ thể là họ mất xóm làng, mất nhà. Điểm quan trọng là mất ông bà tổ tiên, mồ mả thì chết còn hơn là sống không còn gốc tích.

Mỹ - Ngụy đã đẩy nhân dân ta vào con đường cùng và từ cái cùng thì tất biến là điều rõ. Trong điều kiện chiến tranh ác liệt như vậy nhưng bộ máy văn hoá tư tưởng của tỉnh của huyện rất lớn mạnh: 1 tỉnh như Phú Yên ta có 2 đoàn nghệ thuật tỉnh, mỗi huyện có đoàn văn công, có tờ báo, tờ tin, có những tác phẩm văn nghệ thơ, ca, hò, vè truyền tụng trong dân. Tất cả văn, thơ, nhạc, điện ảnh đều tập trung vào một hướng xây dựng truyền thống dũng khí, xây dựng lòng tin vào tương lai sự thắng lợi của cách mạng. “Trung, dũng, lễ, trí, tín, nghĩa” là những đạo đức cơ bản của con người. Ta làm những đợt phát động giáo dục, những lớp huấn luyện tổng kết công tác văn hoá tư tưởng để giáo dục tư tưởng kịp thời. Ta mở trường, nâng cao kiến thức văn hóa, làm cho trí tuệ đội ngũ ngày càng mở rộng. Giác ngộ cao, căm thù địch sâu thì uy vũ không thể khuất phục được họ.

- Bác Hồ đã nói “Đánh cho Mỹ cút - Đánh cho Ngụy nhào ” là dựa trên thế 2 chân 3 mũi; Dựa trên đường lối tranh thủ bất cứ ai có thể tranh thủ, trung lập bất cứ ai có thể trung lập, cô lập cao độ kẻ thù bằng các phương pháp đấu tranh, làm cho kẻ thù thất bại về mọi mặt mà phải rút đi. Còn ngụy quân, ngụy quyền là người Việt Nam, trước sức mạnh và tàn ác của kẻ địch, có thể vì dao động, có thể lầm đường lạc lối mà cộng tác, hoặc theo giặc. Đó là tạm thời. Chúng ta bằng mọi cách để phân biệt kẻ thù mà đánh, theo phương châm “Đánh trúng đầu rắn, bắn trúng đầu chim”. Như thế thì toàn chế độ tay sai sẽ nhào đổ. Đó là đường lối, là lời tiên tri của lòng nhân ái, của đạo lý người Việt Nam ta, của Đảng ta và của Bác Hồ.

“Đánh cho Mỹ cút đánh cho Ngụy nhào” là kế thừa đạo lý lấy trí nhân thay cho cường bạo. Thời Trần sau khi quân dân nhà Trần đánh thắng quân Mông đã tạo mọi điều kiện cho chúng rút. Lê Lợi, Nguyễn Trãi với ý đồ lấy trí nhân mà thay cường bạo khi đánh thắng quân Minh đã sẵn cho thuyền bè voi ngựa để cho bọn xâm lược nhà Minh rút chạy về nước.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta trong thời đại ngày nay. Phải đối đầu với tên đế quốc giàu mạnh nhất thế giới của thế kỷ 20. Hành động chiến tranh của chúng vô cùng ác liệt, vô cùng tàn bạo, chúng đã dùng chính sách diệt sạch, phá sạch, đốt sạch (Tam Quang). Thế nhưng không vì thế mà ta dùng chính sách trả thù tàn bạo như chúng.

Đảng và Bác Hồ trong đường lối chính sách, đã kế thừa và phát triển đạo lý sống của dân tộc ta, lấy trí nhân mà thay cho cường bạo, Mỹ đến xâm lược nước ta, Mỹ phải cút đi. Ta phân hoá Ngụy mà đánh cho nhào đổ, để thực hiện ước mơ cao nhất là Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội trên quê hương đất nước mà thôi.

Nguyễn Hữu ái

Nguyên Ủy viên TV Tỉnh ủy, PCT UBND tỉnh Phú Yên

XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG TỈNH PHÚ YÊN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975

Phần 1:

Xây dựng chính quyền Cách mạng Phú Yên từ năm 1945- 1954

Sự hình thành chính quyền CM:

Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân ta tiến hành tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cách mạng. Tháng 8/1945 thành công. Chính quyền cách mạng được thành lập nhanh chóng với chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc chống thực dân Pháp xâm lược bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Phú Yên được thành lập vào ngày 26/8/1945 tại tỉnh lỵ Sông Cầu.

Ông Nguyễn Văn Nguyên làm Chủ tịch.

Ông Trương Kiểm làm Phó Chủ tịch.

7 Ủy viên Ủy ban cơ quan cách mạng gồm có các ông: Hoàng Văn Phúc, Phan Thanh Cưu, Nguyễn Thái, Lê Cấp, Lê Duy Trinh, Phạm Ngọc Quế, Đoàn Sơ.

Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời các huyện, phủ lần lượt thành lập vào ngày 28/8/1945.

Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời phủ Tuy Hòa do ông Trần Suyền làm Chủ tịch.

Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời khu Tuy Hòa do ông Lê Văn Phú làm Chủ tịch.

Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời phủ Tuy An do ông Huỳnh Lưu làm Chủ tịch.

Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Đồng Xuân ông Trương Tấn Tiếp làm Chủ tịch.

Khu Đồng Bò do ông Đoàn Sơ làm Chủ tịch.

Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Huyện Sơn Hòa do ông Đoàn Tư làm Chủ tịch.

Sau tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng 8, cơ quan cách mạng mới thành lập đã ở vào tình thế vô cùng khó khăn, phức tạp. Trên đất nước ta có mặt tới 30 vạn quân chính quy của các nước Anh, Pháp, Nhật, Ấn và quân Tưởng giới Thạch cùng nhiều loại Đảng phái phản động. Chưa bao giờ đất nước ta có nhiều kẻ thù đến thế. Hiểm họa đất nước - “ngàn cân treo sợi tóc”. Địch mưu đồ tiêu diệt chế độ dân chủ cộng hòa, tiêu diệt Đảng Cộng sản, phá tan Việt Minh, giúp bọn phản động Việt gian đánh đổ chính quyền Cách mạng, lập chính phủ phản động làm tay sai cho chúng.

Quân Pháp được Anh giúp đỡ, trở lại xâm chiếm nước ta một lần nữa. Vấn đề cơ bản nhất đặt ra với toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là phải bảo vệ bằng được cơ quan Cách mạng. Đó là yêu cầu và là quyết tâm đã được khẳng định trong lời thề Độc lập.

Tháng 10/1947, Chính phủ quyết định thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính quân sự trong cả nước từ cơ sở lên, tổ chức xây dựng chấn chỉnh lực lượng vũ trang các quân khu, dân quân du kích địa

phương, thực hiện chiến tranh nhân dân, tiêu hao lực lượng địch, bao vây chặn đánh bước tiến của địch, không cho địch lập chính quyền phản động tay sai.

Trong lúc đó, chính quyền Cách mạng của tỉnh phải giải quyết nhiều vấn đề rất to lớn về quân sự, kinh tế, xã hội rất cấp bách. Nhu cầu kháng chiến ngày càng lớn. Bộ đội tăng nhưng lương thực, tiền bạc trong khối nghĩa Cách mạng tháng 8 tiếp nhận ruột già tài khánh kiệt: Kho bạc của địch trong quỹ còn 300 ngàn đồng phần nhiều là bạc rách, 300 tấn gạo, 300 tấn đường. Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm luôn đe dọa. Chính quyền cách mạng và nhân dân phải giải quyết tiếp tế lương thực, thực phẩm vận chuyển vũ khí đạn dược cho 8 trung đoàn chủ lực, 7 tiểu đoàn quân Nam tiến vào các chiến trường Khánh Hòa, Tây Nguyên, Nam bộ. Một số cơ quan đơn vị đại diện Miền Nam, khu 6 cũng tạm dừng chân để chỉ đạo phong trào chống giặc bảo vệ mặt trận phía nam. Hàng chục ngàn đồng bào bị đói từ miền bắc chuyển vào phải tiếp tế lương thực, bố trí nơi ăn, chốn ở, giải quyết việc làm, ổn định đời sống. Phú Yên còn đón tiếp hàng nghìn bộ đội, hàng nghìn thương binh, nhân dân và con em cán bộ tản cư từ Khánh Hòa ra, Đắc Lắc chuyển xuống.

Thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ và Miền Nam Trung bộ. Chúng bao vây cắt đứt mọi giao lưu kinh tế hàng hóa từ Nam ra Bắc, làm cho đời sống nhân dân Phú Yên bị đảo lộn. Hàng hóa dư thừa không nơi tiêu thụ được như: muối, mắm, thuốc lá, đường, bò, bông vải. Ngược lại nhiều hàng rất cần thiết cho đời sống rất khan hiếm như: vải, giấy, dầu thắp, thuốc chữa bệnh...

Nhưng nhân dân Phú Yên tin tưởng ở Đảng. Phong trào Việt Minh và lãnh tụ Hồ Chí Minh (tức là Nguyễn ái Quốc) có uy tín rất lớn trong các tầng lớp nhân dân. Công chức, binh lính nhiều chánh tổng, lý trưởng, lý hương của Pháp, đồng bào Kinh, đồng bào Thượng, các tôn giáo đều vui mừng phấn khởi nước nhà được độc lập, tự do mọi người sẵn sàng hiến dâng của cải hy sinh xương máu chống thực dân Pháp.

Chính quyền Cách mạng mới thành lập. Công việc mới mẻ nhưng nhờ có chủ trương đúng đắn, sáng suốt, hợp lòng dân “chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm” của Đảng và Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng và hăng hái thực hiện nên sớm ổn định tình hình kinh tế, đời sống xã hội, đẩy mạnh kháng chiến.

Tháng 10/1945, Hồ Chủ tịch gửi thư đến các Ủy ban nhân dân cách mạng, cán bộ tỉnh, huyện, tổng, làng căn dặn “chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là đầy tớ của dân nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân chứ không phải để đè đầu dân.

Việc gì có lợi cho dân thì ta phải hết sức làm.

Việc gì có hại cho dân thì ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân thì dân mới yêu ta.

Những lời dạy bảo của Hồ Chủ tịch có tác dụng giáo dục sâu sắc đối với cán bộ ngăn ngừa các tệ nạn quan liêu hách dịch cửa quyền, tham ô, lãng phí, xây dựng quan hệ tốt, gắn bó mật thiết giữa cán bộ với dân. Hồ Chủ tịch quan tâm giáo dục rèn luyện cán bộ, Đảng viên thành những con người mới, lấy cái tâm, cái đức làm gốc, làm tăng thêm uy tín Đảng và hiệu lực Chính quyền cách mạng.

Trong tình hình đất nước đứng trước muôn vàn khó khăn, giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền cách mạng càng khó hơn. Đảng và Hồ Chủ tịch kiên quyết bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Ngày 6/1/1946 tổ chức tổng tuyển cử đầu tiên trong cả nước. Người dân Phú Yên từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam, nữ, các dân tộc, tôn giáo, đảng phái, đồng bằng, miền núi, bán đảo xa xôi, phấn khởi hăng hái tập nập đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội. Tỉnh ta có 4 đại biểu trúng cử vào Quốc hội gồm các ông: Huỳnh Lưu, Phạm Ngọc Quế, Phan Lưu Thanh, Trần Quỳnh. Tổng tuyển cử cả nước là một cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt để xác lập quyền làm chủ của nhân dân, của nhà nước về mặt pháp lý, là một đòn giáng mạnh vào âm mưu chia rẽ, lật đổ, xâm lược của thực dân Pháp và tay sai. Ngày bầu cử là ngày hội của quần chúng. 98% cử tri đi bỏ phiếu, biểu hiện khối đoàn kết toàn dân - một sức mạnh có ý nghĩa quyết định trong công cuộc củng cố chính quyền cách mạng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước dân chủ, nhà nước của dân, do dân và vì dân đầu tiên trong lịch sử.

Tháng 3/1946, cử tri toàn tỉnh bầu cử Hội đồng nhân dân khóa đầu tiên. 145.000 cử tri đủ các thành phần - nam nữ, tôn giáo, các đảng phái, dân tộc thiểu số, người Hoa, công nhân, trí thức, công chức, quan lại cũ. Cử tri chọn người có uy tín do Mặt trận Việt Minh giới thiệu, bầu 20 đại biểu Hội đồng Nhân dân chính thức và 5 dự khuyết, trong đó có 8 đại biểu là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phiên họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân kéo dài 20 ngày mới bàn hết các vấn đề quan trọng, liên quan đến đời sống nhân dân và kháng chiến với nội dung:

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu với khẩu hiệu “tác đất tác vàng”. Chú trọng tu bổ hệ thống thủy nông Đồng Cam, đào mương rút Bầu Súng.

- Xây dựng, củng cố phát triển dân quân, tự vệ, du kích, khắp các xã trong tỉnh.

- Xây dựng trường trung học để đào tạo đội ngũ cán bộ tương lai. Tháng 10/1946, lấy tên là trường trung học Lương Văn Chánh.

- Phát động phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ trong nhân dân - trước tiên là lực lượng nam nữ thanh niên. Trong phiên họp Hội đồng nhân dân, bầu Ủy ban hành chính tỉnh: Ông Lê Duy Trinh làm Chủ tịch, ông Phan Thanh Cựu làm Phó Chủ tịch.

Tháng 9/1946, bầu Hội đồng nhân dân các xã. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân từ 15-20 đại biểu. Cuối năm 1946, Chính quyền cách mạng khắp toàn tỉnh được củng cố, các ban ngành chuyên môn được sắp xếp thành hệ thống dọc từ tỉnh đến huyện, xã, lễ lối làm việc từng bước được đưa vào nề nếp.

Đến giữa năm 1946, tỉnh Phú Yên thực hiện chủ trương của Ủy ban hành chính Trung bộ, chấn chỉnh các cấp hành chính, bỏ cấp tổng, nhập các làng nhỏ thành xã (hành chính cấp cơ sở). Trên xã là cấp huyện (không gọi là phủ). Nhập xã lần đầu tiên - tỉnh Phú Yên có 84 xã, dân số trên 28 vạn người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 8000 người, 2000 người Hoa (xem phụ bản số 1).

Năm 1946, thành lập Phòng Quốc dân thiểu số do ông Đặng Sĩ Đối phụ trách. Khu Đồng Bò - nơi tập trung hàng nghìn công nhân nhà máy đường và hàng nghìn công nhân đồn điền trồng mía tổ chức thành cấp khu, trực thuộc tỉnh; đầy đủ các cơ quan, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể tương đương

cấp huyện. Cán bộ Chính quyền các cấp phần lớn là thanh niên mới tham gia hoạt động Cách mạng tháng 8. Một số cán bộ các ngành tỉnh huyện là công chức thời Pháp thuộc, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ; nhờ sự chăm lo giáo dục của cấp ủy Đảng, cán bộ Chính quyền tỉnh, huyện, xã đều hăng hái nhiệt tình công tác, quan hệ chặt chẽ với Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, được nhân dân tín nhiệm. Mọi chủ trương của Đảng và công tác do Chính phủ đề ra đều thực hiện có kết quả.

Để phối hợp lực lượng thực hiện chính sách chủ trương tốt hơn theo chỉ thị Ủy ban hành chính trung bộ, tháng 7/1946, tỉnh Phú Yên thành lập Ủy ban quân dân chính các cấp (song song với Ủy ban hành chính) gồm đại biểu đoàn thể, đại biểu Đảng, đại biểu quân sự, đại biểu Ủy ban hành chính - sau này gọi là Ủy ban hành chính kháng chiến.

Tháng 11/1946, cả nước rất khẩn trương đối phó với âm mưu thực dân Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước. Tỉnh Phú Yên thực hiện chỉ thị của UBHC Trung bộ. Toàn tỉnh chia làm 6 chiến khu và 2 huyện miền núi.

Chiến khu 1 gồm các xã Nam sông Đà Ràng.

Chiến khu 2 gồm các xã Bắc sông Đà Ràng.

Chiến khu 3 gồm các xã huyện Tuy An.

Chiến khu 4 gồm các xã huyện Sơn Hòa.

Chiến khu 5 thuộc Tây huyện Đồng Xuân.

Chiến khu 6 gồm các xã thuộc Đông huyện Đồng Xuân (nay là huyện Sông Cầu). ở mỗi chiến khu thành lập một Ủy ban kháng chiến chiến Khu.

Ủy ban kháng chiến Chiến khu 1

Ủy ban kháng chiến Chiến khu 2

Ủy ban kháng chiến Chiến khu 3

Ủy ban kháng chiến Chiến khu 4

Ủy ban kháng chiến Chiến khu 5

Ủy ban kháng chiến Chiến khu 6

Huyện miền núi Tân Sơn (Đồng bào dân tộc thiểu số Sơn Hòa) có Chủ tịch là Ông Y-Pa.

Huyện miền núi Tân Xuân (Đồng bào dân tộc thiểu số Đồng Xuân) có Chủ tịch là Ông Ma-Quang.

Nhiệm vụ Ủy ban kháng chiến khu là động viên chỉ đạo trực tiếp chuẩn bị và đánh địch, tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ, chế tạo vũ khí, phá hoại đường sá, tiêu thổ kháng chiến, xây dựng làng chiến đấu, sẵn sàng đánh địch lấn chiếm, bảo vệ vùng tự do.

Ủy ban kháng chiến hoạt động thời gian ngắn. Cuối năm 1947, bỏ cấp chiến khu, bỏ 2 huyện miền núi; thống nhất Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến, xây dựng lại cấp huyện như cũ gọi là Ủy ban hành chính kháng chiến; hình thành hệ thống chính quyền 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Riêng

huyện Tân Sơn sáp nhập vào Sơn Hòa, huyện Tân Xuân sáp nhập vào Đồng Xuân. Đầu năm 1947 khu Đồng Bò nhập vào huyện Tuy Hòa.

Cuối năm 1947, hợp xã lần thứ 2. Toàn tỉnh có 68 xã - trong đó có 57 xã người kinh và 11 xã đồng bào người dân tộc thiểu số.

Huyện Tuy Hòa có 20 xã.

Huyện Tuy An có 17 xã.

Huyện Đồng Xuân có 16 xã.

Huyện Sơn Hòa có 15 xã.

Năm 1949, tiến hành hợp nhất xã lần thứ 3. Toàn tỉnh có 47 xã người kinh, 8 xã đồng bào dân tộc thiểu số. Xã lớn có từ 10.000 người đến 15.000 người, xã trung bình có từ 5.000 đến 8.000 người, xã nhỏ có từ 2.000-3.000 người.

Phú Yên có 4 huyện và 1 thị xã Tuy Hòa

- Huyện Tuy Hòa có 15 xã

- Huyện Tuy An có 14 xã

- Huyện Đồng Xuân có 13 xã

- Huyện Sơn Hòa có 13 xã

- TX Tuy Hòa có lúc gọi là xã Hòa An, trực thuộc huyện Tuy Hòa. (Xem phụ bản 2)

Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh, huyện, xã tổ chức thành ngành dọc, có các ban: Ban Dân quân, Ban Công an, Ban Bình dân học vụ, Tòa án (xã gọi là Ban Tư pháp). Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh có các ty như: Ty kinh tế, Ty y tế, Ty giáo dục, Ty Bình dân học vụ, Ty văn hóa thông tin, Ty tài chính, Ngân hàng nhà nước, Sở mậu dịch, Sở nông giang.

Cuối năm 1948, nhà nước có sắc lệnh 91 mở rộng Chính quyền mỗi cấp có một nhân sĩ vào chân Phó Chủ tịch.

Tháng 1/1949, bầu Hội đồng Nhân dân tỉnh lần thứ 2. Số thành viên Hội đồng nhân dân tỉnh từ 20-30 đại biểu, Hội đồng nhân dân tỉnh bầu ông Phạm Ngọc Quế làm Chủ tịch; Ông Nguyễn Tài Sý - nhân sĩ làm Phó chủ tịch; Ông Lê Duy Trinh điều về công tác ở Bộ nông nghiệp.

Đến năm 1951 bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh lần thứ 3.

Ông Võ Học làm Chủ tịch.

Ông Nguyễn Đình làm Phó Chủ tịch.

Ông Nguyễn Sung làm Ủy viên kinh tế.

Ông Hoàng Đức Phiến làm Ủy viên nội chính.

Ông Cự Chung làm Ủy viên tài chính.

Ông Lê Duy Trường làm Ủy viên thi đua.

Ông Lê Văn Đại làm Ủy viên công an.

Ông Trần Thuần làm Ủy viên tỉnh đội.

Ông Cao Văn Hoạch làm Chánh văn phòng.

Ông Phạm Ngọc Quế làm Ủy viên Ủy ban hành chính kháng chiến liên khu 5.

Năm 1951, Hội đồng Nhân dân cấp xã bầu lần thứ 3 (1946-1947-1951). Đại biểu Hội đồng nhân dân xã từ 30-40 đại biểu. Tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu là 85%. Thành phần Ủy ban kháng chiến hành chính 3 cấp có nhân sĩ làm Phó chủ tịch. Tỷ lệ Đảng viên Đảng Cộng sản trong Hội đồng Nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính chiếm 1/3 số lượng đại biểu.

Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính các huyện thị từ năm 1951-1954 gồm:

Ủy ban kháng chiến hành chính Thị xã Tuy Hòa do ông Võ Thích làm Chủ tịch

Ủy ban kháng chiến hành chính Huyện Tuy Hòa do ông Lê Cự làm Chủ tịch.

Ủy ban kháng chiến hành chính Huyện Tuy An do ông Phạm Nghĩa làm chủ tịch.

Ủy ban kháng chiến hành chính Huyện Sơn Hòa do ông Nguyễn Hữu Tấn làm Chủ tịch.

Ủy ban kháng chiến hành chính Huyện Đồng Xuân do ông Trần Bính làm Chủ tịch.

Bộ máy và cán bộ chính quyền các cấp dù là Đảng viên hay nhân sĩ trí thức đều tin tưởng tự giác, nhiệt tình hăng hái thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng của Chính phủ, quan hệ mật thiết với Mặt Trận Việt Minh - sau đổi là Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể quần chúng. Những công tác quan trọng như tăng gia sản xuất, xóa nạn mù chữ, vận động tuyển quân, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, phòng gian bảo mật, bố phòng, giữ gìn an ninh trật tự, vận động đời sống mới - các ngành chuyên môn luôn luôn phối hợp các đoàn thể tạo thành phong trào cách mạng sôi nổi, thực hiện có hiệu quả.

Hoạt động Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, huyện, xã từ năm 1951 đến hết tháng 7/1954 kết thúc. Hiệp định Giơ ne vơ có hiệu lực.

Cuộc Cách mạng chuyển sang giai đoạn mới: Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định, tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Phụ bản 1

Trước CM tháng 8/1945, tỉnh Phú Yên có 19 tổng.

I/ Huyện Tuy Hòa có 7 tổng. 5 tổng phía nam sông Đà Rằng là:

- | | |
|------------------|-----------------|
| 1. Tổng Hòa Đông | 4. Tổng Hòa Mỹ |
| 2. Tổng Hòa Đa | 5. Tổng Hòa Lộc |
| 3. Tổng Hòa Lạc | |

2 tổng phía bắc sông Đà Rằng là:

1. Tổng Hòa Bình
2. Tổng Hòa Tường

II/ Huyện Tuy An có 5 tổng

1. Tổng An Ninh
2. Tổng An Sơn
3. Tổng An Đức
4. Tổng An Phú
5. Tổng An Hải

III/ Huyện Đồng Xuân có 3 tổng

1. Tổng Xuân Phong
2. Tổng Xuân Đài
3. Tổng Xuân Bình

IV/ Huyện Sơn Hòa có 4 tổng

1. Tổng Sơn Bình
2. Tổng Sơn Lạc
3. Tổng Sơn Xuân
4. Tổng Sơn Trường

Mỗi tổng quản lý một số làng (nay gọi là thôn).

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số -gọi là buôn.

Dưới chế độ thực dân Phong kiến, bộ máy quản lý hành chính phân 4 cấp.

1. Cấp tỉnh có Tuần Vũ hoặc Công sứ đứng đầu.
2. Cấp phủ, huyện thì có Tri phủ, Tri huyện đứng đầu.
3. Từ làng đến phủ, huyện thì có tổng.
4. Chính quyền có sở lấy làng làm đơn vị hành chính. Đứng đầu là Lý trưởng và hàng ngũ (ngũ hương). Cụ

thể:

Hương bản quản lý tài sản.

Hương bộ trông coi hộ tịch hộ khẩu.

Hương kiểm giữ gìn công tác trị an trật tự.

Hương mục trông nom đường sá cầu cống.

Hương dịch lo việc phục vụ các cuộc họp tác lễ và lạc.

Khi thực dân Pháp đô hộ nước ta, chúng còn bày ra cái gọi là “hội đồng hào mục”, gồm những cựu chức sắc

hàng đầu trong làng, làm nhiệm vụ giúp đỡ chỉ dẫn cho chính quyền cơ sở. Từ làng đến phủ, huyện, có cấp tổng làm trung gian cho Chánh tổng và Phó Chánh tổng quản lý. Phủ huyện thì có Tri phủ, Tri huyện đứng đầu, có quyền quản lý hành chính, an ninh và cả tư pháp. Tri phủ, Tri huyện xử kiện không có tòa án, đốc sưu, đốc thuế (thuế đinh, thuế điền). Ngoài ra còn có một số lực sự giúp việc.

Sự thay đổi các xã của tỉnh Phú Yên. Năm 1946 bỏ cấp tổng đồng thời hợp nhiều làng nhỏ thành xã lớn. Toàn tỉnh có 84 xã. Dân số toàn tỉnh có 280.000 người.

Cuối năm 1947, hợp nhất xã lần thứ 2. Toàn tỉnh có 68 xã, trong đó 57 xã đồng bào kinh hoặc đa số người kinh, 11 xã đồng bào dân tộc thiểu số. Đến năm 1950, hợp nhất xã lần thứ 3. Toàn tỉnh có 55 xã. Dân số toàn tỉnh 295.600 người. Năm 1951, đổi tên xã theo tên đơn vị hành chính cấp huyện.

I- Huyện Tuy Hòa (nam sông Đà rặng)

Tên xã cũ (lần 2)	Tên xã mới (lần 3)
Xã Phú Đồng quyết thắng	Xã Hòa Thành
Mỹ đông Lê Thịnh	Xã Hòa Bình
Mỹ Phước, Đoàn Châu	Hòa Phong
Nhất Sơn, Tam Đồng, Cam Thịnh	Hòa Tân

Phú Vinh, Hòa Vinh, Hòa Nam Hòa Đông

Mỹ Chi, Quảng Mỹ, Ngọc Sơn Hòa Mỹ

Liên Hiệp Mỹ Hòa Thịnh

Đông Tâm, Hòa Hiệp, Tân Lâm Hòa Hiệp

Đại Thành Hòa Vinh

Thạch Bình, Hòa Hảo Hòa Xuân

Bắc sông Đà rặng

Hòa Tiến, Hòa Thuận Xã Hòa Kiến

Quy Khánh, Nam Tường Hòa Trị

Trần Hào, Aùì Quốc, Thắng lợi Hòa Quang

Vĩnh Hiệp, Cẩm Phú Hòa Định

Tân Tiến, Quốc Tuấn Hòa Thắng

Tổng cộng 15 xã

II-Huyện Tuy An

Tên xã cũ	Tên xã mới
Xã Hưng Đạo	Xã An Nghiệp
Nhất Trí	An Định
Phú Ngân	An Thạch
Phú Châu	An Ninh
Hy Sinh	An Hải
Thái Lĩnh	An Lĩnh
An Trị	An Thọ
Tiên Phong	An Mỹ
Hạnh Phúc	An Hòa
Đại Đồng	An Chấn
Đông Tâm	An Cư
Đoàn Kết	An Xuân
Tam Hiệp	An Dân

Liên Hiệp An Hiệp

Tổng số 14 xã

III- Huyện Đông Xuân

	Tên xã cũ	Tên xã mới
Xã Ngọc Quyển	Xã Xuân Lộc	
Chí Minh	Xuân Cảnh	
Tú Phương	Xuân Phương	
Phan Thanh	Xuân Thọ	
Tân Dân	Xuân Sơn	
Phước Long	Xuân Long	
Đặng Lưu	Xuân Lãnh	
Tú Trọng, Xuân trường	Xuân Quang	
Võ Thiệp, Nguyễn Lung	Xuân Phước	
Bồ bunn	Phước Tân	
Phú Giang tách làm 2 xã	Thồ Lô, Phú Mỡ, Xuân Thịnh	
Tên cũ của xã Xuân Thịnh chưa sưu tầm được		
Tổng số 13 xã		

IV- Huyện Sơn Hòa

Tên xã cũ	Tên xã mới
Ngân điền, Thanh Hội, Suối Cau, Hồ Hầm Suối Bạc	Xã Sơn Hà Sơn Phước
Đá Mài	Sơn Hội
Tiên Hóa	Sơn Định
Xuân Sơn	Sơn Xuân
Trung Trinh, Vân Hòa, Phong Cao	Sơn Long
Hòa Nguyên	Sơn Nguyên
Cà Lúi	Cà Lúi Suối
Trai	Suối Trai
Krông Pa	Krông pa
Suối Bạc	Suối Bạc
Hòn Nhọn	Hòn Nhọn

Bình Sơn Thị trấn Củng sơn

Tổng cộng 13 xã

Hòa An trực thuộc huyện Tuy Hòa.

V-THị Xã TUY Hòa

nay là xã Sông Hinh, xã Đồng Cam

Tên xã cũ	Tên xã mới
Bình Nhạn	Phường 1
Bình Thạnh	Phường 2
Bình An	Phường 3
Bình Mỹ	Phường 4
Bình Hòa	Phường 5
Bình Lợi	Phường 6
Bình Phú	Phường 7

Phường 7 sát nhập phường 6.
Hòa An chỉ còn 6 phường.

phụ bản số 3

Đơn vị hành chính huyện, xã thị trấn từ năm 1945-1954

I. Huyện Tuy Hòa đặt quận lỵ ở Tuy Hòa gồm có 15 xã

- | | |
|----------------|-----------------|
| 1 Xã Hòa Kiến | 9. Xã Hòa Thành |
| 2 Xã Hòa Quang | 10. Xã Hòa Đông |
| 3 Xã Hòa Trị | 11. Xã Hòa Tân |
| 4 Xã Hòa Thắng | 12. Xã Hòa Mỹ |
| 5 Xã Hòa Định | 13. Xã Hòa Vinh |
| 6 Xã Hòa Thành | 14. Xã Hòa Xuân |
| 7 Xã Hòa Bình | 15. Xã Hòa Hiệp |
| 8 Xã Hòa Phong | |

II. Huyện Tuy An đặt quận lỵ ở Chí Thạnh, gồm có 14 xã

- | | |
|----------------|----------------|
| 1 Xã An Xuân | 9. Xã An Hải |
| 2 Xã An Lĩnh | 10. Xã An Cư |
| 3 Xã An Thọ | 11. Xã An Hòa |
| 4 Xã An Định | 12. Xã An Hiệp |
| 5 Xã An Nghiệp | 13. Xã An Mỹ |
| 6 Xã An Dân | 14. Xã An Chấn |
| 7 Xã An Thạch | |
| 8 Xã An Ninh | |

III. Huyện Đông Xuân đặt quận lỵ ở La Hai gồm có 14 xã

- | | |
|-----------------|-------------------|
| 1 Xã Xuân Lộc | 9. Xã Xuân Quang |
| 2 Xã Xuân Thịnh | 10. Xã Xuân Phước |
| 3 Xã Xuân Cảnh | 11. Xã Thổ lộ |

- | | |
|------------------|----------------|
| 4 Xã Xuân Phương | 12. Xã Phú mỡ |
| 5 Xã Xuân Thọ | 13. Xã Bầu bèn |
| 6 Xã Xuân Sơn | 14. Xã Đá Mài |
| 7 Xã Xuân Long | |
| 8 Xã Xuân Lãnh | |

IV. Huyện Sơn Hòa đặt quận ly ở Củng Sơn gồm có 15 xã. thị trấn

- | | |
|-----------------|-----------------------|
| 1. Xã Sơn Long | 9. Xã Suối Bạc |
| 2. Xã Sơn Định | 10. Xã Suối Trai |
| 3. Xã Sơn Xuân | 11. Xã Krông Pa |
| 4. Xã Sơn Hà | 12. Xã Sơn Thành |
| 5. Xã Sơn Bình | 13. Xã Hòn Nhọn |
| 6. Xã Sơn Phước | 14. Thị trấn Củng Sơn |
| 7. Xã Sơn Hội | 15. Đồng Cam |
| 8. Xã Cà Lúi | |

V/ Thị xã Tuy Hòa có lúc gọi là xã Hòa An, trực thuộc huyện Tuy Hòa. Tổng số 55 xã và 2 thị trấn

Phần 2

XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

Ngày 20-7, Hiệp định Giơ-ne-vơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Thực dân Pháp và các nước tham dự hội nghị phải công nhận hòa bình, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam, Lào, Campuchia. Tuy chưa thực sự phản ánh đúng lực lượng, xu thế của ta sau chiến thắng Điện Biên Phủ, nhưng hiệp định vẫn là thắng lợi to lớn của nhân dân ta sau 9 năm kháng chiến đầy gian khổ hy sinh chống thực dân Pháp xâm lược. Từ đây, nước ta tạm thời chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, có điều kiện đi lên Chủ nghĩa Xã hội. Miền Nam tạm thời do đối phương quản lý làm nơi tập kết quân. Theo hiệp định, sau hai năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử tự do, dân chủ, thống nhất nước nhà. Song, trái hẳn với những điều quy định của hiệp định Giơ-ne-vơ, đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm đã vội vàng nhảy vào thay thế thực dân Pháp, hòng thống trị lâu dài miền Nam nước ta. Chúng đã tiến hành đàn áp, khủng bố vô cùng dã man ở khắp nơi. Niềm vui của nhân dân chưa được kéo dài bao lâu đã bị dập tắt. Tình hình miền Nam vô cùng căng thẳng. So sánh lực lượng tại chỗ không cân sức. Nhân dân ta từ chỗ có chính quyền, quân đội và có Đảng lãnh đạo, sau hiệp định thì Đảng phải rút vào hoạt động bí mật, quân đội tập kết ra miền Bắc, chính quyền tự giải thể. Trong khi đó, Mỹ - Diệm ngang nhiên vi phạm hiệp định, ngay từ đầu đã dùng bạo lực tấn công vào nhân dân miền Nam tay không có vũ khí. Chúng đã gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu, đặc biệt là ở những vùng căn cứ Nam bộ và vùng tự do Liên khu V.

Phú Yên vốn là tỉnh nằm trong vùng tự do Liên khu V, là hậu phương trực tiếp của chiến trường Khánh Hòa và Đông Nam Tây Nguyên trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhân dân Phú Yên đã

được hưởng quyền lợi về ruộng đất và tự do dân chủ. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở Phú Yên được xây dựng vững mạnh, hoạt động công khai, trình độ giác ngộ cách mạng của quần chúng rất cao. Vì vậy sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, tỉnh Phú Yên là một trong điểm đánh phá của Mỹ Diệm. Chúng đã gây ra những vụ thảm sát đẫm máu ở Ngân Sơn, Chí Thạnh và khắp nơi trong tỉnh để đàn áp, trả thù những người kháng chiến cũ. Nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng bị bắt bớ, giam cầm. Các tổ chức Đảng bị đánh phá, truy lùng gắt gao.

Từ năm 1955, sau khi tạm thời ổn định được bộ máy chính quyền ở miền Nam, Mỹ - Diệm phát động các đợt “tố Cộng” khắp nơi để tấn công vào các cơ sở Đảng ở miền Nam nhằm tiêu diệt Đảng cộng sản và phong trào cách mạng của quần chúng. Mặc dù bị địch uy hiếp, đàn áp và khủng bố, song nhân dân Phú Yên vẫn kiên cường đấu tranh bằng lý lẽ đanh thép, biến các buổi “tố Cộng” của địch thành nơi vạch tội ác của chúng và là dịp tuyên truyền cho cách mạng, biểu thị lòng tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng. Lúc bấy giờ, trong lúc phong trào ở đồng bằng thành thị gặp khó khăn, tổn thất thì phong trào ở các huyện miền Tây lại có chiều hướng phát triển. Cũng như ở toàn miền Nam, thực tiễn đấu tranh của nhân dân miền Tây Phú Yên đã hé mở một phương thức mới chống lại sự tàn bạo của kẻ thù.

Trên cơ sở đòi hỏi của thực tiễn, Hội nghị Bộ Chính trị giữa năm 1956 và tiếp đến là bản Đề cương cách mạng miền Nam của đồng chí Lê Duẩn (8-1956) đã chủ trương phải kết hợp đấu tranh chính trị với võ trang tự vệ, diệt ác trừ gian để bảo vệ lực lượng và đưa phong trào tiến lên.

Tháng 1-1957, đồng bào xã Thổ Lô dưới sự lãnh đạo của Chi bộ xã đã nổi dậy giết tên ác ôn gián điệp Nguyễn Tú từ Vân Canh lên thăm dò tình hình. Sau đó, Chi bộ Đảng tại đây đã tổ chức cho đồng bào xây dựng chính quyền tự quản, tổ chức dân quân du kích bố phòng đánh địch bảo vệ buôn làng. Từ đây, căn cứ Thổ Lô và các vùng xung quanh trở thành trung tâm đứng chân của cán bộ, Đảng viên. Dựa vào phong tục, tập quán truyền thống của đồng bào dân tộc, cán bộ, đảng viên, cơ sở đã hướng dẫn nhân dân dùng vũ khí thô sơ để đánh bọn ác ôn, gián điệp, thám báo. Vì vậy đã bảo vệ được cán bộ và cơ sở vùng núi.

Đây là đốm lửa đầu tiên của chính quyền cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trên cơ sở thực tiễn của phong trào cách mạng miền Tây và theo chủ trương mới của Đảng, cuối năm 1958 Tỉnh ủy Phú Yên chủ trương đẩy mạnh phong trào diệt ác ở miền núi và tiến hành vũ trang tự vệ bước đầu diệt ác, trừ gian ở đồng bằng. Để giữ gìn thực lực cách mạng và cảnh cáo bọn ác ôn, Tỉnh ủy chủ trương diệt tên ác ôn khét tiếng gian ác là Nguyễn Cường (Thống Cường) ở Xuân Phước, đêm ngày 15-11-1958, đã làm cho hệ thống tên ngụy trong tỉnh hoang mang dao động, một số bỏ việc, một số năm yên không dám hoạt động.

Đầu năm 1959, phong trào cách mạng miền Nam có bước chuyển biến căn bản. Phong trào vũ trang tự vệ, diệt ác, trừ gian phát triển nhiều nơi, làm rung chuyển chính quyền địch. Trước sự phát triển của phong trào cách mạng, chính quyền địch ngày càng lâm vào thế thường xuyên không ổn định. Các chiến dịch khủng bố, “tố cộng, diệt cộng” vô cùng tàn bạo nhưng vẫn không dập tắt được phong trào đấu tranh của quần chúng; không hề bẹp được ý chí kiên cường của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Đáp ứng đòi hỏi bức thiết của phong trào cách mạng miền Nam, tháng 1-1959, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) đề ra Nghị quyết về đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết xác định: “Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Nghị quyết khẳng định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Cụ thể là: “Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

Nghị quyết 15 của Trung ương là bước ngoặt quan trọng chuyển phong trào cách mạng miền Nam lên bước mới. Lòng dân và ý Đảng đã gặp nhau. Cho nên ở miền Nam, sau khi có Nghị quyết 15 mở đường, đã nổ ra phong trào đồng khởi mạnh mẽ lật đổ chính quyền thôn, xã của địch ở nhiều nơi, đặc biệt là ở đồng bằng Nam bộ và các tỉnh miền núi Khu V.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 15, Tỉnh ủy Phú Yên lãnh đạo nhân dân các huyện miền Tây đẩy mạnh đấu tranh kết hợp chính trị với vũ trang tự vệ. Ngày 27-7-1960, đội vũ trang kết hợp với đội công tác chính trị mở chiến dịch đầu tiên ở Trà Khê (xã Sơn Hội) đánh tan tổng đoàn dân vệ giữ đồn này, diệt tên Nguyễn Hiệu, đại diện xã Sơn Hội, một tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân. Nhân dân tuyên bố xóa bỏ chính quyền ngụy, lập nên chính quyền tự quản. Chiến thắng Trà Khê đã tác động rất lớn trong nhân dân. Sau chiến thắng này, tình hình miền Tây Phú Yên chuyển biến rất tốt. Đêm 6-9-1960, ta vũ trang tuyên truyền giải phóng xã Bầu Bền (nay là xã Phước Tân) kế đó, lần lượt các xã Cà Lúi, Suối Ché, Tân Dú, Suối Trai, Đá Mài, Phú Mỡ, Hà Đàng, Thồ Lồ hoàn toàn giải phóng. Chính quyền ngụy tan rã. Chính quyền cách mạng về tay nhân dân. Một vùng rộng lớn ở miền núi được giải phóng tạo đà quan trọng để đẩy mạnh phong trào ở đồng bằng.

Ngày 22-12-1960, nhân dân xã Hòa Thịnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã nổi dậy mở đầu phong trào đồng khởi ở đồng bằng Khu V. Nhiều xã ở đồng bằng thành lập đội công tác và các mũi công tác, bám sát cơ sở, lãnh đạo nhân dân đấu tranh, phát triển cơ sở cách mạng, xây dựng lực lượng chính trị hợp pháp, đồng thời kết hợp với lực lượng vũ trang phát động phong trào diệt ác, phá kềm, gây hoang mang hàng ngũ địch, làm suy yếu chính quyền cơ sở của chúng.

Cuối năm 1965, quân dân Miền Nam làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, phong trào cách mạng ở Phú Yên có bước phát triển nhảy vọt về nhiều mặt. Trên cơ sở thắng lợi đó, ta tiến hành thành lập Ủy ban tự quản ở 53 xã 355 thôn và 87 buôn với số dân 233.382 người trong tổng số dân toàn tỉnh là 362.024 người. Đồng thời, thành lập Ban nhân dân ở các thôn, buôn.

Ủy ban tự quản có 7 đến 9 thành viên; gồm một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch, một thư ký, 4 đến 5 ủy viên phụ trách các công tác quân sự, công an, kinh tế, giáo dục,... Ủy ban tự quản có nhiệm vụ quản lý hành chính, xã hội, phát động sản xuất tự túc tự cấp, lo đời sống nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng các làng chiến đấu, bảo vệ thành quả cách mạng,

chăm lo việc học hành cho con em trong xã, động viên nhân dân đóng góp sức người, của cho kháng chiến.

Thôn, buôn, làng không phải cấp chính quyền cơ sở nhưng do điều kiện chiến tranh, để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Mặt trận dân tộc giải phóng, chính quyền nên tổ chức bộ máy để lãnh đạo điều hành công việc hàng ngày. Cán bộ thôn, buôn có từ 2 đến 3 người, có Trưởng thôn hoặc Trưởng buôn, Trưởng làng và một ủy viên do nhân dân tín nhiệm bầu ra. Ban nhân dân thôn, buôn có nhiệm vụ vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng và ủy ban tự quản, phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân lên cấp trên, chăm lo đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh trật tự trong buôn, làng, giám sát việc thực hiện các chính sách, hòa giải các mâu thuẫn trong nhân dân.

Thực tế tình hình đòi hỏi phải khẩn trương có một chính quyền cách mạng để làm nhiệm vụ vừa đối nội, vừa đối ngoại, đồng thời để đáp ứng với tình hình cách mạng mới ở miền Nam. Ngày 15-1-1968, Trung ương Cục miền Nam và ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam chỉ thị các tỉnh tích cực củng cố và phát triển chính quyền cách mạng, nhất là chính quyền cơ sở để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Vượt qua thời kỳ khó khăn của những năm 1954 - 1959, quân và dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã kiên cường, anh dũng chiến đấu, làm thất bại mưu đồ của hai cuộc “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, mà đỉnh cao là thắng lợi đặc biệt trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Những thắng lợi liên tiếp đó đã đẩy đế quốc Mỹ và tay sai vào tình thế khốn quẫn và bị động, khiến cho ý chí xâm lược của chúng bị lung lay. Thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam trên cả hai miền đã buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện các cuộc ném bom đánh phá miền Bắc Việt Nam XHCN và ngồi vào bàn hội nghị Paris về Việt Nam.

Trong bối cảnh ấy, Trung ương Cục ra tiếp chỉ thị: Ra sức xây dựng chính quyền các cấp để theo kịp sự phát triển của tình hình. Ủy ban tự quản, ủy ban nhân dân giải phóng được thống nhất đổi tên là Ủy ban Nhân dân cách mạng (UBND CM) ở ba cấp tỉnh, huyện, xã trong toàn miền Nam. Chỉ thị nêu rõ: Chính quyền cách mạng vừa phải bảo đảm tính chất chuyên chính với kẻ thù và những kẻ phản động, vừa phải thể hiện tính dân chủ rộng rãi bao gồm các giai cấp cách mạng và những nhân sĩ yêu nước nhằm tập hợp, động viên các giai cấp cách mạng và cá nhân yêu nước chống Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai ngụy quyền. Chính quyền cách mạng các cấp tỉnh, huyện, xã, thành phần bao gồm công nhân, nông dân và trí thức yêu nước, tiến hành triệt để cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, đến thắng lợi hoàn toàn, thực hiện hòa bình, độc lập, thống nhất Tổ quốc, tiến lên CNXH.

Thực hiện chủ trương trên, Phú Yên thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, huyện và xã. Nhân dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-1969), tại núi Hòn Giang (xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa), Phú Yên tổ chức Đại hội chính trị hiệp thương lần thứ nhất. Tham dự đại hội có đại biểu 8 huyện, thị gồm: Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2, Tuy An, Đồng Xuân, Sông Cầu, Sơn Hòa, Miền Tây và thị xã Tuy Hòa, đại biểu Mặt trận, các đoàn thể, các ban ngành, các lực lượng vũ trang, đại biểu trí thức, các thân hào, nhân sĩ trong tỉnh.

Tại đại hội, diễn văn khai mạc của ông Chủ tịch Ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Phú Yên đã nêu bật thắng lợi vô cùng to lớn của cách mạng miền Nam nói chung, Phú Yên nói riêng; đặc biệt là ý nghĩa to lớn của thắng lợi cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Vùng giải phóng Phú Yên được mở rộng và ngày càng củng cố vững chắc. UBNDCM đã được thành lập ở 53/71 xã phường, 355/390 thôn, 87/87 buôn làng. Đó là những điều kiện chín muồi để Phú Yên tổ chức Đại hội chính trị hiệp thương bầu UBNDCM lâm thời tỉnh Phú Yên lần thứ nhất.

Đại hội đã nhất trí bầu ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời gồm 7 thành viên. Đồng chí Trần Suyền - Bí thư Tỉnh ủy được bầu làm Chủ tịch ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Phú Yên. Đại hội đã bầu hai phó chủ tịch là đồng chí Cao Xuân Thiêm (Văn Công) và đồng chí Bá Nam Trung (người dân tộc Bana ở Sơn Hòa). Các ủy viên gồm các đồng chí Lê Duy Tường - ủy viên thư ký, Nguyễn Thị Điểm, Nguyễn Hoài Nam, Trần Đình Quảng (quê Quảng Ngãi). Đồng chí Nguyễn Kim Khôi quê Bình Định làm Chánh văn phòng.

Đại hội đã ra tuyên bố xóa bỏ chính quyền ngụy trong tỉnh và kêu gọi nhân dân kiên quyết bảo vệ chính quyền cách mạng, tích cực thực hiện mọi chủ trương của chính quyền cách mạng.

Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh, huyện, xã đều nhanh chóng hoạt động có nề nếp và được sự ủng hộ triệt để của nhân dân, ủy ban Nhân dân cách mạng đã tiến hành thực hiện nhiều công tác quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh trật tự,... phục vụ tiền tuyến. Ủy ban Nhân dân cách mạng đã phát động nhiều phong trào thi đua như xây dựng xã ba vững mạnh: vững mạnh về chính trị, vững mạnh về quân sự, vững mạnh về kinh tế và phục vụ tiền tuyến. Chính quyền cách mạng đã đưa ra nhiều kế hoạch cụ thể, hướng dẫn nhân dân đẩy mạnh sản xuất và đấu tranh bảo vệ sản xuất ở vùng địch kiểm soát. Chính quyền cách mạng hướng dẫn nhân dân đấu tranh đòi tự do, dân chủ, đòi về làng cũ làm ăn, chống bắt lính.

Để giúp ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh điều hành chức năng quản lý Nhà nước, tỉnh thành lập 5 bộ phận:

1. Văn phòng nghiên cứu tổng hợp do ông Nguyễn Kim Khôi phụ trách và có ba cán bộ chuyên trách.
2. Tổ chức cán bộ do ông Phó chủ tịch phụ trách và có hai cán bộ chuyên trách.
3. Tư pháp do bà Nguyễn Thị Điểm phụ trách và có một cán bộ chuyên trách.
4. Thi đua khen thưởng do ông Trần Văn Thu phụ trách và có hai cán bộ.
5. Hành chính quản trị do ông Lê Xuân Thiên phụ trách và có hai cán bộ.

Tỉnh còn thành lập 9 tiểu ban chuyên môn trực thuộc dưới sự điều hành của Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh.

1. Tiểu ban sản xuất (lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi) do ông Đinh Cẩm Hà phụ trách và 5 cán bộ chuyên trách các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy lợi, thú y.

2. Tiểu ban lương thực do ông Võ Đông Thu phụ trách. Tiểu ban này có nhiệm vụ tổ chức cán bộ đứng ở các cửa khẩu thu mua lương thực, vận chuyển lương thực từ cửa khẩu về căn cứ, tiếp nhận lương thực chi viện của khu 5.

3. Tiểu ban tài chính do ông Bích Hải phụ trách và một số cán bộ tài chính có nhiệm vụ vận động thu động viên ở đồng bằng, miền núi, lạc quyền vùng sâu, vùng địch kiểm soát.

4. Tiểu ban thương nghiệp do ông Nguyễn Đức Bảo phụ trách. Tiểu ban này có nhiệm vụ tổ chức các cửa khẩu Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2, Tuy An, Đồng Xuân, Sông Cầu, thị xã Tuy Hòa, thu mua lương thực, hàng hóa nhu yếu phẩm cần thiết cung cấp cho lực lượng cách mạng trong tỉnh. Ngoài ra còn thu mua giúp cho các tỉnh bạn Đắc Lắc, Khánh Hòa.

5. Tiểu ban giáo dục có các ông Nguyễn Chu, Thế Lữ và một số cán bộ chuyên lo việc phát triển giáo dục.

6. Tiểu ban y tế do bác sĩ Khiển, bác sĩ Trúc Lam và một số cán bộ y, bác sĩ có nhiệm vụ tổ chức các trạm xá, bệnh xá, đào tạo y sĩ, cứu thương, hộ lý,... phục vụ chiến đấu. Tiểu ban này còn có nhiệm vụ chăm lo sức khỏe cán bộ nhân dân, lực lượng vũ trang và sản xuất thuốc nam.

7. Tiểu ban giao bưu do ông Phạm Thuyền phụ trách, có nhiệm vụ tổ chức hệ thống giao liên, liên lạc từ tỉnh đến các huyện, xã và khu 5.

8. Tiểu ban hành lang vận chuyển có các ông Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Hình và một cán bộ nghiệp vụ. Tiểu ban này có nhiệm vụ tổ chức dân công, quản lý thanh niên, xung phong, vận chuyển lương thực, vũ khí, đạn dược, mở đường phục vụ chiến dịch.

9. Tiểu ban ngân tín do ông Trần Tuấn Đức phụ trách cùng một đội ngũ cán bộ chuyên lo việc đổi đôla thành tiền ngụy để cung cấp cho cách mạng. Ngoài ra còn giúp bán, đổi đôla cho hai tỉnh bạn Đắc Lắc, Khánh Hòa.

Để đáp ứng yêu cầu lực lượng cách mạng ngày càng phát triển, phục vụ chiến trường trước mắt cũng như lâu dài, vấn đề đặt ra là phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, giải quyết lương thực tại chỗ bằng đẩy mạnh sản xuất, tỉnh Phú Yên chủ trương xây dựng, củng cố mở rộng các điểm sản xuất. Các điểm sản xuất do Ban tài mậu quản lý. Các điểm này (gọi là điểm sản xuất công doanh) tổ chức ở Ma Hàm (Thồ Lô), Ma Dú, Phước Tân, Bà Lá, Tân Vinh, Hà Roi, Sơn Thành, Hòa Thuận. Tỉnh đội có hai cơ sở sản xuất là Hà Roi, Hòa Nghĩa. Điểm sản xuất các huyện tổ chức ở Suối Phần, Suối Lạnh, Hóc Hoành, Bãi Xếp (Tuy Hòa 1), Cẩm Tú, Tổng Đạt (Tuy Hòa 2), Hóc Đàng, Đồng Tròn, Vùng 6 (Tuy An), Bình Nông, Đá Giăng, Hội Sơn, Lỗ Môn (Sông Cầu). Bông Trang, Hóc Bà Chuyển, Đồng Hột (Đồng Xuân). Các cơ quan hành chính sự nghiệp, tỉnh, huyện, mũi, đội công tác đều có cơ sở sản xuất lương thực và chăn nuôi. Lực lượng vũ trang và đội mũi công tác phải bảo đảm tự túc lương thực 3 tháng, cơ quan hành chính sự nghiệp tự túc lương thực 6 tháng. Sản là cây lương thực chiến lược. Các kho sản dự trữ được xây ngầm dưới mặt đất.

Các điểm sản xuất do Ban Tài mậu và Tỉnh đội quản lý có 3-4 đôi bò cày, lao động có từ 15 - 20 người. Số này vừa lao động sản xuất vừa là cán bộ dự trữ cho phong trào mở ra.

Sau thất bại của chiến dịch “Hải yên” (1962), địch mở tiếp chiến dịch “Dân thắng” rồi mở cuộc càn quét “Quyết thắng” dài ngày, đánh phá ác liệt. Chúng dùng trực thăng vận kết hợp hành quân đổ bộ bắn phá hết nơi này đến nơi khác. Đánh phá bằng quân sự chưa đủ, chúng còn chủ trương đánh phá kinh tế của ta. Khoai, sắn, bắp của ta vừa mọc lên, chúng cho xe quân nát. Chúng rải chất độc hóa học phá hoại mùa màng, hoa màu của ta. Quân, dân ta bám trụ, vừa anh dũng chiến đấu vừa kiên cường sản xuất. Địch phá một, ta làm gấp 2 gấp 5 lần. Địch đánh phá ban ngày, ta sản xuất ban đêm. Nhân dân quyết tâm thực hiện khẩu hiệu: “Bám làng, bám đất, bám sản xuất”, “Một tác không đi, một ly không rời”. Kết quả đợt này ta xuống giống 208 tấn lúa, 27 tấn bắp, 26 triệu gốc sắn và nhiều loại rau màu. Đàn bò, đàn heo được khôi phục và phát triển. Riêng cơ quan tỉnh đội trong năm 1966 đã thu hoạch được 138 tấn lúa, trồng 1.112.000 gốc sắn, thu hoạch được hơn 2.400 tấn sắn củ, 50 tấn bắp, 30 tấn khoai lang; nuôi 36 con bò, 102 con heo, 2200 con gà,... Đời sống và sức khỏe bộ đội được ổn định.

Ngoài sản xuất lương thực, ta còn thành lập xưởng dệt vải khổ đôi (0,8m) với 15 khung cửi, nguyên liệu mua ở vùng địch. Chỉ trong thời gian ngắn, xưởng đã dệt được trên 5.000 mét vải.

Lúc này ta còn xây dựng xưởng lò rèn, sản xuất công cụ cầm tay phục vụ sản xuất; tổ chức đội thợ mộc chuyên xây dựng kho tàng, bệnh xá, trường học, nhà làm việc của các cơ quan.

Mặc dù trong điều kiện chiến tranh, song việc chống nạn thất học, nâng cao dân trí được Tỉnh ủy và chính quyền cách mạng tỉnh Phú Yên xác định là nhiệm vụ thường xuyên và cấp thiết. UBNDCM tỉnh đã đặt ra các nhiệm vụ cụ thể về công tác bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ, công nhân viên và con em đồng bào vùng căn cứ.

Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh đã quyết định trích một khoản kinh phí để xây dựng cơ sở trường học và đài thọ cho giáo viên. Ngoài ra còn vận động nhân dân đóng góp công sức, vật liệu xây dựng các trường học. Do đó, phong trào học bổ túc văn hóa, xóa nạn mù chữ ở các cơ quan xung quanh tỉnh, các huyện, trong lực lượng vũ trang, các điểm sản xuất, các đơn vị thanh niên xung phong, các trạm giao bưu, rất sôi nổi.

Công tác y tế được ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh hết sức chú trọng. Hệ thống bệnh xá, trạm xá được tổ chức từ tỉnh đến cơ sở. Tuyển tỉnh có bệnh xá Trúc Bạch với 40 - 50 giường, bệnh xá Sông Ba có 20 giường, một trại điều dưỡng ở bên bờ sông Hà Đăng có 20 giường. Tỉnh đội có bệnh xá Hồ Tây 50 - 60 giường.

Hầu hết các huyện đều có bệnh xá. Riêng Tuy Hòa 1 có trạm cấp cứu ở Bãi Xếp, Tuy An có trạm cấp cứu ở xã An Ninh. ở tuyến xã, ta cũng tổ chức ban y tế. Nhiều xã có cán bộ y tế phụ trách.

Tỉnh, huyện còn tổ chức các đội y tế lưu động, vận động nhân dân vùng căn cứ, vùng giải phóng thực hiện cuộc sống mới, đảm bảo vệ sinh, môi trường. Năm 1973, đồng bào khu đồn Krongpa bị dịch hạch, ta đưa cán bộ y tế hợp pháp đến chữa trị, đẩy lùi được bệnh dịch hạch, nhân dân rất hoan nghênh. Không chỉ tổ chức hệ thống bệnh xá, trạm xá, UBNDCM còn chú trọng công tác đào tạo đội ngũ y bác sĩ. Trong thời gian này, ta đào tạo được 48 y sĩ, 40 cán bộ có trình độ trung cấp y tế, 39 dược tá, hàng trăm cấp cứu viên,... đủ cung cấp cán bộ y tế cho các huyện, xã và các đơn vị. Ngoài ra, Tiểu ban

y tế của UBNDCM còn xây dựng một xưởng sản xuất. Nhiều loại thuốc được bào chế từ dược liệu địa phương, chữa được các bệnh sốt rét, cảm cúm, kiết lỵ, thương hàn,...

Tháng 11-1964, Phú Yên bị một trận lụt dữ dội. Các xã vùng căn cứ, vùng giải phóng cũng bị thiệt hại nặng nề. Ở các vùng này, có 20 người bị chết, hàng chục ngôi nhà bị nước cuốn trôi, hơn 4 triệu gốc sắn bị thiệt hại, 3640 mẫu ruộng lúa bị nước cuốn trôi. Vụ lúa tháng Chạp ở miền tây bị hư hại trên 40%. Kênh dẫn thủy đập Đồng Cam bị sạt lở nghiêm trọng. Sau trận lụt này 400 người dân ở vùng căn cứ bị đói ăn, hơn 500 người bị mắc chứng bệnh đau bụng.

Trước tình hình cấp bách này ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh đã xuất 500.000 đồng, 16 tấn gạo, 19 tấn lúa, 340 bộ quần áo, 2.200 mét vải, 2 tấn muối, hàng triệu đồng thuốc chữa bệnh để kịp thời cứu trợ nhân dân bị nạn. Để khắc phục hậu quả lũ lụt, Tỉnh chủ trương mở chiến dịch đẩy mạnh sản xuất, lấy cây sắn làm cây lương thực chính để thắng cái đói và thắng Mỹ. UBNDCM các cấp tổ chức vỡ hóa khai hoang, mở rộng diện tích lúa nước, trồng các loại cây màu ngắn ngày để chống đói. Đồng thời huy động nhân dân sửa chữa hệ thống thủy lợi. Nhờ đó, đời sống nhân dân, cán bộ vùng căn cứ, vùng giải phóng dần dần ổn định.

Tháng 2-1970, để tạo điều kiện cho đồng chí Văn Công đi ra Bắc chữa bệnh, đồng chí Nguyễn Hữu Aùì được bầu làm Phó Chủ tịch ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Phú Yên. Bảy giờ, cơ quan ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh đóng ở Suối Ché (đầu năm 1971 chuyển xuống đóng tại Tân Lương xã Sơn Hội huyện Miền Tây).

Đầu năm 1970, ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời các huyện thị ra đời. Trong Cách mạng tháng Tám - 1945, Phú Yên chỉ có 4 huyện là Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân, Sơn Hòa và thị xã Tuy Hòa. Đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, để việc chỉ đạo được sát cơ sở, Phú Yên đã điều chỉnh hệ thống hành chính thành 8 huyện, thị xã. Đầu năm 1970, tỉnh Đắc Lắc chuyển giao cho Phú Yên quản lý các xã Eabá, Eabia, Eatrol và Đức Bình, Phú Yên chính thức có 8 huyện là Tuy Hòa 1 (nam sông Đà Ràng), Tuy Hòa 2 (bắc sông Đà Ràng), Tuy An, Đồng Xuân, Sông Cầu, Sơn Hòa, Miền Tây, Tây Nam và thị xã Tuy Hòa.

Ngày 12-7-1971, Tỉnh ủy, ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng và ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Phú Yên tổ chức kỷ niệm 10 năm kết nghĩa với tỉnh Hải Dương (9-1-1961 - 9-1-1971) tại thôn Tân Lương xã Sơn Hội huyện Sơn Hòa. Cuộc họp mặt thân mật của những người con hai tỉnh nhằm ôn lại truyền thống đoàn kết sâu sắc, mối tình kết nghĩa Phú Yên - Hải Dương, đặc biệt là ghi nhận những đóng góp to lớn của nhân dân Hải Dương cho công cuộc cách mạng giải phóng tại Phú Yên. Ngày 15-10-1973 Phú Yên bị cơn bão số 10 gây thiệt hại nặng nề về người và của, làm chết 81 người, bị thương 4 người, nhà sập 49 cái mưa trôi 16905 kg giống, 2475 ha ruộng lúa bị hư, bắp 25 ha, đậu các loại 65 ha, sắn hư trên 4 triệu gốc; bò trâu, ngựa chết nhiều, kênh mương dẫn thủy Đồng Cam, đập Tam Giang, đê ngăn mặn sạt lở nghiêm trọng.

Trước tình hình này ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh đã xuất 2.600.000 đ, 20118 kg gạo, 4 tấn muối, 12000m vải, hàng triệu đồng thuốc chữa bệnh cứu trợ nhân dân bị nạn. Để khắc phục hậu quả bão lụt ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh phối hợp ủy Ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng và các đoàn thể mở chiến dịch đẩy mạnh sản xuất ổn định đời sống nhân dân, đã trồng được 17 triệu gốc sắn, 12 tấn

bấp giống; xuống giống 800 ha lúa nước, 8 tấn giống lúa gieo, 150 ha đậu các loại, 360 ha lang và các loại rau xanh; khôi phục dân đàn heo, bò, gà, vịt... Huy động 12000 công tu sửa kênh mương Đồng Cam, bảo đảm tưới 2 vạn ha ở Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2 và 1500 ha ở Tuy An.

Từ 3 đến ngày 5-6-1974, Đại hội chính trị hiệp thương tỉnh Phú Yên lần thứ hai đã được tổ chức tại Hội trường Mùa Xuân (xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa). Đại hội lần này có hai nhiệm vụ quan trọng là bầu ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh và tổng kết phong trào thi đua lần thứ ba. Dự đại hội có đại biểu 9 huyện, thị, mặt trận, các đoàn thể, ban ngành của tỉnh, trên 200 đại biểu chiến sĩ thi đua. Không khí đại hội rất nhộn nhịp, hồ hởi. Ánh đèn điện tỏa sáng khu rừng xung quanh Hội trường Mùa xuân. Các đoàn văn công của Tỉnh ủy, Tỉnh đội biểu diễn liên tục suốt 3 ngày đêm.

Đại hội kiểm điểm, đánh giá các mặt công tác, sự lãnh đạo của tỉnh nhiệm kỳ lần thứ nhất. Báo cáo nêu rõ: Sau 5 năm - kể từ ngày thành lập chính quyền cách mạng (3-2-1969) đến nay, có những tiến bộ như sau:

Quân và dân tỉnh Phú Yên đã kiên trì bám trụ chiến trường, anh dũng chiến đấu đánh bại các kế hoạch bình định đặc biệt, bình định cấp tốc, bình định nước rút của Mỹ ngụy, đánh bại các cuộc lấn chiếm tràn ngập lãnh thổ của ngụy sau Hiệp định Paris 1973. Vùng căn cứ, giải phóng củng cố, giữ vững. Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận phát triển. Trong 5 năm, quân và dân tỉnh ta chiến đấu quyết liệt, gây cho địch thiệt hại nặng nề về sinh lực và phương tiện chiến tranh. Trong vùng Mỹ, ngụy chiếm đóng, nhân dân các thị trấn, thị xã đấu tranh chống lại chế độ Nguyễn Văn Thiệu, đòi hòa giải hòa hợp dân tộc, đòi địch nghiêm chỉnh thi hành hiệp định Paris. Quân chúng các khu dồn nổi dậy đấu tranh, lần lượt bung về làng cũ làm ăn.

Nhân dân, cán bộ các ngành đã tham gia sản xuất phục vụ kháng chiến có hiệu quả. Nhân dân còn tích cực đóng góp với các hình thức động viên, lạc quyền để nuôi quân. Nhân dân và các lực lượng đã mở trên 200 km đường sá từ tỉnh đi các huyện, đặc biệt các tuyến đường từ Cà Lúi đi Đarlac, nối liền đường mòn Hồ Chí Minh 559 để nhận hàng chi viện của Trung ương và Khu 5 phục vụ chiến đấu và sinh hoạt. Hàng nghìn dân công vùng căn cứ, giải phóng, vùng tranh chấp đã vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược, lương thực phục vụ các chiến dịch.

Các ngành giáo dục, y tế, thương binh xã hội đều hoạt động có hiệu quả. Đời sống đồng bào, cán bộ, lực lượng vũ trang được cải thiện, đã khắc phục được tình trạng “rách, lạt” của những năm trước.

Nói chung, từ khi có UBNDCM tỉnh, các mặt công tác đã có tiến bộ vượt bậc, góp phần quan trọng vào công cuộc chống Mỹ cứu nước.

Đại hội cũng chỉ rõ những nhận thức mơ hồ, mất cảnh giác, chưa kiên định quan điểm bạo lực cách mạng, chập chờn trong đối phó để mất đất, mất dân, phải tốn xương máu, nhiều thời gian mới giành lại được. Các lực lượng cách mạng và nhân dân đã xem nhẹ sản xuất ở vùng căn cứ, vùng giải phóng sau khi Hiệp định Paris có hiệu lực.

Đại hội cũng xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác chính quyền trong thời gian đến với những nội dung sau:

1. Kiên quyết đánh bại, đẩy lùi địch ở những vùng chúng mới lấn chiếm, đánh bại bình định, giữ dân, giữ đất, giữ vững vùng căn cứ, giải phóng. ở vùng địch kiểm soát, phải lãnh đạo nhân dân đòi dân sinh, dân chủ, chống bắt lính, đòi địch thi hành hiệp định Paris, bảo đảm các quyền tự do đi lại, tự do trở về làng cũ.

2. Đẩy mạnh sản xuất lương thực, chú trọng cả lúa, hoa màu, các loại đậu, rau màu ngắn ngày để kịp thời có ăn. Phát triển chăn nuôi, gia súc, gia cầm trong lực lượng vũ trang, cán bộ và nhân dân. Vận dụng phương châm lấy ngắn nuôi dài.

3. Tập trung lực lượng, hoàn thành tốt hệ thống giao thông giữa tỉnh với Trung ương (đường B3 và đường 19), giữa tỉnh với các tuyến huyện.

4. Vận động nhân dân ba vùng chiến lược (miền núi, nông thôn đồng bằng, thị trấn thị xã) đóng góp sức người sức của cho kháng chiến.

5. Hoạt động tốt các mặt văn hóa, giáo dục, y tế. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

6. Ra sức đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chính quyền vững chắc.

Đại hội đã phát động phong trào thi đua “Chiến đấu, phục vụ chiến đấu, sản xuất, bảo vệ sản xuất thực hành tiết kiệm” đến toàn thể cán bộ, nhân dân, các lực lượng vũ trang.

Đại hội đã bầu Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Phú Yên gồm 11 thành viên, do đồng chí Nguyễn Duy Luân - Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch, các đồng chí Nguyễn Hữu Aùì, Ông Văn Bưu làm Phó Chủ tịch, Trần Văn Thu làm ủy viên thư ký. Các ủy viên còn lại là Nguyễn Thị Diễm, Phạm Tiệm, Châu Công Vọng, La Chí Noa, Lê Bích Hải, Phan Công, Mạnh Hùng Thiên. Đồng chí Nguyễn Kim Khôi tiếp tục làm Chánh văn phòng nhiệm kỳ 2.

Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Duy Luân đã bàn một số nhiệm vụ công tác trước mắt trong quý 4-1974 và phân công các thành viên trong Ủy ban với các nội dung:

1. Kiên quyết đánh trả sự lấn chiếm của Mỹ, Ngụy, bảo vệ vùng căn cứ, giải phóng, giữ đất, giữ dân, mở rộng vùng làm chủ.

2. Tập trung sức kéo, giống, phân bón cho vụ sản xuất đông xuân 1974 - 1975. Bảo đảm chỉ tiêu 300 gốc sắn/1 người để giúp đồng bào các khu đồn bung về làng cũ.

3. Rà soát lại những nơi đói kém, có kế hoạch cứu đói, vận động nhân dân giúp đỡ lẫn nhau.

4. Vận động nhân dân đóng góp tài, vật, lực.

5. Tổ chức bầu cử UBNDCM các huyện, thị, các xã.

6. Tổ chức kỷ niệm 5 năm ngày thành lập Hội đồng Chính phủ cách mạng Cộng hòa miền Nam Việt Nam (6-6-1969 - 6-6-1974).

Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh đã thành lập bộ máy chuyên môn gồm có các ban:

1. Ban Sản xuất - đồng chí Đinh Cẩm Hà làm trưởng ban, các đồng chí Trần Văn Phấn và Bùi Đình làm phó ban.
 2. Ban Tài chính do đồng chí Lê Bích Hải làm Trưởng ban, các đồng chí Nguyễn Trần Lê, Bùi Đẩu làm Phó ban.
 3. Ban Thương nghiệp do đồng chí Nguyễn Đức Bảo làm Trưởng ban, các đồng chí Võ Tân, Đinh Thị Xuân Diệu, Nguyễn Viết Khang làm Phó ban.
 4. Ban Lương thực do đồng chí Nguyễn Xuân Thu làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Tiến Mai làm Phó ban.
 5. Ban Ngân tìn do đồng chí Trần Tuấn Đức làm Trưởng ban.
 6. Ban Y tế do đồng chí Phan Công làm Trưởng ban.
 7. Ban Giao thông vận tải do đồng chí Châu Công Vạn làm Trưởng ban.
 8. Ban Giao bưu do đồng chí Lê Tảng làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Thiên làm Phó ban.
 9. Ban Giáo dục do đồng chí Nguyễn Thu làm trưởng ban, đồng chí Thế Lữ làm Phó ban.
 10. Ban Văn hóa thông tin do đồng chí Nguyễn Phùng làm Trưởng ban.
 11. Ban Thương binh xã hội do đồng chí Phạm Thuyền làm Trưởng ban.
 12. Ban Tư pháp do đồng chí Nguyễn Thị Điểm làm Trưởng ban (đồng chí Ngọc là cán bộ chuyên trách).
 13. Ban Thi đua khen thưởng do đồng chí Trần Văn Thu kiêm nhiệm làm Trưởng ban, đồng chí Ngọc Anh làm Phó ban.
 14. Ban Kế hoạch do đồng chí Nguyễn Hữu Độ phụ trách.
 15. Điện đài, cơ yếu do đồng chí Trần Đăng Khoa làm Trưởng đài.
 16. Ban Tổ chức chính quyền do đồng chí Nguyễn Hữu Ali kiêm nhiệm làm Trưởng ban, đồng chí Khanh là cán bộ chuyên trách.
 17. Ban Quân sự do đồng chí Ông Văn Bưu làm Chỉ huy trưởng.
 18. Ban An ninh do đồng chí Mạnh Hùng Thiên làm Trưởng ban.
 19. Văn phòng ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh do đồng chí Nguyễn Kim Khôi làm Chánh văn phòng.
- Từ năm 1970 đến 1974, Tỉnh ủy, ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Phú Yên tổ chức ba lần Đại hội thi đua mừng công.

- Lần thứ nhất vào ngày 23-1-1970: được tổ chức tại thôn Tân Lương xã Sơn Hội huyện Miền Tây. Đại hội tổng kết phong trào thi đua trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

- Lần thứ hai được tổ chức vào tháng 12-1972 tại Vùng 1 xã An Xuân huyện Tuy An. Đại hội tổng kết phong trào thi đua trong chiến dịch xuân hè 1972.

- Lần thứ ba vào ngày 5-6-1974 tại Hội trường Mùa xuân (thôn Trung Trinh, giáp thôn Hòa Nghĩa thuộc xã Sơn Long huyện Sơn Hòa). Đại hội tổng kết phong trào chống lấn chiếm của Mỹ ngụy.

Cơ quan ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh lúc này đóng ở Bình Điền Vân Hòa xã Sơn Long huyện Sơn Hòa.

Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời 9 huyện, thị xã được thành lập, tổng cộng có 67 đồng chí, trong đó có 6 nữ. Hai huyện miền Tây và Tây Nam có Hội đồng nhân dân, có tất cả 43 thành viên.

Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời thị xã Tuy Hòa do đồng chí Lê Văn An làm Chủ tịch; huyện Tuy An do đồng chí Nguyễn Cúc làm Chủ tịch; huyện Sông Cầu do đồng chí Nguyễn Xuân Ba làm Chủ tịch; huyện Tuy Hòa 1 do đồng chí Dương Dự làm Chủ tịch; huyện Tuy Hòa 2 do đồng chí Đặng Tấn Long làm Chủ tịch (sau đó đồng chí Đỗ Tấn Nhĩ thay); huyện Sơn Hòa do đồng chí Phạm Cư làm Chủ tịch; huyện Miền Tây do đồng chí Ma Noa làm Chủ tịch, sau đồng chí Ma Nhân thay; huyện Đông Xuân do đồng chí Nguyễn Chung làm Chủ tịch; huyện Tây Nam do đồng chí Y Nộ làm Chủ tịch.

Bộ máy giúp việc cho ủy ban Nhân dân cách mạng các huyện, thị gồm có 2 bộ phận là: Văn phòng - hành chính quản trị và Tổ chức - thi đua khen thưởng. Ngoài ra còn có các tiểu ban chuyên môn trực thuộc ủy ban Nhân dân cách mạng huyện, thị như:

- Tiểu ban Kinh tài (gồm tài chính, lương thực, thương nghiệp, sản xuất).
- Tiểu ban Giao bưu.
- Tiểu ban Y tế.
- Tiểu ban Giáo dục.
- Tiểu ban Hành lang vận chuyển.

Phần 3:

CHÍNH QUYỀN TIẾP QUẢN GIẢI PHÓNG PHÚ YÊN

Ngày 24-3-1975, thị trấn Củng Sơn (Sơn Hòa) được hoàn toàn giải phóng. Địch ở Tây Nguyên rút chạy xuống đường 5 bị lực lượng ta tiêu diệt và bắt sống. ở thị xã Tuy Hòa, địch rối loạn. Các hiệu buôn đóng cửa. Một số gia đình giàu có chuyển tài sản vào phía Nam. Địch ở Xuân Phước, Xuân Lãnh co cụm về La Hai, tháo chạy xuống Quốc lộ 1 vào Nha Trang. Tình hình trên chiến trường hết sức sôi động với những chiến thắng dồn dập của lực lượng cách mạng. Thời điểm lịch sử để giải phóng Phú Yên đã đến.

Ngày 30-3-1975, Tỉnh khẩn trương thành lập Ủy ban quân chính gồm 23 đồng chí và đoàn tiếp quản thị xã Tuy Hòa trên 100 đồng chí (có 10 ban chuyên môn), có phương án tiếp quản, ứng trực ở thị xã để khi giải phóng thì vào ngay. ở các huyện cũng thành lập ủy ban quân chính để tiếp quản.

Đồng chí Cao Kỳ Trí (tức Ba Diệu) - Phó bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch ủy ban quân chính tỉnh Phú Yên. Các Phó Chủ tịch gồm các đồng chí Trịnh Tấn Lực (Bí thư thị xã Tuy Hòa), Nguyễn Nhơn (Chỉ huy phó Tỉnh đội), Phan Duy Lưu (Thường vụ thị xã).

Các Ban chuyên môn gồm quân sự, công an, tài chính, lương thực, thương nghiệp, sản xuất, y tế, văn hóa thông tin, giao thông vận tải, các đoàn thể quần chúng như công đoàn, thanh niên, phụ nữ, nông dân, đấu tranh chính trị, binh vận... Các phương án tiếp quản được đề ra cụ thể. Từng ban chuyên môn được giao nhiệm vụ rõ ràng.

10 giờ ngày 1-4-1975, tỉnh Phú Yên hoàn toàn giải phóng. Công tác tiếp quản ở thị xã Tuy Hòa và các địa phương khác diễn ra rất khẩn trương và trật tự. Nhờ chuẩn bị tốt và chặt chẽ nên công tác tiếp quản các công sở, cơ sở vật chất của Mỹ ngụy nhanh gọn, an toàn. Ta thu một số chiến lợi phẩm, tài liệu hồ sơ của chế độ cũ để lại, thu hồi cất giữ an toàn. Hầu hết các tài sản quý giá như tiền bạc, vàng trong kho bạc, ngân hàng - địch đã tẩu tán vào Nha Trang trước khi ta giải phóng.

Ngày 3-4-1975, Ủy ban quân chính ra mắt và tổ chức lễ mừng chiến thắng tại trường Bô Đề, phường 3 thị xã Tuy Hòa. Hơn 3000 quần chúng, nhân dân đến dự. Cờ Mặt trận dân tộc giải phóng tung bay khắp thị xã Tuy Hòa. Ủy ban quân chính tuyên bố bãi bỏ bộ máy ngụy quân, ngụy quyền, kêu gọi binh lính, nhân viên ngụy nhanh chóng ra trình diện và giao nộp vũ khí, tiền bạc, tài liệu cho chính quyền cách mạng. Đồng thời chính quyền cách mạng tổ chức truy quét bọn ác ôn, gián điệp, do thám còn lẩn trốn, lập lại trật tự an ninh an toàn xã hội.

Ủy ban Nhân dân cách mạng các cấp huyện, xã phường được kiện toàn củng cố. 71 ủy ban tự quản các xã chuyển thành Ủy ban Nhân dân cách mạng các xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh có 438 ủy viên ủy ban cấp xã phường. Trong đó có 73 nữ. Đảng viên chiếm 61,3%. Các xã lớn có 13 ủy viên, xã nhỏ có từ 7-9 ủy viên. 11 xã có Hội đồng nhân dân với tổng số 110 thành viên. 413/456 thôn, buôn, khu phố có Ban nhân dân cách mạng. Toàn tỉnh có 1724 cán bộ thôn, buôn, khu phố. Số cán bộ này đã qua học tập, bồi dưỡng công tác chính quyền tối thiểu là 7 ngày (xem phụ lục 3,4).

Phú Yên giải phóng được 3 ngày thì có lệnh của quân khu yêu cầu phải tổ chức các trạm liên lạc, đón tiếp các sư đoàn chủ lực từ miền Bắc vào giải phóng Sài Gòn. Chấp hành chỉ thị đó, Phú Yên tổ chức các trạm liên lạc ở Cù Mông, Mục Thịnh, Xuân Thọ, An Hòa, An Chấn, Hòa Vinh. Đồng thời Phú Yên tập trung 250 tấn gạo để phục vụ các sư đoàn này.

Mặc dù trong lúc chính quyền cách mạng còn bao khó khăn chồng chất song ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cho hơn 2 vạn hàng binh từ Tây Nguyên rút chạy xuống thị xã Tuy Hòa.

Ngay sau khi giải phóng, chính quyền cách mạng phải lo cái ăn, cái mặc, chỗ ở, chữa bệnh cho hơn 73.000 dân ở các khu dồn bung về làng cũ. Đây là đa số đồng bào ở vùng giáp ranh Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2, Tuy An, Đông Xuân, Sông Cầu và các huyện miền núi. Hầu hết đồng bào khi trở về làng cũ chỉ có hai bàn tay trắng. Có người chỉ có một bộ quần áo trên người. Mặt khác, chính quyền cách mạng phải lo cứu đói, chữa bệnh cho đồng bào tại chỗ. Chính quyền cách mạng trợ giúp cho dân 265 tấn gạo, 25 tấn muối, 22 tấn lúa giống, 500.000 đồng, hàng ngàn bộ quần áo, hàng triệu đồng thuốc men chữa bệnh. Ngoài ra, chính quyền cách mạng còn chi trên 100 tấn gạo, hàng chục triệu đồng để mua sức kéo cho dân để ổn định sản xuất. Đối với người già yếu, mất sức, chính quyền cách mạng tổ

chức cứu tế, động viên nhân dân nhường cơm xẻ áo giúp đỡ lẫn nhau. Chính quyền cách mạng tổ chức các đoàn y tế lưu động về tận các buôn làng khám, chữa bệnh tại chỗ cho nhân dân.

Sau khi ổn định tình hình, chính quyền cách mạng phát động chiến dịch thi đua sản xuất. Khắp nơi tổ chức khôi phục diện tích hoang hóa, trồng lúa và các loại hoa màu ngăn ngày để chống đói. Đồng thời tổ chức phục hồi chăn nuôi gia súc gia cầm. Các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia khai hoang, vỡ hóa. Thi đua sản xuất trở thành cuộc vận động ba vùng (miền núi, đồng bằng, ven biển, thị xã, thị trấn). Từ tháng 5-1975 đến 7-1975, đã khai hoang được 3691ha, kịp thời đưa vào sản xuất vụ 8 và vụ 10. Nhân dân còn hăng hái làm thủy lợi, đảm bảo nước tưới cho các cánh đồng.

Về xã hội, chính quyền cách mạng tổ chức củng cố các bệnh viện, trạm xá, tăng cường thuốc men, giường chữa bệnh. Tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng thương binh. Tăng cường công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh cho người và gia súc; nhanh chóng khôi phục lại các chợ ở nông thôn, vùng dân mới trở về, mở rộng giao lưu hàng hóa, giải quyết các nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Đời sống của nhân dân nhanh chóng được ổn định.

Lúc này, tuyến đường sắt từ Tuy Hòa đến Diêu Trì được khôi phục lại, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân.

Ngày 1 tháng 5 năm 1975, lễ mừng chiến thắng giải phóng hoàn toàn miền Nam được tổ chức trọng thể tại sân vận động TX Tuy Hòa. Hơn 6000 nhân dân đến dự. Trong không khí trang nghiêm trọng đại của ngày vui chiến thắng, diễn văn khai mạc buổi lễ của đồng chí đại diện UBND CM tỉnh đã ôn lại truyền thống 30 năm đấu tranh kiên cường, dũng cảm, bất khuất của quân dân Phú Yên và TX Tuy Hòa dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng CSVN và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Nhân dân Phú Yên tự hào đã đóng góp xương máu trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, biết ơn vô hạn cán bộ chiến sĩ và nhân dân Hải Hưng kết nghĩa và đồng bào chiến sĩ cả nước làm nên chiến thắng lịch sử ngày 30-4-1975 - giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất nước nhà.

Ngày 22/6/1975 Phú Yên vừa giải phóng gần 3 tháng thì nhận được món quà vô cùng ý nghĩa của Đảng bộ và nhân dân Hải Dương tặng. Đó là 1 thư viện hoàn chỉnh gồm 1 vạn cuốn sách, 4 giá sách, 1 tủ mục lục và 6 cán bộ vào hướng dẫn nghiệp vụ Thư viện. Tên thư viện Hải Phú cũng có từ đó.

Tháng 9-1975, Phú Yên hoàn thành tốt việc tổ chức đổi tiền, bảo đảm an toàn, bí mật, nhanh chóng. Sau đợt đổi tiền, lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm vẫn giữ được giá như trước. Quần chúng nhân dân rất yên tâm.

Trong bầu không khí tự do, quần chúng nhân dân phấn khởi, hăng hái tham gia nhiều phong trào do chính quyền cách mạng phát động như: giữ vững an ninh trật tự, làm thủy lợi, tương trợ giúp đỡ đẩy mạnh sản xuất,... Các lực lượng thanh niên, học sinh tham gia các chiến dịch sản xuất, vệ sinh môi trường, quét sạch văn hóa nô dịch, đòi trừ của địch để lại,...

Chính quyền cách mạng tỉnh Phú Yên đề ra một số dự án và có kế hoạch sớm triển khai thực hiện như: dự án cấp nước sạch cho nhân dân thị xã Tuy Hòa, làm thủy điện nhỏ, củng cố hệ thống kênh mương Đồng Cam và đập Tam Giang, mở rộng thị xã Tuy Hòa ra hướng bắc,... Các dự án này khi đang chuẩn bị thực hiện thì có chủ trương nhập tỉnh.

Ngày 3-11-1975, Bộ Chính trị quyết định sát nhập hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa thành tỉnh Phú Khánh. Thực hiện chủ trương này, UBND tỉnh Phú Yên đã lập biên bản bàn giao cho UBND tỉnh Phú Khánh toàn bộ tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng và tổ chức nhân sự.

phụ bản số 4

Đơn vị hành chính huyện, xã phường, thị trấn trong kháng chiến chống Mỹ

I. Huyện Tuy Hòa đặt quận lỵ ở Tuy Hòa gồm có 11 xã

- | | |
|----------------|------------------|
| 1 Xã Hòa Phong | 7. Xã Hòa Mỹ |
| 2 Xã Hòa Bình | 8. Xã Hòa Vinh |
| 3 Xã Hòa Thành | 9. Xã Hòa Xuân |
| 4 Xã Hòa Thịnh | 10. Xã Hòa Hiệp |
| 5 Xã Hòa Tân | 11. Xã Sơn Thành |
| 6 Xã Hòa Đồng | |

II. Huyện Tuy An đặt quận lỵ ở Chí Thạnh gồm có 14 xã

- | | |
|-----------------|----------------|
| 1. Xã An Xuân | 9. Xã An Hải |
| 2. Xã An Lĩnh | 10. Xã An Cư |
| 3. Xã An Thọ | 11. Xã An Hòa |
| 4. Xã An Định | 12. Xã An Hiệp |
| 5. Xã An Nghiệp | 13. Xã An Mỹ |
| 6. Xã An Dân | 14. Xã An Chấn |
| 7. Xã An Thạch | |
| 8. Xã An Ninh | |

III. Huyện Tuy Hòa 2 có 5 xã

1. Xã Hòa Kiến
2. Xã Hòa Trị
3. Xã Hòa Quang
4. Xã Hòa Thắng
5. Xã Hòa Định

IV. Huyện Đông Xuân có 5 xã

1. Xã Xuân Lãnh
2. Xã Xuân Quang
3. Xã Xuân Phước
4. Xã Xuân Phương

5. Xã Xuân Long

V. Huyện Sông Cầu (5 xã và 1 thị trấn)

1. Xã Xuân Lộc
2. Xã Xuân Thịnh
3. Xã Xuân Cảnh
4. Xã Xuân Phương
5. Xã Xuân Thọ
6. Thị trấn Sông Cầu

V. Huyện Sơn Hòa gồm có 6 xã và 1 thị trấn

1. Xã Sơn Long
2. Xã Sơn Định
3. Xã Sơn Xuân
4. Xã Sơn Hà
5. Xã Sơn Bình
6. Xã Sơn Phước
7. Thị trấn Củng Sơn

VI. Huyện Tây nam (đến năm 1985 đổi tên Sông Hinh)

1. Xã Sông Hinh
2. Xã Eatrol
3. Xã Eabia
4. Xã Eabá
5. Xã Đức Bình

VII. Huyện Miền Tây: 11 xã

1. Xã Phước Tân
2. Xã Ma Dú
3. Xã Suối Ché
4. Xã Suối Trai
5. Xã Cà Lúi
6. Xã Krông Pa
7. Xã Thổ Lô
8. Xã Đá Màu
9. Xã Phú Mỡ
10. Xã Sơn Hội
11. Xã Hà Đang

VIII. Thị xã Tuy Hòa: 7 phường

1. Bình Nhạn (phường 1)
2. Bình Tịnh (phường 2)
3. Bình An (phường 3)
4. Bình Mỹ (phường 4)
5. Bình Hòa (phường 5)
6. Bình Lợi (phường 6)
7. Bình Phú (phường 7)

T toàn tỉnh có 8 huyện 1 thị xã gồm có 62 xã, 7 phường, 2 thị trấn (71 xã phường thị trấn).
Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Huyện Tuy Hòa 1:

Xã Hòa Phong: Chủ tịch xã: Nguyễn Khững

Xã Hòa Bình: Chủ tịch xã: Lê Tấn ích

Xã Hòa Thành: Chủ tịch xã: Nguyễn Ngung

Xã Hòa Thịnh: Chủ tịch xã: Nguyễn Bá AÙi
Xã Hòa Tân: Chủ tịch xã: Phạm Nhơn
Xã Hòa Đồng: Chủ tịch xã: Phạm Cháp
Xã Hòa Mỹ: Chủ tịch xã: Phạm Nghiệp
Xã Hòa Vinh: Chủ tịch xã: Hồ Quang Anh
Xã Hòa Xuân: Chủ tịch xã: Lê Tân

Huyện Tuy Hòa 2:

Xã Hòa Định: Chủ tịch xã: Phạm Đình Xây
Xã Hòa Quang: Chủ tịch xã: Nguyễn Tuấn
Xã Hòa Trị: Chủ tịch xã: Lê Cấn
Xã Hòa Kiến: Chủ tịch xã: Đỗ Tấn Nhĩ
Xã Hòa Thắng: Chủ tịch xã:

Huyện Đông Xuân

Xã Xuân Long: Chủ tịch xã
Xã Xuân Quang: Chủ tịch xã: Nguyễn Sang (Sùng)
Xã Xuân Lãnh: Chủ tịch xã: Nguyễn Phong
Xã Xuân Phước: Chủ tịch xã: Ngô Ngọc Anh
Xã Xuân Phương: Chủ tịch xã: Nguyễn Tài

Huyện Sơn Hòa

Xã Sơn Long: Chủ tịch xã: Tô Văn Mười
Xã Sơn Định: Chủ tịch xã: Nguyễn Ngừ
Xã Sơn Hà: Chủ tịch xã: Nguyễn Đăng
Xã Sơn Bình: Chủ tịch xã: Nguyễn Dũng
Xã Sơn Phước: Chủ tịch xã: Ma Dong
Xã Sơn Xuân: Chủ tịch xã: Nguyễn Đình Tuyên

Huyện Tây Nam

Xã Sông Hinh: Chủ tịch xã: Ma Tố
Xã Ea trol: Chủ tịch xã: Ma Nhin
Xã Eabá: Chủ tịch xã: Ma bá
Đức Bình: Chủ tịch xã: Trần Lự
Eabia: Chủ tịch xã

Huyện Tuy An

Xã An Xuân: Chủ tịch xã: Võ Minh
Xã An Lĩnh: Chủ tịch xã: Nguyễn Hoa
Xã An Thọ: Chủ tịch xã: Lê Tông

Xã An Định: Chủ tịch xã: Phan Thanh
Xã An Nghiệp: Chủ tịch xã: Phan Hiệp
Xã An Dân: Chủ tịch xã: Phan Cần
Xã An Thạch: Chủ tịch xã: Nguyễn Văn Vinh
Xã An Ninh: Chủ tịch xã: Mai Văn Minh
Xã An Hải: Chủ tịch xã: Phan Ngọc Hòa
Xã An Cư: Chủ tịch xã: Nguyễn Minh Châu
Xã An Hòa: Chủ tịch xã: Nguyễn Cúc
Xã An Hiệp: Chủ tịch xã: Lê Tấn Bộ
Xã An Mỹ: Chủ tịch xã: Nguyễn Biện
Xã An Chấn: Chủ tịch xã: Lê Văn Phú

Huyện Miền Tây

Xã Phước Tân: Chủ tịch xã: Ma Máy
Xã Ma Dú: Chủ tịch xã: Ma
Dung Xã Suối Trai: Chủ tịch xã:
Ma Chun Xã Cà Lúi:
Chủ tịch xã: Ma Thân

Krông pa: Chủ tịch xã: Me De

Suối Ché: Chủ tịch xã: Ma Rành

Thồ Lô: Chủ tịch xã: Ma Ngoe

Đá Mài: Chủ tịch xã: Ma Quỳnh

Phú Mỡ: Chủ tịch xã: Ma Dỗan

Sơn Hội: Chủ tịch xã: Nguyễn Sanh

Hà Đang: Chủ tịch xã: Ma Luom

Thị xã Tuy Hòa: Chủ tịch các phường được chỉ định sau khi Phú Yên giải phóng

Bình Nhạn (phường 1) chủ tịch là Đỗ Tấn Hữu

Bình Tịnh (phường 2) chủ tịch là Hoàng Minh Trị

Bình An (phường 3) Đỗ Ngọc Ân làm chủ tịch

Bình Mỹ (phường 4) chủ tịch là Phạm Thái

Bình Hòa (phường 5) chủ tịch là Nguyễn Quang Sơn

Bình Lợi (phường 6) chủ tịch là Lê Văn Vói

Bình Phú (phường 7) chủ tịch là Đặng Quang Vinh

Xã Bình Phú gồm thôn Thanh Đức, Minh Đức, Ngọc Phong, Phước Hậu, Thượng Phú, Phú Vang, Liên Trì, Năng Tịnh, Chủ tịch xã: Lê Quang Chuẩn.

Kết luận

Chính quyền Ủy ban Nhân dân cách mạng chẳng những huy động sức người, sức của phục vụ kháng chiến mà còn gắn liền với việc chăm lo bồi dưỡng sức dân, giải phóng đến đâu là tạm cấp ruộng đất, công hương, điền thổ, tịch thu ruộng đất của bọn ác ôn có nhiều nợ máu, tạm chia ruộng đất vắng chủ cho nông dân không có ruộng và thiếu ruộng. Chính quyền cách mạng giành lại quyền lợi ruộng đất mà cách mạng đem lại cho nông dân trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp nay bị Mỹ Diệm cướp lại. Nông dân rất phấn khởi hăng hái thực hiện chủ trương chính sách của Mặt trận và chính quyền cách mạng có hiệu quả. Chính quyền cách mạng chăm lo cho đồng bào dân tộc từ hạt muối, mét vải, thuốc chữa bệnh, nông cụ sản xuất, tất cả từ cái ăn cái mặc, chỗ ở học hành và sức khỏe mọi người. Đối với vùng địch tạm thời kiểm soát thì lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, tự do đi lại làm ăn

Phát động nhiều chiến dịch khai hoang phục hóa mở rộng diện tích sản xuất lương thực, phát triển chăn nuôi gia cầm, gia súc trong nhân dân ở ba vùng chiến lược “miền núi nông thôn, vùng biển, thị trấn, thị xã” sản xuất tự túc lương thực trong lực lượng, vũ trang, cán bộ có khả năng tự túc, tự cấp vừa đủ sức đáp ứng yêu cầu kháng chiến vừa từng bước cải thiện đời sống cán bộ, bộ đội và nhân dân. Phá tan âm mưu bao vây phong tỏa kinh tế của địch, mở rộng giao lưu kinh tế giữa vùng ta với vùng địch giữa đồng bằng với miền núi, giữa nông thôn với thị xã, thị trấn thu hút những mặt hàng cần thiết phục vụ cho kháng chiến và nhu cầu về đời sống nhân dân.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện lâu dài khó khăn gian khổ hy sinh, một cuộc chiến tranh quy mô ác liệt chưa từng có, diễn ra gay gắt dai dẳng quyết liệt giành đi giạt lại từng người dân từng tấc đất, từng buôn, xóm làng dưới bom đạn, chất độc hóa học với vũ khí hiện đại, giết người hàng loạt, tàn sát đẫm máu của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Quân và dân Phú Yên phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đoàn kết một lòng anh dũng chiến đấu, kiên cường bất khuất bền bỉ, tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng, của Mặt trận, chính quyền CM đã góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng Phú Yên giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Công tác cán bộ luôn luôn là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong nhiệm vụ xây dựng chính quyền cách mạng. Tỉnh đã thường xuyên rèn luyện cán bộ, chăm lo giáo dục lập trường chính trị, tư tưởng phẩm chất đạo đức cách mạng, bồi dưỡng nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý chính quyền. Theo lời dạy của Bác Hồ - Chính quyền là người đày tớ của nhân dân chứ không phải đê đầu dân. Cán bộ chính quyền phải đi sát cơ sở, sát dân gương mẫu thực hiện “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Chính quyền cách mạng thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ suốt hai thập kỷ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, thống nhất tổ quốc và trên con đường xây dựng CNXH - thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”.

Huỳnh Trúc

Nguyên phụ trách Văn phòng Tỉnh ủy Phú Yên giai đoạn 1954-1955

NHỮNG NGÀY Ở LẠI SAU HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7 năm 1954, Thường vụ Liên khu ủy 5 có điện cho Tỉnh ủy Phú Yên. Tỉnh được cử 7 đồng chí đi tập kết, trong đó có đồng chí Trần ý (ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giám đốc Công an tỉnh), đồng chí Huỳnh Nự (Phó trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy). Tôi đang phân vân chưa biết sẽ làm gì thì Bí thư Tỉnh ủy Lê Vụ gặp tôi và nói: Anh và anh Hà Phùng ở lại phụ trách Văn phòng Tỉnh ủy, trước mắt là lo chỗ ở của cơ quan Tỉnh ủy ở xã An Lĩnh, huyện Tuy An.

Cơ quan Tỉnh ủy - ngoài đồng chí Bí thư Tỉnh ủy có đồng chí Nguyễn Như (ủy viên Ban thường vụ, Tỉnh ủy phụ trách hai huyện Tuy An và Đông Xuân), đồng chí Nguyễn Đình Thành (ủy viên Ban thường vụ, Tỉnh ủy phụ trách hai huyện Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2). Trừ huyện Sơn Hòa, các huyện Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2, Tuy An và Đông Xuân có 4 Tỉnh ủy viên trực tiếp làm Bí thư Huyện ủy.

Văn phòng Tỉnh ủy lúc bấy giờ - ngoài đồng chí Hà Phùng và tôi, có 1 đồng chí phụ trách quản trị, 1 đồng chí liên lạc trực thâu, 1 vô tuyến điện 15 watt 6 người và 1 trạm liên lạc đầu mối 3 đồng chí. Chỗ ở của cơ quan bố trí ở vùng 1 xã An Lĩnh. Đài vô tuyến điện đặt ở thôn Quang Đức xã An Thọ. Trạm đầu mối của tỉnh đầu tiên đặt ở thôn Phong Nhiêu xã An Nghiệp.

Việc cần làm đầu tiên là phải giữ liên lạc với các Huyện ủy vừa được thành lập lại. ở huyện Sơn Hòa, giữ liên lạc với hai đồng chí Nguyễn Kiệt và Lương Công Huê -Bí thư và Phó Bí thư Huyện ủy. Huyện Đông Xuân - phải giữ liên lạc với đồng chí Phan Thanh Cưu (Bí thư Huyện ủy) đồng chí Nguyễn Khắc Điềm (Phó Bí thư Huyện ủy). Huyện Tuy Hòa 2 - phải giữ liên lạc với đồng chí Trần Xứng (Bí thư Huyện ủy). Huyện Tuy An thì rất thuận lợi - đồng chí Phạm Nghị đang ở vùng 6 xã An Lĩnh, đồng chí Lưu Tý (Phó Bí thư Huyện ủy). Riêng Huyện Tuy Hòa 1 - ngay từ đầu, Tỉnh ủy tổ chức liên lạc hợp pháp với đ/c Văn Gối (Bí thư Huyện ủy), đồng chí Huỳnh Mai (Phó Bí thư Huyện ủy). Thỉnh thoảng, theo ý kiến đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, tôi đi Kỳ Lộ xã Xuân Quang gặp đồng chí Phan Thanh Cưu, đi Phú Cốc xã An Chấn gặp đồng chí Trần Xứng, đi Vùng 6 xã An Lĩnh gặp đồng chí Phạm Nghị, đi Suối Trai gặp đồng chí Lương Công Huê, vừa nắm tình hình, vừa truyền đạt ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

Đầu tháng 8 năm 1954, tôi về xã Hòa Kiến quê tôi, nắm tình hình ở nội ô thị xã Tuy Hòa. Đồng chí Nguyễn Quang (Phó Bí thư chi bộ xã) triệu tập một cuộc họp lớn, có hơn 1.000 người dự, tại thôn Thọ Bình, nghe tôi nói với đồng bào và cán bộ trong xã về thắng lợi của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, nhiệm vụ đấu tranh đòi đối phương phải thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. Nhân dân vừa mừng vừa lo. Nhiều người đã lo là địch sẽ không thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ.

Từ tháng 8 năm 1954, địch tiến hành khủng bố những người kháng chiến cũ, bắt giết một số cán bộ ta. Ông Đông Xuân, đồng chí Phan Thanh Cưu diệt một tên ác ôn. Tôi và anh Hà Phùng rất hoan nghênh, nhưng theo chủ trương lúc bấy giờ là không được diệt ác ôn.

Giữa tháng 9 năm 1954, đồng chí Lê Đài đã đi tập kết theo diện lực lượng vũ trang trở về xã An Lĩnh. Gặp tôi, anh nói: Liên khu ủy 5 có quyết định rút anh Lê Vụ về Văn phòng Liên khu ủy, anh về làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Vụ. Văn phòng bố trí anh Lê Đài ở nhà ông Bầu. Nhà ở sát suối lớn, giáp huyện Sơn Hòa, thuận tiện cho đồng chí Lê Đài nếu An Lĩnh không ở được thì chuyển lên xã Sơn Long huyện Sơn Hòa. Tôi đi Phú Cốc gặp đồng chí Trần Xứng. Anh đang gặp khó khăn trong việc bám trụ ở Tuy Hòa 2 vì bị lộ khi về thôn Thượng Phú xã Hòa Kiến. Anh Trần Xứng bảo tôi báo với đồng chí Lê Đài cho anh đi tập kết và sau đó anh đi ra tỉnh Bình Định. Tôi đi ra xóm Gò vùng 7 xã An Lĩnh gặp đồng chí Lê Duy Hính (nguyên Bí thư Huyện ủy Tuy An) vừa ở Hòa Đa xã An Mỹ lên xã An Lĩnh. Nguyễn Phụng Cương (nguyên Phó Bí thư chi bộ xã An Lĩnh) phản bội, dẫn người vây bắt tôi và đồng chí Lê Duy Hính. Chúng tôi mỗi người cầm một đòn gánh chống lại. Nguyễn Phụng Cương tìm thêm lực lượng. Anh Lê Duy Hính quay xuống xã An Hiệp. Tôi đi vào chùa Hố Thị, xã An Thọ.

Cuối tháng 9 năm 1954, địch lùng quét một số nơi. Sự phản bội của Nguyễn Phụng Cương làm cho tỉnh không thể ở được xã An Lĩnh. Đồng chí Lê Đài bảo tôi và anh Hà Phùng phải nhanh chóng chuyển lên thôn Trung Trinh xã Sơn Long - ở đây đã được chuẩn bị. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Lê Đài sẽ ở nhà Cụ Nuông, còn anh em khác ở trong nhà dân.

Tôi tranh thủ về thôn Phước Hậu thăm cha mẹ, xin một ít đồ dùng cần thiết, báo cho cha tôi là tôi ở lại miền Nam không đi tập kết và mua một tấm lưới một để đánh cá cải thiện đời sống. Không nắm được tình hình ở quê nhà, từ Thọ Vực tôi băng qua các cánh đồng lúa ở Tường Quang, Minh Đức, Phước Hậu. Vừa đi vừa lo không biết có lính địch ở trong nhà không và luôn suy nghĩ cách xử lý tình huống có địch ở trong nhà. Tôi thâm đọc các câu thơ Tố Hữu:

Đời cách mạng từ khi tôi đã hiểu
Dấn thân vô là phải chịu tù đầy
Là gươm kẻ tận cổ, súng kẻ tai

Là thân sống chỉ coi còn một nửa...

Đến nửa đêm, tôi về đến nhà; định bụng gõ cửa nhưng không dám gọi. Tôi ngồi trong chuồng trâu chờ. Đến 2 giờ sáng nhìn thấy cha tôi ở trong nhà mở cửa đi ra. Tôi mừng quá, ôm cha tôi và hỏi có bọn địch ở trong nhà không. Cha tôi hỏi tôi về chùng nào đi. Tôi trả lời độ 3 giờ sáng con quay lên. Tôi báo cha tôi biết tôi không đi tập kết. Tỉnh ủy phân công ở lại, nếu rủi con bị bắt thì gia đình không nên vào nhà lao Ngọc Lãng, để tự con lo liệu. Cha tôi khuyên tôi “Việc gì Đảng giao, con phải cố hết sức làm tròn, mọi việc ở nhà đã có ba lo”. Tôi không ngờ lần gặp ấy là lần gặp cuối cùng của tôi về người cha mà tôi yêu quý nhất trong đời.

Cha con tôi đang nói chuyện ngoài sân thì mẹ tôi ra. Mẹ tôi nhất định không cho tôi quay trở lại, bảo tôi lẩn trốn đâu đó, chiều tối về nhà nhận các thứ tôi dặn mẹ tôi mua rồi mới đi. ở lại 1 ngày, tôi chui vào ruộng lúa đã gần chín, lẩn vào giữa ruộng, khá an toàn. 5 giờ chiều, tôi về nhà. Tôi đang ở trong nhà thì 2 tên mật vụ người trong xã vào nhà tôi. Chúng không biết tôi có ở nhà. Chúng hỏi cha tôi: Thành Trợ có về không? Nó có đi tập kết không? Cha tôi nói lại: Đã lâu nó không về, có lẽ nó đi tập kết rồi. Hai tên mật vụ về thôn Minh Đức. Mẹ tôi chuẩn bị đủ các thứ: vải may quần áo, kẹo, 1 tấm lưới một, 1 cái mũ và cho tôi một ít tiền. Tôi thao thức cả đêm, ngồi ôm đứa con gái đầu lòng mà từ

khi mẹ nó sinh ra tôi chưa biết mặt. Đến 2 giờ sáng, tôi xin phép cha mẹ tôi quay trở lại. Em tôi là Huỳnh Thị Khiết tiên chân tôi lên đến chợ Sơn Triều. Em đăm đăm nhìn theo tôi cho đến khi tôi đã khuất vào rừng.

Theo như kế hoạch đã bàn, tôi lên Quang Đức xã An Thọ, đưa 6 anh em tổ điện đài lên ở Hồ Thắm xã Suối Bạc. Nơi đây là một gộp đá to và kín đáo, giáp rẫy lúa của dân. Tôi gặp ông Chánh Giấy giao nhiệm vụ bảo vệ điện đài và giúp đỡ anh em điện đài làm nhiệm vụ trong lúc còn nhiều khó khăn và thiếu thốn. Bố trí xong nơi đặt điện đài, tôi về lại Trung Trinh xã Sơn Long - Sơn Hòa.

Về đến nhà ông Nuông, anh Lê Đài đang lên cơn sốt nặng: Anh dặn tôi nếu địch có lùng sục vào đây, cậu cứ chạy đánh lạc hướng vì anh quá mệt, anh sẽ chạy lẫn vào rừng. Tôi không ngờ, ngày 28 tháng 10 năm 1954, tôi đi Sơn Định, chuẩn bị cuộc họp Tỉnh ủy ở trại ông giáo Tấn thì ở nhà địch càn vào thôn Trung Trinh. Có bọn chỉ điểm, địch lùng vào nhà các đồng chí phụ trách trạm đầu mối, các đồng chí bỏ chạy ra Bình Định, không báo cho đồng chí Phạm Nghị (tỉnh ủy viên) đi về họp Tỉnh ủy ở gần đó và anh Phạm Nghị bị địch bắt ! Cùng bị bắt có đồng chí Nguyễn Thanh Hương (nguyên Phó chủ nhiệm chính trị Tỉnh đội) và đồng chí Lê Chơi (liên lạc trực thâu của Tỉnh ủy). Chúng tra tấn 3 đồng chí bị bắt rất dã man, dùng búa đánh gãy răng đồng chí Phạm Nghị vì anh không khai báo cơ sở. Chiều hôm ấy, chúng đưa cả 3 đồng chí bị bắt đến trường Bà Giêng, bắn chết cả 3 đồng chí và vứt xác xuống một cái hầm bẫy heo rừng của dân ở bên lề đường, cấm không cho ai chôn. Nhân dân xã Sơn Long vô cùng khâm phục khí tiết cách mạng của 3 đồng chí đã lên đến đắp mộ, trồng lên đó một cây mít, tạo thuận lợi cho sau này cách mạng bốc mộ cho các đồng chí ấy.

Nghe dân báo địch càn ở Trung Trinh, từ nhà ông giáo Tấn, cầm ba quả cam dân cho, tôi đi về Sơn Long. Vừa ra khỏi nhà được một đoạn ngắn, gặp một đại đội địch đang lùng sục. Địch cố bắt tôi và anh Thần - người ở Hòa Trị được bố trí đi công tác với tôi. Địa thế rất khó lẫn trốn. Tôi giả làm người buôn bò, đi rẽ vào nhà dân thì địch nổ súng bắt đứng lại. Tôi liều chết, chạy quanh ra phía nhà sau, và chạy ngược trở lại, chui vào một rừng gai quít. Địch bắn xối xả và báo cho dân hôm nay chúng diệt được tên Cộng sản cao cấp nằm vùng. Bị gai quít quào, quần áo tôi bị rách nát không còn dùng được. Đồng chí Thần chạy sau tôi nên có đỡ hơn. Tôi bảo Thần vào 1 chòi nhà dưới suối xin cơm ăn và nhờ vá cho cái quần. Bà cụ và người con gái Sơn Định rất mừng là hai anh em tôi không chết như địch nói, giúp đỡ chúng tôi rất tận tình.

Hôm sau, tôi gặp đồng chí Lê Đài, báo cáo anh việc chúng tôi đã chuẩn bị xong chỗ ở Suối Bạc - Hòn ông và đã bố trí anh sẽ ở nhà đồng chí Bá Nam Trung. Đồng chí Lê Đài dặn tôi phải chuẩn bị tiếp chỗ ở ở xã Cà Lúi và liên lạc với các đồng chí ở Đất bằng huyện Cheo Reo tỉnh Đắk Lắk. Tôi xin anh rút đồng chí Tự (Bí thư chi bộ xã Sơn Phước) về Văn phòng Tỉnh ủy, cùng tôi chuẩn bị chỗ ở và xây dựng vùng căn cứ khu A.

Sau khi đồng chí Phạm Nghị hy sinh, Thường vụ Tỉnh ủy phân công tôi về Thường vụ Huyện ủy Tuy An. Tôi tranh thủ đi về Tuy An, về xã An Xuân. Địch đánh phá ác liệt, làm một số cơ sở của ta nao núng. Tôi vừa về đến nhà đồng chí Hiệu - cơ sở ta ở vùng 4 An Xuân. Tôi rất mừng gặp anh Hiệu thì anh Hiệu gõ mõ hô “Cộng sản về làng”. Trời đã về chiều, tôi thấy không ổn và xuyên rừng đi về xã An Lĩnh. Tiếng gõ mõ đuổi theo, và cái tối đen của rừng già vào những ngày cuối tháng âm lịch, tôi đành nhịn đói, một mình nằm trong rừng. Tôi bứt mấy lá chuối khô làm chiếu. Mệt quá, ngủ lúc nào

không biết. Sáng hôm sau, leo lên một cây cao, nhìn về vùng 4 xã An Lĩnh. Tôi vào nhà anh Đỏ. Rất mừng là anh còn cơm bắp. Tôi được một bữa ăn ngon cơm với mắm cá. Huyện Tuy An lúc này không còn ai. Qua cơ sở, biết anh Lư Tỷ đang ở Vân Canh tỉnh Bình Định. Anh Nguyễn Khắc Minh xã An Chấn còn kẹt ở xã chưa lên được. Tôi gặp mấy cơ sở ở An Lĩnh, An Thọ giao nhiệm vụ rồi về lại Hòn Ông.

Một việc xảy ra trong khi tôi đi Tuy An là ở nhà, ông Chánh Giấy Suối Bạc bị địch bắt. Bị tra tấn đau quá, ông bảo người nhà về báo cho tôi nên dời ngay điện đài ở Hồ Thắm đi nơi khác. Ông nói nó đánh đau quá, ông không chịu nổi, hai hôm nữa ông sẽ dẫn địch về Hồ Thắm chỉ chỗ ta bố trí điện đài. Anh Lê Đài bảo anh Hà Phùng đi di chuyển điện đài lên Cà Lúi, nhưng anh Hà Phùng không biết chỗ. Đúng ngày ông Chánh Giấy báo, ông đưa địch về Hồ Thắm. Anh em ta vớt máy xuống gộp đá. Địch lấy 1 cái dây ãng-ten. Chúng lu loa là đã lấy được vô tuyến điện của ta. Không biết thực hư ra sao, tôi về đến Hòn Ông, anh Lê Đài bảo tôi phải đi Hồ Thắm, xác minh có phải địch lấy VTĐ của ta không? Tôi và anh Bá Nam Trung xuyên rừng đi Hồ Thắm: gặp dân ở Suối Bạc thì rõ là tổ điện đài của ta sau khi vớt máy, không ai bị địch bắt, tìm đường ra Bình Định và đi tập kết. Dân cho biết địch chỉ lấy cái ãng-ten của vô tuyến điện.

Tôi cùng anh Bá Nam Trung xuyên rừng về lại Hòn Ông. Chưa kịp nghỉ thì đồng chí Lê Đài phân công tôi đi Cà Lúi. Qua nắm tình hình xã Cà Lúi, đồng chí Ma Cứng (Bí thư chi bộ) đã dao động, đồng chí Ma Tho (Phó Bí thư kiêm Chủ tịch xã) thì rất vững vàng. Hai tên chỉ điểm Cửa và Canh ở xã Sơn Hội thường lên xuống các buôn xã Cà Lúi. Tôi phân công anh Tự xây trạm liên lạc đầu mối của Tỉnh ủy ở buôn Ma Thìn và đi Ma Lúa - làng của đồng chí Ma Tho. Đồng chí Ma Tho đề nghị tôi cho đồng chí “xử êm” 2 tên chỉ điểm ở Sơn Hội. Tôi bàn với anh Hà Phùng nhưng lúc bấy giờ chưa có chủ trương không dám làm.

Nhân dân buôn Ma Lúa không chỉ bảo vệ mà còn giúp đỡ hết mình cho các đồng chí lãnh đạo tỉnh. Đôi móng chân bò, năm bảy đọt mía, một nắm trái đậu dác non... giúp cho cuộc sống vô cùng kham khổ đôi lúc được cải thiện. Thỉnh thoảng anh Hà Phùng đi câu, đánh cá... làm cho các bữa ăn chủ yếu là sản lược có thêm chất tươi.

Khi ở buôn Ma Lúa, để các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy và đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm việc được lâu dài và giữ được bí mật, anh Hà Phùng và tôi chuyển qua vùng Đất Bằng, ở buôn Ma Tý thuộc địa phận huyện Cheo Reo, tỉnh Đắc Lắc.

Vì không liên lạc được với Tỉnh ủy Phú Yên, Thường vụ Liên khu ủy 5 cử đồng chí Lê Vụ (liên khu ủy viên) đi công tác Phú Yên. Các đồng chí khu B (miền tây Đồng Xuân) đón và đưa đồng chí Lê Vụ vào cơ quan Tỉnh ủy ở Cà Lúi. Tôi được cử đi đón đồng chí Lê Vụ ở điểm hẹn là thôn Tân Lương xã Sơn Hội. Xa đồng chí Lê Vụ mới 4 tháng, trông anh đã gầy đi nhiều. Có một việc mà tôi không thể nào quên là anh bỏ gân chực con cá lếp muối trong túi áo. Hỏi ra tôi mới biết là anh mới mua trên đường đi vào. Tôi đưa anh nghỉ đêm ở một chòi giữ rẫy lúa gần buôn Ma Thìn - trạm đầu mối của tỉnh. Sau buổi làm việc với đồng chí Lê Đài ở buôn Ma Lúa, đồng chí Lê Vụ quyết định mời Ban Thường vụ Tỉnh ủy, một số: đồng chí chủ trì các huyện đi ra Diêu Trì tỉnh Bình Định gặp đồng chí Võ Chí Công (Phó Bí thư Thường trực Liên khu ủy 5) bàn việc sắp xếp lại tổ chức nhân sự thay cho một số đồng chí đã bị địch bắt.

Anh Hà Phùng và tôi ở lại Cà Lúi giữ liên lạc với các huyện. Theo kế hoạch, tôi và đồng chí Ma Tự (ở xã Sơn Phước) lên vùng Đất Bằng, huyện Cheo Reo. Lên đến Ma Phu thì gặp một đại đội lính áo đen của nguy đang lùng bắt cán bộ ta. Vì phải lách địch mà đi, chúng tôi lách đường đến buôn Oai Đất, Oai Khảm. Cơ sở cách mạng của xã phát hiện hai anh em tôi, về báo đồng chí Bí thư chi bộ xã. Đồng chí Bí thư chi bộ xã cải trang giống như đồng bào dân tộc đến chỗ chúng tôi. Tôi không ngờ người đó là đồng chí Ma H'Oanh - con bà cô tôi, đang hoạt động ở vùng này. Đồng chí Ma H' Oanh gặp tôi mừng lắm, nói: “không biết vùng lắm cộp sao mà chui vào vùng này”, chỉ cho chúng tôi cách lách địch đang lùng sục, đi về lại xã Cà Lúi. Trong đêm tối, đôi mắt anh Tự sáng lên. Anh dẫn tôi lách qua hai trung đội địch đang chốt trên đường đi, về đến Cà Lúi an toàn.

Đến tháng 5 năm 1955, tôi được điều động về Văn phòng Liên khu ủy 5. Sau cuộc họp làm việc với đồng chí Võ Chí Công ở Điều Trì, đồng chí Lê Đài về ở khu B (miền núi huyện Đồng Xuân). Tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn. Đến Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 đầu năm 1959, Phú Yên là tỉnh có phong trào đồng khởi ở đồng bằng sớm nhất trong Liên khu 5 (1960), phong trào quần chúng đấu tranh bằng hai chân ba mũi giáp công với địch phát triển mạnh mẽ cho đến ngày toàn thắng.

Những ngày ở lại miền Nam sau hiệp định Giơ-ne-vơ, cách mạng đang ở thế thoái trào, địch rất ngoan cố phá bỏ hiệp định, thực lực cách mạng bị tổn thất lớn nhưng lòng dân vẫn hướng theo Đảng, tin tưởng Bác Hồ, là một thời kỳ đáng nhớ, không thể nào quên.

Phạm Hồng Quang
Nguyên Ủy viên TV Tỉnh ủy Phú Yên
năm 1975

HỌAT ĐỘNG GIAO VẬN Ở PHÚ YÊN TRONG CHIẾN DỊCH 1975

(Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân trên chiến trường Phú Yên)

Trong thời điểm Xuân 75, Tôi là ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên, Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh Phú Yên. Đầu tháng 2/1975, tôi đang chủ trì một lớp huấn luyện tại trường Đảng Tỉnh cho cán bộ chủ chốt trong các ngành đấu tranh chính trị, binh vận, các đoàn thể huyện và xã chuẩn bị lực lượng cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy sắp đến

Lớp học vừa đạt 2/3 nội dung cần truyền đạt, thì tôi phải đi dự Hội nghị Ban thường vụ Tỉnh ủy trước khi chiến dịch nổ ra mà nhiều người trong chúng ta đã biết. Kết thúc hội nghị này, tôi được Thường vụ Tỉnh ủy giao 3 nhiệm vụ và phải triển khai ngay sau khi ở Hội nghị ra về.

1- Huy động toàn bộ lực lượng vận tải của ngành giao thông vận tải, huy động cán bộ công nhân viên các cơ quan, lực lượng dân công của Huyện Miền Tây khẩn trương vận chuyển vũ khí đạn dược và các hàng hóa khác do TW chi viện từ hướng tỉnh Gia Lai và Buôn Hồ tỉnh Đak Lăk về cho lực lượng vũ trang của Tỉnh đảm bảo cung cấp cho cả chiến dịch.

2- Bằng mọi cách đưa cho được những chiếc xe vận tải, đầu tiên do TW chi viện từ hướng Buôn Hồ Đaklăk vượt sông Ba về đến căn cứ tỉnh tại khu vực Hòn Lúp trước ngày 30/3/1975.

3- Nếu gặp thời cơ thuận lợi mà chi khu quân sự quận lỵ Củng Sơn được giải phóng thì tôi vào ngay Củng Sơn để làm Chủ tịch ủy ban quân quản. Sở dĩ phân công như vậy là vì từ năm 1972 về trước tôi là trưởng ban Giao thông vận tải tỉnh nhiều năm và kiêm cả Thường trực ban xây dựng căn cứ miền núi của tỉnh, nên đã thông thạo công việc trong lĩnh vực hành lang vận chuyển và thông thuộc đường sá ở 2 Huyện miền Tây và Tây Nam lúc đó. Và qua sự phân công trên còn chứng tỏ ngay từ đầu khi chiến dịch chưa nổ ra ban thường vụ Tỉnh ủy lúc đó (có sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ khu ủy 5) đã nắm vững tình hình, tin tưởng ở thắng lợi, đoán trước thời cơ thắng lợi để chủ động công việc đến như vậy thì thật là tốt.

Trong 3 công việc được giao thì tôi lo nhất là việc làm sao đưa đoàn xe tải do TW chi viện về đến căn cứ Tỉnh trước ngày 30/3/1975. Do vậy tôi khẩn trương làm việc với ban lãnh đạo ngành giao thông vận tải việc huy động cán bộ công nhân viên các cơ quan đi vận chuyển vũ khí và cùng lên Huyện Miền Tây làm việc với Huyện ủy và Ban xây dựng căn cứ miền núi lúc đó do đồng chí La Chí Noa phụ trách để huy động dân công cùng với lực lượng TNXP khẩn trương lên đường vận chuyển vũ khí. Sau khi bàn bạc xong tôi để cho đồng chí La Chí Noa lo đơn đốc mãng này còn tôi thì nhanh chóng vào phía Nam trực tiếp xem xét và chỉ đạo việc mở đường đưa đoàn xe về Tỉnh. Trước đó thì lực lượng làm cầu đường của Ban giao thông vận tải tỉnh đã triển khai trên toàn tuyến đã khảo sát từ lâu. Xuất phát từ đường 14 đoạn Buôn Hồ đi xuống vượt sông Kơ Rông Năng qua dốc Buôn Ken xuống Er Bá băng qua sông Ba và dốc Ma Lức về Cà Lúi Tân Vinh, qua Trà Kê, xuống Sơn Định về Hòn Lúp-Vân Hòa. Lúc này lực lượng chủ lực làm đường đang tập trung 2 điểm là dốc Buôn Ken ở Nam sông và dốc Ma Lức bắc sông Ba. Một khối lượng công việc còn quá lớn, đặc biệt là công việc làm ngâm cho xe vượt sông Ba nước còn sâu, sông rộng và bãi cát dài. Khi anh em đưa tôi đến nơi đoạn sông chọn làm ngâm để cho xe qua thì tôi vô cùng lo lắng không thể nào làm kịp để cho xe về tỉnh trước 30/3/1975 được. Vì thời gian còn ít, khai thác vận chuyển đá không thể kịp.

Tôi nhớ lại những ngày vượt Trường Sơn về miền Nam và những ngày ra vào khu 5 công tác tôi đã thấy những chiếc xe tải nặng đi trên các tấm phên đan bằng tre qua những đoạn đường bị lầy và cát như thế nào, và thế là tôi tìm được một giải pháp khác thay cho việc làm ngâm qua sông Ba.

Sáng ngày 11/3/1975 trên đường lên Buôn Ken để gặp đồng chí Ma Xanh và gặp Đ/c Hồ Hòa đang phụ trách công việc cầu đường của tỉnh có mặt ở dốc Buôn Ken để trao đổi giải pháp cho xe vượt sông Ba thay cho việc làm ngâm, vừa đi vừa nghe đài tin TX Buôn Mê Thuột đã giải phóng, địch đang hoang mang, ta đã thắng lớn và đang đánh địch trên đường 21. Tôi hết sức phấn khởi trước tình hình vô cùng có lợi cho công việc của tôi và nhanh chóng có những quyết định mới với sự tự tin tuyệt đối vào thành công. Tôi và đồng chí bảo vệ tôi tìm gặp đồng chí Ma Xanh lúc đó là huyện ủy viên phụ trách khu vực này của huyện Tây Nam. Tôi nhận định: Ta đã chiếm Buôn Mê Thuột, đang đánh địch trên đường 21. Như vậy bọn địch ở căn cứ Huyện Khánh Dương nhất định là hoang mang không dám nống ra mà còn có thể bỏ chạy xuống Ninh Hòa. Vì vậy ta chớp thời cơ bỏ phương án làm đường xe chạy trong rừng, dừng ngay việc hạ độ dốc Buôn Ken. Ta cho xe đi theo đường 21 Bis cũ. Đồng chí Ma Xanh là người biết con đường này (Hồi chồng Pháp tôi đã cùng đơn vị hành quân đánh địch trên con

đường này) huy động bà con dân làng cùng với anh em cầu đường đi phóng tuyến, đơn giản là chặt cây làm dấu không mấy khó khăn. Phóng tuyến đến chỗ nào gặp qua sông, suối thì anh em cầu đường làm ngay việc cần làm để xe vượt qua ngay chỗ khó, đặc biệt là vượt sông Kơ Rông Năng. Và giải pháp đưa xe qua sông Ba thì tôi quyết định không làm Ngâm vì một là không thể vận chuyển đủ đá và hai là không đủ thời gian để làm. Tôi đưa ra giải pháp dùng phen đan bằng tre, nửa để lót cho xe qua sông và qua bãi cát rộng. Mọi người đều thấy đó là phương án tốt nhất mà ta có thể dựa vào sức dân của 2 xã Er Bá và Suối Trai để thực hiện. Tôi viết thư và chỉ thị cho đồng chí Hồ Hòa phối hợp với đồng chí Ma Xanh triển khai nhanh theo phương án mới. Và các đồng chí đã thực hiện tốt công việc được giao. Với thời gian ngắn nhất, nhờ vậy mà ngày 25/3/1975 theo đường mà đồng chí Ma Xanh và nhân dân dẫn đoàn xe đã xuống đến bờ sông Ba.

Sau khi bàn bạc kỹ mọi việc với đồng chí Ma Xanh, tôi quay trở lại xã Er Bá và mời đồng chí Võ Minh lúc đó là bí thư Huyện ủy Tây Nam (tức Huyện Sông Hinh bây giờ) lên gặp tôi ở Er Bá. Tôi trao đổi với đồng chí Võ Minh và lãnh đạo xã Er Bá do ông Ma Tái làm Bí thư về những việc cấp bách theo phương án mới về việc mở đường và cho xe qua sông Ba. Yêu cầu Huyện ủy tập trung chỉ đạo việc này, đặc biệt là huy động dân chặt tre nửa đan phen để lót cho xe qua sông và đã nói rõ cách dùng sức người và phen tre lót cho xe qua sông cụ thể như thế nào, tôi sẽ trực tiếp lội sông từng đoạn sông cạn nhất cấm cọc làm dấu để cho xe qua. Bàn bạc xong tôi qua xã Suối Trai (ở phía bắc sông) làm việc với lãnh đạo xã Suối Trai và có cả cán bộ của huyện đội miền Tây cũng có mặt ở đây. Tất cả mọi người đều tán thành cách cho xe qua sông như tôi đã trình bày, cán bộ và nhân dân xã Suối Trai thể hiện lòng tin và quyết tâm rất cao và hứa sẽ đi vào rừng chặt tre nửa đan phen ngay. Tất cả đều hăng hái hứa là khi đoàn xe xuống sẽ ra sông để góp sức cho xe vượt sông. Sau đó tôi và đồng chí bảo vệ trở lại sông, vác theo cọc dò lạch cạn và cấm cọc làm dấu. Xong tôi yêu cầu cán bộ địa phương kiểm tra lại. Tối 15/3/1975 tôi nghỉ lại ở xã Suối Trai bàn bạc thêm với cán bộ thật chu đáo, tởm mỷ vì tôi nghĩ biết đâu gặp tình thế mới tôi có thể không quay lại được. (Và thực tế đúng như vậy, ngày 26/3/1975 đoàn xe 3 chiếc đã vượt sông đúng như giải pháp đã chọn. Ngày 28/3/1975 đoàn xe về đến căn cứ tỉnh và được giao công việc ngay đúng theo yêu cầu đề ra trong Hội nghị ban thường vụ. Công lao lớn nhất trong việc này thuộc về nhân dân và cán bộ 2 xã Suối Trai, Er Bá và lực lượng cầu đường của ngành giao thông vận tải tỉnh. Khi đoàn xe vượt sông thì tôi đang ở Củng Sơn làm chủ tịch UB quân quản đã được 3 ngày rồi nên không được chứng kiến).

Sáng 16/3/1975 tôi ra đường bảy để về Cà Lúi tập trung chỉ đạo việc làm đường qua đốc Ma Lúc khối lượng còn rất lớn mà xe thì không thể tránh được cái đốc cao này để về căn cứ tỉnh. Khi qua đường 7 tôi mới biết địch đã và đang di tản xuống đường này, rất nhiều dấu xe tăng và các loại xe khác. Khi gặp du kích và bộ đội huyện Miền Tây các anh còn cho biết rõ thêm tình hình địch và cả dân di tản xuống đường 7 về Củng Sơn như thế nào. Vốn từng là lính Cụ Hồ nên tôi cũng biết chút ít trận mạc. Tôi nghĩ ngay đến việc cần có một lực lượng chặn đánh địch ở trên đường bảy phía tây Củng Sơn để chúng không giữ nguyên lực lượng dồn hết vào thị trấn Củng Sơn chốt giữ cửa ngõ phía Tây tỉnh và nếu chúng xuống đường số 5. Sau khi bị đánh càng dễ cho bộ đội ta tiêu diệt. Nghĩ vậy nên tôi nhanh chóng viết thư cho người chạy hỏa tốc về tỉnh, dùng phương tiện thông tin nhanh nhất mà ta có lúc đó ở khu vực huyện miền Tây. Yêu cầu bộ chỉ huy tiền phương tỉnh cho một lực lượng lên để đánh địch di tản trên đường 7 từ Tây Nguyên xuống. Trong khi chờ đợi, tôi tranh thủ gặp và trao đổi mọi công việc

với đồng chí La Chí Noa với các đồng chí lãnh đạo huyện miền Tây, xã Cà Lúi và ngành giao thông vận tải về tốc độ vận chuyển vũ khí, huy động thêm nhân lực cho việc mở đường từ Cà Lúi về tỉnh, tập trung lực lượng mạnh nhất cho việc hạ độ cao dốc Ma Lức.

Đến chiều ngày 21/3/1975 thì tiểu đoàn 96 và 1 đại đội hỏa lực được tăng cường đã đến địa điểm chúng tôi đang chờ. Tiểu đoàn 96 do anh Khánh làm tiểu đoàn trưởng còn chỉ huy chung là anh Sung tham mưu phó tỉnh đội. Còn tôi thì tỉnh giao làm chính ủy (Hồi đó các đồng chí bảo tôi làm chính ủy, anh Sung làm tư lệnh). Bắt đầu từ hôm đó tôi giao lại mọi việc phía sau cho anh Ma Noa và ban giao thông vận tải còn tôi thì tách ra để đi với bộ đội. Cụ thể là cùng làm việc với Anh Sung và Khánh. Bộ đội ta nhanh chóng dàn trận phục kích dọc theo phía Bắc đường số 7 chờ địch. Chiều ngày 21/3/1975 có nhiều tốp máy bay địch bắn phá ở khu vực Bà Lá Cheo Reo nên ai cũng nghĩ là thế nào tối bọn tàn quân địch cũng chạy xuống đến đây. Quả thực tối 21/3/1975 gần đến khuya trinh sát báo là có 3 xe bọc thép địch từ phía tây xuống. Ban chỉ huy nhận định là xe bọc thép đi trước mở đường cho bộ binh đi sau. Ta không đánh xe bọc thép mà chờ tiêu diệt bộ binh địch. Đồng chí Sung ra lệnh để cho 3 xe bọc thép đi qua sông, sẵn sàng đánh xe chở bộ binh đi sau. Nhưng lúc sau ban chỉ huy được anh em bộ đội báo là xe bọc thép của ta chứ không phải của địch (Thì ra lúc đó bọn lính chốt giữ đường của địch thấy xe bọc thép của ta nên thoát chạy, bị xe bọc thép của ta vây đánh và hô xung phong, nói chuyện với nhau tiếng miền Bắc). Chỉ huy ra lệnh, bằng mọi cách bắt liên lạc để 2 bên gặp nhau. Và tôi không rõ bằng cách nào mà trong đêm tối mà mọi việc diễn biến tốt đẹp. Khi chúng tôi ra đường thì thấy lính chủ lực, lính địa phương ôm nhau, tay bắt mặt mừng giữa đêm khuya trên mặt đường số 7. Chập sau thì đoàn xe chở cả một trung đoàn bộ binh thuộc sư 320 cũng đến. Hai bên gặp nhau thật vui vẻ, xúc động và hú hồn là không xảy ra sự nguy hiểm đáng tiếc do không liên lạc được với nhau trước. Nếu không có cái tư chất bình tĩnh, tỉnh táo, sáng suốt của kẻ chiến thắng của cả 2 bên, đặc biệt là những chiến sĩ bộ đội Phú Yên đang nằm trong bóng tối sẵn sàng nhắm đạn, trong đó có 21 khẩu B40, B41 vào đoàn xe chở đầy lính thì không biết điều gì sẽ xảy ra. Thật là may mắn. Chỉ huy 2 bên bàn công việc tiếp tục cùng hành quân xuống Củng Sơn liền trong đêm. Toàn bộ xe pháo giấu vào một khu rừng. Trong ban chỉ huy trung đoàn chủ lực có đồng chí Nhuận - Trung đoàn Phó, trước đó là Tỉnh đội Phó Phú Yên nên đã quen biết tất cả chúng tôi, nên rất thuận tiện trong việc phối hợp mọi hành động. Từ lúc đó tôi luôn ở bên cạnh ban chỉ huy trung đoàn trong hành trình xuyên xuống phía Đông quận lỵ Củng Sơn, cũng như khi diễn ra trận đánh giải phóng chi khu quân sự Củng Sơn.

Tối 22/3/1975 bộ đội ta triển khai bao vây chặn địch ở đông Củng Sơn từ đường 7 ra đến sông Ba. Trong khi thực hiện nhiệm vụ bị vướng mìn địch, một số đồng chí hi sinh.

Chiều 23/3/1975 lực lượng xe tăng và xe bọc thép của địch trên Tây Nguyên xuống đứng lại ở Củng Sơn đã đồng loạt nổ máy. Địch rút chạy khỏi Củng Sơn về Tuy Hòa bị bộ đội ta chặn đánh. Trận chiến ác liệt nổ ra tại khu vực núi 1 Củng Sơn vào lúc 2 giờ chiều. Tôi nghe nói tiểu đoàn 96 ta lập công lớn bắn cháy một số xe tăng địch. Việc này đồng chí Khánh - nguyên là Tiểu Đoàn Trưởng 96 là người trực tiếp chỉ huy có mặt tại trận đánh sẽ kể cho chúng ta nghe. Còn tôi lúc đó ở Sở chỉ huy trung đoàn nghe đầy đủ diễn biến trận đánh qua điện thoại chỉ huy của trung đoàn trưởng. Tôi vui mừng khi được báo tin là toàn bộ quân nguy hiểm ở cứ điểm Hòn Ngang đã bỏ chạy khi những chiếc xe bọc thép của ta trườn khỏi dốc ở Tây Củng Sơn tiến vào thị trấn. Và toàn bộ lực lượng thiết giáp của địch cũng bỏ toàn bộ xe đang nổ để chạy thoát thân. Toàn bộ chỉ huy lữ đoàn thiết giáp của địch ở Tây

Nguyên xuống bị bộ đội ta bắt sống khi phát hiện chúng trốn ở bờ Sông Hinh do tên đại tá Võ Văn Đồng làm Tư lệnh.

Như vậy, tuy tiểu đoàn 96 theo lệnh của tỉnh hành quân cấp tốc lên tây Củng Sơn để đánh địch di tản nhưng không gặp được địch mà lại gặp bộ đội chủ lực của ta mới có được cơ hội, cùng bộ đội chủ lực phối hợp tổ chức trận đánh tuyệt vời tiêu diệt lữ đoàn xe thiết giáp của địch, giải phóng Củng Sơn. Bản thân tôi cũng vinh dự là người độc nhất thay mặt lãnh đạo địa phương cùng với quân đội giải phóng quận lỵ đầu tiên của tỉnh nhà. Chúng tôi vào thị trấn lúc trời vừa tối với tất cả sự ngổn ngang xe pháo và đồ đạc tung tóe ở khu dân cư mua bán - dấu ấn của một cuộc tháo chạy, cướp bóc mới vừa xảy ra. Bộ đội ta tiếp tục truy quét địch giải phóng Tuy Bình thuộc Huyện Tây Nam (Sông Hinh bây giờ). Ban chỉ huy trung đoàn cử đồng chí chủ nhiệm chính trị trung đoàn và một tiểu đội cùng với tôi để lo công việc của Ban quân quản.

Chiều ngày 24/3/1975, lực lượng cán bộ của tỉnh do đồng chí Trần Văn Thu dẫn đầu và lực lượng cán bộ của huyện Sơn Hòa do đồng chí Y Bá Nào dẫn đầu mới vào được thị trấn gặp tôi, mang theo quyết định của thường vụ Tỉnh ủy cử tôi làm chủ tịch ủy ban quân quản quận lỵ Củng Sơn. Thi hành quyết định này, tôi họp mặt số cán bộ chủ chốt hình thành ủy ban quân quản gồm có: Tôi là chủ tịch và các thành viên khác, tất cả 5 người phân công phụ trách từng công việc:

+ Ổn định trật tự, ổn định tình hình dân chúng khuyên bà con kêu gọi binh lính ra giao nộp súng ống và trở về nhà (tại xóm gần cầu Móng tôi đương nói chuyện một lúc với nhân dân trong khi máy bay địch đang bắn phá trận địa pháo của chúng gần sân bay, chỉ trong một lúc mà lính đã chui từ đâu ra mang theo súng chất đầy một đống thật nhiều. Tôi bảo họ vác súng đến địa điểm tập trung rồi đi về nhà).

+ Giải quyết hàng binh, với số lượng quá nhiều phần lớn là biệt động quân từ các tỉnh Tây Nguyên xuống. Cứ tập trung đông thì dẫn đi, giao cho bộ đội địa phương phụ trách. Trong số tù và hàng binh có toàn bộ chỉ huy lữ đoàn thiết giáp địch do đại tá Võ Văn Đồng làm Lữ đoàn trưởng bị bộ đội ta bắt khi trốn ở bờ Sông Hinh dẫn về Củng Sơn.

+ Giải quyết vấn đề dân di tán. Chủ yếu là khuyên họ quay trở lại nơi ở cũ, ai cần gạo thì cho gạo đủ ăn để đi về.

+ Huy động nhân lực khai thông đường số 7 và đường lên phía Vân Hòa để bộ đội ta tiến xuống giải phóng thị xã theo đường 7 và theo đường dốc súc xuống Tuy An.

Ngay tối ngày 25/3/1975 chúng tôi đã tập họp được khá đông binh lính vừa rã ngũ để giáo dục và huy động tất cả đều đi làm nhiệm vụ khai thông 2 tuyến đường này. Tôi nói với họ rằng, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh đã đánh cho Mỹ cút và đánh cho ngụy nhào, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đây là thời điểm lịch sử trọng đại của đất nước, mọi người Việt Nam phải xem là vinh dự lớn được góp công sức vào công cuộc giải phóng quê hương trong những giờ phút lịch sử này. Không phân biệt anh là gì ngày hôm qua. Thế là họ vui vẻ đi làm tất cả. Thật tình thì tôi muốn tạo một cơ hội cho những người hôm qua còn là ngụy

quân, nguy quyền đóng góp một tý vào công cuộc giải phóng quê hương để họ tự giải tỏa mặc cảm và tâm lý sợ trả thù, để hòa vào niềm vui thắng lợi của toàn dân tộc Việt Nam.

Tối 26/3/1975 tôi đang ngồi trao đổi công việc với đồng chí Chủ nhiệm chính trị Trung đoàn thì có người vào báo cáo là du kích bắt được một cố vấn Mỹ. Tôi bước ra xem thế nào. Nhưng vừa mới thấy tôi đến gần thì tên “Cố vấn Mỹ” đứng bật dậy với thân hình cao to chỉ mặc cộc chiếc quần đùi và áo lót, nghiêm chỉnh nói: “Thưa ngài chỉ huy tôi là cố đạo người Pháp chứ không phải là cố vấn Mỹ. Tôi là người truyền giáo đã sống ở nhà thờ Chánh Tòa Kom Tum 36 năm. Vì hai bên đánh nhau tôi sợ bom đạn nên chạy xuống đây bị kẹt. Chiều hôm qua bị máy bay bắn phá vào đoàn xe ở gần bờ sông nên tôi bỏ chạy mất hết tất cả rồi. Mong ông chỉ huy giúp đỡ cho tôi về Sài Gòn để tôi về nước Pháp”. Ông ta lý sự về luật pháp quốc tế, về chiến tranh là không đánh vào nhà thờ, người hành đạo, hơn nữa ông ta là cố đạo người nước ngoài yêu cầu được đối xử ưu đãi v.v... Vì ông ta nói nhiều nên tôi có đủ thời gian suy nghĩ để đáp lời ông, để ông hiểu được “Việt Cộng” như thế nào. Tôi tin ông ta đúng là cố đạo nhưng tôi nói: Tôi rất vui khi nghe ông, một người ngoại quốc nói tiếng Việt rất thông thạo, rất chuẩn chúng tôi sống rất nhiều năm ở Việt Nam. Tôi mừng cho ông là đã gặp may mắn trong cuộc chạy đi tản theo quân đội Sài Gòn trên chặng đường dài và trong trận bắn phá của máy bay Mỹ chiều qua ở bờ sông Thành Hội, không chết là may mắn, ông yên tâm, chúng tôi thực hiện chính sách nhất quán nhân đạo đối với tù hàng binh dù là quốc tịch nào, kể cả quốc tịch Mỹ là nước gây nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam. ông ta nói liền: không, tôi không phải là tù binh mà là cố đạo người Pháp thưa ông chỉ huy! Xin ông hãy bình tĩnh. Nếu ông là cố đạo thì ở trong nhà thờ, quân giải phóng không đánh vào nhà thờ, thì tại sao ông lại bỏ nhà thờ, bỏ đạo hữu để chạy theo quân thất trận và bây giờ trên người ông chỉ có quần đùi, áo lót, thì lấy gì chứng minh ông là vị cố đạo: Tôi dừng lại nhưng ông ta không nói gì được nữa, tôi tiếp: Nói vậy thôi chứ qua thái độ tôi có thể tin ông nói thành thật, ông chờ tôi một tý. Tôi vào trao đổi thống nhất hướng giải quyết với đồng chí chủ nhiệm chính trị trung đoàn đang cùng làm việc với tôi. Thấy tôi vừa bước lại ông ta đứng dậy rất nhanh với thái độ khẩn cầu. Tôi nói tình hình chiến sự đang diễn ra ác liệt trên khắp các chiến trường vì vậy ông thế nào về Sài Gòn lúc này được. Chúng tôi chỉ có thể tạo điều kiện giúp ông quay trở lại nhà thờ Chánh Tòa Kom Tum. Nhân dân chúng tôi nhiều người cũng đang trở lại quê hương, nếu ông không đi được thì chúng tôi tạm gởi ông vào nhà thờ Củng Sơn. Nếu ông là cố đạo thì chắc chắn cha đạo nhà thờ này biết và sẽ cư mang giúp đỡ ông chờ chấm dứt chiến sự. Ông ta rất mừng khi nghe tôi nói vậy và cảm ơn lia lịa. Tôi bảo các du kích đưa ông Tây vào nhà thờ giao cho cha Hiền. Sáng hôm sau tôi thấy một ông linh mục chở sau xe Honda một ông tây to lớn đi dạo chơi trong thị trấn. Tôi nghĩ chắc là cha Hiền và như vậy là họ biết nhau. Sau đó vì quá bận việc nên tôi cũng quên chuyện ông cha đạo tây. Cho đến tháng 4/1998 nhân dịp lên tham quan thủy điện Jali, tôi vào thị xã Kom Tum, nhà thờ Chánh Tòa tham quan, tôi mới nhớ ông cố đạo tây trước ở đây chạy di tán. Tôi hỏi linh mục Phan Văn Bình về ông cố đạo nọ, ông Bình kể chuyện ông cố đạo người Pháp đó tên là Curien, tên Việt Nam là Cố Kim. Ngày đi tán chạy xuống Củng Sơn gặp hoạn nạn được một ông chỉ huy của cách mạng thông cảm giúp đỡ gửi vào nhà thờ Củng Sơn sau đó ông Kim được nhà thờ và cách mạng giúp đỡ trở về nhà thờ Chánh Tòa Kom Tum. Ngài hết sức biết ơn chính sách nhân đạo của quân giải phóng. Trước khi về Pháp ông ấy nhờ tôi tìm ông chỉ huy ở Củng Sơn để cảm ơn hộ ông, nhưng làm sao tìm được vì Cố Kim không biết ông chỉ huy tên gì và làm chức vụ gì. Cố Kim đã qua đời mấy năm rồi, nay tôi được biết ông, dù gì thì chúng tôi cũng xin có lời cảm ơn ông đã cứu Cố Kim thoát nạn.

Trở lại công việc quân quản. Một câu hỏi đặt ra là điều gì khiến cho sự trật tự bình an nhanh chóng được xác lập ở quận lỵ, vốn là một chi khu quân sự của Mỹ ngụy trong nhiều năm đã gây nhiều tội ác với nhân dân Sơn Hòa và Tây Nam (Sông Hinh bây giờ) nhiều ác ôn khét tiếng, nhiều biệt kích hung dữ, vậy mà khi giải phóng những kẻ ấy vẫn sống nguyên đó, cộng thêm tàn quân địch, nhân dân di tản từ Tây Nguyên xuống, hỗn loạn như thế. Nhưng tất cả đều xử sự nhẹ nhàng êm tốt không xảy ra bất cứ chuyện gì trái với sự mong muốn của Đảng và nhân dân. Điều gì đó chính là sự thực hiện nghiêm chỉnh và nhất quán chính sách nhân đạo của Đảng, mặt trận, chính quyền cách mạng, là khí phách anh hùng và tấm lòng nhân hậu bao dung của người chiến thắng trong cuộc chiến đấu vì độc lập tự do đầy gay go khốc liệt này do Đảng lãnh đạo. Và chỉ không đầy một tuần lễ sau ngày giải phóng Cung Sơn Thường vụ Tỉnh ủy thấy không còn cần thiết giữ chế độ quân quản nữa nên đã tiến hành lập UBND cách mạng chính thức của thị trấn Cung Sơn do ông Y Bá Nào làm chủ tịch, chúng tôi giao lại công việc cho chính quyền mới và về tỉnh nhận công việc ngay sau ngày 1/4 Thị Xã Tuy Hòa giải phóng. Đó là tóm tắt công việc tôi đã làm, đã tham gia làm, đã chứng kiến trong tháng 3/1975 trong chiến dịch mùa Xuân đại thắng. Sở dĩ tôi cố ý loại bỏ nhiều chi tiết trong cuộc hành trình để không sa đà dài dòng, nhưng lại thuật quá tởm, cụ thể những việc cần nói là muốn nhắc lại rằng trong chiến tranh tất cả chúng ta đã quen với tác phong làm việc như vậy: khẩn trương, cụ thể, tởm, chính xác, tính trước, lường sau tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân nên mới có được chiến thắng vĩ đại như vậy. Và cái phong cách làm việc ấy cũng cần thiết cho thế hệ ngày nay trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Hùynh Ngọc Thăng

VẤN ĐỀ HOẠT ĐỘNG GIAO BƯU Ở PHÚ YÊN TRONG HAI CUỘC CHIẾN TRANH

I. Đặc điểm tình hình Phú Yên trong những năm chiến tranh

Phú Yên là tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, Đông giáp biển, Tây giáp các tỉnh Gia Lai, Đaklak, Nam giáp Khánh Hòa, Bắc giáp Bình Định. Tỉnh có 1 thị xã, 3 huyện đồng bằng, 3 huyện miền núi. Do ảnh hưởng của dãy Trường Sơn nên phần lớn đất đai của tỉnh là núi cao, đèo dốc hiểm trở, nhiều sông núi lớn ngăn cách, rất trở ngại cho việc tổ chức hoạt động giao thông liên lạc thời bình cũng như thời chiến.

Phú Yên có hệ thống giao thông nối liền Nam - Bắc là quốc lộ I, đường sắt xuyên Việt và đường biển, có các đường ngang nối liền đồng bằng với miền núi Tây nguyên là tỉnh lộ 5 từ thị trấn Phú Lâm, huyện Tuy Hòa, qua huyện Sông Hinh giáp quốc lộ 21 Khánh Dương (Đaklak). Tỉnh lộ 7 (nay là quốc lộ 25) từ thị xã Tuy Hòa, qua Sơn Hòa - AyunPa, Cheo reo (Gia lai) giáp quốc lộ 14. Liên tỉnh lộ 6 từ thị trấn Chí Thạnh Tuy An, qua huyện Đồng Xuân đến Mục Thịnh - Vân Canh (Bình Định).

Trong thời kỳ thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến 30.4.1975) mạng lưới Bưu chính - Viễn thông trong tỉnh chưa có gì đáng kể, chủ yếu là để phục vụ đội quân xâm lược, bộ máy ngụy quân, ngụy quyền tầng lớp tư sản, thương mại quyền thế. Toàn tỉnh chỉ có 1 Bưu cục tại thị xã Tuy Hòa máy móc thiết bị điện báo, điện thoại còn thô sơ lạc hậu. Đến năm 1968 ở Bưu cục thị xã mới được lắp 1 tổng đài tự động 100 số và tại sân bay Đông Tác 1 tổng đài tự động 1000 số phục vụ cho hệ thống cứ điểm, sân bay, cụm pháo... của chúng.

Ngoài ra ở tỉnh, huyện, quận lỵ, xã, ấp các cấp hành chính tề ngụy đều có trang bị hệ thống vô tuyến thoại, thông tin chỉ điểm rất nhạy bén, lợi hại: Trong kháng chiến chống Pháp (tháng 8.1945-7.1954), Phú Yên là vùng tự do; là hậu phương trực tiếp, có vị trí chiến lược quan trọng đối với Tây Nguyên và cực Nam Trung bộ. Do đó, suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, địch liên tục đánh phá bằng phi pháo, càn quét lấn chiếm một số xã ven biển, miền núi giáp ranh xung yếu, các nút giao thông then chốt.

Sau khi hiệp định đình chiến Giơ-ne-vơ (7.1954) Phú Yên thuộc vùng địch kiểm soát Mỹ lần lượt hất cẳng Pháp, dựng lên ngụy quyền Sài Gòn, tổ chức mạng lưới CIA điệp báo cài đặt từng thôn xóm, Đảng phái phản động Đại Việt, Quốc dân đảng... mọc dậy phục thù giai cấp.

Dựa vào sức mạnh quân sự, Mỹ ngụy bất chấp hiệp định liên tục mở các đợt tấn công, hành quân càn quét, khủng bố ác liệt, bắt bớ tra tấn, tù đày thủ tiêu những người kháng chiến. Tiến hành dồn dân, rào làng lập ấp, tạo vành đai trắng cô lập quần chúng nhân dân với lực lượng Cách mạng. Trong lúc đó ta chỉ vận động đấu tranh chính trị đơn thuần, Phú Yên lại rất xa sự chỉ đạo của Trung ương... Mọi giao thông liên lạc bị kiểm soát rất ngặt nghèo.

Tuy vậy, với truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của nhân dân trong tỉnh và Đảng bộ quan tâm, trực tiếp tổ chức chỉ đạo, cán bộ chiến sỹ Bưu điện tỉnh Phú Yên luôn kiên định lập trường cách mạng, dũng cảm mưu trí chịu đựng muôn vàn gian khổ, hy sinh giữ vững thông tin liên lạc cho Đảng chỉ đạo công tác và chiến đấu, giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ để thắng lợi hoàn toàn.

II. Thành tích tổng hợp đến 30/4/1975

a. Giao thông liên lạc phục vụ đấu tranh chính trị (1954-1959)

Sau khi tiếp quản miền Nam, Mỹ Ngụy âm mưu chia cắt lâu dài và tiến đến thôn tính cả miền Bắc nước ta. Đảng bộ Phú Yên chủ trương tổ chức đơn vị giao bưu chia làm 3 bộ phận: Đường dây bí mật; Đường dây hợp pháp; Đường dây vô tuyến điện:

+ Đường dây bí mật: Xoi đường tổ chức trạm. Khoảng cách giữa các trạm bằng đi bộ một ngày đường rừng núi. Liên lạc về phía Khu VII Gia Lai.

- Nối với các tỉnh về khu liên lạc về phía Bình Định; liên lạc về phía Khánh Hòa.
- Nối với các huyện. Trạm đầu mối đi Đồng Xuân; Sông Cầu.
Trạm đầu mối đi Tuy An.

Trạm đầu mối đi Sơn Hòa và Tuy Hòa I

Trạm đầu mối đi Tuy Hòa II

Trạm đầu mối đi nam - bắc Sơn Hòa

Cơ quan Tổng trạm ở Buôn Ma Nốc (phía tây Kỳ Lộ)

+ Đường dây hợp pháp: Dựa vào vùng Xuân Phước, Xuân Quang, Long Hà, Xuân Long.

Trạm đầu mối ở Thạnh Đức Xuân Quang

Trạm chính ở thôn Long Hà “Chị Trần Thị Hai phụ trách”.

Các cơ sở giao liên hợp pháp chia làm nhiều loại: Loại đưa cán bộ; Loại mang thư đưa cho những cơ sở đầu mối; Loại mang thư liên lạc với nhà lao; Loại mang thư về các huyện.

+ Đường dây Vô tuyến điện: có 1 máy vô tuyến, bước đầu có 3 cán bộ nhân viên phục vụ lãnh đạo. (Chánh văn phòng Tỉnh ủy Võ Xuân Vinh; Đồng chí Bùi Tân Bí thư chi bộ; Đồng chí Văn Công phụ trách đường dây bí mật; Đồng chí Bùi Tân phụ trách xây dựng giao liên hợp pháp; Đồng chí Võ Xuân Vinh phụ trách đường dây Vô tuyến điện.

Ngày 7 đến ngày 10/9/1954 một bộ phận cán bộ chiến sĩ giao bưu Phú Yên trực tiếp cùng nhân dân các xã An Thạch, An Cư, An Ninh, An Định... huyện Tuy An đấu tranh chống địch xé ảnh Bác Hồ, xóa bỏ các khẩu hiệu đòi hòa bình, hợp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước tại Ngân Sơn - Chí Thạnh bị đàn áp đẫm máu, chết và bị thương 140 người, trong đó có nhiều chiến sĩ Giao bưu đã hy sinh hoặc bị bắt tra tấn, tù đày hoặc thủ tiêu như các đồng chí: Nguyễn Duy Bửu, Lê Mậu Lâm, Trần Đại Hiệp, Trần Giồng, Lê Miếng, Nguyễn Sớm...

- Tháng 11.1954 - 5.1955, địch ráo riết lùng sục, bao vây kiểm soát nghiêm ngặt. Các mối giao thông liên lạc trên dưới đều bế tắc. Được sự chỉ đạo của tỉnh ủy cán bộ chiến sĩ ngành giao bưu đã dũng cảm mưu trí vượt qua gian lao nguy hiểm, xoi đường nối thông liên lạc giữa tỉnh với khu tập kết tạm thời ở Vân Canh (Bình Định) đưa đón hàng trăm cán bộ và đồng bào bị địch khủng bố ra vùng tập kết. Đồng thời mang vắc vậ chuyển về tỉnh một số thuốc men, vũ khí, tiền, vàng, phục vụ đấu tranh lâu dài với địch.

- Tháng 5.1955, trước khi chuyển tàu cuối cùng rời cảng Quy Nhơn, tập kết miền Bắc, ngành Giao bưu Phú Yên lo tổ chức đưa đón cán bộ từ Bình Định trở về các địa bàn của tỉnh bằng đường núi hoặc các phương tiện giao thông hợp pháp trong đó có một Đội trưởng và 1 bộ điện đài VTĐ 15w phục vụ đặc lực cho tỉnh ủy chỉ đạo suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Năm 1956: Tại một khu Thổ Lô - Ma Dú, bộ phận đài VTĐ và cơ yếu Tỉnh ủy chỉ có 2 đồng chí, vừa giữ liên lạc với khu ủy, vừa tham gia viết bảng đá, in lito báo Đoàn kết (tờ báo Đảng đầu tiên của tỉnh) và truyền đơn, áp phích - giao liên chuyển về cơ sở hợp pháp góp phần tuyên truyền vận động quần chúng, giữ vững niềm tin trong hoàn cảnh cách mạng miền Nam gặp khó khăn đen tối nhất.

- Tháng 1.1957 trạm giao liên Thổ Lô trực tiếp tham gia với nhân dân trong vùng bí mật thủ tiêu 2 tên gián điệp Mỹ, phát động phong trào quần chúng nổi dậy vũ trang bất hợp tác với Mỹ-Diệm.

- Tháng 11.1958 tổ vũ trang 3 người trong đó có đồng chí Nguyễn Tấn Sa là cán bộ giao liên tổng trạm tham gia đột nhập diệt tên Nguyễn Cường là ác ôn khét tiếng bị diệt đầu tiên ở tỉnh ta, gỡ thế kềm kẹp ở xã Xuân Phước và xã lân cận.

- Tháng 10.1959 : Tổ chức đưa đón đoàn cán bộ đầu tiên 29 đồng chí từ miền Bắc vào tăng cường cho tỉnh và đến các địa bàn công tác đảm bảo bí mật, an toàn.

- Cuối năm 1955-1959: Trong tình hình địch ráo riết tố cộng, khủng bố ác liệt, đưa ra luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Cán bộ chiến sỹ ngành đã bám chắc vào dân, xây dựng cơ sở gian bưu hoạt động bằng các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp, đáp ứng mọi giao lưu cần thiết cho sự chỉ đạo của Đảng và đưa đón, chăm sóc, bảo vệ một số đồng chí cán bộ cao cấp đi qua tỉnh được an toàn trong đó có đồng chí Nguyễn Thị Định (1959).

b. Phục vụ cho chỉ đạo đấu tranh chính trị và quân sự song song

- Tháng 9.1960, Trạm giao bưu Thổ Lô - Ma Dú phối hợp với du kích vận động nhân dân Thổ Lô cung cấp lương thực thực phẩm và bố phòng chống địch càn quét bảo vệ an toàn Đại hội Đảng bộ Phú Yên lần thứ nhất thành công tốt đẹp. Trong trận này, đồng chí Ma Rê là giao liên bị địch bắt, tra tấn tàn nhẫn, cuối cùng địch treo đồng chí treo lên cây chất lửa đốt đến chết vẫn không một lời khai báo, mặc dù đồng chí biết rất rõ địa điểm Tỉnh ủy đang họp.

Tháng 10.1960 phối hợp đội vũ trang và du kích xã diệt ác ôn, phá khu đồn Phú Giang - Cây Vừng, giải phóng xã Phú Mỹ, Đồng Xuân.

- Tháng 11.1960 phối hợp lực lượng vũ trang huyện Sơn Hòa, cảnh cáo tề ngụy phá kìm giải phóng các xã Hòa Nhơn, Cà Lúi, Suối Trai, Phước Tân, Đá Mài, Suối Bạc.

Nối liền vùng giải phóng miền núi của tỉnh với các tỉnh Bình Định, Gia Lai, Daklak, Khánh Hòa, tạo hành lang đi lại thông suốt, dễ dàng hơn.

- Tháng 12.1960 cán bộ chiến sỹ giao liên huyện Tuy Hòa tham gia cùng đội vũ trang huyện, diệt một số tên lính ngụy ác ôn, giải tán ngụy quyền, hỗ trợ phong trào đồng khởi xã Hòa Thịnh và tiếp theo các xã Hòa Mỹ, Hòa Hiệp, Hòa Xuân, Hòa Tân, Hòa Phong.

- Năm 1961 thực hiện kế hoạch “xuống núi” của Tỉnh ủy, giao bưu Phú Yên sắp xếp lực lượng, phối hợp chặt chẽ với các đội vũ trang và bộ đội tập trung tỉnh đánh đuổi một trung đội dân vệ, tổ chức mít tinh phát động quần chúng tại ga Phước Lãnh - Giao liên hợp pháp nắm bắt tình hình thông tin kịp thời cho lực lượng vũ trang chủ động phục kích đánh địch tại buôn Cây Đu - Đá Chẹt làm tan rã một đại đội ngụy quân và tiếp tục truy quét ác ôn, giải phóng các thôn Đồng Hội, Đồng xe, Suối Cối, Kỳ Lộ; phá ấp chiến lược Phước Nhuận, Thạnh Đức xã Xuân Quang huyện Đồng Xuân - Giải phóng 1 thôn của xã Xuân Thọ, Xuân Lãnh, Đa lộc, Xuân phương huyện Sông Cầu, 1 số thôn các xã An Lĩnh, An Xuân, An Thọ huyện Tuy An. Các thôn Lạc Đạo (Sơn Thành), Bến Đá, Mỹ Thành (Hòa Mỹ), Tuy Hòa 1. Chặn đánh biệt kích, diệt ác ôn chỉ điểm, giải phóng buôn Ma Giá xã Suối trai, Sơn Hòa.

- Tháng 9.1960-10.1961: 3 lần liên lạc nắm tình hình và trực tiếp tham gia giải thoát Luật sư Nguyễn Hữu Thọ.

+ Lần thứ 1: tháng 9.1960 tại thị xã Tuy Hòa.

+ Lần thứ 2 : tại thị trấn Củng Sơn. Việc chuẩn bị móc nối liên lạc rất công phu nhưng địch luôn di chuyển chỗ ở của Luật sư nên không thành công.

+ Lần thứ 3: tháng 10.1961. Giao liên hợp pháp và bất hợp pháp phối hợp chặt chẽ với bộ đội tỉnh đưa Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - bị địch quản thúc tại thị xã Tuy Hòa lên vùng căn cứ Phước Thọ và bố trí đưa Luật sư về Trung ương Cục miền Nam công tác an toàn.

Năm 1962, trong tình hình hết sức khó khăn thiếu thốn linh kiện phụ tùng trung ương không thể chi viện, anh em đài VTĐ đã nghiên cứu, tận dụng máy móc hư hỏng, lắp ráp cải tiến 2 máy phát tin dùng nguồn pin 150V trang bị cho 2 huyện Tuy Hòa 1 và Sông Cầu xa tỉnh, thường xuyên bị địch phục kích ngăn chặn giao thông. Hai đài này luôn luôn phát huy tác dụng đáp ứng thông tin nhanh chóng cho huyện ủy và huyện đội chỉ huy chỉ đạo đấu tranh chính trị và vũ trang đánh địch thu nhiều thắng lợi.

- Năm 1961 - 1963: Phát huy cao tinh thần tự lực cánh sinh, đài VTĐ tỉnh ủy cũng mạnh dạn kèm cặp đào tạo tại chỗ được 5 điện báo viên đáp ứng phong trào phát triển mở ra.

- Tháng 6.1962-10.1963: Địch tăng cường càn quét đánh phá sâu vùng căn cứ giải phóng gây cho ta nhiều khó khăn, hy sinh mất mát.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, với phương châm: “Một tác không đi, một li không rời” và có dân là có tất cả”. Ngành giao bưu - VTĐ Phú Yên luôn bám sát máy, bám đường giữ vững giao thông liên lạc cho chỉ đạo ở vùng căn cứ ; địch đánh ngày ta làm đêm, địch kích đường này ta xoi đường khác mà đi. Mở đường mới, hướng dẫn dân công nhận hàng chục tấn hàng hóa, vũ khí của Trung ương chi viện từ Gia Lai về tỉnh. Đồng thời cử cán bộ luồn sâu vào các ấp chiến lược, vùng đồng bằng, thị trấn, thị xã bám dân mở đường tổ chức giao bưu hợp pháp và nửa hợp pháp dọc vùng ven, vùng giáp ranh tranh chấp. Vừa làm nhiệm vụ giao thông liên lạc vừa tham gia phát động quần chúng cùng các ngành, vận động và đưa hàng ngàn thanh niên lên căn cứ bổ sung lực lượng cách mạng và nhất là dẫn đường cho bộ đội tập kích đồn bót, cứ điểm sân bay, kho tàng và diệt địch ngay trong hang ổ của chúng, buộc địch đang hung hăng đánh phá vùng căn cứ phải rút về đối phó.

- Trong 2 năm 1962-1963, ngành đã vót hàng trăm ngàn cây chông, sắp xếp hàng ngàn ngày công tham gia làm hầm chông, chạ bẫy bố phòng, đào địa đạo, phục vụ chiến đấu ở gò Thì Thùng (An Xuân) và Trung Trinh (Sơn Long).

- Năm 1964- 1965, cử 2 đồng chí giao liên thạo đường biển là đồng chí Tự và đồng chí Hải ra miền Bắc để dẫn đường cho các chuyến tàu không số chở hàng chi viện cho các tỉnh Nam Trung bộ và Nam Tây nguyên vào Vũng Rô. Tổ chức trạm giao bưu và đường dây liên lạc từ bãi Chính qua bãi Môn đến bãi Tiên và bố trí lực lượng giao liên đưa đón, bảo vệ dân công chuyển hàng hóa, vũ khí từ Vũng Rô về căn cứ được 3 chuyến an toàn.

Trong thời gian này (1964-2.1965) Đài VTĐ Tuy Hòa 1 điều động đến tại Vũng Rô để phục vụ cho ban chi viện tiền phương phân khu Nam, liên tỉnh III chỉ đạo tàu ra vào cảng và điều hành bốc dỡ, vận chuyển phân phối cho các tỉnh Phú Yên, Đăklăk, Khánh Hòa.

- Ngày 12.2.1965 tàu vào Vũng Rô lần thứ 4, bị địch phát hiện tập trung mọi binh chủng đánh phá ác liệt các xã Hòa Hiệp Nam, Hòa Xuân, Hòa Tâm và dọc tuyến hành lang ven núi từ Vũng Rô đến đốc Phường. Anh chị em cán bộ chiến sĩ ngành giao bưu Phú Yên đã xông xáo làm nhiệm vụ và sát cánh cùng bộ đội chiến đấu oanh liệt, bảo vệ hàng hóa, đưa anh em thủy thủ về nơi an toàn - Nhiều đồng chí giao liên đã hy sinh trong trận này.

- Tháng 4 đến tháng 7.1965 được khu ủy, quân khu 5 và Liên tỉnh III chỉ đạo, Phú Yên phải đảm nhiệm phục vụ hậu cần và mọi điều kiện cho chiến dịch thuận mãn (Daklak). Đài VTĐ tỉnh ủy ngoài nhiệm vụ là đài hậu cứ, còn phải bố trí tăng cường điện báo viên cho đài VTĐ bộ chỉ huy tiền phương. Ban giao bưu lo khảo sát chọn địa điểm tập kết quân, kho tàng, xoi mở đường đưa đón bộ đội, hướng dẫn dân công vận chuyển hàng trăm tấn lương thực quân dụng, đạn dược, khiêng cán thương binh, phục vụ chiến đấu một cách đặc lực. Kết thúc chiến dịch thắng lợi, đài VTĐ và ban giao bưu được Bộ Tư lệnh phân khu Nam, Liên tỉnh III và tỉnh ủy biểu dương khen ngợi.

- Tháng 10.1965, tham gia chiến dịch Đông Xuân 19-5-1965-1966 do bộ tư lệnh phân khu Nam và Tỉnh ủy chỉ đạo. Mặc dù trong mùa mưa lũ, nước các sông, suối đều lên cao, đường giao thông liên lạc, vận chuyển đáp ứng nhu cầu chiến trường gặp muôn vàn khó khăn, trở ngại. Nhưng cán bộ chiến sĩ ngành luôn luôn bám sát nhiệm vụ, phục vụ bộ đội chiến đấu nhất là các trận đánh lớn, tiêu diệt quân nguy tại ga Gò mằm (Hòa Bình, Tuy Hòa 1), trận tiêu diệt trên 50 xe quân sự ở đèo Quán Cau (An Nghiệp, Tuy An), thu hàng tấn vũ khí, quân trang, quân dụng...

Tổng kết chiến dịch, ta đánh thiệt hại nặng chiến đoàn 47 chủ lực nguy, hỗ trợ quân chúng nổi dậy phá banh các khu đồn, giải phóng hầu hết các vùng nông thôn, đồng bằng thực hiện chính sách bồi dưỡng sức dân, phát triển thực lực cách mạng. Buộc địch phải co cụm vào thị xã, thị trấn, quận lỵ, chi khu, góp phần tích cực cùng toàn miền đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

c. Giao thông liên lạc phục vụ chỉ đạo chống ‘Chiến tranh cục bộ’ của Mỹ.

Để cứu vãn tình thế, Mỹ ồ ạt kéo quân xâm lược vào miền Nam nước ta, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ.

- Tháng 01.1966-1967: Một lực lượng lớn quân Mỹ và Nam triều Tiên đổ bộ vào Phú Yên liên tiếp mở các cuộc phản công chiến lược mùa khô, trong kế hoạch “5 mũi tên” chiến dịch: “Gian sơn xi ti, Vạn bua rem, A dam, Đống Đa”... mức độ đánh phá rất tàn khốc... Cán bộ chiến sĩ ngành giao thông liên lạc phải luôn luôn quần lộn với địch. Đài VTĐ theo sát Thường vụ Tỉnh ủy và bộ chỉ huy mặt trận chuyển nhận kịp thời hàng ngàn bức điện hỏa tốc, ưu tiên. Cán bộ chiến sĩ giao bưu bám đường bám dân, phối hợp chặt chẽ giữa các hệ thống giao liên hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp giữ vững liên lạc, chuyển đưa hàng vạn công văn tài liệu khẩn cấp, hướng dẫn dân công công gùi lương thực, vũ khí, đưa đón hàng vạn lượt cán bộ, bộ đội đi lại hoạt động, góp phần cho chỉ đạo đánh địch suốt 2 mùa khô 1965-1967, giành nhiều thắng lợi to lớn.

- Tháng 1- 3.1968: Cuộc tổng tấn công và nổi dậy đầu xuân Mậu Thân (1968) của quân và dân ta, mục tiêu chủ yếu là đánh thẳng vào trung tâm đầu não và lực lượng chủ lực của địch ngay trong sào huyệt của chúng. Ngành giao bưu phải khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện đáp ứng mọi nhu cầu TTLL trước trong và sau khi chiến dịch. Đài VTĐ tăng cường độ và năng suất lao động, rút bớt người mở

thêm đài thị xã phục vụ cho mặt trận trọng điểm, vừa tổ chức tự vệ phòng chống mọi sự phát hiện, đánh phá của địch, vừa bám máy giữ vững liên lạc nhận, chuyển mệnh lệnh kịp thời cho chỉ đạo. Anh chị em giao liên hợp pháp và nửa hợp pháp xông xáo trong lửa đạn, dẫn đường cho bộ đội đánh địch từng ngõ ngách trong thị xã, thị trấn, sân bay, kho tàng của địch, khôn khéo che giấu, cấp cứu thương binh và bằng mọi cách đưa anh em ra vùng giải phóng.

Qua hai đợt tổng công kích đầu xuân 1968, cán bộ chiến sĩ giao thông liên lạc Phú Yên đã dốc tâm lực, ý chí và xương máu của mình vào thắng lợi chung của quân và dân trong tỉnh - loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy một khối lượng lớn vũ khí, phương tiện chiến tranh của địch giải phóng nhiều thôn xã, đưa hàng vạn dân trở về làng cũ sinh sống.

- Năm 1965 đến năm 1968 là thời gian Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ. Cán bộ chiến sĩ giao thông liên lạc Phú Yên luôn luôn nỗ lực khắc phục gian khổ hy sinh, hoàn thành nhiệm vụ, phần đấu đạt được một số thành tích trên các mặt công tác sau đây:

Chuyển phát kịp thời:

- Công văn 445.388 cái, trong đó có 18.586 hỏa tốc, 9.924 thượng khẩn, 8.282 bảo đảm và 244.472 công văn thường, 164.124 thư.

- 250 bưu kiện, gói nhỏ.

- 37.834 thùng hàng, kiện hàng đặc biệt đóng kín của tỉnh ủy và tỉnh đội.

- Chuyển tiền: 1.455.298 đ.

- Đưa đón 85.127 lượt cán bộ, bộ đội, dân công.

- Ủng hộ cho cán bộ, bộ đội qua trạm: 2.134 kg lương thực, 70 kg thịt, cá và hàng trăm kg rau quả...

- Nuôi dưỡng cán bộ, bộ đội bị ốm nằm lại trạm 52 người với tổng số 685 ngày.

- Chăm sóc thuốc men, sơ cứu và đưa đến bệnh xá 40 người khác.

- Đào 32 hầm tránh phi pháo, 3 hầm bí mật.

- Vót 10.000 chông tre.

- Giết 15 tên giặc, trong đó có 1 lính Mỹ, 2 Nam Triều Tiên, 11 lính ngụy. Làm bị thương 1 lính Nam Triều Tiên.

d. Phục vụ TTLL cho chỉ đạo đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1974):

Trong thời gian này, địch đánh phá nhiều mặt với những âm mưu thủ đoạn rất thâm độc, làm cho hoạt động giao thông liên lạc gặp nhiều khó khăn, nhất là giao liên hợp pháp và nửa hợp pháp. Nhưng anh chị em luôn luôn kiên trì bám trụ sáng tạo, linh hoạt đối phó với địch, giữ vững TTLL phục vụ kịp thời cho chỉ đạo đánh địch đang cần quét cướp phá ở vùng căn cứ hoặc ngay trong đồn bót thị xã, thị trấn.

e.-Hệ thống mật danh trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước ở Phú Yên (Từ năm 1954, 1956, 1960, 1965, 1970

Tên mật danh Tên địa bàn

A15	Khu V
Dì Dư	Tỉnh Phú Yên
Hải Phòng	Tổng trạm
Cậu cả	Tỉnh đội
Cô 4	Tài mậu
Y 17?	Tuyên huấn
E100	Bệnh viện Hồ Tây
108	Bệnh viện Trúc Bạch
Y12	Huyện Tuy Hòa 2
Y13	Huyện Tuy An
Y11	TX Tuy Hòa
Y15	Huyện Đồng Xuân
Y16	Huyện Sông Cầu
Y14	Huyện Sơn Hòa
Y17	Huyện Miền Tây
H2	Trạm giao liên Ma chôi
H3	Trạm giao liên Ma Dú
H4	Trạm giao liên Kỳ Lộ
H5	Trạm giao liên Suối Ché
H6	Trạm giao liên Ma Đụt
H7	Trạm giao liên Suối Cau
H8	Trạm giao liên Trường Lạc
H9	Trạm giao liên Cà te (móc Gia Lai)
H19	Trạm giao liên Sông Hinh (Móc Khánh Hòa Đốc Mỗ)

f. TTLL phục vụ cuộc tấn công mùa xuân 1975 giải phóng hoàn toàn tỉnh Phú Yên:

- Tháng 01.1975, thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng “Khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện. Tổng tấn công giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà”.

Ngành giao bưu Phú Yên phối hợp với Ban Hành lang, Ban Kinh tài tỉnh và hậu cần Tỉnh đội, tổ chức thành 2 bộ phận: Một bộ phận bám sát các huyện đồng bằng, vận động nhân tài, vật lực, rút thanh niên bổ sung lực lượng vũ trang, chuẩn bị kho tàng, dự trữ lương thực, hàng hóa, Bộ phận thứ hai phóng tuyến mở đường từ Vân Hòa lên Buôn Hồ, giáp đường mòn Hồ Chí Minh, nhận một khối lượng

lớn hàng chi viện của Trung ương bằng sức người, ngựa, xe thô, nhất là mưu trí sáng tạo, dựa vào sức dân đưa được 2 xe ô tô chở vũ khí vượt qua nhiều đèo dốc hiểm trở và vượt qua sông Ba về đến căn cứ

Tháng 3.1975 địch thất thủ Tây nguyên, phần lớn lực lượng của chúng đều rút chạy theo đường số 7 từ Cheo reo xuống Thị xã Tuy Hòa, bị ta chặn đánh quyết liệt buộc chúng phải co lại thị trấn Củng

quốc lộ 1 thị trấn Phú Lâm.

Biết được tình hình trên, Bộ Chỉ huy mặt trận lệnh cho giao bưu Phú Yên cử cán bộ gấp rút lặn lội, lĩnh đường 5. Trong thời gian này, đài VTĐ theo sát bộ chỉ huy mặt trận, ngày đêm giữ chặt liên lạc với khu ủy, quân khu 5 và các đơn vị chủ lực để chuyển, nhận chỉ thị mệnh lệnh và phối hợp chỉ huy về nơi tập trung, phục vụ mọi nhu cầu của chiến trường.

Đến ngày giải phóng toàn tỉnh, ngành giao thông liên lạc Phú Yên bắt tay ngay vào việc tiếp quân thông tin liên lạc Bưu điện phục vụ cho ban quân quản và cấp ủy Đảng các cấp chỉ đạo, ổn định trật tự an ninh, đời sống vật chất, tinh thần và tình cảm của Nhân dân ngay trong những ngày đầu giải phóng.

đoàn từ miền Bắc, miền Trung vào nam cùng với quân dân Nam Bộ giải phóng toàn bộ miền Nam, làm nên chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Nguyễn Q.Trường ty VHTT Phú Khánh

VĂN HÓA THÔNG TIN TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MỸ

A. Văn hóa thông tin Phú Yên từ 1945-1954

1. Quá trình hình thành ngành VH và TT Phú Yên

Sau khi giành được chính quyền CM năm 1945 và thành lập UBHC lâm thời tỉnh Phú Yên do đồng chí Nguyễn Văn Nguyên làm chủ tịch và đồng chí Trương Kiểm làm phó chủ tịch, Ty TTTT tỉnh Phú Yên cũng được thành lập. Trụ sở của Ty lúc bấy giờ đặt tại căn nhà nằm trên đường Phan Đình Phùng ở TX Tuy Hòa ngày nay.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, TX Tuy Hòa chấp hành lệnh cấp trên tiến hành tiêu thổ kháng chiến vào cuối 1946. Ty TTTT phải tản cư, rồi chuyển đi nhiều nơi : Tuy Hòa, An Dân, An Định (Tuy An), Xuân Thọ (Sông Cầu), Xuân Sơn (Đồng Xuân)... và đến ngày đình chiến năm 1954 thì về đóng tại vùng 3, xã An Định (Tuy An), lúc bấy giờ Ty cũng như các bộ phận làm việc của Ty đều ở trong nhà dân.

Các đồng chí lãnh đạo của Ty qua các thời kỳ từ 1945-1954:

1/ Đầu tiên do đồng chí Nguyễn Hoàng (quê ở Thừa thiên (Huế) bút danh Vĩnh Mai - nhà thơ CM- chiến sĩ cộng sản, tù cảm tử chính trị của thực dân Pháp trở về hoạt động ở TX Tuy Hòa trước ngày tổng khởi nghĩa) lúc đầu là Phó chủ tịch UBHC lâm thời Phủ Tuy Hòa về làm trưởng ty TTTT tỉnh, khoảng tháng 10/45 đồng chí lên làm Chủ tịch UBHC lâm thời Phủ Tuy Hòa và vẫn kiêm nhiệm làm trưởng Ty. Đầu năm 1946, đồng chí điều về xứ ủy trung bộ rồi sau đó về Trung ương.

2/ Tháng 2-1946 đồng chí Nguyễn Duy Trinh, phó chủ tịch kiêm ủy viên trưởng kiểm duyệt UB TTTT Trung bộ (sau đổi là Sở) cử nhà giáo Bùi Xuân Các (quê ở Quảng Trị) đang làm trưởng ty kiểm duyệt sở TTTT Trung bộ về làm trưởng ty TTTT Phú Yên thay đồng chí Nguyễn Hoàng về công tác tại xứ ủy Trung Trung Bộ.

3/ Vào khoảng giữa năm 1947, tỉnh cử đồng chí Lê Văn Phú (quê ở TX Quảng Ngãi) trước CM tháng 8 làm ở Bưu điện Tuy Hòa về làm trưởng Ty TTTT Phú Yên thay đồng chí Bùi Xuân Các sang làm hiệu trưởng trường Lương Văn Chánh. Và anh Đặng Ngọc Cư (quê ở xã An Dân, huyện Tuy An) nguyên là một giáo viên trường tư đã về làm Phó trưởng ty TTTT Phú Yên.

4/ Giữa năm 1949, đồng chí Lê Văn Phú được điều về công tác tại LK5 thì đồng chí Nguyễn Chính (quê ở Hòa thắng, huyện Tuy Hòa) được điều về làm trưởng ty TTTT Phú Yên và đồng chí Phạm Ngọc Cư quê ở xã An Dân (Tuy An) vẫn tiếp tục giữ chức Phó trưởng ty.

5/ Khoảng giữa năm 1952 đồng chí Nguyễn Chính được tỉnh điều về làm Bí thư huyện ủy Tuy An, đồng chí Nguyễn Tiết quê ở Thừa Thiên Huế, đang công tác UBKCHC Phú Yên được tỉnh điều về làm trưởng Ty TTTT Phú Yên và đồng chí Phạm Ngọc Cư vẫn giữ chức phó trưởng ty TTTT Phú Yên cho đến ngày đình chiến năm 1954.

Sau này còn có thêm đồng chí Đặng Hương (quê ở xã An Thạch, huyện Tuy An) được điều về công tác biên tập (tại Ban II của Ty) sau làm Tổng biên tập tờ báo “Sức mới” trực thuộc Ty TTTT Phú Yên. Tờ báo ra đời và tồn tại cho đến ngày đình chiến 1954.

Nhằm giúp cho công tác điều hành chỉ đạo Ty lúc này hình thành các ban và bộ phận sau :

- Ban I: gồm có Bộ phận Hành chính quản trị chuyên lo việc ăn, ở (đời sống) việc di chuyển và phương tiện làm việc do đồng chí Võ Văn Xâu phụ trách

- Ban II: gồm có nhiều bộ phận:

a) Bộ phận biên tập tin tức, báo chí, văn nghệ, hội họa, nhiếp ảnh, in ấn, cổ động...do đồng chí Đặng Ngọc Cư (Phó trưởng ty) và đồng chí Đặng Hương phụ trách chung

b) Bộ phận Tuyên truyền cổ động: Ngoài việc lo việc Tuyên truyền cổ động, xây dựng các đội Tuyên truyền cổ động, Tuyên truyền xung phong, Tuyên truyền xung kích, Tuyên truyền tuyến kháng chiến của tỉnh, và cho cả huyện và xã, đôn đốc, giúp đỡ các tổ phát thanh ở xã do đồng chí Lê Quang Chuẩn (quê ở Nam bộ) phụ trách và một số cán bộ khác như Lê Đình Nghĩa, Hồ Nguyên Hãn, Phạm Lạo, Lê Địa...(đồng chí Lê Quang Chuẩn tức Năm Vạn có năng khiếu về TT và bóng chuyền; đồng chí Hồ Nguyên Hãn (tức Nguyên Hồ) có năng khiếu về sáng tác, thơ ca, hò vè, cùng với đồng chí Lê Địa (quê ở Hòa Hiệp) đồng chí Nguyễn Đình Nghĩa có năng khiếu về âm nhạc; đồng chí Phạm Lạo có năng khiếu biểu diễn văn nghệ, nhất là hò bài chòi, nói lối...).

d) Bộ phận chép tin đọc chậm hàng ngày do đài Tiếng nói Việt Nam - Hà Nội phát đi do đồng chí Ân - sau đó điều về Thông tân xã Liên Khu 5 và đồng chí Lê Đức Tường (quê ở Hòa Vinh, huyện Tuy Hòa) cùng một số anh em khác. Lúc này tỉnh trang bị cho một máy nổ và một radiô điện, đặt tại nhà bà Phó Chín - ở Mỹ Long thuộc xã An Dân (Tuy An) và tại vùng 3 xã An Định (Tuy An) làm công tác tuyên truyền.

e) Bộ phận in li-tho (Thạch bản) do đồng chí Hùng và đồng chí Hồ Nguyên Hãn (quê ở Hòa Thắng Tuy Hòa) (riêng đồng chí Hồ Nguyên Hãn có năng khiếu vẽ trên bàn đá) và một số anh em khác như Võ Sáu (Xuân Long), Khiết (An ninh-Tuy An)..vv mà chủ yếu là in các bản tin (lúc này là tờ Thông tin) phát hành xuống tận cơ sở xã, thôn...

f) Bộ phận nhiếp ảnh do đồng chí Đồng Văn Bạch (quê ở Nam bộ) cùng một số anh em nhiếp ảnh khác.

g) Bộ phận hội họa gồm có Ngô Xuân Sanh (em ruột nhà thơ Xuân Diệu) cùng đồng chí Đặng Phiên (em ruột Đặng Ngọc Cư) quê ở An Dân, Tuy An), và đồng chí Nguyễn Ngọc Bửu.

h) Bộ phận in báo do xưởng in Tú Phương (gọi nhà in Tú Phương do đồng chí Võ Kính (em ruột Võ Chấn) quê ở TX Tuy Hòa phụ trách cùng một số công nhân như đồng chí Ngô Văn Nhâm quê ở ngõ Khâm Thiên, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội; đồng chí Nguyễn Thành quê ở Mỹ xá, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh cùng một số anh em khác. Nhà in được trang bị một máy in cỡ nhỏ-chỉ in bằng một tờ giấy manh-hiệu Minewe (anh em thường gọi là Mi-nét) với khoảng 60-70 chữ chì các loại, chuyên dùng để in báo, in truyền đơn, áp phích, in lời kêu gọi binh địch vận, biên lai tổng động viên....

Ban III: Tức Ban Nghiên, Kiểm, Huấn (nghiên cứu, kiểm tra, huấn luyện đào tạo cán bộ ngành) do đồng chí Đình Từ, Cao Văn Hoạch phụ trách cùng một số đồng chí khác như đồng chí Triệu Bá Tường, đồng chí Nhung, Hùynh Phước Thiện (Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa), Nguyễn Thử (An Ninh, Tuy An)..

Về mặt tổ chức Huyện và xã:

Lúc đầu ở huyện có phòng TTTT huyện thì ở xã là Ban TTTT xã. Đến ngày toàn quốc kháng chiến thì tỉnh Phú Yên chia làm 6 chiến khu:

Chiến khu 1: Nam Tuy Hòa

Chiến khu 2: Bắc Huyện Tuy Hòa

Chiến khu 3: Huyện Tuy An
Chiến khu 4: Huyện Sơn Hòa
Chiến khu 5: Huyện Đồng Xuân
Chiến khu 6: Huyện Sông Cầu

Cuối 1947, Ty lo việc sắp xếp lại ngành ở các huyện và xã với tên gọi:

ở huyện : Phòng TTKC huyện

ở xã : Ban TTKC xã

Để giúp cho cơ sở chỉ đạo lúc này, Ty cử cán bộ về phụ trách các huyện, thị như sau:

- 1) Đồng chí : Cao Hữu Đống làm trưởng phòng TTKC huyện Đồng xuân và Sông Cầu
- 2) Đồng chí Lê Duy Hình làm trưởng phòng TTKC huyện Tuy An
- 3) Đồng chí Cao Văn Hoạch về làm trưởng phòng TTKC huyện Tuy Hòa 1 và Tuy hòa 2 rồi sau đó đ/c Định Từ về làm trưởng phòng thay đ/c Cao Văn Hoạch về nhận công tác tại UBKC HC tỉnh Phú Yên
- 4) Đồng chí Trương Phước Tự về làm trưởng phòng TTKC huyện Sơn Hòa
- 5) Đồng chí Ông Văn Diếu về làm trưởng phòng TTKC TX Tuy Hòa (TX Tuy Hòa có lúc gọi là xã Hòa An - thuộc huyện Tuy Hòa hiện nay).

Vào thời điểm lúc bấy giờ toàn tỉnh có 4 huyện thị với 47 xã đồng bằng và 8 xã miền núi). Riêng thị xã Tuy Hòa có lúc gọi là xã Hòa An thuộc huyện Tuy Hòa như đã nói trên (Tuy Hòa: 15 xã; Tuy An: 14 xã; Đồng Xuân: 10 xã; Sơn Hòa: 8 xã)

Các cơ quan từ tỉnh đến huyện, xã đều ở trong nhà dân, do nhân dân nuôi dưỡng, (vì lúc bấy giờ không có phụ cấp). Mãi đến cuối năm 1953 khi tiến hành giảm tô, giảm tức, thu thuế nông nghiệp, tịch thu ruộng đất, công điền, công thổ, ruộng đất của bọn Việt gian bán nước...chia cho dân cày...thì mới có phụ cấp, bồi dưỡng chút ít cho cán bộ chủ chốt ở tỉnh và huyện.

2. Phương tiện hoạt động của ngành Văn hóa thông tin lúc bấy giờ.

Phương tiện, trang thiết bị rất ít và lạc hậu. ở tỉnh: Chỉ có xưởng in nhỏ Tú Phương, mấy bàn đá để in Li-tho, một máy đánh chữ, 1 máy nổ, 1 radiô điện. Còn ở huyện chỉ có một máy đánh chữ, có huyện lại không có phương tiện không được như bây giờ nhưng đem lại hiệu quả tuyên truyền cao. Còn phương thức hoạt động thì rất phong phú, đa dạng, hấp dẫn...được cán bộ nhân dân hưởng ứng.

Đặc biệt là biết coi trọng TT cả chiều rộng lẫn chiều sâu: Khẩu hiệu, panô, apphích, tranh ảnh, triển lãm, truyền đơn... đến các chòi phát thanh cao, nhà thông tin ở các thôn xóm. Có xã xây nhà TT xây hình lục giác lợp tranh, bên trong trang trí tranh ảnh, có báo chí, tập san văn nghệ, khẩu hiệu, thơ ca ngắn; tại các xóm, nơi tập trung thì có chòi phát thanh (có thành lập tổ phát thanh) thường chọn những anh chị em có giọng nói rõ ràng, hấp dẫn, có chất thuyết phục, ngồi trên chòi cao dùng loa (làm bằng trái bầu dài khô) súc hết hột trong ruột, có nơi làm bằng thiếc (lấy thiếc ở thùng đựng dầu hỏa

hiệu con “gà cồ” cũ làm loa để đọc các bản tin tức, báo, thông cáo, ca dao, thơ, người tốt, việc tốt. Có lúc dùng lối hỏi đáp để mô tả sự việc, những điển hình tốt trong chiến đấu, lao động sản xuất, xây dựng xóm thôn, nếp sống mới bài trừ hủ tục mê tín dị đoan, phòng gian bảo mật. Đặc biệt là hình thức TT miệng có tác dụng rất tốt trong những lúc gặp gỡ trò chuyện, trong các buổi hội họp, trong những đêm ca kịch.; những nơi công cộng, ngã ba các trục giao thông...; xây dựng những cụm panô, xây dựng những bản tin cao 1m5, dài 2m, trét đất hoặc xây gạch, quét vôi trắng, trên có mái che để viết khẩu hiệu, ca dao, vè, nhằm động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo từng giai đoạn Cách mạng.

Để đẩy mạnh các mặt công tác, Ty cho xuất bản tờ báo “Chiến thắng” cuối năm 1945, tờ báo “Cứu quốc” năm 1948, tờ “Sức mới” từ 1951 đến ngày đình chiến 1954, và các tập san văn nghệ “Mùa đông binh sĩ”, “sáng tác nông thôn”, “hồn trẻ” (do nhà văn Ngô Tịnh Hà, em ruột nhà thơ Xuân Diệu, làm thư ký tòa soạn) của phân hội văn nghệ kháng chiến Phú Yên. Ngoài ra còn có các tờ báo “Phấn đấu” của ban tuyên huấn tỉnh ủy Phú Yên, tờ “Chí trai” của liên trung đoàn 803, tờ “công đoàn” của LHCD tỉnh, “công lý” của tòa án, “cảnh vệ” của công an, “trẻ” của Đoàn thanh niên cứu quốc nhằm tập hợp và phổ biến những câu ca dao, hò, vè nhân dân yêu thích.

“Con cò bay lả bay la

Bay xuống lưới gỗ, bay qua gò Mâm

(Lưới Gỗ ở xã Hòa Hiệp; Gò Mâm ở xã Hòa Bình)

Bay về xóm mới Hòa Xuân

Hỏi xem mô lũ thực dân nơi nào?

Hoặc bài vè:

Hỡi anh đi đường cái quan

Dừng chân đứng lại em than vài lời

Mau mau nhập ngũ anh ơi

Công việc đã có chị tôi ở nhà

Chị tôi đi chợ đàng xa

Mua thanh kiếm bén làm quà tặng anh...

Bám vào các nhiệm vụ chiến lược lúc bấy giờ là kháng chiến và kiến quốc tức là một mặt phá hoại, một mặt kiến thiết - phá hoại để ngăn địch, kiến thiết để đánh địch... ta phải hiểu và phải cho nhân dân hiểu rằng cuộc kháng chiến rất gay go, cực khổ. Dù phải rút khỏi các thành phố, ta cũng không cần. Ta sẽ giữ tất cả nông thôn (văn kiện HCT ngày 5-1-1946); một mặt kiến quốc ra sức xây dựng củng cố chế độ mới.

Chính vì vậy, ngay từ đầu, ta đã phát động phong trào toàn dân đẩy mạnh sản xuất với khẩu hiệu “tác đất tác vàng”. Chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, để ổn định đời sống, giúp đỡ những nơi bị đói:

“Ai về Nam định, Ninh Bình

Gởi cho năm gạo mỗi tình miền Trung”

(lúc này còn tuyên truyền vận động nhà nào cũng có hũ gạo “cứu đói”, tiếp đến có “hũ gạo” nuôi quân, mỗi ngày nấu ăn bớt một nắm gạo bỏ vào hũ để giúp đồng bào những nơi bị đói và nuôi dân

quân tập trung xã sẵn sàng chiến đấu). và là hậu phương cho 2 tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk bị địch chiếm đóng, đồng thời đáp ứng nhu cầu kháng chiến lâu dài.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch về “chống giặc dốt”, những lớp bình dân, học vụ mở đều khắp ở các xã, thôn, nhằm xóa mù cho quần chúng nhân dân; hưởng ứng “tuần lễ vàng”, các gia đình khá giả góp từ 1 lạng đến 2 lạng vàng, nhiều chị em nông dân đã góp đôi hoa tai duy nhất của mình

“Đeo vàng nặng cổ nặng tai
Đem ra giúp nước, ngày mai huy hoàng”

Rồi đến “Tuần lễ đồng” để sản xuất vũ khí (nhân dân tự nguyện đóng góp cả lư hương, đèn đồng, nồi đồng, thu được hàng trăm tấn).

Đồng thời phát động toàn dân đánh giặc, thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, đập phá thành phố Sông cầu, thành phố Tuy Hòa, các công sở kiên cố của địch để lại, phá cầu, phá đường, đập ụ chướng ngại vật, thực hiện khẩu hiệu “vườn không nhà trống”, bất hợp tác với địch, bao vây kinh tế địch, bài trừ hàng ngoại hóa, xa xỉ của địch.

Hỡi cô mặt áo “sơn đằm”
(loại vải láng đen của Pháp)
Lại đây cho tớ nhủ thăm mấy câu
Hàng mình tơ lụa thiếu đâu?
Đem che mình ngọc mang màu thực dân”

hoặc “giặc đến nhà trẻ già cũng đánh”, đẩy mạnh cao trào tòng quân, giết giặc cứu nước, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Nay tình thế nước nhà nguy biến
Anh ơi! đừng quyến luyến vợ con
Làm trai trả nợ nước non
Xung phong vào vệ quốc đoàn mùa đông

Phong trào xây dựng cuộc sống mới “Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư”, chống tham ô, quan liêu, cửa quyền, hách dịch, bài trừ các thói hư, tật xấu, hủ tục, mê tín dị đoan nhằm nhí, cờ bạc, rượu chè, đĩ điếm, hút xách được triệt phá; Phong trào 3 sạch: “ăn sạch, uống sạch, ở sạch”; phong trào 3 diệt: “Diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chấy, rận rệp; phong trào “phòng gian bảo mật cũng được toàn dân nhiệt liệt hưởng ứng. ở các quán ăn đều có dán khẩu hiệu:

“ở đây tai vách mạch rừng
Chuyện đi công tác xin đừng bàn đây”.

Do đó suốt cuộc trường kỳ kháng chiến chống Pháp ở Phú Yên không xảy ra vụ gián điệp, biệt kích, hoặc oanh tạc của máy bay địch.

Phong trào “mùa đông binh sĩ” nhằm quyên góp tiền vải may quần áo ấm tặng bộ đội, “hội mẹ binh sĩ” nhận bộ đội làm con nuôi. Kết quả là hàng trăm gia đình nhận nuôi hàng trăm con em từ vùng bị chiến Khánh Hòa ra ở, ăn học, trưởng thành rồi trở về quê hương tham gia chiến đấu, công tác.

Không ngừng mở rộng mặt trận đại đoàn kết toàn dân (kinh, thượng, lương giáo, nhân sĩ, trí thức...) trong mặt trận “Việt minh” rồi “Liên Việt” (Liên hiệp quốc dân Việt Nam) thực hiện lời dạy Bác Hồ “Đoàn kết, Đoàn kết đại Đoàn kết, Thành công, Thành công, đại Thành công” đẩy mạnh phong trào thi đua ái quốc do Hồ Chủ tịch phát động và đã xuất hiện nhiều gương sáng:

- Nữ thanh niên Nguyễn Thị Cam (quê ở xã Xuân Quang 2 huyện Đông Xuân ngày nay) một mình dắt 3 ngựa chở 200 kg hàng, luồn qua đồn bốt địch, mặc cho đường trơn, chị vác gạo leo dốc, một năm chị phục vụ chiến trường 300 ngày. Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 1952 tuyên dương chị là chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Thầy giáo Lê Thông, quê ở Hòa Quang, (TX Tuy Hòa ngày nay) được tuyên dương là chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 1952 và được nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú. Hiện nghỉ hưu tại Thị xã Tuy Hòa.

Đội TTKC huyện Tuy Hòa và đội TTKC xã Hòa Trị (thuộc TX Tuy Hòa ngày nay) được tặng bằng khen do đ/c Lưu Thọ, giám đốc Sở TT Trung trung bộ ký và Huyện Tuy Hòa cũng được UBHCKC LK5 tặng bằng khen).

Ngoài ra, trong công tác xây dựng Đảng còn đẩy lên phong trào thi đua xây dựng chi bộ Đảng tự động công tác, xây dựng xã kiểu mẫu trong nhân dân như ở xã Cấp tiến (xã Hòa kiến ngày nay), xã Hòa Xuân huyện Tuy Hòa; xã Ngọc Quyển (xã Xuân Lộc, Sông Cầu ngày nay), ngoài ra còn ở một số xã khác ở Đông Xuân, Sơn Hòa cũng được cấp trên công nhận xã kiểu mẫu.

Phong trào VHVN cũng được tổ chức sâu rộng, đều khắp: Huyện nào, xã nào cũng đều tổ chức đội văn nghệ nghiệp dư, đội ca kịch kháng chiến, với nội dung tự biên, tự diễn thể hiện bằng bài chòi, thơ ca, kịch ngắn, vè, nhằm vận động thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước lúc bấy giờ, nổi bật là TX Tuy Hòa như đội ca kịch k/c của Lê Lợi, Hoàng Hữu Nam bán vé thu hàng ngàn đồng để ủng hộ kháng chiến.

Đoàn tuồng cổ do Ty TT quản lý cùng các đoàn tuồng tư nhân của Bầu Nụi, của gánh hát Ca-Chạng... đã góp phần đáng kể vào lĩnh vực tuyên truyền cổ động lúc bấy giờ, góp phần chung vào cuộc kháng chiến trên mặt trận văn hóa.

Khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” cùng nội dung tập sách “kháng chiến nhất định thắng lợi” của đ/c Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng ta lúc bấy giờ đã thôi thúc, khơi dậy lòng yêu nước, chí căm thù địch sâu sắc, truyền thống đấu tranh bất khuất của cha ông, lòng tự hào dân tộc, tự hào về Đảng cộng sản quang vinh, về Bác Hồ kính yêu, tin tưởng vững chắc ở thắng lợi cuối cùng đánh thắng giặc Pháp xâm lược cùng bè lũ tay sai bán nước. Riêng đoàn tuồng của tỉnh do Ty quản lý đã tự giải tán trong chiến dịch “át lãng” năm 1954.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp góp phần giải phóng đất nước, Ty TTTT Phú Yên với lực lượng khá đông đảo, với những phương thức hoạt động khá đa dạng, hấp dẫn đặc biệt là “tuyên truyền miệng” nội dung có chất lượng tốt, chọn lọc công phu (qua báo chí, văn nghệ, tin tức), quyết giữ vững vùng tự do, làm tròn nhiệm vụ là hậu phương của 2 tỉnh Khánh Hòa và Đắc Lắc cả nhân tài, vật lực...

Cảm kích trước tinh thần đoàn kết, chiến đấu sắt son giữa hậu phương với tiền tuyến, lúc bấy giờ nhân dân truyền nhau câu ca dao:

“Sông Ba chảy xuống Đà Rằng
Ai thương Đắc Lắc cho bằng Phú Yên
“Phú Yên tình nặng nghĩa dày
Khánh Hòa nhớ mãi biết ngày nào quên!”

B. Văn hóa thông tin ở Phú Yên trong kháng chiến chống Mỹ từ 1954 - 1975

1. Văn hóa thông tin vùng Mỹ Ngụy tạm thời kiểm soát

a) Sau khi ta chuyển quân tập kết theo Hiệp định Giơnevơ 1954, từ cuối tháng 8/1954, Chính quyền ta không còn nữa. Ty TTTT Phú Yên cũng chấm dứt hoạt động. Đảng ta rút vào hoạt động bí mật.

Từ đầu tháng 9/1954, địch dựng lên bộ máy tay sai bán nước do tên Lương Duy ủy (quê ở Bình Định) làm Tỉnh trưởng và tên Lam Giang làm Trưởng ty thông tin Phú Yên.

- ở Ty có 4 bộ phận giúp việc: HCQT, Khánh tiết; Kế hoạch; Kỹ thuật.

- ở cấp Huyện: có chi TT quận (không gọi huyện)

- ở cấp Xã: có Ban Thông tin Xã

Đến năm 1962 thì có Ty chiêu hồi; sau một thời gian 2 ty sát nhập, rồi lại tách ra, tiếp đến có ty dân vận - Chiêu hồi và, tồn tại đến ngày Phú Yên giải phóng 1-4-1975.

b) Các thiết chế Văn hóa, Thông tin

- Có tờ báo Núi Nhạn in khổ lớn 4 trang - Vì không độc giả nên chỉ tồn tại trong thời gian ngắn

- Có Đài phát thanh (đặt ở chỗ trụ sở làm việc của HĐND tỉnh bây giờ) - nằm trên đường Duy Tân) và bị ta đánh phá vào Tết Mậu Thân 1968 cũng từ đó chấm dứt hoạt động luôn.

- Có bản tin (gửi tận Ban TT Xã)

- Xuất bản tập thơ “Núi Nhạn”.

- Có máy thu hình (gọi là máy thu hình áp chiến lược) tiếp sóng ở Đài Truyền hình Nha Trang (Khánh Hòa) và phát trên máy bay theo thời gian đã quy định.

- Thư viện (ở góc 2) chung với Trường Trung tâm Tu nghiệp đặt ở phường 4 (Tx. Tuy Hòa) - bây giờ là Hội trường UBND phường tư (đối diện với Sở VH TT bây giờ).

- Đoàn Văn Công thuộc Tỉnh đoàn Xây dựng Phú Yên ; Các đoàn Bình Định nông thôn, tâm lý chiến, gián điệp Thiên Nga, Phụng Hoàng...

Với những nội dung rất phản động nhằm chống phá một cách quyết liệt tàn khốc, hòng chia cắt vĩnh viễn đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự, thuộc địa kiểu mới của Mỹ: Nào là thực hiện “tố cộng diệt cộng”, dồn dân lập ấp, nào là đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật theo

luật 10/59; nào là “diệt lằm hơn thả sậy”, nào là “Trung cầu dân ý”, gieo rắc “lối sống gấp”... cùng sách báo phim, ảnh đồi trụy, hồng lũng đoạn tư tưởng đồng bào ta, gây mất lòng tin đối với chế độ, đối với Đảng và Bác Hồ kính yêu.

Ngoài ra còn có những đoàn hát tư nhân như đoàn “Hưng Thạnh” (1968), đoàn tuồng “Mỹ Hiệp”, “Thanh Vân”, “Phú An” với những vở tuồng như : “Anh hùng đất Việt”, “Tô Chi Mai về quê ngoại”, “Ngọc Triều bạo chúa”, “Chàng thanh niên tóc bạc”, “Tam nữ đô vương”...

- Có đội chiếu bóng nhưng hoạt động rất hạn chế...

Tất cả những hoạt động trên đây chỉ có lúc đầu (khoảng từ 1960) - Càng về sau càng rời rạc dần dần mất tác dụng nhất là từ sau cuộc tấn công và nổi dậy của ta vào Xuân Mậu Thân năm 1968.

2. Văn hóa và Thông tin của Chính quyền cách mạng

a- Tổ chức bộ máy:

Lúc đầu chỉ có một số ít đ/c như: Hồng Nhật do Tỉnh ủy phân công, Mười Phong (quê ở Quảng Nam), Ma Treo (sau hy sinh ở Ma Dú, 1957), Đinh Từ (Tám Tuyết), Nguyễn Kinh (tức Bô, quê ở Xuân Quang 3 - Đồng Xuân ngày nay), Lê Chí (quê ở An Xuân - Tuy An) đều nằm trong Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Phú Yên.

Cuối năm 1959, khi đ/c Lương Thúc Mậu (Tám Yên) về và từ đó về sau cho đến ngày giải phóng Phú Yên đã hình thành các tiểu ban (hay bộ phận) như: Tiểu ban TT Văn nghệ (bao gồm tờ báo, bản tin “tin tham khảo”) tiếp nhận qua đài Tiếng nói Việt Nam - Hà Nội đọc chậm hàng ngày), đội vũ trang tuyên truyền, nhà in, đội Văn Công, đội chiếu bóng, hội họa, nhiếp ảnh, văn nghệ, có bộ phận TTX được trang bị đài 15W để đưa tin các mặt cả phía trước và phía sau cho thông tấn xã khu 5 và TTX Việt Nam Hà Nội do đ/c Nguyễn Phùng phụ trách cùng các đ/c Nguyễn Văn A (Hòa Bình 1, huyện Tuy Hòa), đ/c Thiều Đình Tân (quê miền Bắc) chuyên sử dụng máy, đ/c Ngọc Kỳ, Hữu Quả, Vũ Đảo (đều ở miền Bắc), Đỗ Văn Nhân (TTX VN) quê ở Hải phòng và đã hy sinh năm 1969.

- Bộ phận ấn loát gồm các đ/c: Đinh Từ (Hòa Hiệp - Tuy Hòa), Nguyễn Kinh (tức Bô) (ở Xuân Quang 3, Đồng Xuân), Lê Chí (An Xuân, Tuy An), Dương Minh Thắm (quê ở Quảng Nam), Nguyễn Ngọc Trân, Đinh Phước Đáo, Cao Minh Cải (Hòa Thịnh- Tuy Hòa), Nguyễn Hữu Tụ (Xuân Phước - Đồng Xuân, Phan Minh Sum (Bình Kiến), Lê Trung Lý (Hòa Tân - Tuy Hòa), Huỳnh Ngọc Lưu (Hòa Hiệp - Tuy Hòa) chuyên lo in Báo, Bản tin, truyền đơn, áp phích, lời kêu gọi, các loại biên lai cho Tài chính tỉnh. Lúc đầu in litho. Từ 1960 trở về sau in typô (chữ đúc).

+ Tiểu ban Huấn học, Trường Đảng gồm các đ/c Đặng Kiểm Ba (Tuy Hòa), Bùi Châu (An Xuân - Tuy An), Hai Hựu (Tuy Hòa), Đỗ Thơm (Hòa Xuân - Tuy Hòa), Lê Văn Lục (Hòa Quang - Tuy Hòa) cùng một số đ/c khác chuyên lo mở lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị và công tác lúc bấy giờ. Đến năm 1973 tách khỏi Ban tuyên huấn).

+ Tiểu ban Giáo dục: do đ/c Nguyễn Chu (Nam Đà) - Hòa Bình 1- Tuy Hòa, đ/c Đào Thế Lữ (Hòa Thắng, Tx. Tuy Hòa), đ/c Nguyễn Cách (An Mỹ - Tuy An) cùng một số đ/c khác. Đến năm 1973 cũng tách khỏi Ban Tuyên huấn.

Tất cả các ban nói trên đều nằm trong Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Phú Yên) (Y.17) do Ban Chỉ đạo. Ngoài ra còn có bộ phận Văn phòng (HCQT) do đ/c Trần Bảo Thúc (Hòa Bình 1 - Tuy Hòa) phụ trách; Các tiểu ban ngoài chuyên môn phải lo sản xuất để tự túc, tự cấp nhất là khi vùng giải phóng

được mở rộng, đặc biệt là sau chiến dịch “Hải Yến” năm 1964 - làm phá sản “Chiến tranh Đặc biệt” của bọn Ngụy quyền tay sai bán nước.

- ở cấp huyện thì phân công 1 đ/c chuyên trách về VH TT (nằm trong Ban Tuyên huấn Huyện, Thị ủy)

- ở cấp xã thì cũng phân công 1 cán bộ chuyên trách về VH TT nằm trong Ban Tuyên huấn (ở những xã đã được giải phóng); còn ở những xã tạm thời địch còn kiểm soát thì phân công 1 đ/c chuyên trách nằm trong đội công tác (mũi công tác).

Riêng Tiểu ban Tuyên truyền, báo chí, văn nghệ, văn công, chiếu bóng... vẫn tiếp tục nằm trong Ban Tuyên huấn cho đến ngày Phú Yên hoàn toàn giải phóng.

b- Hoạt động và phân công của Tiểu ban Tuyên truyền, văn nghệ:

a. Lúc đầu do đ/c Phan Văn Nguyên (quê ở Bình Kiến, Tuy Hòa) phụ trách. Cuối năm 1967, đ/c Lương Thúc Mậu (Tám Yên) Trưởng ban TH Tỉnh ủy hy sinh, đ/c Phạm Văn Nguyên bị địch bắt tại gò sân (Tuy Hòa 2), thì đ/c Nguyễn Phùng (quê ở xã Xuân Quang 3 - Đồng Xuân) được phân công làm Trưởng tiểu ban TT Văn nghệ chuyên trách về tờ báo và bản tin (cả TTX qua đài Minh Ngữ).

Tờ báo lúc này chỉ vồn vẹn có mấy đ/c (Nguyễn Phùng, Trần Thiện Lục, Bằng Tín, Trương Bá Sán, sau thêm đ/c Lương Thúc Quý (vừa lo công tác văn nghệ, do đ/c Nguyễn Phùng chịu trách nhiệm chung. Kế thừa tờ báo “Đoàn kết” trong những năm 1957, tờ báo “Giải Phóng” ra đời từ 1960 cho đến ngày Phú Yên giải phóng 1-4-1975. Lúc đầu khổ tờ báo chỉ bằng tờ lịch bỏ túi (in litho) dần dần bằng trang vở học sinh, rồi 1/2 tờ giấy manh tiến dần lên bằng tờ giấy manh, rồi 2 tờ 8 trang, in litho, từ sau 1970 in typo; từ in một màu sau in 3 màu (đen, xanh, đỏ) phục vụ cho đồng bào trong tỉnh, các ngày lễ, ngày Tết Nguyên Đán ra hàng tháng với số lượng từ 50 tờ đến 300 tờ mỗi kỳ; không những phục vụ cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ trong tỉnh mà còn giao lưu với các tỉnh bạn : Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam, ĐakLak, KonTum và còn gửi cho báo “Cờ Giải Phóng” Khu 5 và báo “Nhân Dân” ở Hà Nội. Đội ngũ cộng tác viên cũng khá đông đảo gồm số anh em trong các cơ quan ở tỉnh, các đơn vị bộ đội, các đội công tác như nhà thơ Văn Công, Thanh Quế, Trần Vũ Mai, Hoàng Tất Thắng, Nguyễn Lừa, Lê Quang Chiêu, Lê Thị Lan Anh, Hương Giang, Phương Lan, Phương Yến, Hà Thành, Đông Thụ, Cao Cường...

- Bản tin ra mỗi tuần 1 số gửi xuống các xã bao gồm nhiều mặt hoạt động cả phía trước và phía sau. Một số đ/c tham gia như : Lương Thúc Quý (quê ở Hòa Hiệp - Tuy Hòa), Vũ Trung Uyên (quê ở An Định - Tuy An), Lê Địa... do đ/c Quý phụ trách. Thỉnh thoảng tổ chức thi sáng tác về thơ văn... viết về gương người tốt, việc tốt, những mẫu chuyện đấu tranh (vừa lo đánh địch phía trước, giành giữ dân, vừa lo xây dựng phía sau - vùng căn cứ giải phóng. Những tác phẩm hay đều được đăng ở báo Giải phóng, những bài thơ hay được in thành tập và gửi xuống cơ sở.

- Đội vũ trang tuyên truyền gồm một số đ/c như: đ/c Trịnh Quốc Bình (quê ở Hòa Phong - Tuy Hòa 1),

đ/c Nguyễn Trung Thành, Thiên Đình Tân, Lê Đức Nhụy (quê miền Bắc), Triệu Chính Duật... luôn sâu vào vùng tranh chấp, sát nách địch, thúc tỉnh đồng bào vùng dậy đấu tranh đòi cơm áo, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi các quyền dân sinh dân chủ, diệt những tên ác ôn gây nhiều nợ máu. ở một số huyện cũng có đội vũ trang tuyên truyền như ở Tuy Hòa 1, đội vũ trang TT do đ/c Mười Đạt chỉ huy đã thọc sâu vào vùng địch diệt tên Y Chi (ở Hòa Mỹ - Tuy Hòa), diệt tên Nguyễn Ân (Hòa Xuân - Tuy Hòa) có nhiều nợ máu với nhân dân, làm cho quân chúng rất phấn khởi còn bọn ác ôn rất hoang mang sợ hãi.

- Từ 1962, các Đội văn công ở Tỉnh ủy và Tỉnh đội được thành lập. Đến cuối 1967, Hai đội này sát nhập làm một: lấy tên đội Văn Công giải phóng Phú Yên với nhiều tiết mục tự biên, tự diễn đi phục vụ khắp nơi, không những ở vùng căn cứ giải phóng mà cả vùng tranh chấp sát nách địch. Ngoài ra còn phục vụ cho các kỳ hội họp lớn - Từ 1970 có trang bị máy nổ. Các đ/c Nguyễn Văn Long (quê ở Tuy Hòa), đ/c Trần Thế Linh (quê ở Tuy An), đ/c Bùi Văn Nhĩ (quê ở Xuân Phước - Đông Xuân), Nguyễn Ngọc Thừa... được phân công làm đội trưởng. Nhiều tiết mục tuồng như : “Ngọn lửa Hồng Sơn”, “Trần Bình Trọng”, “Tuy Hòa Đông khởi”, nhiều vở dân ca kịch như “Gia đình má Bảy”, “Ông Táo quân”, “Tám ảnh đánh rơi” nhiều câu bài chòi về “Tám gương chị Lý”, về “Lưu Văn Liêu đánh sập cầu Ngân Sơn” (Tuy An) chiến thắng Củng Sơn... đã được đông đảo cán bộ, chiến sĩ, đồng bào hưởng mộ.

Ngoài đội Văn Công của tỉnh, ở một số xã vùng căn cứ giải phóng cũng có đoàn ca kịch không chuyên giúp vui trong các cuộc hội họp nhưng rất hạn hữu.

Các đoàn hát tư nhân của đoàn Bầu Nụi, Bầu Nừng ở Tuy Hòa 1, các đoàn tuồng Mỹ Hiệp, Thanh Vân, Phú An của Bầu Cua, Bầu Tường ở Tuy Hòa 2 TX Tuy hòa, các gánh hát bài chòi của Xanh, Sứ, Bốn Hương...vv cũng góp phần đáng kể trong lĩnh vực này.

Đội chiếu bóng có từ năm 1965 và trên đường đi phục vụ đồng bào, chiến sĩ ở Tuy hòa 1 đã bị địch phục kích hy sinh tại xã Sơn Thành vào cuối năm 1967 và đến đầu năm 1972 được miền Bắc chi viện gồm các đồng chí: Ngô Đông Kí, Miên, Tấn, Nghĩa, Nhật, Ban, An (quê ở miền Bắc) riêng đồng chí chuyển lo máy nổ cùng các đồng chí Hồng, Long, Thị, Sự. Đội được trang bị máy nổ chạy xăng đã từng phục vụ đồng bào, chiến sĩ nhiều nơi trong tỉnh với những bộ phim “Đời hoạt động của Bác Hồ”, “Nguyễn Văn Trỗi”, “Nổi gió”, “Chị Tư Hậu”, “Nghêu, sò, ốc, hến”, “Lửa trong tuyến”...làm náo nức người xem. Đội chiếu bóng do đồng chí Miên phụ trách và hoạt động cho đến ngày Phú Yên giải phóng 1-4-1975.

- Bộ phận hội họa, nhiếp ảnh: Về hội họa có các đ/c Trần Tấn Nông (bút danh Hồng Sơn, quê ở Bình Kiến, Tx. Tuy Hòa ngày nay), đ/c Nguyễn Thành (bút danh Diệu Hiền, quê ở Hòa Trị, Tx. Tuy Hòa ngày nay) - khắc gỗ có đ/c Nguyễn Tấn Đích quê ở Sông Cầu, cùng đ/c Nguyễn Ngọc được Khu tăng cường chuyên lo phục vụ cho tờ báo, trang trí các kỳ đại hội, các cuộc hội họp... khẩu hiệu, truyền đơn, áp phích, tranh cổ động...

Về nhiếp ảnh thì có đ/c: Nguyễn Hưng Bưu (quê ở Tuy Hòa), Lê Minh Hoa (quê ở Hòa Định, Tx. Tuy Hòa ngày nay), Hà Bình, Tấn Ba... và đến năm 1972, Khu tăng cường thêm một số để phục vụ cho việc ký kết Hiệp định Paris năm 1973 - và chuẩn bị việc tiếp quản thị xã Tuy Hòa và Phú Yên sau ngày giải phóng thị xã Tuy Hòa - Phú Yên 1-4-1975...

Suốt trong quá trình hoạt động, các binh chủng trên đây - thuộc lĩnh vực Văn hóa và Thông tin đã nắm chắc và bám sát vào nhiệm vụ trung tâm của Đảng và Nhà nước theo từng giai đoạn trong sự nghiệp cách mạng “không gì quý hơn độc lập tự do”, “quyết đánh Mỹ, dám đánh Mỹ và thắng Mỹ”, quyết đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, kiên cường bám trụ “một tất không đi, một ly không rời”, thực hiện 4 chống: “chống càn, chống đồn dân, chống đói, chống đầu thú, đầu hàng”, không mắc mưu địch, giữ vững niềm tin, giữ vững ý chí cách mạng :

“Đồng bào Xuân Phước, Xuân Quang

Hy sinh thì chịu, đầu hàng thì không”

Báo chí, truyền đơn, khẩu hiệu thơ ca, hò vè... đã tác động quần chúng nổi dậy phá tan nhiều âm mưu đây tội ác của địch, kịp thời uốn nắn tư tưởng bị quan dao động:

Vì để đời xuân hiến tuổi xuân !

Sá chi ngục thất ngại chi rừng

Miền tròn nghĩa vụ cùng non nước

Để đặng ngày mai hạnh phúc chung

Trước trò hề “Trung câu dân ý” với mưu đồ lấp sông Bến Hải, chia cắt vĩnh viễn đất nước ta, truất phế Bảo Đại nhiều nơi trong tỉnh, truyền đơn cách mạng đã rải ngay trong trụ sở Hội đồng hương chính, nơi thùng phiếu của địch.

Với chính sách “tố Cộng, diệt Cộng” của kẻ thù ta đã lãnh đạo nhân dân với nhiều hình thức : Triệu không đi, tới không tố hoặc buộc phải tố thì chỉ nói đến công ơn Đảng; hoặc tố những tên tay sai mà trước đây đã đầu thú, đầu hàng giặc...

Nhiều nơi trở thành “diễn đàn” để quần chúng kể về công ơn Đảng; Bác Hồ hoặc gây ồn ào, mất trật tự, vạch trần tội ác của Mỹ - Diệm...

Vận dụng phương châm đấu tranh “Hoa nở trong lòng” (Dùng nòng cốt lực lượng bên trong nổi dậy được sự hỗ trợ đắc lực bên ngoài). Kết quả chúng ta phá banh nhiều khu đồn nhiều áp chiến lược đưa dân về làng cũ làm ăn ổn định cuộc sống.

Với khẩu hiệu “Đi không dấu, nấu không khói, nói không to” cùng với việc xây dựng các khu tử địa vè đầu lâu xương chéo” đã góp phần lớn bảo vệ an toàn nơi ăn, chốn ở của cơ quan, đơn vị, những nơi ta thường đi lại, cất dấu kho tàng.

Những tổ vũ trang tuyên truyền diệt ác, phá kềm thọc sâu vào vùng địch diệt những tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân như diệt tên Nguyễn Cường (Thống Cường) ở Xuân Phước, diệt tên Y - Chi ở Hòa Mỹ (Tuy Hòa), diệt tên Nguyễn Ân (ở Hòa Xuân), diệt tên Đi, áp trưởng ở Phú Tân (Tuy An) tên Lâm Tấn Đạt Cuộc cảnh sát Tuy Hòa... làm cho quần chúng rất phấn khởi, còn kẻ địch thì hoang mang khiếp sợ.

Từ khi có Nghị quyết 15 TW, ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh bằng 2 chân 3 mũi giáp công (đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và binh địch vận) khắp 3 vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng, đô thị) đã làm thất bại nhiều chiến lược, sách lược của địch, từ “tố cộng, diệt cộng” đặt cộng sản ra ngoài vòng

pháp luật, “xúc tác đồn dân, lập ấp chiến lược, “tìm diệt, bình định”, “tát nước bắt cá”, giết sạch đốt sạch, phá sạch, đánh bại chiến tranh đặc biệt, rồi Việt Nam hóa chiến tranh (thay màu da trên xác chết), nhiều cuộc đấu tranh nhập quận, nhập tỉnh của đồng đảo quần chúng, của những “đội quân tóc dài” đòi các quyền dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ rút về nước, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Phong trào rã ngũ hàng loạt, một số nơi đã nổi dậy quay súng bắn vào bọn chỉ huy ác ôn hiếu chiến, mang súng trở về với nhân dân.

ở những vùng căn cứ giải phóng, bằng chất độc hóa học, bằng bom đạn, các cuộc càn quét “Mỹ bò, Mỹ lết” nhằm hủy diệt hoa màu, hủy diệt cuộc sống, nhưng với khẩu hiệu, “Tác đất tác vàng”, ta làm địch phá, địch phá ta làm, địch lại phá, ta lại làm; Địch phá ngày, ta lại làm đêm” mà tác giả H.T đã minh họa trong bài “KL kiên cường bất khuất” đã được báo giải phóng Phú Yên, báo Cờ giải phóng của Khu 5 và Báo Nhân dân Hà nội đăng tải trước đây (viết về một xã ở Đông Xuân) kiên cường trụ bám giữ vững màu xanh cho quê hương suốt cuộc trường kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; “quyết trồng sẵn thành rừng, quyết ăn sẵn thay cơm”.

...”Quyết tâm trồng sẵn thành rừng
Mỹ thua ta thắng vang lừng tiếng thơ
Quyết lòng ăn sẵn thay cơm
Mỹ thua ta thắng tiếng thơ vang lừng”

Thế là sẵn được trồng khắp mọi nơi: Kết quả đã tự túc một phần lương thực trong nhân dân và ở một số cơ quan, đơn vị...

Từ những cuộc vũ trang tuyên truyền diệt ác phá kềm đầu tiên nổ ra từ 1958, đến cuộc đồng khởi Hòa Thịnh (Tuy Hòa) năm 1960, việc giải thoát luật sư Nguyễn Hữu Thọ 1961, cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1968 cùng với cuộc tháo chạy hỗn loạn từ Tây Nguyên của quân đoàn II trên đường 5 anh hùng cùng với gương sáng: Bà Má Hòa Đồng (Tuy Hòa) nằm cản xe tăng giặc không cho dẫm nát hoa màu, tay không diệt địch của cô gái Tuy Hòa (một mình đã diệt một tên lính bảo an và 2 tên lính Nam Triều Tiên, nên đã có câu:

“Tiếng đồn cô gái Tuy Hòa
Tay không diệt địch gần xa biết tài”

Đó cũng là những dấu son của quân và dân Phú Yên làm nên chiến thắng, giải phóng Phú Yên góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đồng thời biết khơi dậy lòng yêu nước nồng nàn, lòng tự hào dân tộc, biết phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của cha ông, tinh thần “quyết chiến, quyết thắng” của dân tộc Việt Nam anh hùng, luôn giữ vững niềm tin đối với Đảng và Bác Hồ kính yêu.

Sau ngày Phú Yên được giải phóng 1- 4 -1975 ta tiến hành tiếp quản Ty TT và chiêu hồi của địch, tịch thu văn hóa đồi trụy phản động, xé cờ ba que, khẩu hiệu của địch..., vận động nhân dân trở về làng cũ làm ăn, khai hoang, phục hóa để sớm ổn định cuộc sống, giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chính quyền Cách mạng.

Tháng 5-1975, Ty Thông tin Văn hóa Phú Yên được thành lập do đ/c Nguyễn Phùng (quê ở Xuân Quang 3 - Đồng Xuân) làm Trưởng ty... Ngoài tờ báo Giải Phóng, Bản Tin hàng tuần, Đoàn Văn Công giải phóng, đội chiếu bóng, Nhà in như trước đây thì giờ đây có thêm Thư viện các đ/c Dương Thái Nhơn (quê ở Hòa Thịnh - Tuy Hòa), đ/c Nguyễn Như, Tuyết Mai cán bộ bổ sung thêm, do đ/c Dương Thái Nhơn phụ trách. Sau đó được đoàn cán bộ tỉnh Hải Dương (tỉnh kết nghĩa với Phú Yên trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước) vào giúp đỡ một phần cả về trang thiết bị lẫn nghiệp vụ với hàng nghìn quyển sách (do đồng bào Hải Dương đóng góp), Thư viện đi vào hoạt động. Tên “Thư viện Hải Phú” bắt đầu từ đó. Và cũng để ghi nhớ lại mối tình gắn bó thủy chung giữa đồng bào 2 tỉnh Phú Yên và Hải Dương kết nghĩa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đầy gian khổ. Nhằm để phục vụ đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, đặc biệt vùng nội ô thị xã Tuy Hòa, Ty thông tin văn hóa tiến hành xây dựng Đài Truyền thanh (nằm trên gác 2), số nhà 51 đường Duy Tân với hàng trăm loa gia đình và công cộng, dài gần 5 cây số đường dây do các đ/c: Thị Chiến, đ/c Kỳ, đ/c Tuyên... do nữ đ/c Chiến phụ trách, sau đó giao lại cho thị xã Tuy Hòa tiếp tục hoạt động cho đến ngày nay...

Tháng 8- năm 2000

Nguyễn Chu (Nam Đà)

Nhà giáo ưu tú Nguyên Trưởng ty Giáo dục Phú Yên

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO Ở PHÚ YÊN TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MỸ

Phần mở đầu:

Lược qua việc học hành ở Phú
Yên trước cách mạng Tháng Tám
1945

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, 95% dân số Phú Yên mù chữ. Thời kỳ Pháp thuộc. Pháp mở 5 trường tiểu học có 5 lớp: lớp đồng ấu (lớp 1), lớp dự bị (lớp 2), lớp sơ đẳng (lớp 3), lớp nhì nhất niên, nhì niên (lớp 4), lớp nhất (lớp 5), 30 trường sơ học có ba lớp: đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, và một số trường có 2 lớp: đồng ấu, dự bị, chưa có trường trung học.

- Trường tỉnh mở ở Sông Cầu năm 1920 và năm 1923 mới có lớp nhì, lớp nhất. Trường do các ông Tôn Thất Dương Thanh, Trần Sĩ, Trần Xuân Hoàn làm Hiệu trưởng.

- Trường tiểu học phủ Tuy Hòa thành lập năm 1920 tại thị xã Tuy Hòa, năm 1923 mới có lớp nhì. Trường do các ông Tôn Thất Dương Thanh, Hoàng Minh Vui, Trần Sĩ làm Hiệu trưởng. Đến năm học 1929 - 1930 mới có lớp nhất.

- Trường tiểu học phủ Tuy An mở năm 1920 tại Ngân Sơn, xã An Thạch do thầy Lâm Diệu Anh, người Huế làm Hiệu trưởng. Đến năm 1932 mới có lớp nhì do ông Ngô Hưởng làm Hiệu trưởng.

- Trường tiểu học huyện Đồng Xuân mở năm 1937 tại La Hai

- Trường tiểu học Bàn Thạch (xã Hòa Xuân Đông) mở năm 1940 do ông Phan Văn Thiện làm Hiệu trưởng.

Những người có bằng tiểu học trở lên đếm trên đầu ngón tay. Lê Hoàng Hà đậu tiểu học Pháp Việt đầu tiên ở Huế năm 1920.

- Quách Đình Liên đậu năm 1921 tại Huế, được hưởng lễ vinh quy, làm Hiệu trưởng trường Phú Thứ.

- 1922: Phan Ngọc Thành, Huỳnh Tấn Dung (Hiệu trưởng trường Phú Thứ), Trần Bính, Đặng Tín, Trương Tấn Tiếp.

- 1923: Võ Thị Trang, Đoàn Thuật, Cao Văn Minh.

- 1924: Phạm Tấn Khích, Ngô Phụng Hàm, Nguyễn Như, Nguyễn Đệ.

- 1925: Huỳnh Ảnh, Lê Nguyên Thắm, Huỳnh Thượng Thạch, Phan Thanh, Huỳnh Nhâm, Trần Sĩ.

- 1926 : Lê Kinh Hứa, Nguyễn Khiêm, Huỳnh Khinh, Đặng Nhơn, Phan Thanh Cưu, Lê Cú .v.v...

- Người đậu thành chung đầu tiên 1929: ông Trần Sĩ, 1930: ông Huỳnh Thượng Thạch.v.v. Đào Sĩ đầu 1942.

- Người đậu tú tài đầu tiên: Nguyễn Tích, Trần Kỳ Doanh 1939: ông Trần Ngũ Phương, 1943: ông Trần Suyên .v.v...

Phần thứ nhất:

Hoạt động giáo dục đào tạo
ở Phú Yên trong kháng
chiến chống Pháp (1945-
1954)

A. ở vùng cách mạng:

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, và giành được chính quyền, UBNDCM lâm thời tỉnh Phú Yên do đồng chí Nguyễn Văn Nguyên làm Chủ tịch và đồng chí Trương Kiểm làm phó Chủ tịch, Tỉnh lỵ vẫn đóng ở Sông Cầu. Năm 1946 dời về Tuy Hòa dân số 280.000, tỉnh đổi phủ Tuy Hòa và Tuy An làm huyện Tuy Hòa, Tuy An. Đầu năm 1949: dân số tăng lên 298.000.

Ông Trần Xuân Hoàn được cử làm Trưởng ty tiểu học và Bình dân học vụ Phú Yên 1945 - 1946. Ông Nguyễn Đức Ràng: Trưởng ty tiểu học năm 1946-1947. Đến ngày toàn dân kháng chiến thì tỉnh Phú Yên chia làm 6 chiến khu: chiến khu 1: nam Tuy Hòa, chiến khu 2: bắc Tuy Hòa, chiến khu 3: Tuy An, chiến khu 4: Sơn Hòa, chiến khu 5: huyện Đồng Xuân, chiến khu 6: huyện Sông Cầu, ông Phạm Ngọc Quế làm Trưởng ty tiểu học 1947-1948.

Năm 1946 tách Bình dân học vụ ra khỏi Ty Tiểu học và tỉnh cử ông Võ Hồng làm Trưởng ty Bình dân học vụ cho đến tháng 9-1948, sau đó ông Nguyễn Chi Thống làm trưởng ty Bình dân học vụ Phú

Yên cho đến tháng 12-1952. Cuối năm 1952 sáp nhập ty Bình dân học vụ vào ty tiểu học do ông Trần Sĩ làm Trưởng ty Giáo dục phụ trách cấp 1, cấp 2 và Bình dân học vụ. Từ năm 1946, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Phú Yên đã nhất tề đứng lên đánh giặc thực hiện lời dạy của Bác: diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Với khẩu hiệu “tay súng tay bút”, “tay cày, tay bút” khắp nơi trong tỉnh đã dấy lên phong trào học tập rất sôi nổi.

a. Tiểu học: Năm học 1945-1946 có 35 trường và 222 hương trường (chưa tính trường ở 101 buôn). Năm 1946, Ty Tiểu học Phú Yên mở nốt một số hương trường ở các thôn trong tỉnh còn lại. Sau đó mở thêm lớp nhì, lớp nhất ở các trường sơ học.

Đội ngũ cán bộ giáo viên:

Ngạch tự học: (đậu thành chung) như : Ngô Thị Nga, Phạm Ngọc Ân, Võ Thị Cam, Đặng Thị Cao, Đặng Náo, Trần Sĩ, Ngô Hưởng, Nguyễn Thị Thảo.v.v... dạy lớp nhất.

Trợ giáo: (tam tứ niên) như: Phạm Bôn, Đỗ Như Bút, Hồ Dốc, Nguyễn Kim Đài, Nguyễn Thị Sắc, Nguyễn Bình, Cúc Phương .v.v... dạy lớp nhì.

Hương sư: dạy ở trường tổng, trường làng như: Ngô Lưu, Đặng Chí Thân, Nguyễn Chu, Nguyễn áo, Nguyễn Hương, Đỗ Như Băng, Huỳnh Khanh, Huỳnh Ngưu, Trần Ngọc Anh, Trần Nhiêm, Lê Đình Khôi, Võ Tâm Tư, Lê Hàm, Lê Thúc Chiên, Trịnh Địch, Nguyễn Long, Nguyễn Ngọc Anh, Lê Phụng Kỳ, Đỗ Nhữ Dạy, Trương Tấn Mỹ, Tạ Trung Thanh, Nguyễn Chấn, Lê Duy Hinh, Lê Duy Tường, Nguyễn Châu, Nguyễn Ngọc Châu, Huỳnh Lâu, Phan Văn Hiệu, Phan Văn Nguyên, Nguyễn Hân, Tạ Tấn Tây, Lê Thống, Thái Phụng Kỳ .v.v... dạy lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng.

Số lượng cán bộ mỗi trường:

Năm 1945: mỗi trường tiểu học một Hiệu trưởng dạy cả ba lớp

- Trường tiểu học: mỗi trường ngoài Hiệu trưởng có thêm số lượng giáo viên tương ứng theo số lượng lớp.

- Hiệu trưởng kiêm công tác văn phòng

- Có một công nhân viên phục vụ quét dọn trường, lớp, chuyển công văn v.v...

Mỗi lớp có từ 30 - 50 học sinh. ở vùng sâu, vùng xa, miền núi số lượng học sinh mỗi lớp ít hơn, bình quân 41- 42 học sinh.thực hiện lớp đồng ấu dự bị ghép.

Điều đáng nói là ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, thông cảm với khó khăn của Chính phủ, nhiều thầy, cô giáo tiểu học Phú Yên đã tự nguyện dạy không lương một thời gian. Có một số thầy giáo vào bộ đội như thầy Huỳnh Nhứt, Lê Phụng Kỳ (liệt sĩ, thiếu tá) v.v... Đặc biệt là thầy Nguyễn áo (Nguyễn Thanh Hà) đại đội trưởng du kích đã từng đưa hai trung đội chi viện cho chiến trường Hóc Chim, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa trong vòng một tháng, đã gây cho địch bao nỗi kinh hoàng.

Năm 1946 mỗi giáo viên mới được 15 kg gạo. Năm này tỉnh hợp các thôn nhỏ thành xã lớn lần thứ nhất: 47 xã người kinh và 8 xã người các dân tộc thiểu số. Căn cứ theo số lượng xã, ty tiểu học chọn những Hiệu trưởng có học vị cao, có uy tín cử làm Liên hiệu trưởng phụ trách các liên trường trong 55 xã.

Lấy trường tiểu học hoàn chỉnh đủ 5 lớp tại trung tâm trụ sở xã làm trụ sở liên trường. Ngoài liên hiệu trường, có số giáo viên trường tùy theo số lớp, 1 nhân viên phục vụ chung : vệ sinh, quét dọn trường, chuyển công văn cho các trường v.v... công việc này có lúc nhờ học sinh.

Trường tiểu học ở mỗi thôn có 2 hoặc 3 lớp có Hiệu trưởng dạy một lớp, một số giáo viên, một nhân viên phục vụ.

Trường tiểu học thôn nào đông học sinh thì mở thêm trường tiểu học hoàn chỉnh như liên trường Hòa Bình có hai trường tiểu học hoàn chỉnh ở Phú Thứ, Phước Mỹ v.v...

Mỗi tháng có hai cuộc hội nghị liên trường bàn công tác luân phiên ở các trường thôn.

Tất cả giáo viên chia ra theo khối lớp soạn bài tập thể cho tháng sau. Giáo viên thực hiện giảng dạy đúng theo chủ trương của Chính phủ, đúng theo chương trình của Bộ quốc gia Giáo dục người khá nâng đỡ người kém, người kém học tập người khá. Do đó mà việc dạy học thu được kết quả mỹ mãn.

Nhiệm vụ của trường tiểu học 5 lớp là dạy theo chương trình của Bộ. Học xong lớp nhất thi tiểu học cụ thể. Trong kháng chiến chống Pháp, ở Tuy Hòa thi tại liên trường Hòa Quang.

ở Tuy An: thi tại An Định (điểm trường Trung học Lương Văn Chánh) Tháng 6 - 1949 là kỳ thi tiểu học cụ thể cuối cùng. Sau đó cứ theo học bạ, học xong lớp nhất, thi lên lớp đệ nhất niên trường Trung học Lương Văn Chánh.

Chương trình giảng dạy: theo chương trình của Bộ, dạy theo tiếng Việt, tài liệu, sách giáo khoa thiếu thốn nhất là ở lớp nhất. Ví dụ:

Sử: trước đó dạy Sử Pháp : Nos ancêtres étaient le Gaulois: tổ tiên chúng ta là người Gô-loa, hay dạy theo Sử Trần Trọng Kim.

Địa dư: dạy địa lý Phú Yên của ông Kiểm học Nguyễn Đình Cẩm và ông Trần Sĩ : Trường ty Giáo dục Phú Yên soạn ra trước đó dạy Géographie Foncin; nay dịch ra tiếng Việt.

Toán: trước dạy Arithmetique Brachet, nay dịch ra tiếng Việt.

Tập đọc: trước dạy quyển “Livrrre Uruque”, nay dạy theo sách tiếng Việt. Tóm lại tất cả các môn đều học bằng tiếng Việt. Dần dần mới đủ tài liệu, sách giáo khoa ; bản đồ cách trí, bản đồ địa lý. Mỗi trường có một học cụ khổ do thầy trò tìm kiếm sưu tầm tập hợp để học, chưa có dụng cụ thí nghiệm như hiện nay.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Ủy Ban kháng chiến hành chính tỉnh ra lệnh tiểu thủ kháng chiến ở thị xã Tuy Hòa và các huyện. Trường ngồi trên các trục giao thông đều bị phá hoại. Ngày 16-1-1947 mặt trận Đèo Cả vỡ, tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp đóng ở núi Hiêm, xã Hòa Xuân Nam làm cho ngành tiểu học bị xáo trộn lớn.

Số lớp tụt xuống còn 82 với 104 thầy, cô giáo, 4.826 học sinh. Kỳ thi tốt nghiệp tiểu học 1946-1947 chỉ có 343 học sinh dự thi, phần lớn là học sinh lớn tuổi. Giữa những năm 1947, Tỉnh ủy và UBKCHC tỉnh đặt vấn đề củng cố và phát triển tiểu học, thành lập Hội bảo trợ học vụ, kêu gọi nhân

dân ủng hộ công của và tạo điều kiện cho con em đi học, mời giáo viên cũ trở lại nhà trường, sửa chữa và xây dựng trường mới.

Năm học 1948 - 1949 số liên trường, số trường tiểu học tăng lên 136, có 275 giáo viên, 11.300 học sinh, bình quân 41 học sinh/lớp, có cả học sinh vùng bị chiếm Khánh Hòa ra học. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh mở trường đào tạo giáo viên, chỉ đạo soạn sách và dạy theo chương trình hướng dẫn của Bộ Quốc gia Giáo dục.

Năm học 1949 - 1950 nhân dân đóng góp 450.000đ và đài thọ lương thêm 47 thầy, cô giáo 65 liên trường. (Số trường tăng lên 186) có 13.450 học sinh bằng 1/3 số trẻ em đến tuổi đi học) bình quân 42 học sinh/lớp. Trường ít học sinh, trường miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo; một giáo viên dạy hai lớp ghép (đồng ấu, dự bị) hoặc ba lớp ghép (đồng ấu, dự bị, sơ đẳng).

Lúc kháng chiến thì cất trường tranh tre hoặc mượn trường Bình dân học vụ đình hoặc chùa hoặc nhà khoán, nhà dân hoặc mái hiên nhà dân v.v... để dạy - (số điểm dạy học nhiều không được). ở điểm dạy học vẫn theo chương trình từng lớp. Phương tiện dạy học khó khăn hơn.

Được thông tin thời sự là một yêu cầu thiết tha của nhân dân. Ngoài việc dạy tiểu học và bình dân học vụ, anh chị em giáo viên còn đảm nhận công tác thông tin văn hoá ở địa phương mình dạy. Chiều anh chị em dùng loa làm bằng vỏ bầu khô hoặc bằng sắt tây hoặc bằng giấy cuộn tròn leo lên chòi gác báo động máy bay, đọc tin tức cho bà con nghe. Anh chị em còn tham gia sáng tác văn nghệ. Thầy và trò tự biên, tự diễn đi phục vụ các phong trào của địa phương.

Trong kháng chiến gian khổ như vậy, thầy và trò vẫn giảng dạy và học tập nghiêm túc. Lúc bấy giờ tuy nhiều trường chưa ra trường, lớp chưa ra lớp nhưng vẫn thực sự thầy ra thầy, trò ra trò. Trên bảng đen của lớp học, hằng tuần đều có ghi câu cách ngôn để giáo dục đạo đức cho học sinh. Nền nếp dạy và học không vì chiến tranh mà bị xem nhẹ trái lại vẫn được duy trì thường xuyên. Trường phải đào hầm giao thông hào để tránh máy bay, có keng báo động khi địch càn hoặc khi phi pháo từ biển bắn vào. Dù gian khổ như thế, nhiều thầy, cô giáo vẫn bám trường, bám lớp biết dựa vào chi ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính địa phương, Hội đồng nhân dân, mặt trận, các đoàn thể, cha mẹ học sinh hoặc các đơn vị bộ đội đóng quân ở địa phương vận động người góp công, người góp của để xây dựng lại trường sở lúc bị địch bắn cháy. Tiêu biểu cho tinh thần lao động cần cù, hết lòng hết sức xây dựng sự nghiệp giáo dục là thầy giáo Lê Thông, chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 1952, được Nhà nước phong tặng danh hiệu “ Nhà giáo ưu tú ” Thầy giáo Nguyễn Chu, chiến sĩ thi đua tỉnh năm 1952 được Nhà nước phong tặng danh hiệu “ Nhà giáo ưu tú ” năm 1994.

Lúc địch càn thì thầy trò nghỉ dạy và học, hết càn thì học lại. Năm học 1947-1948, đ/c Phạm Ngọc Quế, Tỉnh ủy viên làm Trưởng ty Tiểu học Phú Yên đã chỉ thị cho đồng chí Nguyễn áo, Đỗ Như Bãng, Nguyễn Chu, Huỳnh Lâu và Lê Thông phụ trách phát triển đảng trong các liên trường ở huyện Tuy Hòa. Sự kiện này đã làm chuyển biến mạnh mẽ tư tưởng của các thầy, cô giáo, phát triển nhiều đảng viên vừa chuyên vừa hồng, đồng viên được tinh thần thi đua yêu nước hai tốt (dạy tốt - học tốt) trong toàn ngành. Sau hơn một năm, liên trường nào cũng có đảng viên sinh hoạt ở chi bộ xã. Cũng trong thời gian này, một yêu cầu đặt ra là cần phải nâng cao trình độ giáo viên để có thể đảm nhận các lớp nhì, lớp nhất. Ty tiểu học đã đặt vấn đề phân công các thầy, cô giáo tự học soạn bài bồi dưỡng cho giáo viên đang dạy lớp ba, lớp nhì tại lớp sư phạm hè ở Sông Cầu hoặc Tuy Hòa. Các thầy, cô giáo thường

nói đùa một cách dí dỏm, cách làm đó chỉ là “com chấm com” mà thôi. Vì nhiều khi thầy cũng không hơn trò là bao nhiêu. Thế nhưng trên thực tế, anh em đã tự học hoặc học thêm tại chức ở trường trung học Lương Văn Chánh (sẽ nói sau) để ngày càng nâng cao trình độ của mình. Nhờ vậy nên dạy có chất lượng. Trong hai năm học 1948 - 1949 học sinh tốt nghiệp tiểu học chiếm tỉ lệ rất cao. Có trường tốt nghiệp gần 100%. Tháng 6 - 1949 là kỳ thi tiểu học cuối cùng. Năm 1950 cải cách giáo dục lần thứ nhất: Cấp 1: 4 lớp (1-4); Cấp 2:3 lớp (5-7); cấp 3:2 lớp (8 và 9).

Sau cải cách giáo dục, năm học 1952-1953, tính trọn trong năm, có hai lần nghỉ hè (mùa) tháng 5, 6 và 11, 12. Học sinh đủ điểm thì được bình nghị xét cho lên lớp (theo học bạ). Học hết cấp 1 không thi. Muốn học lên lớp 5 (cấp 2) phải qua một kỳ thi tuyển (concours). Nhưng không vì thế mà học sinh lơ đãng việc học. Phải nhận thấy rằng học sinh thời ấy có một tinh thần học tập khá cao.

Ngày 20-1-1954 với chiến dịch Atlan (Atlente), địch đưa 24 tiểu đoàn càn từ 3 hướng càn qua 55 xã trong tỉnh Phú Yên. Từ một tỉnh tự do của Liên Khu Phú Yên 5 đã biến thành một chiến trường lớn. Toàn tỉnh phải đóng cửa trường hoặc phải dời đến địa điểm khác. Địch càn qua rồi, trường dạy lại. Công tác bố phòng cảnh giới được chú trọng nhiều hơn để đảm bảo việc dạy và học.

Giai đoạn này có một số trường tư thực như: trường tư thực công giáo Trường Vĩnh Ký ở Măng Lăng, xã An Thạch, huyện Tuy An; Trường tư thực Nguyễn Âm Ninh ở xã An Ninh, huyện Tuy An do thầy Nguyễn Thúc Cửu làm Hiệu trưởng và một trường tư thực ở xã Hòa Bình, huyện Tuy Hòa do thầy Nguyễn Bình làm Hiệu trưởng.

Tại Hội nghị thi đua của tỉnh năm 1952: Lê Thông; Trần Xuân Nam; Huỳnh Diêu; Nguyễn Châu; Nguyễn Chu; Lê Tuấn Kiệt được bầu là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Các thầy giáo Lê Thông, Trần Xuân Nam, Huỳnh Diêu, Nguyễn Châu được cử đi dự Hội nghị thi đua Liên Khu 5, Đồng chí Lê Thông được bầu là chiến sĩ thi đua Liên Khu 5, đi dự Hội nghị thi đua toàn quốc và được bầu là chiến sĩ thi đua toàn quốc.

B. Bình dân học vụ

Nhân dân Phú Yên cũng như nhân dân cả nước hưởng ứng rất mạnh mẽ lời kêu gọi của Bác Hồ ngày 8/9/1945 và việc thành lập Nha Bình dân học vụ lo việc thanh toán nạn mù chữ . Các trường đã thực hiện khẩu hiệu một hội đồng hai nhiệm vụ. Các thầy cô giáo ngày hai buổi dạy trường tiểu học vừa dạy BDHV vào buổi trưa hoặc buổi tối. Họ mạnh dạn cải tiến cách học vần, vỡ lòng cũ, chuyển lối học a, b, c sang lối học i, t (tờ). Về mức đích đạt kết quả biết chữ nhanh chóng. Họ dùng nhiều thủ thuật giúp trí nhớ để cho trẻ em, người lao động có thể hiểu mau chóng bài học.

Những câu vần về, diễn ca đã được đặt ra và sớm được phổ cập trong phong trào truyền bá quốc ngữ:

i, t (tờ) có móc cả hai.
i ngắn có chấm, t (tờ) dài có ngang,
o tròn như quả trứng gà
ô thì đội mũ, ơ già mang râu
o, a hai chữ khác nhau

Vì a có cái móc câu bên mình v.v....

Và học 5 dấu bằng về cũng dễ nhớ.

Huyền (˘) ngang, sắc (/) dọc, nặng (.) tròn

Hỏi (?) lom khom đứng, ngã(~) buồn nằm ngang

Câu ca dao:

Lấy chồng biết chữ là tiên

Lấy chồng dốt đặc là duyên con bò.

Rất phổ biến thời bấy giờ ở Phú Yên. Các lớp BDHV xóa mù chữ mở ra mọi nơi: trên bờ ruộng, ở bến đò, trước hiên nhà và trên đình chùa. Đi chợ học, làm ruộng học, tát nước học. Học trên lưng trâu bò, trên cát, tại bếp. Người đi học dùng than củi hoặc sắn khô viết lên bảng gỗ, nền nhà, lấy que tre viết trên khay cát. Dùng lá chuối non phơi khô thay giấy. Thời gian học là buổi trưa hoặc buổi tối sau khi cơm nước xong. Tiếng trống, tiếng keng là hiệu lệnh. Người biết chữ dạy người chưa biết chữ, cha dạy con, chồng dạy vợ, cháu chỉ cho bà, em bày anh hoặc ngược lại. Người học thảng trước dạy người bắt đầu đi học. Nong nia quét vôi trắng, viết chữ cái dựng trên các đường đi. Đi chợ viết chữ trên nón, trên đòn gánh. Nam nữ thanh niên giăng dây đỏ chữ trên các ngã ba đường đến chợ.

Bình dân học vụ

Rủ hết các nơi

Lớp học giữa trời

Có người đứng hỏi

Người nào học giỏi

Thì mới được đi

Nếu chưa biết gì

Thì về học lại.

Hoặc người không đọc được chữ cái thì mời vào bóng mát bên đường học vài chữ a, ơ rồi vào chợ. Đêm lại, trên các ngã đường, già trẻ gái trai, tay xách đèn gương, tay ôm bảng đến lớp học bình dân. Hằng tháng, thanh niên đến từng nhà kiểm tra việc học. Trong nhà có mấy người biết đọc, biết viết thì vẽ mấy vòng trắng, còn mấy người chưa biết đọc biết viết thì vẽ mấy vòng đen lên tấm bảng trước hiên nhà. Giáo viên đến từng nhà dạy cho đến khi cả nhà không còn vòng đen. Biết chữ mới được đi làm ăn, việc học rất tích cực, mọi người chăm lo học tập. Mới 3-4 tháng đã tiến bộ rõ rệt. Già trẻ trai gái đã biết đọc biết viết, không nhờ không mượn đọc thư như trước. Việc học được kiểm soát chặt chẽ. Ấp, thôn, xã nào cũng có ban bình dân học vụ đôn đốc. Trưởng ban thường xuyên kiểm tra không bao giờ xao lãng.

Cuối năm 1947, số người từ 8 tuổi trở lên biết đọc, biết viết được 25%. Cuối năm 1949 tăng được 70%. 40/47 xã người Kinh thanh toán được nạn mù chữ. Năm 1948 xã Hòa Thắng là xã xóa mù chữ trước nhất của Liên Khu 5 nên tổ chức lễ mừng xóa mù chữ trọng thể có đại diện UBKCHC khu dự. Bắt đầu mở những lớp bổ túc văn hóa.

Năm 1948 tỉnh và các huyện Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân đều mở lớp tiểu học bình dân cho cán bộ học chương trình tiểu học trong 2 năm. Mỗi lớp có 40, 50 cán bộ theo học (có một số là chi ủy viên, huyện ủy viên). Ngoài việc học văn hóa là chính, còn có chương trình học lý luận chính trị, duy vật biện chứng, duy vật lịch sử.

Ngoài ra có 176 cán bộ theo học các khóa trường trung học BD tại sông Vệ, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung bộ mở rút ngắn chương trình trung học còn 2 năm bổ túc văn hóa cho cán bộ do đồng chí Phạm Văn Đồng là hiệu trưởng.

Năm học 1950 - 1951, trong đợt cải cách giáo dục lần thứ nhất, Sở Giáo dục Liên khu 5 giao cho Trường Trung học Lương Văn Chánh Tuy An mở thêm lớp 5A sư phạm cấp tốc để đào tạo 30 giáo viên cấp 1 cho tỉnh. Thời gian học là một năm và chỉ trong năm học ấy mà thôi (và lớp học đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ). Lớp học do thầy Trương Đống phụ trách, thầy Bùi Xuân Các dạy chính trị, thầy Trần Sĩ dạy môn sư phạm. Huyện Tuy Hòa có Trần Ngọc, Lê Văn An, Nguyễn Cảnh... theo học.

Kết quả đặc biệt là trong hàng ngũ thanh niên có những phân tử rất thông minh, lãnh hội mau chóng đã có một số trình độ hiểu biết vững vàng để có thể điều khiển một cuộc họp hay phát biểu giữa công chúng một cách dạn dĩ, gãy gọn. Những bài vè, câu hát, bài thơ được sáng tác mau chóng, lấy đề tài trong học tập, sản xuất, làm phong phú cho nền văn nghệ bình dân. Trình độ văn hóa nói chung trong tỉnh được nâng đến mức khá cao so với 9 năm về trước. Học vấn thành đạt như Huỳnh Trúc (nguyên Phó bí thư Tỉnh ủy Phú Yên, chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh).

C. Trung học

Sau cách mạng tháng Tám 1945, với khí thế học tập sôi nổi, yêu cầu đặt ra cho người học không chỉ là “viết thông đọc thạo” mà phải có trình độ trung học để nâng kiến thức lên một bước.

Trước yêu cầu đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa I, đề nghị Bộ quốc gia giáo dục cho mở trường Trung học. Đồng chí kỹ sư Lê Duy Trinh, Chủ tịch Ủy ban hành chính đầu tiên tỉnh Phú Yên đã chỉ thị cho đồng chí Trần Suyên (đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh) và thầy Trần Sĩ “Cách mạng mới thành công, mọi việc đều khó khăn thiếu thốn, tỉnh giao cho hai thầy lo việc thành lập trường Trung học Phú Yên” thầy Trần Sĩ lấy tên là Lương Văn Chánh, là bậc khai quốc công thần nhà Nguyễn, có công khai phá mở mang tỉnh Phú Yên đặt tên cho trường.

Việc lấy tên ông Lương Văn Chánh đặt tên cho trường Trung học đầu tiên của tỉnh là để con em Phú Yên tìm hiểu nguồn gốc của đất Phú Yên, nơi mình đang sinh sống. Ông còn là nhà chính trị kinh tế có công quy dân lập ấp, lập huyện, lập tỉnh. Ông là vị thành hoàng của tỉnh Phú Yên ngày nay. Chính quyền tỉnh đồng ý. Một sự kiện rất có ý nghĩa trong lịch sử của Phú Yên. Là trường Lương Văn Chánh khai giảng ngày 15/10/1946 tại trường tiểu học Thị xã Tuy Hòa (nay là trường THCS Lê Lợi, phường 1, Thị xã Tuy Hòa) liền với chùa Bảo Tịnh do đồng chí Trần Suyên làm Hiệu trưởng danh dự, thầy Trần Sĩ là Hiệu trưởng kiêm Tổng giám thị, với qui mô ba lớp đệ nhất niên với 120 học sinh (thủ khoa Trần Sá). Đồng chí Trần Suyên ra Bộ giáo dục báo cáo và xin chương trình tài liệu: Một bộ từ điển bách khoa chữ Pháp (Larousse de XX siècle” và bộ “Larousse univessel le”, từ điển Hán Việt, Thế giới Sử của Đào Duy Anh, Việt Nam sử học của Trần Trọng Kim, Văn đàn bảo giám, Danh từ khoa học của Hoàng Xuân Hãn, Tự lục Văn Đoàn,...

Tháng 11/1946, đồng chí Trần Suyền được điều về nhận công tác ở tỉnh Bình Định. Học hơn 2 tháng, tiếng súng toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Ngày 16/1/1947, địch từ Khánh Hòa tràn ra Phú Yên đóng ở núi Hiêm (xã Hòa Xuân Nam).

Sau Tết Đinh Hợi (22/1/1947) thầy Trần Sĩ tha thiết với sự nghiệp giáo dục trung học tỉnh nhà, mạnh dạn nhận trách nhiệm với lãnh đạo tỉnh chuyển trường về Hóc Lá, thôn Định Phong xã An Nghiệp (quê hương thầy) một địa điểm hẻo lánh nhưng an toàn của huyện Tuy An. Văn phòng trường đóng tại nhà bà Trần Thị Đầm (chị thầy Sĩ). Lớp học tổ chức ở nhà Khoán với 1 lớp đệ nhất niên 32 học sinh và ba thầy giáo, Trần Sĩ, Bửu Thọ, Huỳnh Diệu, thính giảng Đinh Nho Bát, Đặng Ngọc Cư, Võ Văn Sung. Trường vẫn hoàn thành tốt chương trình năm học, Tháng 7/1947, trong đại hội văn hóa kháng chiến toàn tỉnh lần thứ nhất, báo cáo về thành tích của trường được nhiệt liệt hoan nghênh.

Năm học 1/10/1947 - 30/6/1948, thầy Trần Sĩ với sự ủng hộ hết lòng của chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh cho trường dời về thôn An Thổ, xã An Dân (trong lịch sử có lúc là tỉnh lỵ Phú Yên) phát triển thành 4 lớp (3 lớp đệ nhất niên, 1 lớp đệ nhị niên) với 150 (184) học sinh thêm thầy Nguyễn Khải, Ngô Thị Nga, Nguyễn Long, Bùi Xuân Các (nguyên Trưởng ty thông tin tuyên truyền, tổng biên tập đầu tiên báo Chiến thắng Phú Yên (1946-1948), dạy theo chương trình Bộ giáo dục có đủ 2 ngoại ngữ (Pháp, Anh) nhạc họa, thể dục, lao động sản xuất tuyên truyền kháng chiến. Nhân dân địa phương đóng góp công, của xây dựng trường, giúp nơi ăn ở cho thầy, trò. Thầy và trò vừa xây dựng trường vừa lao động sản xuất tự túc. Vào dịp kỷ niệm 1000 ngày kháng chiến (1948) toàn Liên Khu 5. Trường và cá nhân thầy hiệu trưởng Trần Sĩ được Ủy ban kháng chiến hành chính Liên Khu 5 tuyên dương vì đã khắc phục nhiều khó khăn thiếu thốn để duy trì, phát triển giáo dục trung học tỉnh Phú Yên. Tai họa lớn nhất trong năm này là đúng vào ngày lễ bế giảng 30-6-1948 giặc Pháp đổ bộ lên đốt sạch trường sở, bàn ghế, thầy trò phải chạy giặc.

Năm học 1948-1949, rút kinh nghiệm trên, theo tinh thần tiến công trường phải dời về nơi an toàn Đồng Me, chùa Phổ Bảo, dưới chân núi Ngang xã An Định để tiếp tục phát triển với cơ sở mới và quy mô lớn hơn: 7 lớp (4 lớp đệ nhất niên, 2 lớp đệ nhị, 1 lớp đệ tam) với 289 học sinh. Trường có thêm thầy Trần Thiện Căn, Trần Kỳ Doanh từ quân đội chuyển sang, cô Lệ Trinh và Trần Văn Kỳ từ Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh chuyển sang Võ Hồng và vợ Phan Diệu Bái, Hồng Hà (Trần Duy Hùng). Chương trình học vẫn bảo đảm toàn diện: luyện tập quân sự, hoạt động thể dục thể thao, văn hóa quần chúng hoạt động sôi nổi. Tinh thần giảng dạy và học tập rất cao. Không có sách giáo khoa, chưa quen dạy khoa học tự nhiên bằng tiếng Việt. Vấn đề soạn tài liệu giáo khoa được đặt lên hàng đầu. Giáo viên chia ra từng ban, từng lớp và bắt đầu soạn tập thể theo chương trình của Bộ với những sách giáo khoa Pháp tìm được trong tỉnh và của Bộ. Ban đầu còn mò mẫm nhưng sau quen dần và nhất là công việc đều làm tập thể đều được thảo luận kỹ trước khi đem ra dạy; lần lượt biên soạn được toàn bộ giáo án của tất cả các môn học toán, lý hóa, vạn vật...thuộc chương trình trung học.

Trường có sáng kiến tổ chức các lớp ấn loát do thầy Bùi Xuân Các (chữ đẹp nhất) làm tổ trưởng, in bài cấp không cho học sinh. Trường có một học cụ khá đầy đủ, giáo viên khoa học đã làm được nhiều thí nghiệm với những dụng cụ và máy móc thô sơ tự mình sáng chế bằng vật liệu địa phương để cụ thể hóa bài học sử địa, có bản đồ. Vạn vật có hình vẽ hay những mẫu đá mẫu cây mẫu thú vật do học sinh đem tới. Nói tóm lại là trong mọi môn học, giáo sư cố tránh dạy trừu tượng giảng suông và luôn luôn kêu gọi sự góp ý của học sinh, thực hiện triệt để tinh thần dân chủ trong giáo dục.

Tổ chức bếp ăn tập thể cho giáo viên và học sinh. Toàn ban giáo viên đều sống tập thể cùng ăn, cùng ở, cùng dạy, đoàn kết vui vẻ quyết tâm đem hết năng lực mình dạy dỗ con em. Trường có một vườn rau, một trại gà làm cơ sở sản xuất, một sân bóng chuyền và bóng bàn để giải trí. Giáo viên có phân đoàn giáo dục vừa dạy vừa học, học trên sách vở, học trong công tác, học kinh nghiệm của người khác, luôn sửa đổi phương pháp dạy cho thích hợp.

Học sinh có hiệu đoàn. Mỗi lớp có hàng đội tự trị, kỷ luật hoàn toàn tự giác. Học sinh có giờ sinh hoạt tập thể hàng tuần, học tập tập thể do giáo viên chủ nhiệm lớp hướng dẫn. Có y tá chuyên trách chăm lo sức khỏe cho thầy và trò. Ngoài ra trường còn nhận mở một lớp bổ túc văn hóa cho khá đông cán bộ, giáo viên tiểu học và nhân dân trong vùng. Trường đã thực sự trở thành một trung tâm văn hóa của tỉnh.

Năm học 1949-1950 thêm thầy Huỳnh Tô (trường ở cả vùng ga Phong Niên). Năm nay không bị địch họa nhưng lại bị thiên tai nặng. 14-9-1949 một trận bão lụt lớn đi qua đúng khu vực trường đóng, làm sập 2 dãy nhà chính, phần lớn bị gãy nát hư hỏng. Một lần nữa, với tinh thần tự lực vượt khó của thầy và trò, có sự giúp đỡ của phụ huynh học sinh và nhân dân trong vùng, sau gần 2 tuần lễ học sinh đã được tiếp tục đến lớp, trường với quy mô 11 lớp (1 lớp đệ tử niên) 2 lớp đệ tam niên, 3 lớp đệ nhị, 5 lớp đệ nhất) với 400 học sinh, 14 giáo viên. Trường có chi bộ đảng, 7 đảng viên do đồng chí Nguyễn Chi, Tổng giám thị làm bí thư. Cuối năm 1950 phát triển lên 117 đảng viên. Trường phát động phong trào học sinh xung phong nhập ngũ chuẩn bị “tổng phản công”. Ngày 20-9-1949, 40 học sinh trúng tuyển trong đó có 5 học sinh chuyển qua tiểu đoàn 365. Việc nhập ngũ đó có tác dụng cổ xúy thanh niên trong vùng tự nguyện tự giác tòng quân.

Hiệu đoàn học sinh đoạt giải vô địch bóng chuyền toàn tỉnh. Toàn trường tổ chức được nhiều buổi cắm trại, biểu diễn, tại nhiều địa bàn để tuyên truyền kháng chiến và qua đó quyên góp cho quỹ nuôi quân. Mỗi lớp đi vào một vùng giúp đồng bào tùy theo mùa: tát nước, gánh phân, nhổ mạ làm cỏ hoặc trong vụ gặt hái thì bẻ bắp, cắt lúa, đào khoai, chặt mía làm giúp không lấy tiền công. Công tác xã hội còn chú trọng công tác vệ sinh trong chòm xóm, khai mương, lấp rãnh làm cầu, sửa đường. Nhà nào cũng có cầu tiêu, tiểu, hố rác, chuồng phân. Tối dạy Bình dân học vụ, dạy ở lớp hay dạy tại nhà, có bích báo. Tỉnh trưởng có tổ chức cuộc thi văn chương, sáng tác kịch nhạc, trình diễn văn nghệ hoặc tổ chức những buổi nói chuyện về một đề tài soạn sẵn và được xây dựng tập thể để học sinh được dạn dĩ trước công chúng, gái cũng như trai được học hành hăng hái, công tác tháo vát, bỏ hẳn thói rụt rè e lệ ngày xưa.

Và trường đã hoàn thành xuất sắc năm học. Đầu năm 1951, thầy Trần Sĩ được Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh điều về làm Trưởng ban thanh tra giáo dục Phú Yên và năm 1952 làm Trưởng ty giáo dục Phú Yên đến tháng 8/1954. Tháng 9/1948 Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh điều thầy Võ Hồng, nguyên trưởng ty Bình Dân Học Vụ về làm giáo viên đến đầu năm 1951 là hiệu trưởng trường. Năm 1952, thầy Bùi Xuân Các là Hiệu trưởng kiêm Bí thư chi bộ trường đến cuối năm 1952 rồi về Sở giáo dục Liên Khu 5.

Cũng năm học 1950-1951, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh mở trường cấp 2 Tuy Hòa tại Lò Tre thôn Định Thành, xã Hòa Định Đông, thị xã Tuy Hòa gồm 9 lớp (6 lớp 5, 3 lớp 6) với 300 học sinh do ông Huỳnh Điều là hiệu trưởng. Giáo viên: Nguyễn Cách, Phạm Văn Dương, Ngô Thị Nga, Trần

Xuân Nam, Hồng Hà (Trần Duy Hùng), Nguyễn Thăng Kỳ, Lê Bông, Cao Sĩ Liễu, Nguyễn Minh, Nguyễn Bá Quát, Huỳnh Tô, Nguyễn Trác, Đào Chuân, Nguyễn Tài Sum. Trường có chi bộ Đảng do đồng chí đảng viên Huỳnh Lâu làm bí thư. Học được một năm rưỡi thì bị địch phát hiện, ném bom nên đầu năm học 1952 trường dời về thôn Phú Lộc xã Hòa Thắng do thầy Trần Xuân Nam là hiệu trưởng. Trường có chi bộ do đồng chí Nguyễn Tài Sum làm Bí thư.

-Trường cấp 2 Đông Xuân mở tại Gò Duối, xã Xuân Lộc có 3 lớp (2 lớp 5, 1 lớp 6) với 150 học sinh do Phạm Bôn làm hiệu trưởng, dời về Vũng Lắm, Triều Sơn, xã Xuân Thọ 1 sau dời về chùa Hóc Cát dưới chân đèo Cây Cưa. Giáo viên: Bùi Sơn Duân, Tôn Thất Thọ, Lê Bê...

Trường cấp 2 huyện Tuy Hòa mở tại chợ Xổm, Cảnh Phước, xã Hòa Tân Đông, năm 1952 do thầy Trần Thiên Căn làm hiệu trưởng, có 8 lớp (6 lớp 5, 2 lớp 6) với 300 học sinh có các thầy: Phạm Văn Dương, Trần Duy Hùng (Hồng Hà), Cao Lan, Nguyễn Ân, Nguyễn Cách, Nguyễn Minh, Nguyễn Bá Quát, Huỳnh Tô. Trường có chi bộ đảng do đồng chí Huỳnh Lâu làm Bí thư. Trường ở Cảnh Phước chỉ gồm vài dãy nhà tranh, vách đất cùng với đình làng được sửa lại ẩn dưới mấy tầng cây cổ thụ và phải mượn thêm mấy lớp bình dân học vụ cách xa một chút cho các lớp học.

Thầy trò hồi ấy chỉ mặc quần áo màu xám, tuyệt đối không dùng màu trắng. Đến trường ngay ngày đầu phải đem theo cuộc xẻng đào hầm nắp máy bay. Mỗi người một hầm tròn khoét hầm ếch, rồi đào giao thông hào từ lớp học ra các hầm cá nhân núp dưới bóng tre rậm rạp.

Lúc bấy giờ, trường này chưa có phương tiện in được tài liệu giáo khoa. Thầy phải tự soạn bài. Có môn thầy giáo giảng chậm theo dàn bài ghi sẵn trên bảng cho học sinh ghi chép tại lớp, để về nhà học. Có môn thầy giáo giảng xong, giao bài cần chép lại cho các lớp trưởng. Anh chị em mượn về chuyên nhau chép tiếp đủ cho cả học sinh toàn lớp. Có tài liệu để học. Vợ ghi chép lúc bấy giờ đều dùng giấy Nam Trung (sản xuất ở Hà Bằng, xã Xuân Sơn), giấy ta sản xuất thủ công nên hẩm và nhám. Cũng có một ít giấy trắng, đẹp dùng làm nhãn vở, chép thơ, bài hát. Đặc biệt đa số học sinh đều viết chữ rõ ràng và đẹp. Tuy nhiên lúc ấy cán bút chỉ là cuộn giấy tròn hay thanh tre cắm ngòi bút vụn ngòi lên xuống (Kaolo serpentin ruột gà lò xo) ngòi ve chai, có khía trái khế vụn vào mà thôi, thỉnh thoảng mới có cây bút.

Học sinh kỷ cương trật tự rất tốt. Đối với thầy: kính và thân. Đối với bạn: tình cảm chân thật, trong lớp học rất trật tự. Hàng tuần có kiểm điểm việc học và các mặt công tác. Cuối năm có bình bầu học sinh xuất sắc, gương mẫu nên không có học sinh nào kém.

Ăn uống thì tự túc, học sinh tự lo liệu. Thường sáng thứ bảy từ nhà trọ đến lớp, các em đem theo ruột ghé và chai không để về nhà lấy gạo và mắm. Xong buổi học tuy đói bụng, trời nắng như đổ lửa mà các em đi bộ về nhà vẫn không thấy mệt.

Ngoài học tập, học sinh còn tích cực tham gia công tác xã hội. Các em lao động thật sự. Cứ ngày chủ nhật rủ nhau đi lấy củi ở núi Chai, có tổ chức phân công rành rẽ do thầy cố vấn (giáo viên chủ nhiệm lớp) hướng dẫn. Các em đã lao động xây dựng trường thật sự. Nghỉ hè, ngoài sinh hoạt Đoàn các em còn tham gia tính thuế nông nghiệp 2 tuần lễ (tháng 5 và 6-1952) cả giáo viên và học sinh tham gia đắp đập Bình Sơn tháng 11 và 12-1952.

Chính ở trường Hòa Tân này, anh Ngô Thạch Ủng (Đỗ Chu Thăng) - đã kể lại: Trường tổ chức đi hái củi vào một ngày chủ nhật 6-1 năm học 1952, có anh Q ở lớp khác tự đi theo hái củi về nhà trọ, bất cẩn khi qua sông Bàn Thạch để vào núi, bị té xuống sông. Thầy Trần Thiên Căn nghe tin, chạy ra xuống sông lặn hụp cùng với học trò nhưng không thấy. Phần thương anh Q chết, phần tội nghiệp cho thầy trò, ai cũng xúc động.

Nhà trường còn tổ chức Văn nghệ tuyên truyền chiến thắng, tuyên truyền kháng chiến. Thầy trò biểu diễn cả làng già trẻ gái trai đều kéo nhau đến dự. Bà con xem với tình cảm “Con hát mẹ xem”. Tuy không có đài điện mà người xem thì đông nghịt nhưng nhờ im lặng nên ai nấy cũng đều nghe rõ được lời ca tiếng hát và nhiệt liệt hoan hô cổ vũ.

Học ở Hòa Tân một năm, đầu năm 1953 thì trường dời về vườn mù u, thôn Phước Bình (tại trường tiểu học Hòa Thành ngày nay). Thầy Nguyễn Chi Thống về làm hiệu trưởng.

Phần thứ hai :

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO Ở PHÚ YÊN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 -1975)

1. ở vùng cách mạng

Năm 1954 trường dời về miếu Râm. Thôn Lệ Uyên, xã Xuân Phương huyện Đồng Xuân (Sông Cầu hiện nay) do thầy Nguyễn Cách làm hiệu trưởng. Thầy Phạm Bôn về làm hiệu trưởng cấp 2 trường La Hai, xã Xuân Long chỉ 1 lớp 5 với 30 học sinh.

Khi địch mở chiến dịch At-lan 20-1 năm 1954 thì trường cấp 2 của Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa đều tập trung về học ở thôn Mỹ Hòa, xã Hòa Thịnh. Năm này ở đây có lớp 7 nên có nhiều học sinh bên thị xã Tuy Hòa cũng qua đây học như Lê Tử Khởi, Phan Phùng, Phan Tiên Hương, Huỳnh Văn Liễm. Khi hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết xong thì trường dời về thôn Thạnh Phú, xã Hòa Mỹ Tây do anh Trần Văn Chính là hiệu trưởng.

Để tránh máy bay oanh tạc hoặc địch càn quét, trường phải dạy từ 5 đến 8 giờ tối. Cứ mỗi buổi chiều cơm nước xong, vang lên tiếng gọi nhau đi học, tiếng cười nói râm ran. Học sinh một tay xách đèn gương dầu phộng đi học, sau này có đèn dầu làm bằng chai “Cô-đề-măng”, một tay ôm sách, còn hai chân thì lần từng bước một trên con đường trơn trượt và lầy lội trong những đêm đông mưa gió lạnh lùng tới trường học. Mỗi đêm, cứ đến giờ nghỉ học xung quanh trường như hội hoa đăng. Hằng năm, số học sinh cuối cấp 2 ra trường đáp ứng nhu cầu bộ máy nhà nước đang phát triển lực lượng này đã trực tiếp tham gia công tác hoặc chiến đấu anh dũng.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, sau khi ký kết Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 20-7-1954, nước Việt Nam tạm thời chia làm hai miền chờ hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc do Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa quản lý. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng tiến lên xây

dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào (trong đó có tỉnh Phú Yên) thuộc Pháp ngay rồi Mỹ ngay tạm thời kiểm soát.

Từ tháng 9-1954, ngay quyền Sài Gòn tiếp quản Phú Yên. Với chính sách giáo dục phản động thực dân mới và ý thức trả thù những người kháng chiến cũ, chúng đóng cửa tất cả các trường cấp 1, cấp 2 trong tỉnh. Chúng gây vụ thảm sát Ngân Sơn - Chí Thạnh sát hại 132 người. Một số ít thầy, cô giáo tập kết ra Bắc, số ở lại về quê nương náu qua ngày, một số bị bắt, bị tù đầy tra tấn dã man vẫn kiên cường bất khuất đấu tranh với kẻ thù. Liên trường cấp 1 Hòa Phong đấu tranh từ tháng 8-1954 đến tháng 10-1954 rất kiên cường, duy trì đảm bảo năm học kết thúc đúng ngày 25-10-1954.

Từ tháng 9 - 1954, Tỉnh ủy Phú Yên ở mật. Khu tập trung lãnh đạo công tác cách mạng, đồng thời chuẩn bị mọi mặt để khi phong trào cách mạng ở miền tây Phú Yên chuyển biến mạnh mẽ thì mở trường. Một số vùng từ Thổ Lô, khu bắc đến khu trung Sơn Hòa lần lượt được giải phóng mở rộng. Tỉnh ủy Phú Yên chủ trương: “ ở vùng cách mạng (vùng đỏ) ở vùng tranh chấp (vùng vàng) ở đâu có dân, ở đó có trường. Một số giáo viên ở vùng đồng bằng lên hoạt động cách mạng được phân công đến dạy học ở các buôn làng đồng dân như:

- Anh Lê Thúc Chiên, người xã An Dân, dạy ở vùng đỏ: xã Thổ Lô, căn cứ của Tỉnh ủy bí mật.

- Anh Trịnh Địch dạy ở xã Phước Tân: căn cứ Sơn Hòa (vùng đỏ).

- Anh Nguyễn Văn Long, người xã An Nghiệp dạy ở xã Suối Ché

- Anh Nguyễn Ngọc Anh người xã An Định dạy ở buôn Ma Chiêm, xã Phước Tân.

Các trường mở ra trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, gian khổ. Thầy trò, cha mẹ học sinh xây dựng trường bằng tranh tre, thiếu bàn ghế; phải dùng tre chẻ ra bện bàn, bện băng, thiếu bảng đen phải dùng cánh cửa. Sách giáo khoa hoàn toàn thiếu thốn, thầy nhớ soạn lại, dùng quyển địa lý Phú Yên, dùng báo Nhân dân để dạy. Mãi đến năm 1960 mới dần dần có giáo viên và sách giáo khoa miền Bắc chi viện vào như thầy Nguyễn Chơn Tỉnh ủy phân công làm công tác Tuyên huấn huyện Sơn Hòa.

- Thầy Bùi Thế Mỹ về Sông Cầu.

- Nguyễn Khắc Lữ An, Hoàng Luật ở Ban Giáo dục Phú Yên.

- Phạm Cánh Thành.

- Lê Đức Tường, Nhất Nam, Nguyễn Văn Túy (Phương Lan) công tác ở Ban Tuyên huấn Phú Yên. Dương Ngô Cảnh, Nguyễn Cửu Đỉnh, Chu Xuân Oanh, Ngô Hải Loan, Lê Văn Tuấn, Nguyễn Đình Thìn v.v... trường sư phạm sơ cấp đồng bằng tỉnh.

Năm 1965 Phú Yên cử 11 cán bộ có trình độ tú tài, bán phần tú tài ra Trường sư phạm LK5 đào tạo giáo viên cấp 2: Nguyễn Văn A, Nguyễn Bằng, Nguyễn Công, Hồ Huy Hoàng, Nguyễn Ngọc Huỳnh, Nguyễn Khang (Bằng Sơn), Trương bá Sám, Đỗ Vĩnh Tân, Nguyễn Thị Thương...và có đoàn cán bộ Giáo dục miền Bắc về nhiều ở tỉnh Phú Yên, Tỉnh ủy Phú Yên thành lập Tiểu ban giáo dục do thầy Đào Thế Lữ là Trưởng Ban, trực thuộc Ban tuyên huấn Tỉnh ủy, và điều các Đồng chí Đào Thế

Lữ, Nguyễn Cách, Nguyễn Bằng Tín, Nguyễn áo về tuyên giáo Sông Cầu, Cao Văn Hoạch về Văn phòng Tỉnh ủy, Huỳnh Thành Phổ (Hoàng Lạc Hà) dạy ở Trường cấp 2 Lương Văn Chánh Tuy An... và Tỉnh ủy cũng chủ trương giải phóng (vùng đỏ) đến đâu, ta mở trường đến đó. Lúc đầu chỉ mở trường cấp 1 ở một số xã Tuy An, Sơn Hòa, phía tây của huyện Tuy Hòa, thị xã Tuy Hòa, Đồng Xuân, Sông Cầu. Nhiều buôn làng có trường cấp 1: Thồ Lô, Phước Tân tổ chức nội trú. Thầy trò cùng xây dựng trường cùng sản xuất 3.000 gốc mì / người ăn ở tại trường. Hoạt động giáo dục ngày càng phát triển dù trong hoàn cảnh Mỹ ngụy đánh phá ác liệt. Hết dịch cần là nghỉ học, hết cần là học lại.

Tháng 2-1965 Tỉnh ủy điều ông Lê Trân một nhà giáo yêu nước ở Pháp về lên làm ủy viên Hội nhà giáo yêu nước Liên Khu 5, ủy viên Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Phú Yên, Hội trưởng Hội nhà giáo yêu nước Phú Yên. Đồng chí Nguyễn Chu làm Hội phó.

Tháng 3/1965, đồng chí Lương Thúc Mậu (Tám Yên), Tỉnh ủy viên, Trưởng ban tuyên huấn Tỉnh ủy mời đồng chí Băng Sơn (Nguyễn Khang), Phương Lan (Nguyễn Túy), Nhất Nam, Tạ Tấn Tây phân công đồng chí Băng Sơn, Phương Lan chiêu sinh mở trường cấp 2 Lương Văn Chánh Tuy An. Nhất Nam chiêu sinh mở trường cấp 2 Đồng Xuân. Tạ Tấn Tây chiêu sinh mở trường cấp 2 Tuy Hòa.

Ngày 10/3/1965 Tỉnh ủy cho mở trường cấp 2 Lương Văn Chánh Tuy An tại Đèo Hóc Dáy, rừng Gò Đình, vùng 4 xã An Lĩnh, sau dời về Hóc Lá thôn Định Phong, xã An Nghiệp gồm 7 lớp (4 lớp 5, 2 lớp 6, 1 lớp 7) với 330 học sinh do thầy Trương Bá Sám làm Hiệu trưởng kiêm tổ trưởng Đảng. Giáo viên: Băng Sơn, Nguyễn Ngọc Trân, Hoàng Lạc Hà, giáo viên Toàn, Võ Cường, giáo viên Đoàn

- Trường cấp 2 Lương Văn Chánh Đồng Xuân mở tại Kỳ Lộ, xã Xuân Quang, gồm 3 lớp (2 lớp 5, 1 lớp 6) với 100 học sinh do Nhất Nam trưởng ban tuyên huấn huyện Đồng Xuân phụ trách. Giáo viên: Nguyễn Văn A, Nguyễn Ngọc Huỳnh, Đỗ Vĩnh Tân

- ÔU Sông Cầu có trường do đồng chí Hoài Nam làm Hiệu trưởng. Giáo viên: Nguyễn Thị Thương.

- Trường cấp 2 Lương Văn Chánh Tuy Hòa: mở tại ngôi đình Trâm Bầu, thôn Mỹ Xuân, xã Hòa Thịnh, gồm 3 lớp 5 với 150 học sinh do thầy Nguyễn Bang làm hiệu trưởng sau là thầy Đào Thế Lữ. Giáo viên: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Cao, Đặng Chính, Nguyễn Công, Hồ Huy Hoàng, Huỳnh Thượng, Huỳnh Văn Phong, Nguyễn Phụng Tường, Ngô Thạch Ứng, Lê Văn Việt, Đặng Văn Vĩnh.

Chiều 28/4/1965 trong lúc học sinh đang kéo tới trường chuẩn bị dự lễ Quốc tế Lao động thì bị máy bay thả bom làm chết 8 học sinh, bị thương nặng nhẹ 9 học sinh và thầy Đặng Văn Vĩnh. Huyện đã làm lễ truy điệu ở thôn Phú Nhiêu, xã Hòa Mỹ Đông. Trường dời về thôn Phú Thọ, xã Hòa Mỹ Đông, rồi thôn Thạnh Phú, xã Hòa Mỹ Đông gồm 3 lớp 5, 2 lớp 6. Sau đó ngày 2/9/1966 lại khai giảng năm học 1966 - 1967 tại rừng già Hòn Nhọn gồm 1 lớp 5, 1 lớp 6 trên 60 học sinh của xã Hòa Mỹ, Hòa Thịnh, Hòa Đồng, Hòa Tân và Sơn Thành do thầy Nguyễn Bằng Tín làm Hiệu trưởng. Huỳnh Văn Phong làm hiệu phó. Giáo viên Nguyễn Công, Đặng Chính, Đào Nguyên Đán, Hồ Huy Hoàng, tiếp tục đào tạo lứa học sinh chống Mỹ cứu nước. Nhưng tai họa lại ập đến, ngày 25/12/1966 bọn biệt kích Mỹ tập kích vào trường bắn bị thương em Thăng và thầy Nguyễn Công hy sinh. Nhà trường bị giặc đốt sạch. Thầy trò di chuyển ra thôn Tịnh Thọ; xã Sơn Thành. Buổi chia tay tại nhà hai anh em: Đình Thanh Hải và Đình Thanh Đông còn lưu lại trong lòng thầy trò nhiều tình cảm sâu đậm.

Trường đóng ở địa phương nào cũng nhờ các cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể tận tình ủng hộ công, của xây dựng trường lớp, cư mang giúp đỡ nơi ăn chốn ở cho thầy và trò.

Vùng giải phóng (vùng đỏ) miền núi ngày càng mở rộng và củng cố, nhu cầu học tập của con em càng lớn. Trường lớp ngày càng tăng nhưng đội ngũ giáo viên người địa phương không có. Trước tình hình đó, tháng 6 năm 1967 Tỉnh ủy Phú Yên quyết định thành lập Trường sư phạm miền núi tỉnh và quyết định đ/c Đào Thế Lữ, Trưởng tiểu ban giáo dục tỉnh làm Hiệu trưởng và đ/c Ê Ban Thương người Bana, giáo viên cấp 2 quê xã Phú Mỹ tập kết về làm Hiệu phó gồm 1 lớp với 30 giáo sinh, số đông giáo sinh là thanh niên người dân tộc hoặc người Kinh sống lâu năm ở miền núi. Về trình độ văn hóa chủ yếu lấy lớp 1 hoặc ít nhất cũng phải biết đọc, biết viết. Ban tài mậu tỉnh cấp kinh phí cần thiết cho trường hoạt động. Trường phải sản xuất 3.000 gốc mì/ người và phát rẫy trả lúa để tự túc một phần lương thực. ở thời điểm chống Mỹ cứu nước, vùng giải phóng ngày càng mở rộng, nhu cầu học tập của thanh niên, cán bộ ngày càng lớn để đảm bảo công tác do Đảng giao.

Ngày 19/5/1969 Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Phú Yên cho mở trường Bổ túc văn hoá tỉnh tại Cà Te thuộc tỉnh Gia Lai, tiền thân của trường phổ thông lao động Bắc Phú Khánh, rồi trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh ngày nay do đồng chí Nguyễn Thịnh làm hiệu trưởng, rồi Nguyễn Châu HT. Giáo viên: Nguyễn Châu, Đỗ Văn Nhung v.v., có y tá, chị Nguyễn Thị Nhiệm làm quản lý, có bếp ăn tập thể, có sản xuất tự túc: mỗi người 3000 bụi sắn, sản xuất được lúa, có chăn nuôi heo

Sau trường dời về Phước Tân, Hòn Rùa, An Lĩnh. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng trường dời về Đông Tác, thị trấn Phú Lâm. Cuối cùng về thị xã Tuy Hòa ở 60 Lê Duẩn, phường 7 thị xã Tuy Hòa.

Năm 1970 Ủy ban nhân dân huyện Tuy An quyết định mở trường bổ túc văn hóa Tuy An, 5 lớp do cô Nguyễn Thị Hoàng Lan (nay là phó giám đốc Sở Giáo dục - đào tạo tỉnh) làm hiệu trưởng. Giáo viên Võ Thị Kim Sinh, Biện Trẻo, Trần Quảng Văn (nay là phó chủ tịch Ủy ban mặt trận huyện Tuy An). Trường dạy văn hóa đến hết lớp 3, lớp 4 mới dạy phương pháp sư phạm. Sau đó cho đi dạy 2, 3 năm rồi trở lại trường sư phạm bổ túc thêm. Nên mới có chuyện thầy nói thật với học sinh là “thầy hết chữ”.

Sau chiến tranh cục bộ, cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt. Địch thường xuyên đánh phá nên trường phải di chuyển luôn. Di chuyển đến đâu, thầy trò cũng bắt tay ngay cho việc xây dựng lại trường lớp. Vừa phát rẫy trả lúa, bắp, sắn mì vừa tổ chức cuộc sống để ăn học. Không khí chiến tranh luôn luôn căng thẳng nhưng thầy trò vẫn phấn khởi, lạc quan cách mạng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng nên vừa làm vừa hát. Tiếng hát át tiếng bom.

Trong chống Mỹ cứu nước, năm 1971 phong trào cách mạng ở Phú Yên ngày càng mở rộng, đòi hỏi phải mở trường ở vùng giải phóng (vùng đỏ). Tỉnh ủy điều Đồng chí Nguyễn Chu, cán bộ trung cấp 1, ủy viên Ban tuyên huấn Phú Yên về làm Phó tiểu ban Giáo dục Phú Yên. Ngày 1-1-1973 Đồng chí Đào Thế Lữ đi ra miền Bắc chữa bệnh thì Đồng chí Nguyễn Chu làm Trưởng ban Giáo dục cho đến ngày giải phóng Phú Yên 1- 4-1975.

Tháng 6 - 1971, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Trường sư phạm sơ cấp đồng bằng tại buôn Ma Hơ, xã Song Hà, bên bờ sông Hà Đan, thượng nguồn sông Kỳ Lộ, huyện Sơn Hòa do anh

Nguyễn Văn Sơn phụ trách xây dựng, do đ/c Nguyễn Cách, ủy viên tiểu ban giáo dục Phú Yên làm Hiệu trưởng từ tháng 11-1971. Lực lượng giáo viên có Dương Ngô Cảnh, Nguyễn Cửu Đình, Ngô Hải Loan, Trần Khắc Luyện, Chu Xuân Oanh, Nguyễn Văn Sơn, Lê Văn Tuấn, Nguyễn Đình Thìn. Giáo viên chủ yếu là cán bộ các ngành như Y tế, Giáo dục có trình độ văn hóa hoặc đã học qua trường sư phạm ở miền Bắc. Tỉnh tuyển 21 giáo sinh chủ yếu là con em cán bộ, đảng viên hoặc cơ sở cách mạng có trình độ văn hóa (4 em chưa biết chữ, 7 em lớp 2, 4 em lớp 3) vào học 4 năm với yêu cầu là khi ra trường có trình độ văn hóa cấp 2 và một số kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ để ra dạy ở trường cấp 1 vùng giải phóng. Trường có một tổ may, may quần áo cho giáo viên, giáo sinh do đ/c Võ Thị Minh Nguyệt phụ trách và giáo sinh Kiều Minh Thế. Trường khai giảng khóa đầu tiên với 7 cán bộ giáo viên và 21 giáo sinh. Giáo viên và giáo sinh vừa xây dựng trường, vừa dạy vừa học, vừa lao động sản xuất lúa và 3.000 gốc mì/năm, tự túc phần lớn lương thực thực phẩm vừa chiến đấu chống giặc.

Năm 1971, tỉnh cho mở một trường tiểu học dân tộc nội trú tỉnh tại xã Phước Tân, gồm 3 lớp với 30 học sinh do đồng chí Đỗ Vĩnh Tân làm Hiệu trưởng, trường có tổ thợ may để may quần áo cho học sinh. Thầy trò cùng sản xuất 30 gốc mì/người tự túc một phần lương thực. Trường phải chuyển địa điểm 5 lần: Ma Hơ, Suối Rẽ (xã Sơn Hội), vùng 6 An Xuân: căn cứ của Tuy An (vùng đỏ), Suối Rẽ. Mỗi lần dời là một lần xây dựng lại cơ sở. Vất vả, gian khổ nhất là lúc ở vùng 6, An Xuân. Tuy trình độ giáo sinh đầu vào còn yếu, điều kiện ăn uống rất kham khổ, nhưng giáo viên và giáo sinh vẫn quyết tâm dạy tốt và học tốt. Trường hoàn thành năm học đầu tiên vào tháng 4-1972. Tháng 6-1972, tiểu ban giáo dục Phú Yên còn cử 8 cán bộ và học sinh có trình độ văn hóa bán phần tú tài lên Trường sư phạm Liên Khu 5 đào tạo giáo viên cấp 2 để về mở trường cấp 2 cho các huyện. Đa số các giáo sinh ngày nay đã trở thành cán bộ cốt cán như: Nguyễn Văn Tá, Trưởng phòng tổ chức Sở Giáo dục - Đào tạo Phú Yên; Lưu Triều Dương, hiệu trưởng Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh; Võ Thị Minh Nguyệt về hưu ở Nha Trang; Nguyễn Đình Thìn Phó trưởng đài truyền thanh thị xã Tuy Hòa; Châu Lý Vâng hiệu trưởng trường phổ thông trung học Lê Hồng Phong. Tháng 10 - 1972. Địch càn đốt trường, đốt gần 6 tấn gạo và 1 kho thực phẩm của trường. Sáu tháng sau đó mỗi ngày mỗi thầy trò chỉ ăn 100 gr gạo và độn thêm chuối, sung, rau màu... Có một giáo viên, 1 em bé Nga và 4 giáo sinh hy sinh trong lúc chống địch càn : Hồ Long Đức, xã Sơn Thành, Lương Thị Hoa xã Sơn Long, Đỗ Vĩnh Thăng, xã Xuân Sơn. Với những khó khăn vậy, thầy trò đã giữ được trường trong mọi tình huống khó khăn cho đến ngày giải phóng Phú Yên 1-4-1975. Sau đó sát nhập vào trường bổ túc văn hóa tỉnh tại Sông Cầu, Đông Tác.

Đồng chí Trần Văn Luyện quyền Hiệu trưởng từ 1-1-1973 đến sau ngày 1-4-1975 trường dời về thị trấn Sông Cầu. Về tại trường tiểu học Sông Cầu có điều kiện trường gấp rút hoàn thành việc dạy và học. Và đến 30-9-1975 làm lễ ra trường cho 27 giáo sinh khóa sư phạm đầu tiên của tỉnh với tỉ lệ: 20% khá, 80% đạt yêu cầu. Đa số các giáo sinh này đã trở thành cán bộ cốt cán của các cơ sở Giáo dục, các cơ quan, các địa phương và các trường học như:

- Nguyễn Thị Cúc: Giảng viên trường chính trị tỉnh.
- Nguyễn Văn Hiền: Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa thông tin tỉnh.
- Lưu Sỹ Hiền: Phó giám đốc Đài phát thanh Phú Yên.

- Ngô Thị Ngọc Liên : ủy viên Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Tuy Hòa, chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Hòa Bình 2.

- Thạc sĩ Trịnh Thị Nga : Tỉnh ủy viên, Phó Ban Tuyên giáo Phú Yên.

- Lê Thị Kim Sang: Giảng viên trường Chính trị tỉnh.

- Nguyễn Tác Sĩ: Giảng viên trường Chính trị tỉnh.

- Kiều Minh Thế: Trưởng phòng Kế hoạch huyện Tuy Hòa

- Nguyễn Ngọc Trường: Chánh Văn phòng Huyện ủy Sơn Hòa

- Ngô Ngọc Tú : ủy viên Thường vụ Liên đoàn lao động tỉnh v.v...

Như vậy, Trường sư phạm đã thành lập ở đất Phú Yên từ những ngày chiến tranh máu lửa, từ những ngày xây dựng đầy khó khăn, gian khổ. Trường sư phạm sơ cấp đồng bằng ngày ấy là tiền thân của Trường Cao đẳng sư phạm ngày nay.

2- ở vùng Mỹ ngụy tạm thời kiểm soát (vùng xanh)

Dưới chế độ Mỹ-ngụy, ở vùng Mỹ ngụy tạm thời kiểm soát (vùng xanh), ngoài việc đóng cửa tất cả các trường của ta trong tỉnh Phú Yên chúng mở trường cấp 1 dạy theo chương trình phản dân hại nước. Tuy thế cũng có một số trường mở ra hợp pháp dạy theo chương trình của Cách mạng nhưng trong vở học sinh lại ghi bài của địch. Một số thầy cô giáo yêu nước dù dạy trong các trường của Mỹ ngụy, vẫn lồng vào bài giảng nội dung giáo dục có lợi cho Cách mạng.

Cuối tháng 10/1954, Ty giáo dục Phú Yên cho mở Trường trung học Nguyễn Huệ năm học 1954-1955 tại thôn Phú Thứ xã Hòa Bình 2, huyện Tuy Hòa gồm 2 lớp: 1 lớp đệ thất (lớp 6) lớp đệ lục (lớp 7 cấp 2) do Trần Văn Kỳ làm hiệu trưởng. Năm học 1955-1956 dời trường về TX Tuy Hòa mở thêm lớp đệ ngũ (lớp 7) đệ tứ (lớp 9) đệ tam (lớp 10) đệ nhị (lớp 11). Có kỳ thi trung học đệ nhất cấp (bán phần tú tài) tại Nha Trang hoặc Quy Nhơn.

Năm 1960 thi trung học đầu tiên tại TX Tuy Hòa

Năm 1965 thi bán phần tú tài (phần 1) tại TX Tuy Hòa, còn thi tú tài phần 2 tại Quy Nhơn hoặc Nha trang

Năm học 1969-1970 có Nghị định cải tổ giáo dục.

Tiểu học 5 năm (lớp 1 đến lớp 5)

Trung học đệ nhất cấp : 4 năm (lớp 6-9)

Trung học đệ nhị cấp 3 năm (lớp 10 đến 12)

Từ năm 1962 ở miền Nam bỏ thi tiểu học. Học hết lớp 5 đủ điều kiện trường cấp chứng chỉ để thi lên lớp 6.

Năm 1969 bỏ thi trung học đệ nhất cấp học hết lớp 9 được cấp chứng chỉ hoặc bằng để thi vào lớp 10.

Học hết lớp 12 thi tú tài tại Tuy Hòa.

Năm học 1972-1973 bỏ thi tú tài viết mà thi bằng trắc nghiệm IBM. Học sinh thi không cần viết chỉ cầm bút chì và tay đánh dấu vào mẫu câu trả lời đã ghi sẵn, câu nào mà mình cho là hợp lý

Lối thi này làm cho học sinh vốn đã lười và dốt lại càng lười và dốt. Tuy vậy bằng tú tài đối với thanh niên là vô cùng quý giá vì là một lợi khí để thi vào đại học, được hoãn nhập ngũ để tiếp tục học. Hoặc nếu bị động viên thì được học theo lớp sĩ quan trừ bị. Lúc bấy giờ có câu:

Rốt tú tài anh đi trung sĩ
Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con

Chùng nào yên nước yên non

Anh về anh thấy Mỹ con đây nhà

ở nông thôn nơi nào tương đối an ninh nơi đó có mở các trường tiểu học xã. Nhưng việc học vẫn bơ thờ, không đều đặn chỉ tập trung về thị xã, thị trấn (vùng xanh) nhiều hơn.

Tại thị xã Tuy Hòa, Trường trung học Nguyễn Huệ cũ đổi thành trường trung học Lê Thành Phương (trường TH cơ sở Hùng vương ngày nay) chỉ có đệ nhất cấp.

Trường trung học Nguyễn Huệ mới có đệ nhị cấp (Trường PTTH Nguyễn Huệ ngày nay), mỗi phường đều có trường tiểu học. Trường nam ở phường 4 (trường tiểu học Trưng Vương và THCS Trần Quốc Toản ngày nay), trường tiểu học nữ ở đường Bùi Nguyên Ngãi (nay là trường tiểu học Âu Cơ ở

đường Nguyễn Trãi) lần lượt mở thêm Trường trung học ở Hòa Thắng, Củng Sơn, Phú Tân, Sông Cầu có đệ nhất cấp và ở Trường tỉnh hạt Hiếu Xương có đệ nhị cấp tại Đông Tác. Đứng đầu việc học trong tỉnh là Trường Ty tiểu học : Thái Quang Cư, Lê Trọng Phiếm và Phan Tăng chỉ điều hành bậc tiểu học. Còn Trường trung học thì Trục thuộc Nha trung học của Bộ giáo dục thanh tra tất cả các trường công lập và tư thục trong tỉnh

Đến năm 1973 cải tổ giáo dục lần thứ 2, tại tỉnh có chánh sự vụ sở Giáo dục - thanh niên điều hành bậc trung học và tiểu học trong tỉnh.

Dưới chế độ ngụy quyền Sài Gòn trường tư thục trung học, tiểu học của các tôn giáo và tư nhân được cấp giấy phép mở trường, trường tư thục có quy chế riêng có quyền cấp chứng chỉ, học bạ nhưng các chứng chỉ học bạ đó phải được trường công lập xác nhận

Trường trung học tư thục đầu tiên ở thị xã Tuy Hòa, trường trung học tư thục Bồ đề (Phật giáo) (nay là trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, phường 3)

Trường trung học tư thục Đặng Đức Tuấn (công giáo) (nay là Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, phường 2), hai trường này có đệ nhị cấp. Công giáo có mở thêm trường nữ trung học tư thục Thánh Giu-se phường 2.

ở huyện Tuy Hòa trường trung học tư thục Đông Mỹ có chi nhánh tại Phú Lâm.

Phật giáo mở thêm trường trung học tư thục Bồ đề Hiếu Xương tại Phú Lâm (nay là trường THCS thị trấn Phú Lâm) và trường trung học tư thục Núi Sấm xã Hòa Trị.

- Tin lành có trường tiểu học tư thục Thiên Ân (nay là trường tiểu học Đào Duy Từ, Phường 5). Tư nhân cũng đầu tư vào việc lập trường tư thục. Năm 1960, trường trung học Tư thục Văn Minh do ông Nguyễn Hùng thành lập tại thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng nhằm mục đích hoạt động rộng rãi tại nông thôn, nhưng đến năm 1965 phải dời về đường Lê Thánh Tông, thị xã Tuy Hòa.

- Tháng 6-1962, trường trung học tư thục Cầm Học tại Phú Thứ do ông Ngô Cầm Phương, người thôn Phú Thứ, xã Hòa Bình 2 sáng lập viên làm giám đốc. Tú tài Ngô Thạch Ưng (Đỗ Chu Thăng), người Xuân Mỹ, xã Hòa Mỹ Đông làm hiệu trưởng. Năm học 1962, 1963-1964 và 1964-1965 mở 6 lớp (3 lớp đệ nhất, 2 lớp đệ lục, 1 lớp đệ ngũ) với trên 300 học sinh.

Sau đó trường giải tán vì học sinh tập trung về thị xã Tuy Hòa ngày càng đông nên có thêm các trường tư thục ở thị xã.

- Trường trung học tư thục Tân Dân của ông Nguyễn Kim Lãng (con ông Nguyễn Hòai) Thị xã Tuy Hòa (nay là cơ quan Sở Giáo dục đào tạo Phú Yên, 223 Trần Hưng Đạo)

- Trường Trung học Minh Tân (mượn danh nghĩa Khổng học) của một nhóm tư nhân thị xã Tuy Hòa.

- Trường trung học tư thục Bình Mỹ của ông Trần Đắc Khoa tại phường 4, thị xã Tuy Hòa, đã đào tạo một số khá lớn học sinh trúng tuyển vào lớp 6 các trường công lập. Học phí của học sinh dùng trả tiền dạy giờ cho giáo viên và các chi phí nhà trường. Phần còn lại là phần của sáng lập viên (giám đốc tư thục).

Sau ngày 6/2/1970, công nhân lao động và học sinh Thị xã Tuy Hòa đã nổi dậy đấu tranh đòi tội bọn ác ôn đã bắn chết học sinh Nguyễn Thành Long. Cuộc đấu tranh kéo dài hơn một tháng. Đám tang Nguyễn Thành Long là cuộc biểu dương sức mạnh của các tầng lớp nhân dân thị xã Tuy Hòa trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước do Đảng tổ chức và lãnh đạo. Thị ủy Tuy Hòa đã chỉ thị cho biệt động thị xã sử dụng toàn bộ lực lượng bám và lãnh đạo phong trào học sinh tiếp tục xuống đường.

Đến ngày 9/3/1972, cảnh sát ngay lại bắn bị thương học sinh Hà Tráp đang cùng với hai người bạn đi chơi trên đường Trần Hưng Đạo, trong đó 1 bạn bị thương, mọi người đổ xô lại đưa hai em đi cấp cứu ở bệnh viện. Đến 9 giờ tối thì Hà Tráp do bị thương nặng qua đời. Đội tự vệ thị xã và các em học sinh chia nhau đi huy động lực lượng học sinh các trường tư thục Bồ Đề, Đặng Đức Tuấn, Nguyễn Huệ, Tân Dân chuẩn bị xuống đường đấu tranh. Các đồng chí tự vệ nhờ học sinh cất dán khẩu hiệu, băng rôn và triệu tập tất cả các đội viên tự vệ họp khẩn trương để phát động phong trào xuống đường.

Sáng ngày 10/3/1972, học sinh các trường kéo về chi cảnh sát và cuộc cảnh sát với khẩu hiệu, biểu ngữ... đòi đền mạng cho Hà Tráp. Khi đoàn biểu tình kéo đến chi cảnh sát quận Tuy Hòa phong tỏa và ném đá vào chi Cảnh sát. Xe cảnh sát đã chiến đến để giải vây đoàn biểu tình cũng bị đoàn biểu tình chặn lại và dùng xăng đốt xe. Xe Tỉnh Trưởng lên thị sát cũng bị đoàn biểu tình ném đá. Trước tình thế này Tỉnh đường phải dùng trực thăng để ném lựu đạn cay vào đoàn biểu tình. Cuộc cảnh sát quận Tuy Hòa bị hư hỏng nặng. Cuộc xuống đường kết thúc thắng lợi. Đây sự thật là một trận đánh quan trọng làm chấn động cả nước, làm cho ngụy quyền Sài Gòn hết sức choáng váng bất ngờ. Thật khó mà tin

nổi rằng những con người tay không có một vũ khí nào mà dám tấn công đốt phá tan một cuộc cảnh sát quận Tuy Hòa.

Tỉnh ủy Phú Yên đã biểu dương thành tích vẻ vang của nông cốt cách mạng, các tầng lớp nhân dân và lực lượng thanh niên, học sinh thị xã Tuy Hòa.

Trong lúc hành động khi đuổi được bọn cảnh sát dã chiến, lực lượng tự vệ ta mất cảnh giác, không chú ý bọn mật vụ, bọn cải trang trà trộn vào đoàn biểu tình để ghi ảnh những người tích cực trong cuộc biểu tình. Nên sau 3 ngày, địch lần lượt truy bắt các đối tượng đã lọt vào ống kính của chúng. Nhưng cơ sở ta tham gia phục vụ xuống đường bị bắt giam hết.

Kết luận

30 năm (1945-1975), mặc dù trải qua bao khó khăn gian khổ trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cứu nước, ngành giáo dục cách mạng Phú Yên không ngừng phát triển. Các loại trường phổ thông, phổ thông cấp 2 Lương Văn Chánh, sư phạm miền núi, bổ túc văn hóa tiền thân của trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh ngày nay.

- Trường sư phạm so cấp đồng bằng (tiền thân trường Cao đẳng sư phạm Phú Yên) đã cung cấp cho ngành giáo dục Phú Yên một đội ngũ thầy, cô giáo và một số cán bộ chủ chốt ở các ngành.

- Trường Phổ thông trung học Lương Văn Chánh vẫn là nòng cốt của tỉnh trong phong trào dạy và học. Từ những mái trường này không biết bao nhiêu học sinh đã phục vụ đắc lực cho 2 cuộc kháng chiến ở Phú Yên - Khánh Hòa. Nhiều học sinh đã trở thành những nhà khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, quản lý kinh tế, nhà văn, nghệ sĩ, nhà giáo ưu tú, cán bộ quản lý Nhà nước, giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, bộ trưởng, thứ trưởng, cán bộ sĩ quan cao cấp, tướng tá lãnh đạo quan trọng (danh sách kèm theo)

Có biết bao nhiêu nhà giáo đã tận tụy với nghề nghiệp, đóng góp công sức và cả máu xương cho sự nghiệp giáo dục tỉnh Phú Yên. Lớp thầy đầu tiên ở tỉnh Phú Yên có người còn, người mất, có người hiện nay là hiệu trưởng các trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, Cao đẳng sư phạm, trường dành riêng cho trẻ em khuyết tật, trung tâm giáo dục trẻ mồ côi, trường dân lập, trường bán công, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường dạy nghề kinh tế kỹ thuật tỉnh, trường Trung học y tế, trường kinh tế kỹ thuật Đông Tác, Phân viên của học viện Ngân hàng, trường Trung học kỹ thuật công nghiệp Thị xã Tuy Hòa, trường trung học xây dựng số 6 trung ương.

Có 12 người đã được tặng danh hiệu cao quý nhà giáo ưu tú: Lê Thông, Nguyễn Cách, Nguyễn Xuân Đàm, Nguyễn Chu, Phạm Văn Chấn, Trần Minh Quang, Nguyễn Quảng, Phạm Thị Xuân Vân, Nguyễn Đình Điện, Võ Hồ, Trần Quang Thiệu, Trịnh Đống

Lớp cha trước, lớp con sau, thế hệ thầy, cô giáo hôm nay đang tiếp bước cha anh, xứng đáng là kỹ sư tâm hồn, những người đào tạo cho xã hội những con người mới xã hội chủ nghĩa đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hoá đất nước thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Năm tháng sẽ qua đi, nhưng sự nghiệp giáo dục Phú Yên như dòng chảy vẫn còn sống mãi với chúng ta. Đất học Phú Yên chắc chắn sẽ thăng hoa, sẽ xứng đáng với truyền thống nghìn năm văn hiến và “tôn sư trọng đạo”, không ngừng phát triển lên đỉnh cao của khoa học trí tuệ loài người.

LỰC LƯỢNG SÁNG TÁC VĂN NGHỆ Ở VÙNG CĂN CỨ

PHÚ YÊN TRONG NHỮNG NĂM CHỐNG MỸ

Trong những năm chống Mỹ, bên cạnh lực lượng quân sự, chính trị, binh vận và các lực lượng phục vụ chiến đấu khác, lực lượng sáng tác văn nghệ ở vùng căn cứ các tỉnh Nam Trung bộ cũng được phát triển. Phú Yên là một trong những tỉnh có lực lượng sáng tác văn nghệ vào loại dồi dào nhất.

Lực lượng này bao gồm những con em Phú Yên và con em khắp mọi vùng ở tổ quốc đến Phú Yên sống và chiến đấu, bao gồm cả lực lượng tại chỗ và lực lượng do Trung ương và Khu 5 tiếp viện.

Trong sáng tác văn nghệ, cá nhân người nghệ sĩ có vai trò rất lớn. Họ vừa tạo ra tác phẩm cho mình vừa góp phần vào sự phát triển lực lượng. Vì thế, muốn nói đến lực lượng sáng tác văn nghệ ở vùng căn cứ Phú Yên, tôi muốn phác qua một số gương mặt văn nghệ sĩ tiêu biểu. Người đầu tiên cần nhắc là nhà thơ Văn Công. Ông tên thật là Cao Xuân Thiêm, quê ở Nghệ An, vào Phú Yên công tác từ thời Nam Tiến 1945. Trong những năm chống Pháp bên cạnh công tác cách mạng, ông đã sáng tác nhiều thơ và ca dao được đăng ở báo Phú Yên và Khu 5. Sau hiệp định Giơnevơ, ông ở lại Phú Yên hoạt động. Trong thời gian này, ông đã sáng tác được nhiều bài thơ xuất sắc: Lòng em, Tuy Hòa, Đi giữa Phú Yên, Người cộng sản, Tết của chúng ta, Cảm xuân 59... Thơ ông đã xuất hiện ở miền Bắc, được trao giải nhất báo Thống Nhất, được đưa vào các tuyển tập thơ và dịch ra ở nước ngoài. Thơ của Văn Công nói lên lòng tin vô hạn của nhân dân Phú Yên nói riêng và miền Nam nói chung đối với cách mạng, với Đảng, với Bác Hồ. Ông là một trong ba nhà thơ nổi tiếng đầu tiên ở vùng kháng chiến miền Nam Việt Nam - gồm có Thanh Hải, Văn Công và Giang Nam. Dù bận nhiều trọng trách trong công tác cách mạng ở tỉnh, ở khu, ông vẫn sáng tác đều và xuất bản được nhiều tập thơ - ngay trong chiến tranh và sau này - như Bất khuất (1965), Mảnh đất yêu thương (1978), Khúc hát miền Tây (1985), Hương đêm (1996), Theo chiều gió (1996), Miền đất huyền thoại. Ký (1990), Vùng đất lửa. Ký (1992), Ký ức về một miền đất 1945-1975 (2001). Thơ Văn Công và nhiều tập hồi ký, ký sự về vùng căn cứ của cách mạng. Người tiếp theo mà tôi muốn nhắc đến là nhà thơ Lương Nguyên. Ông làm công tác thanh niên thời chống Pháp. Sau hiệp định Giơnevơ ông bị địch bắt đi tù. Khi ra tù, ông lại tham gia cách mạng, làm ủy viên Ban Tuyên huấn, phụ trách công tác báo chí và văn nghệ. Sau này, ông mới ra tập thơ riêng, nhưng những bài thơ Em bé, Tôi yêu quê mẹ khu Đông của ông rất nổi tiếng thời chống Mỹ. Thơ Lương Nguyên rần rỏi và giàu xúc động. Nhà thơ Vũ Trung Uyên, tên thật là Võ Văn Duật quê ở An Định, Tuy An vốn là một nhạc sĩ. Anh vừa sáng tác nhạc vừa làm thơ vừa viết bút ký. Đó là một người có nhiều tài năng và ở mặt nào anh cũng tỏ ra rất chắc tay. Nhà thơ Trần Thiện Lục quê ở Nam Định, đi bộ đội vào Nam chiến đấu. Sau khi bị thương, anh không ra Bắc mà chuyển sang dân chính, ở lại miền Nam. Trần Thiện Lục là cây bút sáng tác thơ sung sức ở Phú Yên lúc này. Anh có những bài thơ hay: Bến sông, Cờ chúng nó được dư luận ở Phú Yên và Khu 5 đánh giá cao. Thơ Trần Thiện Lục duyên dáng, giàu hình ảnh vốn là điểm mạnh của những người xuất thân ở đồng bằng Bắc bộ. Một cán bộ chính trị rất yêu thơ và hay sáng tác thơ là đồng chí Bảy Tính. Ông đã có một số tập thơ và ca dao được đồng bào và chiến sĩ truyền tay nhau đọc (Một thời để nhớ (1992),

Thơ Xuân Tính (1998). Thơ ông viết về những vấn đề thời sự ở Phú Yên nhưng đã vượt lên những bài diễn ca, gây xúc động được người đọc. Bên cạnh những cây bút thuộc các cơ quan dân chính, các chiến sĩ vừa chiến đấu vừa sáng tác văn nghệ ở Phú Yên rất nhiều. Đó là Hoàng Tất Thắng. Quê anh ở Hà Tây. Anh ở tiểu đoàn Độc Lập của Khu, chiến đấu tại Nam Tuy Hòa. Đọc thơ Hoàng Tất Thắng, người ta như thấy hiện lên những gộp đá những cánh đồng lúa nước, những con người gan góc ở phía nam tỉnh. Thơ anh vượt biên giới Phú Yên, đến với tạp chí Văn nghệ giải phóng Khu 5, Văn nghệ quân giải phóng Khu 5 và Văn nghệ quân đội. Những bài thơ “Nhà gộp đá”, “Cây thông”, “Trên đỉnh dốc Cọp” của anh được cán bộ và chiến sĩ Khu 5 rất yêu mến. Tôi nghĩ nếu anh tiếp tục làm thơ, anh sẽ là một nhà thơ đầy triển vọng. Có thể kể thêm các cây bút khác: Lê Quang Chiểu với Người vùng ranh, Đỗ Thanh Liêm với Gửi con đêm Trung thu, Bùi Tất Lượng với những bài thơ tình... Thơ các anh đã bổ sung cho thơ Phú Yên thêm phong phú và cùng với lực lượng phía dân chính, các anh đã bổ sung vào lực lượng sáng tác thơ ở vùng căn cứ Phú Yên.

Cùng với lực lượng sáng tác văn học mà chủ yếu là thơ, lực lượng sáng tác âm nhạc, sân khấu, dân ca chủ yếu phục vụ cho hai đoàn văn công giải phóng và quân giải phóng Phú Yên. Đó là Lê Văn Phước (dân chính), Cao Cường (quân đội) và Vũ Trung Uyên. Các anh viết những bản nhạc ngắn, những bài dân ca để hát bài chòi, những kịch ngắn ca ngợi những trận đánh, những chiến công của bộ đội và nhân dân Phú Yên trong sản xuất và chiến đấu. Về mỹ thuật có họa sĩ Nguyễn Việt Ngọc, một họa sĩ trẻ. Anh chỉ mới ghi lại những ký họa. Về nhiếp ảnh có Hà Bình. Anh chủ yếu chụp ảnh thời sự hơn là ảnh nghệ thuật. Những phóng viên thông tấn xã Việt Nam ở Phú Yên như Vũ Đảo, Hữu Quả bên cạnh công tác của mình đôi lúc cũng viết những bài bút ký văn học.

Trong thời gian này, những văn nghệ sĩ công tác ở Khu 5, trong đó có những người con của Phú Yên đã về quê hương thâm nhập thực tế sáng tác hoặc ở tại Khu nhưng vẫn theo dõi tình hình Phú Yên để sáng tác. Đó là nhà thơ Liên Nam. Liên Nam tên thật là Đặng Ngọc Phong, quê ở Hòa Trị, Thị xã Tuy Hòa. Sau một thời gian tập kết, anh vào Nam sớm, công tác ở tạp chí Quân giải phóng Khu 5. Vào những năm 1960, anh về Phú Yên công tác sau đó bị thương lại ra Bắc chữa bệnh. Trong thời gian công tác ở Phú Yên, Liên Nam đã sáng tác những bài thơ vào loại hay nhất của thơ anh: Chiều An Ninh, Rừng An Lĩnh những ngày gian khổ, Gió Nam... để sau đó làm nền tảng cho các tập thơ Khẩu súng hành quân (1970), Núi rừng mở cánh (1973), Trên cát trắng (1973)... Liên Nam là người có nhiều đóng góp cho phong trào thơ Phú Yên trong chống Mỹ. Nhà thơ Thanh Quế cũng đã đi nhiều chuyến công tác ở Phú Yên. Anh người quê An Chấn, Tuy An. Đi tập kết từ lúc nhỏ. Năm 1969, anh vào công tác ở Hội Văn Nghệ Giải phóng Khu 5. Trong những chuyến đi công tác về Phú Yên vào những năm 1971-1973 anh đã có những bài thơ và bút ký vào loại hay nhất của mình như bài thơ Thăm chồng (1973), Những em bé chăn bò Nhận Phú (Ký-1972). Những thu nhận của anh trong các chuyến đi đã giúp cho anh hoàn thành tập thơ Trong mỗi ngày đời tôi, tập truyện ngắn “Chuyện từ một truyền thuyết, Những câu chuyện rút ra từ túi áo sau này. Nhà thơ Nguyễn Mỹ nhà báo, nhà thơ Đặng Minh Phương tuy không trở về tỉnh nhà trong những năm tháng chiến tranh nhưng cũng, đã viết được những bài thơ hay bút ký về Phú Yên. Đặng Minh Phương vốn là nhà thơ trào phúng với tên Dương Cung nhưng có bài thơ trữ tình rất hay Gửi Phú Yên. Đến nổi đồng chí Hoàng Tùng tổng biên tập báo Nhân Dân đã gửi thư và tặng thơ cho ông:

Thằng Mỹ mày chết bây giờ

Ông Phò mà cũng làm thơ trữ tình

Vào những năm gần cuối cuộc chiến tranh chống Mỹ các văn nghệ sĩ của Khu vào Phú Yên rất đông. Đó là họa sĩ Triệu Khắc Lễ, người Hà Nội. Nhà thơ Trần Vũ Mai là một trường hợp đặc biệt. Anh rất yêu mến Phú Yên và Khánh Hòa. Liên tiếp hai chuyến đi rất dững cảm, gan dạ, có khi anh vào vùng ven thị xã Tuy Hòa, có lúc ở ven biển Cam Ranh, Trần Vũ Mai đã viết những tác phẩm vào loại bậc nhất của mình: Cự Nam (Thơ-1972), Trường ca ở làng Phước Hậu (1978), truyện ngắn Bạc biển (1973). Những câu thơ anh viết về Phú Yên rất đẹp:

Tuy Hòa vui trong gió thổi

Tuy Hòa rung mềm mại

Anh xứng đáng được Đảng và nhân dân Phú Yên công nhận công lao và tặng thưởng cho Trường ca ở làng Phước Hậu, một tác phẩm dài hơi nhất viết về Phú Yên từ trước tới nay.

Các văn nghệ sĩ sáng tác kịch bản và quay phim của Khu 5 cũng đã về Phú Yên. Đó là KơPa-Yvan, một người con ở miền Tây Phú Yên. Anh là một trong hai tác giả của phim Người săn thú trên núi Đắc Sao được giải thưởng huy chương vàng ở quốc tế. Đó là Nguyễn Ngọc Dân, người Tuy Hòa Phú Yên, một nhà quay phim trẻ đầy triển vọng.

Nhìn lại, trong những năm chống Mỹ, ở vùng căn cứ của tỉnh có một lực lượng sáng tác văn nghệ dồi dào, phong phú. Tuy vậy, hầu hết tập trung ở lực lượng sáng tác thơ. Lực lượng này mạnh nhất và đạt được nhiều thành tựu nhất Chúng ta còn thiếu những cây bút viết văn xuôi chuyên nghiệp. Vì vậy sau chiến tranh đã 25 năm chúng ta chưa có những tập văn xuôi-chủ yếu là tiểu thuyết - dày dặn như một số tỉnh khác. Về âm nhạc, chúng ta chỉ có những sáng tác ngắn, gắn với dân ca để phục vụ kịp thời. Về mỹ thuật, chỉ mới có những ký họa. Lực lượng nhiếp ảnh, điện ảnh cũng chỉ phục vụ cho những bức ảnh, những thước phim thời sự. Điều này cũng phù hợp với tình hình chiến tranh. Các văn nghệ sĩ chỉ có thể sử dụng những thể loại ngắn để phục vụ kịp thời, chưa có thời gian suy nghĩ và nghiên ngẫm để sáng tác những tác phẩm dài hơi. Đáng chú ý là, do sự khiếm khuyết về lực lượng của một số bộ môn nghệ thuật (không thể trách được vì điều kiện chiến tranh) nên thiếu người tích lũy, thâm nhập thực tế lâu dài từ trong chiến tranh. Vì vậy, sau chiến tranh dù đã 25 năm, Phú Yên vẫn chưa có những tác phẩm dày dặn và phong phú về sân khấu, văn xuôi, hội họa, điện ảnh... đó là điều thật đáng tiếc.

Nguyễn Bằng Tín Nguyên Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh Phú Yên

ĐÔI NÉT VỀ TỜ BÁO GIẢI PHÓNG

Trong thời kỳ chống mỹ

Sau một năm công tác ở Ban Tuyên huấn Khu ủy V, tôi về công tác ở Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Phú Yên từ tháng 8/1966, nhưng vì yêu cầu của công việc lúc bấy giờ, tôi phải nhận công tác hiệu trưởng trường cấp 2 Hòn Nhọn, đến đầu năm 1967, sau khi trường bị giặc Mỹ tập kích, đốt trụi, thầy

Công hy sinh, 1 em học sinh bị thương, trường không tiếp tục mở được (cha mẹ học sinh đã cho con em mình về học các trường ở thị xã, một số học sinh gia nhập vào quân giải phóng, vào các cơ quan), tôi mới về công tác ở tiểu Ban Tuyên truyền - Văn nghệ Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, làm nhiều việc trong Ban, nhưng việc chính là làm báo Giải phóng, cho đến tháng 2/1971 ra Bắc chữa vết thương, và 1/4/1975 về Phú Yên, trực tiếp phụ trách tờ báo cho đến ngày hợp nhất tỉnh Phú Khánh. Tôi ghi nhận những điều mình biết về tờ báo Giải phóng như sau:

1. TÊN BÁO: Giải phóng - Cơ quan của Mặt Trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Phú Yên.

Chỉ có 5 số xuất bản sau ngày 1/4/1975 có thêm 2 chữ Phú Yên thành “Phú Yên giải phóng”.

Danh nghĩa là “Cơ quan của Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Phú Yên”, thực chất tờ báo là cơ quan ngôn luận chính thức của Tỉnh ủy Phú Yên. Sau này, khi đã thành lập ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Phú Yên thì tờ báo là tiếng nói chính thức của Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Phú Yên.

2. TOÀ SOẠN : Báo không có tòa soạn riêng mà Ban giao cho Tiểu ban Tuyên truyền - Văn nghệ đảm nhận toàn bộ công việc cho tờ báo ra mắt, như một tòa soạn ngày nay. Người chịu trách nhiệm chủ yếu của tờ báo trước Ban thường vụ tỉnh ủy (như Tổng biên tập ngày nay) là các đồng chí sau đây : Lương Thúc Mậu (Tám Yên) tỉnh ủy viên, trưởng ban Tuyên huấn tỉnh ủy. Sau khi anh Tám Yên hy sinh thì các đ/c Cao Văn Hoạch (Bảy Xuân), Lê Duy Tường, phó trưởng ban phụ trách. Anh Lê Duy Tường chỉ phụ trách tờ báo một thời gian ngắn, sau đó qua làm Thư ký cho ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh. Anh Cao Văn Hoạch làm phó ban và phụ trách tờ báo lâu hơn (từ 1967-1971). Tiểu ban tuyên truyền lúc bấy giờ (cũng là những người trực tiếp lo cho tờ báo) gồm: Nguyễn Phùng, Lương Thúc Quý, Nguyễn Bằng Tín, Trần Thiện Lục (lo phần bài vở, tin tức), Trần Tấn Nông (hoạ sĩ trình bày. Đã hy sinh), Hà Bình (ảnh).

3. NỘI DUNG TỜ BÁO : Tỉnh ủy Phú Yên, đặc biệt là đồng chí Bí thư luôn nhắc nhở : Tờ Giải phóng là một vũ khí chính trị tư tưởng của Đảng bộ tỉnh, cần theo đúng các định lượng, đường lối chính sách của Đảng, phải bám sát các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong từng thời kỳ.

Nội dung tờ báo cũng gồm đủ các mục: Xã luận, bình luận, thời sự trong tỉnh, trong nước, mẫu chuyện nhỏ nêu các gương về đấu tranh vũ trang chính trị, binh địch vận, sản xuất tự túc, bảo vệ xây dựng vùng giải phóng v.v... Các số đặc biệt có truyện ngắn, ca dao, thơ, nhạc, tranh một có tranh cổ động. Số đặc biệt ra vào dịp Đại hội Đảng, Đại hội Mặt trận, Tết Nguyên đán, Tết Độc lập (2/9), Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng...

Tin tức trong nước, thế giới và những bài bình luận quan trọng lấy ở Bản tin đọc chậm do Thông tấn xã Việt Nam phát (Tiểu ban Tuyên truyền có người chuyên ghi các bản tin đọc chậm). Lúc thì đồng chí Trần Thiện Lục, lúc thì chị Nhạn ghi). Tin trong tỉnh lấy ở Văn phòng Tỉnh ủy và Tỉnh đội.

Các câu ca dao, các mẫu chuyện nhỏ ghi lại các sự việc vụ thể trong cuộc đấu tranh “hai chân, ba mũi giáp công” làm cho người đọc dễ tiếp thu, dễ nhớ, có tác dụng tuyên truyền, giáo dục tốt.

Cộng tác viên của tờ báo là các đồng chí phụ trách công tác tuyên huấn các huyện, thị, các xã vùng giải phóng, các đồng chí ở ban Chính trị Tỉnh đội, các đồng chí ở văn phòng các cơ quan, ban

ngành đoàn thể xung quanh tỉnh. Tôi nhớ khoảng đầu năm 1969, Ban Tuyên huấn tỉnh có mở 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền, có cả nghiệp vụ viết tin, bài cho khoảng 20 cộng tác viên trong tỉnh. Thời gian học chỉ hai, hoặc ba ngày (tôi không nhớ rõ).

4. KHUÔN KHỔ, KỶ BÁO, SỐ LƯỢNG PHÁT HÀNH

Khuôn khổ tờ báo là giấy manh (63x20 cm) do các cơ sở mua ở vùng ven và thị xã Tuy Hòa. Kỳ báo nào trúng giấy trắng (không kẽ) thì chữ in rõ, đẹp. Kỳ nào không mua được tập giấy trắng, thì phải in trên tập giấy kẽ, tờ báo khó đọc, không đẹp.

Báo mỗi tháng ra 1 kỳ. Nhưng nếu tình hình địch càn quét đánh phá dài ngày thì đến 2 tháng, hai tháng rưỡi mới có được một kỳ báo.

Số lượng phát hành mỗi kỳ báo cũng không cố định. Lúc ít độ vài ba trăm số, lúc nhiều độ 500 số (tuỳ theo tình hình chiến sự, tuỳ theo tình hình vật tư: giấy, mực in... mà số lượng phát hành có thay đổi).

Vì số lượng in có ít nên báo chỉ gửi (theo đường giao bưu) cho các đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện, các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; và qua Ban Tuyên huấn các huyện, thị báo được chuyển đến các ban ngành, đoàn thể huyện, thị, các đơn vị vũ trang, các đội, mũi công tác, các xã thôn đã được giải phóng. Từ các đội công tác, các đội tuyên truyền vũ trang, các cơ sở cách mạng mà tờ báo đã vào được các xã, thị trấn, và cả trong thị xã Tuy Hòa còn tạm bị địch chiếm.

Tờ báo Giải phóng - cơ quan của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Phú Yên (từ 1960-1975) và tờ Đoàn kết trước đó (tôi không biết rõ tờ Đoàn kết nên không nói ở đây) đã cùng Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và nhân dân tỉnh Phú Yên đi suốt cuộc chiến đấu chống Mỹ và bè lũ ngụy quyền tay sai cho đến ngày tỉnh nhà và toàn miền nam hoàn toàn giải phóng. (Đến khi hợp nhất 2 tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa tờ Giải phóng mới đình bản. Toà soạn chỉ còn 1 mình tôi - Bằng Tín - vào thành lập báo Phú Khánh.

Tờ báo Giải phóng đã thực sự là món ăn tinh thần không thể thiếu và vô cùng quan trọng của mọi cán bộ đảng viên và chiến sĩ các lực lượng vũ trang tỉnh nhà lúc bấy giờ. Nó đã góp phần tạo tuyên truyền giáo dục tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vạch trần tội ác và những âm mưu thủ đoạn của kẻ địch, góp phần tạo nên những chiến công vang dội để Phú Yên hôm nay được Nhà nước tặng phần thưởng cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

5. BỘ PHẬN IN ẤN: Có được tờ báo đến tay bạn đọc, ngoài các đồng chí trong tổ làm báo như tôi kể ở trên, công sức của các đồng chí trong bộ phận hành chính, quản trị của Ban và bộ phận “nhà in” đã đóng góp rất lớn. Gọi là “nhà in” cho oai vậy chứ chỉ năm, ba anh em: Lê Trung Lý, Nguyễn Hữu Tự, Phan Minh Sum... và một vài đồng chí nữa.

Lúc tôi còn công tác ở Ban, tờ báo chủ yếu là in li-tô (thạch bản). Sau này, có sự chi viện của miền Bắc, và tỉnh Hải Dương kết nghĩa, “nhà in” đã có máy in ti-phô, có chữ chì.

Công việc của “nhà in” là in ấn các tài liệu của Ban (tài liệu tuyên truyền, huấn học, các truyền đơn...) và chủ yếu là in tờ báo Giải phóng. Các đồng chí ở bộ phận hành chính quản trị của Ban và “nhà in” đã vượt qua bao khó khăn để có giấy, mực in, bản đá... để phục vụ cho việc xuất bản tờ báo.

Trên đây tôi chỉ ghi lại những điều mình biết (có thể có chỗ không chính xác vì ghi theo trí nhớ) và cũng chỉ trong phạm vi những năm tôi ở tiểu ban Tuyên truyền - Văn nghệ, thuộc ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Phú Yên (khoảng 5 năm) và được phân công làm ở báo Giải phóng. Cơ quan của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Phú Yên. Những ngày làm báo ở chiến khu, tuy gian khổ, nhưng anh em đoàn kết, thương yêu nhau, tôi không bao giờ quên.

Nguyễn vũ hoài Nguyễn Q. trưởng đoàn văn công Phú Yên

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI VĂN CÔNG TỈNH ĐỘI PHÚ YÊN

(Giai đoạn 10/1969 đến 1974)

I. “Tiếng hát át tiếng bom” - Nhu cầu cấp thiết của chiến trường và việc quyết định thành lập Đội văn công tỉnh đội Phú Yên trực thuộc Ban chính trị tỉnh đội Phú Yên ⁽¹⁾

1) Nhu cầu cấp thiết và điều kiện thành lập Đội văn công tỉnh đội Phú Yên:

Thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam Xuân Mậu Thân (1968) có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với CM VN nói chung và chiến trường Phú Yên nói riêng.

Thực hiện phương châm “Tiếng hát át tiếng bom” góp phần vào việc động viên, cổ vũ toàn quân và toàn dân miền Nam quyết tâm đánh bại âm mưu thâm độc của kẻ thù. Thực hiện trọn vẹn di chúc của Bác Hồ là “Đánh cho Mỹ cút. Đánh cho Ngụy nhào” giải phóng miền Nam thống nhất tổ quốc.

Nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực VHNT cách mạng cho lực lượng vũ trang (LLVT) và nhân dân vùng giải phóng, vùng tranh chấp trong toàn tỉnh Phú Yên trong giai đoạn này, ngày 09 tháng 10 năm 1969 tỉnh đội Phú Yên quyết định thành lập đội Văn công tỉnh đội Phú Yên để phục vụ toàn quân và nhân dân trong tỉnh.

2) Cơ cấu tổ chức nhân sự, cơ sở vật chất và nhiệm vụ thực hiện của đội văn công tỉnh đội:

a) Cơ cấu tổ chức nhân sự gồm có:

- Ban chỉ huy đội
- Tổ diễn viên nam
- Tổ diễn viên nữ
- Tổ hậu cần

b) Chương trình kịch mục:

Do đối tượng phục vụ rộng, người ở nhiều tỉnh của 2 miền Nam-Bắc đang công tác tại Phú Yên nên chương trình xây dựng phải phong phú đa dạng và “tương ứng” với nhu cầu hưởng thụ các đối tượng-chú ý chương trình biểu diễn có thể chia nhỏ từng tổ để phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị.

c) Cơ sở vật chất trang bị

Trang bị 1/3 vũ khí theo quân số để sẵn sàng chiến đấu trong tình huống gặp địch. Do kinh phí của tỉnh còn khó khăn. Ngoài số được cấp, cần liên hệ đến các đơn vị LLVT có chiến lợi phẩm yêu cầu hỗ trợ để trang bị (cố gắng khắc phục tự tạo nhạc cụ, đạo cụ để phục vụ như các đơn vị LLVT đã làm trong phong trào văn nghệ quần chúng). Lương thực được cấp 6 tháng - 6 tháng tự túc theo chế độ.

d) Địa bàn hoạt động-đối tượng phục vụ:

- Địa bàn hoạt động: Trong phạm vi tỉnh Phú Yên

- Đối tượng phục vụ

+ Các LLVT

+ Các cơ quan quân-dân- chính- Đảng

+ Các cuộc đại hội, hội nghị - tập huấn các cấp và các cuộc liên hoan

+ Nhân dân vùng giải phóng - vùng tranh chấp - vùng mở ra theo chiến dịch.

II. Tổ chức thực hiện quyết định:

1. Xây dựng chương trình và chuẩn bị cơ sở vật chất:

* Nghị quyết của chi bộ xác định phương thức xây dựng:

a. Xây dựng chương trình:

-Chương trình nghệ thuật tổng hợp có đủ: Ca- múa-nhạc-kịch-tấu của cả 2 miền Nam-Bắc

b. Nguồn tác phẩm để xây dựng:

-Chủ yếu tự biên để sát với chủ trương của CM từng giai đoạn

- Tuyển chọn tiết mục có đủ tư tưởng chủ đề phù hợp với nhiệm vụ chính trị để phục vụ lâu dài

- Các tiết mục phải mang tính thời sự, kịp thời, xúc tích để cổ vũ, động viên những cá nhân điển hình, gương người tốt, việc tốt, tập thể tốt và phê phán kịp thời những tư tưởng và việc làm tiêu cực trong chiến đấu, xây dựng học tập - trong lao động sản xuất phục vụ của quân và dân trong tỉnh. Đồng thời đả phá lên án vạch trần âm mưu thâm độc của kẻ thù chống phá cách mạng.

c. Học tập, sáng tác, dàn dựng chương trình sản xuất:

*Biện pháp:

-Toàn đơn vị tổ chức thi đua với chỉ tiêu: Bố trí công việc một cách phù hợp nhất, phấn đấu chuyên một việc biết làm nhiều việc, làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm. Vừa học tập vừa sáng tác, vừa dàn dựng chương trình vừa sáng tác, vừa dàn dựng chương trình vừa sản xuất. Cụ thể:

- Học tập người biết hơn mình trong sinh hoạt

- Học theo đài qua các chương trình văn nghệ

- Vừa diễn viên đồng thời là tác giả mạnh dạn viết tập thể tham gia sửa chữa.

- Đạo diễn -Tác giả kiêm luôn phục vụ sân khấu

- Tất cả phải có ở mặt trận sản xuất lương thực tự túc theo chế độ.

Vì thế : Với sự nỗ lực của mỗi thành viên trong đội từ tháng 10/1969 đến 1974, tập thể và cá nhân đã sáng tác và dàn dựng

*Chương trình kịch mục đã sáng tác và dàn dựng-dàn dựng lại.

Nếu ca ngợi: Tình dân - Nghĩa Đảng - Dân và quân quyết tâm đánh thắng quân thù có kịch nói: “Một xóm bố phòng - Thể loại dân ca khu V thì có vở: “Cảnh giác”, “Tình quân dân”, “gia đình má Bảy”. Thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc, kêu gọi những người con lạc lối trở về với nhân dân với chính nghĩa có kịch bài chòi “gia đình lại họp” sáng tác và đạo diễn Cao Cường - Phụ trách hò hát Vũ Hoài.

Ca ngợi quê hương Phú Yên mảnh đất tình sâu, nghĩa nặng bởi lòng dân kiên trung, nhân hậu đã sản sinh ra những người con anh dũng - những tập thể anh hùng được thể hiện qua bài hát, bài thơ như: Ngô Trọng Tía, Lê Trung Kiên, Trần Kiệt, Tuy Hòa đất mẹ anh hùng, con xa mẹ. Sáng tác Cao Cường, Tôi đứng gát đêm nay, Lưu Văn Liêu, sáng tác Xuân Sán... Dân ca chèo thì có hoạt cảnh “Chiến thắng Củng Sơn”, sản xuất nuôi quân”, hát múa châu văn “Đất phú quê tôi, múa sấp qua cầu với “anh ra tiền tuyến”... sáng tác đạo diễn Cao Cường cố vấn hát Nguyễn Hồ. Bên cạnh những vũ đạo chèo có tiếng nhịp chày khua cum cụp các cum...là vũ điệu: Tiếng chày trên sóc Bom Bo...gạo thơm no lòng chiến sĩ, ca ngợi các má các chị, các em ở hậu phương vì tiền tuyến ngày đêm tăng gia sản xuất nuôi quân. Và nếu có ôn lại truyền thống cha ông xưa canh giữ biển trời tổ quốc với điệu múa : Tuần đức- thì hôm nay ở địa đầu đất nước ngày đêm gìn giữ biên thù có múa: “Người chiến sĩ biên cương”, múa “Tây nguyên bát khuất”, đầu phải chỉ có người lớn mới biết đánh giặc. Hình tượng em bé miền Nam nói chung và em bé Phú Yên qua tiết mục vũ kịch: “Lượm đạn gỗ” nhạc Nguyễn Văn Yiêm, dàn dựng lại Cao Cường đã làm cho tớ thầy Mỹ ngụy khiếm đảm... Đánh giặc phía trước phải có phía sau phục vụ sản xuất, nuôi quân và đẹp làm sao những chiến sĩ phục vụ các bài đọc tấu: “Anh quản lý”, “tôi là anh nuôi”, hay “tôi là chủ nhiệm chăn bò”... Quân thù đâu còn nhiều âm mưu, nhiều thủ đoạn thâm độc nhưng phi nghĩa nhất định sẽ thất bại. Được thể hiện qua các tiết mục tấu hài: Nisson như cái đèn cù sáng tác Đông Thụ, Về với nhân dân là “Con đường thoát” nếu không từ bỏ Mỹ ngụy sẽ dẫn đến :”Con đường cùng”...và còn nhiều bài thơ bài ca mới khác...

Tiết mục của đội tuy mộc mạc đời thường mà lại trí tuệ - nhân nghĩa phù hợp với trào lưu cách mạng. Tuy thiếu thốn vật chất thiết bị mà lại đầy đủ dễ thương bởi từ cây đàn, đến cây sáo, cái trống đa phần đều do anh em tranh thủ tự chế. Với tinh thần: khắc phục khó khăn phát huy sáng tạo, toàn bộ phong màn, phục trang, đạo cụ trên đời vượt qua bao dặm đường đèo dốc, bao hiểm nguy và phục vụ kịp thời. Đội văn công tỉnh Phú Yên (giai đoạn 10/1969-8/1974) mọi lúc, mọi nơi đã đến đã cùng ăn, cùng ở và cùng chiến đấu trong mọi điều kiện để phục vụ nhân dân phục vụ LLVT, phục vụ các cơ quan dân chính Đảng. Đã góp thêm phần suy nghĩ cho công chúng nhận thức nên tạo ra những giọt nước mắt hoài niệm nhớ thương chân chính. Bên cạnh có tiếng cười thoải mái tạo ra tư tưởng lạc quan phấn khởi tin tưởng cách mạng sẽ toàn thắng sau những giờ lao động vất vả, chiến đấu gian khổ mất mát, hy sinh. Góp phần động viên quân và dân Phú Yên cùng với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả nước làm nên “chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử diệu kỳ.

2. Quá trình phục vụ (01/1970 đến 8/1974)

Năm 1970:

01/1970 Phục vụ đồng bào vùng căn cứ miền Tây Phú Yên (Suối Ché).

01/1970 Phục vụ huyện đội miền Tây Phú Yên (Tân Vinh Cà Lúi).

03/1970 Phục vụ Trường quân chính Phú Yên (Cà Te, miền tây, Phú Yên).

03/1970 Phục vụ Hậu cứ Phú Yên (Cà te, miền tây, Phú Yên).

05/1970 Phục vụ Đại hội chiến sĩ thi đua công nông binh PY (Suối Ché).

06/1970 Phục vụ Bệnh xá Hồ Tây (Phước Tân).

06/1970 Phục vụ D96-D13 (Rừng Tổng Đạt, Sơn Xuân).

07/1970 Phục vụ C25-C01-C202 (Rừng Hòn Đất, Sơn Định).

07/1970 Phục vụ D167-C24 (Cà Lúi, Phước Tân).

08/1970 Phục vụ Đại hội đoàn thanh niên Tuy An (Vùng 1 An Xuân).

08/1970 Phục vụ đồng bào vùng giải phóng Tuy An (An Xuân + An Nghiệp).

Năm 1971: 02/1971 Phục vụ Đại hội thanh niên huyện Tuy Hòa 2 (Suối Cây Thô, Hòa Quang).

02/1971 Phục vụ bệnh xá Hồ Tây (Phước Tân).

03/1971 Phục vụ C201-202-25 (Rừng Hòn Đất, Sơn Định).

04/1971 Phục vụ D96-D13 (Rừng tổng đạt, Sơn Xuân)

05/1971 Phục vụ Trường Quân chính Phú Yên (Cà Te miền Tây Phú Yên).

06/1971 Phục vụ huyện đội và đồng bào Miền Tây Phú Yên (Suối Ché).

11/1971 Phục vụ đại hội tỉnh đảng bộ Phú Yên lần 4; Phục vụ nhân dân vùng giải phóng Đồng Xuân (Kỳ Lộ; Sông Ngãi).

12/1971 Phục vụ D9+Huyện đội Sông Cầu (Sông Cầu); Tỉnh đội Phú Yên (Ma Lào, Sơn Định).

Năm 1972

02/1972 Phục vụ lớp tập huấn “Đặc công hóa” (Hòa Thuận, Sơn Hòa).

03/1972 Phục vụ Đại hội chiến sĩ thi đua toàn tỉnh (Suối Ché).

04/1972 Phục vụ Trường Tân Binh tỉnh đội Phú Yên (Hòa Thuận);

Phục vụ cán bộ nhân dân các xã Hòa Bình-Hòa Phong-Hòa Mỹ (Suối Phần); Phục vụ Huyện ủy Tuy Hòa 1 (Suối Phần).

05/1972 Phục vụ Huyện đội và dân vùng giải phóng Hòa Thịnh (Đồng cỏ ống Hòa Thịnh); Phục vụ dân và cán bộ vùng giải phóng Hòa Tân; Phục vụ dân vùng tranh chấp và mở chiến dịch xã Hòa Thành, Hòa Tân; Phục vụ D14 (Suối Phần); Phục vụ dân vùng giải phóng (Trường Lạc, Sơn Thành); Phục vụ Huyện đội Sơn Hòa (Đồng tăng gia Phong Cao, Sơn Hòa).

06-07/1972 Phục vụ chiến trường vận chuyển vũ khí và tải thương ở Trại Cháy Sơn Hòa.

08/1972 Phục vụ C19; Phục vụ Liên hoan thu thập dân ca Phú Yên lần thứ 1 (Hòa Nghĩa); Phục vụ D13, D96, D201, D202.

Năm 1973:

02/1973 Phục vụ Hội nghị Tỉnh ủy Phú Yên mở rộng tại Hội trường mùa Xuân (Hòa Nghĩa).

03/1973 Phục vụ nhân dân vùng giải phóng Sơn Hòa; Tỉnh đội Phú Yên.

05/1973 Phục vụ Xưởng quân giới 200 (Đồng tăng gia Phong Cao, Sơn Hòa) Phục vụ Huyện ủy Sơn Hòa.

06-7/1973 Phục vụ C25, C201, C202, D13, D96 (An Chấn, Rừng tôi đạt).

7/1973 Phục vụ Nhân dân vùng giải phóng Tuy An (An Xuân, An Lĩnh) Phục vụ đội phẫu thuật tiên phong (An Chấn, Tuy An).

8/1973 Phục vụ C19 (Trại cháy Sơn Hòa).

Năm 1974:

2/1974 Phục vụ D96, D13

3/1974 phục vụ C25, C202, C201

4/1974 Phục vụ liên hoan nghệ thuật quần chúng Tỉnh Phú Yên (Hòa Nghĩa)

6/1974 Phục vụ đại hội chính trị bầu UBND tỉnh Phú Yên (Hòa Nghĩa)

6-7/1974 Phục vụ các đại hội TN-PN-ND tỉnh Phú Yên.

3. Phục vụ chiến đấu:

Chiến dịch Xuân, Hè, Thu 1972 đơn vị tham gia luân chuyển hơn 2 tấn vũ khí từ Cà Te về kho Hòa Thuận và từ Hòa Thuận về kho các đơn vị LLVT. Trong 2 tháng 6 và 7/1972 và ngược lại chuyển thương binh từ trạm phần tiên phong về phía sau an toàn.

4. Sản xuất tự túc:

- Trồng gần 50.000 gốc sắn.

- Lúa rẫy và lúa nước thu trên 2 tấn.

- 1,5 tấn bắp, đậu, màu các loại.

Thường xuyên chăn nuôi heo gà.

Thời gian từ năm 1971 đến 8/1974 đội đã đảm bảo được số lượng thực tế tự túc và cải thiện chất tươi cho cán bộ chiến sĩ toàn đơn vị, đồng thời còn góp phần vào việc hỗ trợ cho các đơn vị khác gặp khó khăn trong khâu sản xuất vì thiên tai, địch họa.

Cuối năm 1974, đơn vị đã giao cho hậu cần tỉnh đội gần 20.000 gốc sắn và 2 con bò để phân phối cho đơn vị khác.

III- Danh sách cán bộ chiến sĩ đội văn công tỉnh đội Phú Yên (từ 10/1969 đến 8/1974)

1. Lê Đông Thu

Đội trưởng-Tác giả kiêm diễn viên (Nguyên trợ lý Hậu cần, thương binh). Quê quán Tỉnh Gia Thanh Hóa; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Về đơn vị : 10/1969 đi 1971; Hiện nay nghỉ hưu ở Tỉnh Gia Thanh Hóa

2. Lê Văn Nghĩa

Đội phó - Kiên diễn viên và nhạc công, nguyên cán bộ tiểu đội của D167; Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình ; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam ; Phó bí thư chi bộ; Về đơn vị: 10/1969 đi 18/1974; Hiện nay nghỉ hưu ở Nha Trang, Khánh Hòa.

3. Trần Minh Đức

Chính trị viên kiêm nhạc công, nguyên y tá huyện đội Sông Cầu, thương binh năm 1971; Quê quán : Đông Anh-Hà Nội; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam -Bí thư chi bộ; Về đơn vị: 1972 - đi 10/1974; Hiện nay đang công tác UBND TP Nha Trang.

4. Nguyễn Cao Cường

Biên đạo diễn. Tác giả kiêm phục vụ sân khấu. Nguyên chiến sĩ xưởng quân giới 200; Quê quán: Hai Bà Trưng Hà Nội; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Về đơn vị : 10/1969 đi 10/1974; Hiện nay nghỉ hưu: Quận Hai Bà Trưng Hà Nội.

5. Bùi Thanh Tuấn:

Diễn viên - tác giả kiêm nhạc công (nguyên y tá D85 thương binh 1967); Quê quán : An Dân, Tuy An; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ trưởng diễn viên Nam; Ngày về đơn vị: 10/1969 đi 10/1974

6. Trần Ngọc Bích:

Diễn viên (nguyên cán bộ tiểu đội D167);Quê quán Nam Định; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;Tổ trưởng tổ đảng; Ngày về đơn vị: 10/1969 đi 10/1974; Hiện nay đang công tác ở nhà máy dệt Nam Định.

7. Lê Văn Vê:

Diễn viên-nhạc công (nguyên chiến sĩ D167); Quê quán Hà bắc; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ trưởng tổ đảng; Ngày về đơn vị : 11/1969 đi 10/1974; Hiện nay ở Nha Trang Khánh Hòa.

8. Nguyễn Vũ Hoài:

Diễn viên-khiêm phụ trách dân ca khu V, nhạc công (nguyên chiến sĩ vệ binh tỉnh đội Phú Yên); Quê quán Xuân Long, Đồng Xuân; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Hiện nay công tác tại Thư viện Phú Yên.

9. Lê Xuân Sánh :

Diễn viên-khiêm tác giả (nguyên chiến sĩ tiểu đoàn 96, thương binh 1973); Quê quán Quảng Vinh, Quảng Xương, Thanh Hóa; Đoàn viên Đoàn TNCS HCM ; Phó bí thư chi đoàn; Ngày về đơn vị : 11/1969 đi ra Bắc 1974;

10. Lê Hiếu Trung :

Diễn viên- (nguyên chiến sĩ C202) thương binh 1972; Quê quán Xuân Sơn, Đồng Xuân; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Ngày về đơn vị: 7/1969 đi 10/1974 ; Hiện nay ở Đồng Xuân.

11. Nguyễn Thị Minh Ngọc :

Diễn viên- (nguyên chiến sĩ Ban hậu cần tỉnh đội Phú Yên thương binh); Quê quán Hòa Bình-Tuy Hòa; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ trưởng diễn viên nữ - Bí thư chi đoàn; Ngày về đơn vị: 11/1969 đi 10/1974.

12. Cao Thị Hồng Tâm :

Diễn viên - (nguyên diễn viên đoàn văn công tỉnh đội giai đoạn trước 1967) thương binh; Quê quán Xuân Quang, Đông Xuân; Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản HCM; Ngày về đơn vị : 11/1969 đi 1974; Hiện nay Hội trưởng hội phụ nữ xã Hòa Xuân Đông, huyện Tuy Hòa, Phú Yên.

13. Nguyễn Thị Hồng :

Diễn viên - (nguyên chiến sĩ ban hậu cứ Phú Yên); Quê quán Hòa Xuân Tuy Hòa; Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản HCM; Ngày về đơn vị: 11/1969 đi 1/1971; Hiện nay phục viên ở Hòa Xuân, Tuy Hòa;

14. Võ Thị Mận :

Diễn viên -(nguyên y tá ban hậu cần phân khu nam); Quê quán Hòa Thịnh, Tuy Hòa; Ngày về đơn vị: 1/1970 đi Bắc 11/1972;

15. Phạm Thị Mai :

Diễn viên - (Rút từ vùng giải phóng); Quê quán An Xuân, Tuy An; Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản HCM; Ngày về đơn vị : 2/1972 đi 10/1974; Hiện nay ở Cam Ranh, Khánh Hòa.

16. Nguyễn Thị Thanh Nhạn:

Diễn viên rút từ vùng giải phóng; Quê quán Xuân Quang, Đông Xuân; Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản HCM; Ngày về đơn vị: 1/1971 đi 10/1974; Hiện nay công tác Chi Cục thuế TP Nha Trang Khánh Hòa.

17. Võ Văn Dũng:

Diễn viên rút từ trường Thanh niên (tân binh) Phú Yên; Quê quán Hoài Nhơn, Bình Định; Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản HCM; Ngày về đơn vị : 9/1972 đi 10/1974;

18. Lưu Thị Hồng Thắm

Diễn viên (Nguyên chiến sĩ huyện đội Đông Xuân); Quê quán Xuân Sơn, Đông Xuân; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Ngày về đơn vị: 1/1972 đi 12/1972; Hiện nay hưu trí phường 7 TX Tuy Hòa.

19. Nguyễn Thị Minh Thành :

Diễn viên (nguyên chiến sĩ ban chính trị tỉnh đội Phú Yên); Quê quán Hòa Xuân Tuy Hòa; Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản HCM; Ngày về đơn vị : 1971 đi 1973;

20. Lê Thị Kiểm :

Diễn viên (nguyên chiến sĩ C23); Quê quán An Chấn Tuy An; Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản HCM; Ngày về đơn vị : 1973 đi 4/1973;

21. Nguyễn Thanh Liêm:

Quản lý (nguyên cán bộ hậu cần C23) thương binh; Quê quán Thanh Hóa; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Ngày về đơn vị : 1973 đi 4/1974;

22. Phạm Văn Diễm :

Quản lý (nguyên chiến sĩ hậu cần tỉnh đội); Quê quán Ninh Bình; Ngày về đơn vị : 1/1971 đi Bắc 1972.

23. Hoàng Văn Lợi :

Phụ trách sản xuất (nguyên chiến sĩ C23); Quê quán Nam Hà; Ngày về đơn vị : 1/ 1971 đi Bắc 10/1973.

IV. Những người đã hy sinh:

1. Nguyễn Văn Đủ:

Quản lý (nguyên cán bộ hậu cần tỉnh đội); Quê quán: Sông Cầu, Phú Yên; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Hy sinh 9/1970 tại Bầu Bèo.

2. Nguyễn Hồ:

Cố vấn biên đạo dân ca chèo (nguyên cán bộ hậu cần Phú Yên); Quê Quán: Cổ Nhuệ, Từ Liêm Hà Nội; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Hy sinh 7/1971 tại Suối Phèn, Sơn Định, Sơn Hòa.

3. Nguyễn Văn Yiêm:

Nhạc công kiêm sáng tác nhạc; Quê quán: Hải Phòng; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Phó bí thư chi bộ; Về đơn vị 3/1970; Hy sinh 7/1974 tại Trại Cháy, Sơn Long, Sơn Hòa

4. Nguyễn Xuân Oanh:

Diễn viên (nguyên chiến sĩ C21 tỉnh đội); Quê quán: Hải phòng; Đoàn viên Đoàn TNCS HCM; Ngày về đơn vị: 1/1970 đi 1971; Hy sinh ở đơn vị C25 năm 1972).

5 Nguyễn Ngọc Lâm:

Diễn viên (bộ đội nghĩa vụ từ ngoài bắc vào); Quê quán: Từ Liêm Hà Nội; Ngày về đơn vị 12/1969 đi 11/1971; Hy sinh ở C201 năm 1972)

6. Phạm Thị Tính:

Diễn viên (nguyên chiến sĩ C18 tỉnh đội); Quê quán: An Lĩnh, Tuy An Đoàn viên đoàn TNCS HCM; Về đơn vị 2/1970; Hy sinh 1971 trên đường công tác (bị quân Triều Tiên phục kích ở vùng 2 An Lĩnh)

7. Phan Thị Kim Đáng:

Diễn viên (nguyên chiến sĩ hậu cứ Phú Yên);

Quê quán: Tuy Hòa, Phú Yên; Về đơn vị 1/1970 đi 9/1970; Hy sinh ở đơn vị mới.

Trần Mười Nguyên Trưởng ban Tác chiến Tỉnh đội Phú Yên

Diễn biến tổng tấn công và nổi dậy của quân dân
Phú Yên năm 1975 giải phóng toàn tỉnh nhà

(Nhật ký tác chiến xuân 1975)

1. Năm 1974

Quyết tâm của Bộ Chính trị là chuẩn bị mọi điều kiện có thể giành thắng lợi và kết thúc chiến tranh trong hai năm 1975 - 1976.

Trên cơ sở quyết tâm đó, các mặt trận tổ chức chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị cơ sở vật chất, tổ chức đánh tiêu diệt, tiêu hao từng bộ phận lực lượng địch, giữ thế chiến trường, không cho chúng nóng lán, tạo điều kiện cho công tác chuẩn bị.

Tỉnh ta đề ra chủ trương động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, khắc phục mọi khó khăn, tập trung cao độ giành thắng lợi lớn nhất trong năm 1975, nhằm góp phần với toàn miền tiến tới hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong thời gian ngắn nhất.

+ Công tác chuẩn bị:

- Sau khi có chủ trương, tổ chức hai bộ phận giúp cho Thường vụ tỉnh ủy để chuẩn bị.

+ Bộ phận chuẩn bị chiến trường.

+ Bộ phận chuẩn bị tiếp nhận vật chất bảo đảm cho chiến đấu.

- Từ tháng 10 năm 1974 ta đã bắt đầu chuẩn bị một bộ phận cán bộ tham mưu, hậu cần, chính trị và chỉ huy các đơn vị chuẩn bị chiến trường. Một bộ phận chuẩn bị cơ sở vật chất do hội đồng chi viện tiền phương của tỉnh phụ trách trong đó có ngành hậu cần quân đội.

- Lúc đầu ta định mở hướng trọng điểm Tuy An nhưng trên không đồng ý.

- Sau đó ta chuyển hướng trọng điểm về huyện Tuy Hòa 1-2.

- ý đồ là giải phóng nông thôn, dồn địch về thị trấn, thị xã khi có thời cơ giải phóng toàn tỉnh.

+ Hướng Tuy Hòa 1 - 2 ta chia làm 2 bước như sau:

Bước 1: Sử dụng 1 tiểu đoàn bộ binh và đại đội đặc công tỉnh, bộ đội địa phương huyện, đánh Tuy Hòa 2 kéo địch tập trung về hướng đó.

Bước 2: Đánh Tuy Hòa 1 giải phóng 5 xã phía tây huyện Tuy Hòa

Nhưng trong quá trình tác chiến thì trên chiến trường diễn biến quá nhanh, ta phải tập trung sức để đánh quân nguy từ Tây Nguyên rút chạy xuống, đồng thời đánh quân địch đến giải tỏa.

2- Diễn biến chiến đấu từ 17.3.1975 đến 25.3.1975 và diễn biến ngày 1.4.1975 giải phóng toàn tỉnh Phú Yên:

- Tối 17.3.1975 đại đội 202 tập kích Đồi Tranh, xã Hòa Quang huyện Tuy Hòa 2, diệt 1 đại đội bảo an thiếu.

- Tiểu đoàn 96 đánh địch tại các xã Hòa Định, Hòa Thắng, diệt 1 bộ phận tiểu đoàn 220, sau đó trụ lại đánh phản kích, kéo tiểu đoàn 219, 210 của địch về tập trung giải tỏa. Địch cho một mũi của tiểu đoàn 210 theo đường 5 vượt sông Ba đánh từ Phú Sen xuống, ta phát hiện, tổ chức đại đội 1 tiểu đoàn

96 lên phục kích chờ khi chúng vượt sông ta tiêu diệt. Địch đã tập trung vào chiến trường Tuy Hòa 2, cũng là lúc cấp trên thông báo địch từ Tây nguyên rút theo đường 7 về Phú Yên.

Theo lược đồ chiến dịch, lực lượng ở hướng Tuy Hòa 1 được cơ động, ém sẵn, đến tối ngày 18.3.1975 các đơn vị tiến hành tấn công theo kế hoạch. Tiểu đoàn 13 tập kích cứ điểm cầu Cháy. Tiểu đoàn BB9 bao vây đánh địch ở Mỹ Thạnh trung, Hòn Đất. Đại đội đặc công 25 tập kích Hòn Sặc. Đại đội đặc công 201 tập kích Hòn Kén. Tiểu đoàn hỏa lực 189 của tỉnh ngày đầu tăng cường cho tiểu đoàn 13 bộ binh 2 súng ĐKZ75 ly, 2 súng cối 82 ly, sau đó tập trung về bố trí tây bắc dãy Núi Hương đánh quân địch Tây Nguyên xuống. Hai đại đội địa phương huyện Tuy Hòa 1 bố trí đánh địch tại ga Gò Mâm, cầu Tổng, Phú Thứ. Đại đội 7 đặc công tập kích quận lỵ Hiếu Xương.

Trong khi đang thực hiện kế hoạch bộ đội tấn công thì cấp trên thông báo có sư đoàn 320 đang truy kích địch theo đường 7 về Phú Yên và điều động tiểu đoàn 96 lên Củng Sơn, liên lạc với sư 320 để đánh và giải phóng Củng Sơn. Như vậy, trong đêm 18-3-1975 các đơn vị đã thực hiện theo đúng kế hoạch, chỉ có đại đội 201 tập kích Hòn Kén không thực hiện được vì quân địch đưa lực lượng về đây quá đông.

Sáng ngày 19.3.1975, ta vừa phải giải quyết thương vong vừa phải đánh quân địch phản kích từ các hướng, đồng thời chuẩn bị đánh địch từ Tây Nguyên xuống.

Vấn đề đặt ra cho cơ quan tham mưu lúc này là làm thế nào nắm chắc các lực lượng địch phản kích trên các hướng, đồng thời phải nắm thật chắc địch từ Tây Nguyên xuống để có quyết tâm cho chính xác, đây là một bài toán khó chưa tìm được đáp số. Vì tiêu diệt quân địch từ Tây nguyên rút xuống là nhiệm vụ được bổ sung trong quá trình của chiến dịch, nên việc tổ chức nắm địch, phân công người theo dõi chưa được hình thành trong kế hoạch. 13 giờ ngày 19.3.1975, Sở chỉ huy tiền phương nghe cơ quan tham mưu báo cáo tình hình tại Sở chỉ huy đóng tại Núi Hương về tình hình diễn biến chiến đấu, tổn thất thương vong, tiêu thụ đạn dược của ta từ đêm cho đến 12 giờ trong ngày, nghe báo cáo tình hình địch trên các hướng nhất là lực lượng địch từ phía Tây xuống và đề xuất phương án của cơ quan về sử dụng lực lượng của ta đánh địch trên cả hai hướng, thực hiện đúng ý định chiến dịch.

Căn cứ vào tình hình thực lực của ta, diễn biến địch trên chiến trường, cơ quan tham mưu đề xuất dùng lực lượng địa phương và một bộ phận hỏa lực, kiên quyết ngăn chặn địch từ phía đông lên, cho một số tổ đặc công tập kích sâu quận lỵ Hiếu Xương, không cho địch phát triển bất liên lạc với quân Tây Nguyên xuống. Tập trung đại bộ phận chủ lực của tỉnh hỏa lực và đặc công bằng mọi biện pháp, đánh quân địch Tây Nguyên xuống, từ Lương Phước đến đông cầu Đồng Bò, chốt giữ chặt tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận chờ sư 320 đến để hiệp đồng tiêu diệt toàn bộ. Sau khi nghe cơ quan báo cáo và đề xuất, chỉ huy tiền phương nhất trí và chỉ thị cho cơ quan tổ chức giao nhiệm vụ và hiệp đồng. Đến 19 giờ ngày 19.3.1975, cơ quan cùng cán bộ tiểu đoàn, đại đội của tiểu đoàn bộ binh 9, 13 nghiên cứu trận địa phục kích từ Phước Thịnh đến Thạch Bàn để tổ chức trận địa phục kích vận động đánh địch từ Tây Nguyên xuống. Địch lợi dụng trời tối cho 5 xe M113 thăm dò đường và chuẩn bị cho kế hoạch tháo chạy trong đêm. Được thông báo của chỉ huy tiền phương, Đại đội 3 đoàn 9 và 1 bộ phận của tiểu đoàn 13 ra mặt đường diệt xe tăng M113 địch. Khi vận động ra đường thì một xe đã vượt, 4 xe còn lại ta dùng B40 bắn cháy, chiếc xe đi đầu bị đại đội 377 chốt cầu Tổng bắn cháy. Đội hình còn lại tản về phía sau, vừa đến cầu Đồng Bò ta lệnh cho ĐKZ75 bắn không cho chúng vượt cầu Đồng Bò. Địch biết 5 xe bị cháy, chúng co lại không dám tổ chức vượt trong đêm, đồng thời địch chưa đoán được lực

lượng nào, nên chúng không dám tổ chức tấn công tiếp. Ta tranh thủ thời cơ triển khai lực lượng và cho xây dựng công sự trong đêm.

Ngày 20.3.1975, Tư lệnh quân đoàn 2 lính nguy cùng Tỉnh trưởng Phú Yên trực tiếp chỉ huy phản kích từ phía đông lên để bắt liên lạc với cánh quân Tây Nguyên xuống và làm nhiệm vụ chốt cho quân Tây Nguyên rút về Đông Tác. Bắt đầu từ 6 giờ chúng đã tập trung các trận địa pháo bắn phá dọc trục đường số 5 từ cầu Tổng đến Mỹ Thạnh Tây, Thạch Bàn rất ác liệt, sau đó cho máy bay ném bom xuống các khu vực Bàu Sắc, Hòn Hương, Mỹ Thạnh Trung, Mỹ Thạnh Tây, Thạch Bàn làm cho cỏ cây cháy trụi rất khó cho việc cơ động của lực lượng ta. Sau khi dùng hỏa lực địch tập trung các tiểu đoàn bảo an 219, liên đoàn bảo an 924 và 1 tiểu đoàn biệt động từ Khánh Hòa ra tổ chức phản kích liên tục, nhưng trong ngày không chiếm lại được một tấc đất nào, nên lực lượng Tây nguyên xuống không dám tấn công từ trên xuống, chúng lại càng hoang mang.

Như vậy, trong ngày 20-3-1975 địch tập trung lực lượng và phương tiện để tấn công hòng liên lạc với lực lượng Tây Nguyên nhưng bị ta phản kích quyết liệt nên không thực hiện được, địch vẫn chưa hiểu được lực lượng ta. Qua tác chiến trong ngày đã củng cố lòng tin cho cán bộ chiến sĩ ta. Sở chỉ huy tiền phương nhận định ta có khả năng đánh địch dài ngày, từng bước tiêu diệt quân Tây Nguyên xuống.

Ngày 21.3.1975 địch thay đổi thủ đoạn. Sau khi dùng hỏa lực thì cùng một lúc từ đông đánh lên, trên đánh xuống, có một đơn vị bảo an từ phía Hòa Định vượt sông sang để đánh cạnh sườn tiểu đoàn bộ binh 9 nhưng ta đã bố trí đại đội đặc công 202 chốt giữ đánh địch khi chúng vừa cơ động đến đèo Dinh Ông nên chúng không thực hiện được ý định. Lực lượng địch trên hai hướng tổ chức tấn công có tính chất thăm dò phát hiện lực lượng ta để dùng hỏa lực tiêu diệt. Ta biết ý đồ của địch nên ra lệnh các lực lượng không xuất hiện, địch tấn công vào đâu thì phản kích, nếu địch chưa phát hiện thì bí mật dấu lực lượng. Như vậy, ngày thứ hai địch vẫn chưa khai thông được trục đường 5.

Ngày 22.3.1975, bọn địch lại thay đổi thủ đoạn mới, cướp xe hơn đũa của dân, khoảng hơn 200 chiếc, mỗi xe chở 3 tên lính biệt động, cải trang dân di tản để thăm dò ta. Đài quan sát của Sở chỉ huy tiền phương phát hiện địch cải trang và ra lệnh cho các đơn vị để chúng vào trận địa bí mật nổ súng tiêu diệt. Khi chúng đến Mỹ Thạnh Đông, đồng chí Thập tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 13 trực tiếp chỉ huy 1 trung đội ra chặn đầu nổ súng tiêu diệt và bắt tù binh. Tiểu đoàn 9 nổ súng, bọn chúng không chống cự, ta gọi loa yêu cầu địch bỏ súng đầu hàng, ta bắt hơn 200 tù binh. Đây là trận bắt tù binh đông nhất từ trước đến nay của bộ đội địa phương tỉnh ta. Trong ngày hôm đó chúng không dám tấn công mà chỉ cho pháo binh phi cơ oanh kích vào các trận địa của ta. Địch dùng nhiều thủ đoạn, thay đổi nhiều phương thức tấn công nhưng đều bị ta đánh bại.

Ngày 23.3.1975 địch dùng hỏa lực liên tiếp tập kích hòng tiêu diệt sinh lực ta và làm cho ta mệt mỏi để ban đêm tập kích ta. Tiền phương nhận định địch bị thất bại nặng nhưng chúng sẽ tìm mọi cách để khai thông đường 5 cho quân Tây Nguyên tháo chạy, đề phòng chúng tấn công vào ban đêm. Đúng như nhận định, địch dùng tiểu đoàn biệt động quân tập kích vào trận địa các đại đội 203 và 377 ở Gò Mâm - Phú Thứ. Do lực lượng của ta ít, bị chúng đánh bật và chiếm giữ. Gần sáng, tình điều 1 đại đội của tiểu đoàn 13 tấn công chiếm lại.

Sáng ngày 24.3.1975, địch liên lạc với ta trên sóng BBC25 đề nghị 2 bên ngừng bắn để nhân dân đi về thị xã an toàn. Ta biết địch đã giao động cực độ nên điều 1 ĐKZ 75 và 1 cối 82 ly cùng đại đội 201 do đồng chí Tham mưu trưởng Lưu Xem trực tiếp chỉ huy tập kích vào quân địch ở Hòn Kén diệt

một số lực lượng, bắn cháy 1 số xe ô tô, nhiều tên trốn vào rừng đi về phía tây Hòn Hương, dân quân và trạm xá của ta chặn đánh chúng, bắt hàng trăm tù binh. Trong đêm 24.3.1975 sư đoàn 320 đã bắt liên lạc với tiểu đoàn 96 tổ chức tấn công quận lỵ Củng Sơn.

Sáng ngày 25.3.1975 Tư lệnh quân đoàn 2 và tỉnh trưởng Vũ Quốc Gia ra lệnh mở đường máu để tháo chạy. Ngày 25.3.1975 là ngày ác liệt nhất mà cũng là ngày kết thúc số phận toàn lực lượng quân nguy rút lui chiến lược từ Tây Nguyên xuống và lịch sử có lẽ không bao giờ lặp lại một trận chiến đấu như vậy. Sau khi giải phóng Củng Sơn 1 bộ phận của trung đoàn 64 sư đoàn 320 và tiểu đoàn địa phương 96 phát triển đánh chiếm yếu khu Phú Đức giải phóng quận lỵ Tuy Bình, tổ chức truy địch từ phía sau xuống. Bọn địch từ phía đông lên hoang mang, bọn phía tây xuống thì hoảng sợ. Chúng cho 8 máy bay trực thăng bắn dọc 2 bên đường 5, máy bay phản lực thả bom sập cầu phao bắc qua sông Ba, thả bom dãy núi Hương, xe tăng chia nhiều mũi tiến công và tháo chạy. Do chiến đấu dài ngày và ác liệt, ta bị thương vong, quân số còn ít. Tiền phương ra lệnh tổ chức từng bộ phận ra chốt chân trên trục đường để diệt địch, bắt tù binh và thu vũ khí không cho chúng chạy thoát. Sau khi chiến thắng đường số 5, diệt địch, bắt tù binh, ta tổ chức giáo dục quản lý số tù binh và tu tránh để phân loại và sử dụng số biết lái xe các loại xe địch (cả xe tăng, thiết giáp), phục vụ cho ta tiếp tục chiến đấu.

Ngày 26.3.1975, Sở chỉ huy tiền phương nhận được lệnh của Quân khu 5, Phú Yên hiệp đồng chặt chẽ với sư đoàn 320 tổ chức tấn công giải phóng toàn tỉnh trong thời gian sớm nhất. Sau khi thống nhất phương án với sư đoàn 320, kế hoạch tấn công vào thị xã phải tiến hành khắc phục 2 trục đường bảo đảm cho sáng ngày 1.4.1975 thực hiện nổ súng tấn công. Thống nhất chủ trương, ngày 30.3.1975 các lực lượng cơ động về vị trí tập kết, sư đoàn 320 thiếu trung đoàn 3 cùng với bộ đội địa phương Tuy Hòa 2 và thị xã cùng tiểu đoàn 96 đánh chiếm thị xã Tuy Hòa. Trung đoàn 3 của sư đoàn 320 cùng với huyện Tuy Hòa 1, lực lượng của tỉnh tiểu đoàn 13,3 đại đội đặc công đánh chiếm quận lỵ Hiếu Xương sân bay Đông Tác. Tiểu đoàn bộ binh 9 cơ động chốt không cho địch tháo chạy ra biển.

Đúng như dự kiến, 4 giờ 30 phút ngày 1.4.1975 ta nổ súng tấn công trên các hướng. Địch giao động, hoang mang bỏ chạy thoát thân. Ta truy đuổi bắt sống nhiều tên cho đến 8 giờ trong ngày ta cơ bản làm chủ thị xã, đến 9 giờ giải phóng Tuy Hòa và toàn tỉnh Phú Yên.

Kết quả và nguyên nhân thắng lợi

* Đánh giá đúng địch, hiểu kỹ về ta, phân tình thế và lực trên chiến trường, chủ động sáng tạo, quyết đoán, quyết tâm cao, xử lý nhanh.

* Phân tích thật sâu sắc những mâu thuẫn của địch, tạo ra thế để tăng lực, trong khi lực ta có hạn, tạo sức mạnh, nắm thời cơ, kịp thời tổ chức thực hiện, khẩn trương đúng kế hoạch.

* Nhưng trong chiến trường diễn biến địch và ta rất khẩn trương nên cần phải sáng tạo linh hoạt và phải có tính quyết đoán cao. Đây là bài học sâu sắc nhất.

* Công tác chuẩn bị phải chu đáo, khẩn trương, đúng trình tự của lược đồ chiến dịch nhưng phải bảo đảm bí mật, nếu không sẽ lộ ý định, địch tập trung đánh phá, trong khi địch có hỏa lực mạnh, phương tiện cơ động nhanh.

* Trong công tác chuẩn bị phải chuẩn bị cho khả năng cao nhất, đồng thời phải biết tổ chức cho bộ đội biết sử dụng vật chất của địch để đánh lại địch.

* Chuẩn bị tinh thần tư tưởng, giáo dục tốt quyết tâm, ý chí chiến đấu cho cán bộ chiến sĩ dám hy sinh, chấp hành tốt các chính sách và biết dựa vào dân

* Khi xuất hiện thời cơ, người chỉ huy biết chớp lấy thời cơ, tranh thủ thời gian, coi thời gian là lực lượng, đẩy nhanh tốc độ tiến công để giành thắng lợi cao nhất.

Tương quan lực lượng địch - ta:

1/ Lực lượng ta:

Cả lực lượng tỉnh và huyện: 2.628 người.

Trực tiếp cầm súng: 1.685 người.

Gồm: 3 tiểu đoàn bộ binh + 1 tiểu đoàn trợ chiến.

Có 4 ĐKZ 75 ly, 4 cối 82 ly, 2 khẩu cối 120 ly, 6 khẩu 12,7 ly và 12,8 ly, 20 quả hỏa tiễn H 12.

Bộ đội đặc công tỉnh

4 đại đội.+10 trung đội đặc công huyện + 2 đại đội công binh.

Các huyện có đại đội 1 bộ binh; tỉnh có đại đội thông tin trinh sát và tiểu đoàn vận tải.

2/ Lực lượng địch

Địch từ Tây nguyên xuống:

- Bộ chỉ huy hành quân nhẹ và 1 số quân của quân đoàn 2.

- Quân của 3 tiểu khu gồm Kon Tum, Gia Lai, Phú Bổn.

- 6 liên đoàn biệt động.

- Liên đoàn 20 công binh.

- Trung đoàn 40 hậu cứ.

- 2 tiểu đoàn xe tăng.

- 4 tiểu đoàn pháo binh và các đơn vị kỹ thuật.

Toàn bộ quân số ước tính khoảng hơn 30.000 và 3.000 xe các loại (xe quân sự).

Địch tại chiến trường Phú Yên:

Quân chủ lực và bảo an: 13.000 tên.

Cảnh sát ngụy quyền dân vệ : 15.000

- Hệ thống phòng thủ : 24 điểm chốt

Cụ thể: 1 liên đoàn bảo an (924 và 206, 219, 268)

7 tiểu đoàn bảo an

10 đại đội độc lập

Cụ thể Tuy Hòa 1: 1 tiểu đoàn 235 + 236.

Tuy Hòa 2: 1 tiểu đoàn 220

Thị xã : 3 tiểu đoàn 206, 219, 268.

Tuy An: 2 tiểu đoàn 210, 238 và 1 đại đội độc lập.

Đồng Xuân: Tiểu đoàn 22 l.

Củng Sơn: Tiểu đoàn 237.

Toàn tỉnh có 18 khẩu pháo 105 và 155 ly.

1 chi đoàn 5 xe M113 và 5 xe bọc thép

Kết quả chiến đấu:

Tính từ ngày 17-3 đến 1-4-1975 toàn tỉnh ta đã đánh 10 tiểu đoàn bảo an, 10 đại đội bảo an biệt động, 10 trung đội pháo binh quân Tây Nguyên xuống, 6 liên đoàn biệt động, 2 trung đoàn xe tăng, thiết giáp, 1 tiểu đoàn công binh, trung đoàn 40 hậu cứ bộ chỉ huy nhẹ quân đoàn 2, quân của 3 tiểu khu (Gia Lai, Kontum, Phú Bổn). Trung đoàn 47 và 2 tiểu đoàn biệt động từ Khánh hòa ra, toàn bộ nguy quyền cảnh sát của tỉnh Phú Yên bắt sống 35.750 tên (kể cả ra trình diện); tiêu diệt 4680 tên; làm bị thương 900 tên (trong số bắt sống có 1 chuẩn tướng, 2 đại tá và 4 trung tá, 12 thiếu tá, 71 đại úy, 204 trung úy và 269 thiếu úy)

Về vũ khí: thu được 12563 khẩu các loại trong đó có 22 pháo 105 ly 155 ly, 185 súng PRC 25, 134 xe quân sự, 10 xe tăng M14, phá hủy khoảng 2000 xe các loại.